



Tất An dịch

FRANKEN-STEIN Ở BAGHDAD

AHMED
SAADAWI

AHMED SAADAWI

Tất An dịch



FRANKENSTEIN Ở BAGHDAD

• FRANKENSTEIN IN BAGHDAD •

NHÃ NAM & NXB HỘI NHÀ VĂN

ebook@vctvegroup | 13-10-2021

Tác giả

AHMED SAADAWI (sinh 1973) là nhà văn, tác giả kịch bản và nhà làm phim tài liệu người Iraq. Ông đoạt Giải thưởng quốc tế Văn chương Ả Rập năm 2014 cho tiểu thuyết *Frankenstein in Baghdad*. Ông hiện sinh sống và làm việc ở Baghdad.

“Cuốn sách tôi không thể nào quên? Là cuốn đầy ám ảnh, tàn bạo và cười nôn ruột có tên *Frankenstein ở Baghdad*.”

- JOHN SCHWARTZ,
The New York Times Book Review

BÁO CÁO CUỐI CÙNG

I.

Liên quan đến các hoạt động của Cục Theo dấu và Truy nã, cơ quan trực thuộc một phần chính quyền dân sự của các lực lượng liên minh quốc tế ở Iraq, ủy ban điều tra đặc biệt được thành lập dưới sự chủ trì của tôi, với đại diện của các cơ quan an ninh và tình báo Iraq cùng các quan sát viên từ tình báo quân sự Mỹ, đã đưa ra kết luận sau:

a. Vào ngày 25/9/2005, dưới áp lực chính trị trực tiếp từ phía Iraq, các hoạt động của Cục Theo dấu và Truy nã đã bị đình chỉ một phần vì mục đích điều tra, và ủy ban đã triệu tập cục trưởng, chuẩn tướng Sorour Mohamed Majid, cùng các trợ lý của ông để làm chứng. Họ tóm lược cho ủy ban về bản chất công việc mà họ đã tham gia kể từ khi thành lập Chính quyền Lâm thời Liên minh vào tháng 4/2003 cho đến thời điểm điều tra. Rõ ràng là cục đã hoạt động ngoài lĩnh vực chuyên môn của mình, lẽ ra phải giới hạn ở những vấn đề hành chính như lưu trữ thông tin và bảo quản hồ sơ, tài liệu. Dưới sự quản lý trực tiếp của chuẩn tướng Majid, nó đã tuyển dụng một số nhà chiêm tinh và thầy bói, với mức lương cao được tài trợ bởi kho bạc Iraq chứ không phải chính quyền Mỹ. Theo lời khai của chuẩn tướng Majid, mục đích duy nhất của họ là đưa ra dự đoán về các sự cố an ninh nghiêm trọng có thể xảy ra ở Baghdad và các khu vực lân cận. Ủy ban không rõ những dự đoán này giúp ngăn chặn các sự cố an ninh tới mức độ nào hoặc liệu chúng có mang lại lợi ích thiết thực nào không.

b. Ủy ban xác định rằng một số hồ sơ được bảo quản trong cục đã bị rò rỉ từ bên trong. Tất cả những người làm việc trong cục sau đó đã bị giam giữ để thẩm vấn.

c. Qua kiểm tra các máy tính được sử dụng trong cục, người ta phát hiện ra rằng các tài liệu đã được gửi qua e-mail cho một người được gọi là “tác giả”. Sau khi đi đầu tra thêm, người này đã được xác định và bị bắt tại nơi cư trú ở khách sạn Fanar trên phố Abu Nuwas. Không tìm thấy tài liệu nào liên quan đến Cục Theo dấu và Truy nã trong số tài sản của anh ta. Phát hiện được rằng “tác giả” sở hữu văn bản của một câu chuyện mà anh ta đã viết dựa trên tư liệu có trong các tài liệu của Cục Theo dấu và Truy nã.

d. Truyện dài khoảng 250 trang, chia thành 17 chương. Các chuyên gia từ ủy ban đã kiểm tra văn bản và kết luận rằng nó không vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật, nhưng vì lý do phòng ngừa, họ khuyến cáo rằng thông tin trong đó không nên được công bố trong bất kỳ trường hợp nào và không nên viết lại câu chuyện.

II. KHUYẾN NGHỊ

a. Ủy ban khuyến nghị rằng chuẩn tướng Sorour Mohamed Majid cùng các trợ lý nên được đi đầu chuyển khỏi Cục Theo dấu và Truy nã và nên hoàn nguyên cục này về công việc lưu trữ và cung cấp tài liệu như ban đầu. Những người được tuyển dụng làm nhà chiêm tinh và thầy bói nên bị sa thải. Câu hỏi về những sai lầm mà cục đã phạm trong vài năm qua phải được xem xét lại, và các tài liệu liên quan đến hoạt động của cục phải được lưu giữ.

b. Ủy ban phát hiện ra rằng thông tin cá nhân trong giấy tờ tùy thân của “tác giả” là không chính xác. Do đó, ủy ban đề xuất bắt giữ lại “tác giả” và thẩm vấn để tìm hiểu danh tính thực của anh ta cùng bất kỳ thông tin nào khác liên quan đến công việc của Cục Theo dấu và Truy nã, và cũng để xác định những đối tượng trong cục hợp tác với anh ta, nhằm đánh giá vấn đề này gây nguy hại đến mức độ nào đối với an ninh quốc gia.

Ký tên: Chủ tịch ủy ban

Chương một

BÀ ĐIỀN

1

Vụ nổ xảy ra sau khi Elishva, bà lão mà mọi người thường gọi là Umm Daniel, hay mẹ của Daniel, lên xe buýt được hai phút. Ai nấy trên xe đều quay lại xem chuyện gì xảy ra. Họ sống sờ chứng kiến cuộn khói bốc lên bên trên đám đông, sừng sững đen đặc, từ bãi đỗ xe gần quảng trường Tayaran ở trung tâm Baghdad. Đám thanh niên đồ xô tới hiện trường vụ nổ, xe cộ lao vào nhau hay vào dải phân cách. Cánh tài xế sợ hãi và rối loạn: còi xe inh ỏi và tiếng người la hét nã vào đầu họ.

Hàng xóm của Elishva ở đường 7 sau đó kể lại rằng bà đã rời khỏi quận Bataween để cầu nguyện tại nhà thờ Thánh Odisho, gần trường Đại học Công nghệ, Chủ nhật nào bà cũng đi như vậy, thế nên vụ nổ mới xảy ra - nhiều người dân địa phương tin rằng, với năng lực tâm linh của mình, Elishva có thể ngăn chặn chuyện xấu xảy ra khi bà ở cùng họ.

Ngồi trên xe buýt, không màng mọi sự trên đời, tuồng như kẻ điếc hay thậm chí không có mặt ở đó, Elishva không nghe thấy vụ nổ lớn đằng sau bà khoảng hai trăm mét. Cơ thể gầy guộc của bà co quắp bên cửa sổ, và bà nhìn vô định ra ngoài, nghĩ về vị đắng trong miệng và cảm giác u ám mà bà không thể rũ bỏ suốt mấy ngày nay.

Vị đắng có lẽ sẽ biến mất sau khi bà dự Thánh lễ. Nghe thấy giọng con cháu trên điện thoại, nỗi sầu muộn của bà sẽ nguôi ngoai được phần nào, và

ánh sáng sẽ trở lại trong đôi mắt mờ đục của bà. Cha Josiah vẫn thường đợi điện thoại di động reo rồi bảo Elishva rằng Matilda gọi đấy, hoặc nếu Matilda không gọi đúng giờ, Elishva vẫn đợi thêm một tiếng nữa rồi nhờ vị linh mục gọi cho Matilda. Việc này lặp đi lặp lại mỗi Chủ nhật ít nhất đã hai năm nay. Trước đó, các con gái của Elishva có gọi lúc này lúc kia đến điện thoại bàn của nhà thờ. Nhưng từ khi người Mỹ xâm lược Baghdad, tên lửa đã phá hủy đường liên lạc qua điện thoại, và điện thoại bị cất hàng tháng trời. Thôn chết lởn vờn quanh thành phố như dịch hạch, và các con gái của Elishva cảm thấy tuần nào cũng cần phải kiểm tra xem bà mẹ già có ổn không. Ban đầu, sau vài tháng khó khăn, họ nói chuyện qua điện thoại vệ tinh Thuraya mà một quỹ từ thiện của Nhật Bản trao cho vị linh mục trẻ người Assyria* ở nhà thờ. Khi mạng không dây được đưa vào sử dụng, cha Josiah mua điện thoại di động, từ đấy Elishva nói chuyện với các con qua đó. Các thành viên của giáo đoàn sẽ đứng xếp hàng sau Thánh lễ để nghe giọng con trai con gái mình đang tản mát tứ phương. Thường thì những người từ vùng phụ cận Karaj al-Amana - giáo dân Công giáo các dòng khác và cả người Hồi giáo nữa - đầu đến nhà thờ để gọi điện thoại miễn phí cho người thân ở nước ngoài. Khi điện thoại di động trở nên phổ biến, họ dần dần bớt phải dùng nhờ điện thoại của cha Josiah, nhưng Elishva vẫn bằng lòng duy trì nghi thức gọi điện ngày Chủ nhật từ nhà thờ.

Với bàn tay nhăn nheo nổi đầy gân, Elishva sẽ áp chiếc điện thoại Nokia lên tai. Ngay khi nghe thấy giọng con, tâm trạng nặng nề tan biến và bà liền cảm thấy nhẹ nhõm. Nếu có quay thẳng trở lại quảng trường Tayaran, bà cũng sẽ thấy mọi thứ vẫn yên bình, như khi bà đi hồi sáng. Vĩa hè sạch sẽ, đám xe cộ bốc cháy đã được kéo đi. Người chết được đưa đi giám định pháp y còn người bị thương thì được đưa tới bệnh viện Kindi. Rải rác kính vỡ, một cây cột đèn sì vì ám khói, một cái hố trên mặt đường nhựa, dù bà chẳng thể hình dung nó to chừng nào vì đôi mắt nhòa mờ.

Khi Thánh lễ kết thúc, bà nán lại thêm một tiếng nữa. Bà ng ồi trong hội trường kế bên nhà thờ, và sau khi cánh phụ nữ bày biện xong chỗ đ ồ ăn mang theo, bà tới ăn cùng mọi người, chỉ để có việc mà làm. Cha Josiah cố gọi cho Matilda thêm lần nữa, nhưng không liên lạc được. Có lẽ Matilda đã làm mất điện thoại, hoặc giả điện thoại của con bé bị móc trên phố hay trong một khu chợ ở Melbourne, nơi nó đang sống. Có lẽ nó quên ghi lại số của cha Josiah hoặc vì cái cớ nào đó khác. Vị linh mục không rõ, nhưng vẫn cố an ủi Elishva, và khi mọi người rục rịch ra về, Nader Shamouni, người trợ tế, đề nghị đưa Elishva về nhà trên chiếc Volga cũ. Đây đã là tuần thứ hai không có ai gọi điện. Thực ra Elishva không cần nghe giọng con đến thế. Đó phần nào chỉ là thói quen mà thôi, nhưng có lẽ có đi ều quan trọng hơn: rằng khi trò chuyện với các cô con gái, bà có thể nói về Daniel. Không ai thực sự lắng nghe bà khi bà nói về cậu con trai mất tích hai mươi năm trước, ngoài các con gái và Thánh George Tử đạo, vị thánh mà bà thường cầu nguyện cho linh hồn ngài và bà xem như thần hộ mệnh của mình. Có thể kể đến con mèo già của bà nữa, Nabu, con mèo cứ rụng lông dần và ngủ hầu như cả ngày. Ngay cả các bà các cô ở nhà thờ cũng dần lảng đi khi bà mở miệng nói về thằng con trai - vì bà cứ nói đi nói lại mỗi chuyện ấy. Mấy bà già hàng xóm cũng vậy. Có những người còn chẳng nhớ Daniel nom ra sao. Hon nữa, nó chỉ là một trong số quá nhiều người chết những năm qua. Elishva đang dần mất đi những người từng ủng hộ niềm tin kỳ lạ của bà, rằng con bà vẫn còn sống, cho dầu nó đã có một ngôi mộ với một chiếc quan tài rỗng không ở nghĩa trang Giáo hội phương Đông Assyria.

Elishva không còn tâm sự với ai rằng bà tin Daniel vẫn còn sống nữa. Bà chỉ chờ nghe giọng Matilda hoặc Hilda vì chúng nó sẽ chịu đựng bà, cho dầu suy nghĩ của bà có kỳ lạ thế nào chẳng nữa. Các cô con gái biết mẹ

mình bầu vú lấy ký ức về cậu con trai quá cố là để có thể tiếp tục sống. Chiều lòng bà một chút cũng đâu hại gì.

Nader Shamouni, người trợ tế, thả Elishva xuống đường 7 ở Bataween, chỉ cách nhà bà vài bước chân. Con phố tĩnh lặng. Cuộc tàn sát đã kết thúc vài giờ trước, nhưng một số dấu vết hủy hoại vẫn còn thấy rõ. Có lẽ đây là vụ nổ lớn nhất trong khu dân cư này. Người trợ tế già ủ dột; ông không nói lấy một lời với Elishva khi đỗ xe cạnh một cột điện. Trên cột dính máu và tóc, chỉ cách mũi và mớ ria dày bạc trắng của ông có vài phân. Ông rùng mình sợ hãi.

Elishva ra khỏi xe của người trợ tế và vẫy tay tạm biệt. Men theo con phố, bà có thể nghe tiếng bước chân thong thả của mình trên đường rải sỏi. Bà đang tính xem sẽ đáp gì khi mở cửa ra và Nabu ngược lên như hỏi, “Thế nào? Đã có chuyện gì?”

Quan trọng hơn, bà đang tính sẽ trách Thánh George. Đêm hôm trước Người đã hứa bà sẽ nhận được tin tốt lành hoặc không thì tâm trạng bà sẽ an yên và thử thách dành cho bà sẽ kết thúc.

2

Mẹ Salim là hàng xóm của Elishva, cái người tin rằng Elishva có sức mạnh đặc biệt và bàn tay của Chúa luôn đặt trên vai bà cho dầu bà ở đâu. Mụ có thể kể ra hàng đồng sự vụ làm bằng chứng. Dù đôi khi mụ cũng có chỉ trích hay nghĩ xấu về bà lão, nhưng sau đó mụ lại nhanh chóng dành sự tôn trọng và ngưỡng mộ cho bà. Khi Elishva sang chơi và ngồi cùng mấy người hàng xóm trong bóng râm của khoảnh sân cũ nhà Mẹ Salim, Mẹ Salim lại trải chiếu cho bà, đặt gối tựa bên tay phải và tay trái bà, rồi rót trà cho bà dùng.

Có những lúc mẹ cũng cường điệu và nói t òng tộc trước mặt Elishva rằng nếu không nhờ có những người dân ấy, những người có baraka - sức mạnh tâm linh - thì khu dân cư này sẽ bị nguy ãn rửa và bị trái đất nuốt chửng theo mệnh lệnh của Chúa. Nhưng niềm tin ấy của Mẹ Salim thực giống như làn khói phả ra từ ống shisha trong những cuộc chuyện phiếm buổi chiều: nó bốc lên từng làn, cuộn lại thành những đám mây trắng uẩn lượn rồi tan biến vào không khí, chưa bao giờ vượt quá khoảng sân nhà.

Nhiều người cho rằng Elishva chỉ là một bà già điên khùng lú lẫn, bằng chứng là bà không nhớ nổi tên mọi người - kể cả những người bà đã biết cả nửa thế kỷ. Đôi khi bà đờ đẫn nhìn họ, như thể họ thành linh hiện ra từ chốn khỉ ho cò gáy nào đó.

Mẹ Salim và mấy người hàng xóm tốt bụng khác xót xa khi Elishva bắt đầu kể những câu chuyện kỳ lạ từng xảy đến với bà - những câu chuyện mà không người có lý trí nào lại tin. Người khác thì giễu cợt, nói rằng Mẹ Salim và mấy bà kia chỉ buồn vì một người trong số họ đã đi về phía bờ biển tắm tối hoang vu, tức là cả nhóm bọn họ cũng hướng về cùng một phương.

3

Có hai người tin chắc rằng Elishva không có năng lực đặc biệt gì hết mà chỉ là một bà lão dở điên dở khùng mà thôi. Người đầu tiên là tay Faraj môi giới nhà đất, chủ đại lý bất động sản Rasoul trên con phố buôn bán chính ở Bataween. Người thứ hai là Hadi gã buôn đồ cũ, sống trong căn nhà tạm sát vách nhà Elishva.

Suốt mấy năm qua Faraj hết lần này đến lần khác tìm cách thuyết phục Elishva bán ngôi nhà cũ, nhưng Elishva đầu ³thẳng thờng từ chối, không

một lời giải thích. Faraj thật không hiểu tại sao một bà già như thế lại muốn sống một thân một mình trong ngôi nhà bảy phòng chỉ với một con mèo. Y tự hỏi, tại sao bà ta lại không bán nhà và chuyển đến sống ở một ngôi nhà nhỏ hơn, thoáng đãng sáng sủa hơn, và dùng số tiền dư để sống thoải mái cho đến hết đời?

Faraj chưa bao giờ nhận được câu trả lời thỏa đáng. Còn Hadi, tay hàng xóm, là một gã độ ngũ tuần nhếch nhác, chẳng mấy thân thiện, lúc nào cũng bốc mùi rượu. Có lần gã từng ngỏ lời đề nghị Elishva bán cho mình những món đồ cổ đầy khắp nhà bà: hai cái đồng hồ treo tường lớn, những chiếc bàn gỗ tếp đủ kích cỡ, thảm và đồ đạc, tượng Đức Mẹ Đồng trinh và Chúa Hài đồng bằng ngà và thạch cao. Có hơn hai mươi bức tượng như vậy, bày khắp nhà, cùng nhiều món đồ khác mà Hadi chưa có thời gian thăm dò.

Trong mớ đồ cổ đó, có những món có niên đại từ những năm 1940, Hadi từng hỏi Elishva, “Sao bà không bán đi, đỡ phải phủi bụi cho cực thân?”, mắt như muốn lòi ra khỏi tròng khi nhìn thấy cả đồng hồ đó. Nhưng bà già chỉ tiến gã ra cửa và đẩy gã ra đường, đóng cửa lại sau lưng gã. Đó là lần duy nhất Hadi nhìn thấy bên trong nhà bà, và ấn tượng để lại trong gã là ấn tượng về một bảo tàng kỳ lạ.

Hai gã đàn ông quyết không bỏ cuộc, nhưng vì tay buôn đồ cũ không phải lúc nào cũng tề chỉnh, nên hàng xóm của Elishva không cảm thông cho được. Faraj tay cò nhà đất thì đã mấy lần tìm cách đi cửa sau với hàng xóm của Elishva để có được cái gât đầu của bà; có người còn buộc tội Veronica Munib, người hàng xóm Armenia, là đã nhận tiền của Faraj để thuyết phục Elishva chuyển đến sống cùng Mẹ Salim và chồng mụ. Faraj chưa từng mất hy vọng. Hadi, ngược lại, bám Elishva như đĩa để xin xỏ cho đến khi cuối cùng gã cũng mất hứng và chỉ ném những cái nhìn hằn học về phía bà hễ khi nào bà đi qua gã trên đường.

Elishva không chỉ từ chối lời đề nghị của hai gã đàn ông này, bà còn đặc biệt căm ghét họ, chỉ muốn tống khứ cả hai xuống địa ngục vĩnh viễn. Trên khuôn mặt họ, bà thấy hai kẻ tham lam với tâm hồn vấy bẩn, như những tấm thảm rẻ tiền bị dây mực không thể nào giặt sạch vậy.

Bố Zaidoun cắt tóc cũng được cho vào danh sách những kẻ Elishva căm ghét và nguyện rửa. Elishva đã mất Daniel vì lão: lão là thành viên đảng Ba'ath, kẻ đã túm cổ áo con trai bà và lôi nó vào cũi vô định. Nhưng nhiều năm rồi người ta không còn trông thấy Bố Zaidoun. Elishva không còn chạm mặt lão, và không ai nhắc đến lão trước mặt bà nữa. Từ khi rời khỏi đảng Ba'ath, lão phải chịu sự giày vò của đủ loại bệnh tật và không có thời gian đâu để tâm đến bất cứ việc gì xảy ra trong khu dân cư.

4

Faraj đang ở nhà khi vụ nổ kinh thiên động địa xảy ra ở quảng trường Tayaran. Ba tiếng sau, khoảng mười giờ sáng, y mở cửa văn phòng thì phát hiện thấy những vết nứt trên tấm kính cửa sổ trước cỡ lớn. Y nguyện rửa vận đen của mình, dù đã thấy những cửa sổ kính vỡ vụn của nhiều cửa hàng khác cùng khu. Nói đâu xa, y thấy Bố Anmar, chủ khách sạn Orouba bên kia đường, đứng bối rối trên vỉa hè, trong chiếc áo chùng dài, những mảnh kính từ khung cửa sổ cao vương vãi quanh chân.

Faraj thấy rõ Bố Anmar đang bàng hoàng, nhưng y chẳng quan tâm: y không có thiện cảm với ông ta. Họ là hai cực đối lập, thậm chí là những đối thủ ngấm ngầm. Bố Anmar, như nhiều chủ khách sạn khác ở Bataween, kiếm sống nhờ vào dân lao động, sinh viên và những người dân tỉnh lên Baghdad khám bệnh hoặc mua sắm. Trong suốt thập kỷ qua, do nhiều lao động nhập cư người Ai Cập và Sudan ra đi, các khách sạn đâm ra phụ thuộc

vào số khách hàng ít ỏi trú tại đây gần như thường xuyên - cánh lái xe buýt đường dài, sinh viên không thích ký túc xá, những người làm việc trong các nhà hàng ở Bab-al Sharqi và phố Saadoun, trong các nhà máy sản xuất giày và những thứ khác, và ở chợ trời Harj.

Tuy nhiên, phần lớn những người này đều biến mất sau tháng Tư năm 2003, và nhiều khách sạn giờ gần như trống không. Đã thế Faraj còn xuất hiện tại đây, tìm cách giành giật khách, những vị khách mà lẽ ra đã tới khách sạn của BỐ Anmar hay một khách sạn khác nào đó trong khu. Lợi dụng tình trạng hỗn loạn và vô pháp của thành phố, Faraj đã thâm tóm được một số nhà vô chủ. Y biến chúng thành nhà trọ, cho thuê phòng với đối tượng là dân lao động tỉnh lẻ hay những gia đình mất nhà cửa ở khu vực lân cận vì lý do xung đột hoặc bởi những mối thù cũ bùng lên trở lại với sự sụp đổ của chế độ.

BỐ Anmar chỉ biết cằn nhằn và than trời. Ông ta từ miền Nam chuyển đến Baghdad hồi những năm 70 và không có họ hàng hay bạn bè ở thủ đô giúp đỡ. Trước kia ông ta dựa dẫm vào quyền lực của chế độ. Faraj, ngược lại, có nhiều họ hàng và người quen, và khi chế độ sụp đổ, họ trở thành phương tiện giúp y áp đặt quyền lực, giành lấy sự kính nể của mọi người và hợp pháp hóa việc chiếm đoạt những ngôi nhà hoang, dù cho ai cũng biết y không có giấy tờ chứng minh mình sở hữu chúng hoặc đã từng thuê lại từ chính phủ.

Faraj có thể sử dụng quyền lực đang lên của mình để đấu lại Elishva. Y mới ngắm nhà bà từ bên trong hai lần nhưng đã mê nó ngay lập tức. Có lẽ nó do người Do Thái ở Iraq xây nên, vì mang đúng phong cách họ ưa thích: sân trong được bao quanh bởi mấy căn phòng trên hai tầng lầu, tầng hầm bên dưới một trong các phòng đó thông ra đường. Có những cây cột gỗ được tạc hình rãnh khía chống đỡ ban công tầng trên, và với lan can bằng kim loại, dát gỗ, nó tạo nên một hiệu ứng thẩm mỹ đặc biệt. Ngôi nhà còn

có cửa gỗ đôi với chốt và khóa kim loại, cửa sổ gỗ được gia cố bằng những thanh kim loại và lắp kính màu. Sân được lát gạch phẳng phiu còn phòng lát đá đen trắng như bàn cờ. Khoảnh sân hứng trọn nắng trời và từng được phủ bạt trắng, được dỡ ra trong suốt mùa hè nhưng giờ tấm bạt không còn ở đó nữa. Ngôi nhà không còn được như cũ, nhưng vẫn vững chãi và chỉ bị ngấm nước chút ít, không như những ngôi nhà tương tự trên phố. Tầng hầm đã từng được trát lại, nhưng cũng không phải vấn đề gì to tát lắm. Điểm trừ chủ yếu với Faraj là một trong các phòng ở tầng trên đã sập hoàn toàn, và nhiều viên gạch đã long ra bên phía tường giáp với nhà kế bên, đồng đồ nát hoang tàn nơi gã buôn đồ cũ Hadi cư trú. Buồng tắm ở tầng trên cũng bị hư hại. Faraj sẽ cần rót ít tiền để sửa sang và khôi phục lại, nhưng cũng đáng làm.

Faraj nghĩ sẽ chỉ mất nửa tiếng đồng hồ để tổng cổ một bà già Công giáo vô phương tự vệ, nhưng một giọng nói trong đầu cảnh báo y rằng y đang liêu lĩnh phá luật và xúc phạm mọi người, vì thế có lẽ tốt hơn là thăm dò tình cảm của người ta dành cho bà già trước đã. Tốt nhất là đợi đến khi bà ta chết, rồi thì sẽ không có ai ngoại trừ y dám chiếm lấy ngôi nhà, vì ai cũng biết y mê nó ra sao và thừa nhận y là chủ nhân tương lai của nó, cho dù Elishva sống đến bao lâu chẳng nữa.

“Lạc quan lên,” Faraj hét với sang chỗ Bố Anmar lúc này đang xoắn vặn tay về suy sụp trước đồng tài sản bị hư hại. Bố Anmar giơ tay lên trời đồng tình với sự lạc quan của Faraj, hoặc có lẽ ông ta đang nói “Cầu Chúa mang anh đi” với tay cò nhà đất tham lam, kẻ mà số phận đã đem ra để trêu người ông ta ngày này qua ngày khác.

Elishva đẩy con mèo khỏi xô pha và phủi những sợi lông mèo rụng đi. Thực ra bà chẳng nhìn thấy sợi lông nào, nhưng vuốt ve con mèo là bà biết lông nó rụng khắp nơi. Đáng lẽ bà đã không nhìn ra sợi lông nếu nó không ngụy ngay chỗ đặc biệt trên xô pha đối diện với bức tranh Thánh George Tử đạo khổng lồ treo giữa những bức ảnh màu xám nhỏ hơn chụp con trai và chồng bà, lồng trong khung gỗ khắc. Có hai bức tranh cùng cỡ khác, một là *Bữa tối cuối cùng*, bức còn lại là cảnh Chúa Jesus được hạ xuống khỏi thập giá, cùng ba bức tiểu họa sao lại từ những tượng thánh thời trung cổ, vẽ bằng mực đậm song đã bệch đi, mô tả những vị thánh khác nhau, có những vị mà bà còn chẳng biết tên vì chồng bà vốn là người treo tranh lên nhiều năm trước. Chúng vẫn ở đó như thuở ban đầu, bức trong phòng khách, bức trong phòng ngủ của bà, bức trong phòng Daniel giờ đóng kín, và một số bức trong những căn phòng bỏ không khác.

Hầu như tối nào bà cũng nghĩ đó, lại tiếp tục cuộc đàm thoại vô vị với vị thánh có khuôn mặt thiên thần. Vị thánh không ăn vận theo kiểu giáo hội: ngài mặc một tấm giáp dày sáng loáng bao bọc toàn thân và đội mũ trụ bằng lông vũ, thò ra mái tóc vàng lượn sóng bồng bênh. Ngài cầm cây giáo dài nhọn và cưỡi trên con ngựa trắng vạm vỡ đang chồm lên để tránh hàm răng của một con rồng kinh khiếp đang từ góc bức tranh tiến đến gần, định nuốt gọn con ngựa, vị thánh và tất cả quân trang của ngài.

Elishva bỏ qua những chi tiết cường điệu đó. Bà đeo cặp kính dày cộp lung lẳng trên sợi dây quanh cổ lên và ngắm nhìn khuôn mặt thiên thần bình thản không để lộ chút cảm xúc ấy. Ngài không giận dữ, tuyệt vọng, mơ màng, hay hạnh phúc. Ngài chỉ đang làm việc phụng sự Chúa.

Elishva không tìm thấy sự ủi an nào trong suy đoán trừu tượng. Bà xem vị thánh bảo hộ như người thân của mình, một thành viên của một gia đình bị chia cắt và ly tán. Ngài là người duy nhất bà còn lại, ngoài chú mèo Nabu và bóng ma của đứa con trai, Daniel, mà một ngày nào đó nhất định

sẽ trở về Người khác nhìn vào nghĩ bà sống một mình, nhưng bà tin rằng mình sống chung với ba thực thể, hoặc ba bóng ma, với rất nhiều sức mạnh và sự hiện hữu khiến bà không cảm thấy cô đơn.

Bà cảm thấy giận dữ vì vị thánh bảo hộ không đáp ứng một điếu ước nào trong ba điếu ước mà bà đã xin từ ngài sau biết bao đêm khẩn cầu, nài nỉ, khóc than. Bà không còn nhiều thời gian trên cõi đời này, và bà muốn một dấu hiệu của Chúa từ Chúa - liệu thằng bé có còn sống và quay về không, hay nằm mồ thây hoặc phần còn lại của nó ở đâu. Bà muốn đời ba điếu ước mà vị thánh bảo hộ đã cho bà, nhưng bà đợi màn đêm buông xuống vì lúc ban ngày bức tranh chỉ là bức tranh, vô tri vô giác, hoàn toàn tĩnh lặng, nhưng đến đêm một cánh cổng sẽ mở ra giữa thế giới của bà và một thế giới khác, và Chúa sẽ giáng thế, hiện thân trong hình ảnh vị thánh, thông qua vị này nói với Elishva, con chiến tội nghiệp bị đàn bỏ rơi và suýt nữa rơi xuống vực sâu của kiếp trầm luân vô đạo.

Đêm đó, bên ánh đèn dầu, Elishva có thể thấy những gợn lăn tăn trên bức tranh cũ sau lớp kính mờ, nhưng bà cũng thấy cả đôi mắt vị thánh và khuôn mặt mềm mại, tuấn tú của ngài. Nabu kêu meo meo cầu kính khi rời khỏi phòng. Cánh tay dài của vị thánh vẫn cầm cây giáo, nhưng giờ mắt ngài nhìn Elishva. “Người quá nóng vội, Elishva,” ngài nói. “Ta đã nói với người là Chúa sẽ chấm dứt nỗi khổ hạnh của người và mang đến cho người sự bình yên, hoặc người sẽ nhận được tin vui. Nhưng không ai có thể bắt Chúa hành động vào một lúc nhất định nào cả.”

Elishva tranh cãi với vị thánh suốt nửa giờ, đến khi khuôn mặt đẹp đẽ của ngài trở lại trạng thái vốn có, ánh nhìn mơ màng kiên định và bất động, dấu hiệu cho thấy ngài đã mệt mỏi với cuộc nói chuyện vô ích. Trước khi lên giường, bà nói lời cầu nguyện quen thuộc trước cây thánh giá gỗ lớn trong phòng ngủ và kiểm tra xem Nabu đã ngủ nơi góc tấm thảm nhỏ bằng da hổ hay chưa.

Ngày hôm sau, sau khi ăn sáng và rửa bát đĩa xong, bà ngạc nhiên nghe thấy tiếng ầm ầm khó chịu của những chiếc trực thăng Apache của Mỹ bay trên đầu. Bà ngược lên thấy con trai, Daniel, hoặc tưởng tượng là nhìn thấy. Đó là Danny, như bà vẫn gọi nó hồi bé - cuối cùng lời tiên tri của vị thánh bảo hộ đã trở thành sự thật. Bà gọi nó, và nó liền đến chỗ bà. “Lại đây nào, con trai. Lại đây nào, Danny.”

Chương hai

THĂNG BA XẠO

1

Để những câu chuyện mình kể thêm phần thú vị, Hadi cẩn thận thêm vào những chi tiết thực tế. Gã nhớ hết chân tơ kẽ tóc những chuyện từng xảy đến với mình và đưa chúng vào mỗi lần kể lại những trải nghiệm của mình. Một hôm gã ở quán cà phê của tay người Ai Cập, Aziz, ngồi trên băng ghế trong góc bên cửa sổ trước, gãi gãi hàm ria và bộ râu chẻ. Gã bần chần di chiếc thìa nhỏ quanh đáy cốc trà rồi nhấp hai ngụm trước khi bắt đầu kể chuyện, lần này là để phục vụ những khách quen mà Aziz khuyến khích nghe chuyện của Hadi. Họ bao gồm một nhà báo Đức tóc vàng mảnh mai với đôi môi mỏng và cặp kính dày cộp vắt vẻo trên cái mũi nhỏ, thông dịch viên trẻ tuổi người Iraq của bà, một nhiếp ảnh gia người Palestine, và một nhà báo trẻ da ngăm đen tên là Mahmoud al-Sawadi đến từ thị trấn Amara ở miền Nam Iraq và đang trú tại khách sạn Orouba của Bố Anmar.

Nhà báo Đức đang làm một bộ phim tài liệu về những đường nghiệp Baghdad, đi cùng Mahmoud al-Sawadi trong một ngày làm việc bình thường. Bà không định nghe một câu chuyện dài phức tạp được kể bởi một tay buôn đồ cũ mất lối, người nằng nặc mùi rượu còn quần áo tả tơi lỗ chỗ vết thuốc lá cháy. Bà đang liêu mình ra đường phố Baghdad một cách lơ liễu, thế nên bà không bật máy quay lên mà chỉ vừa uống trà vừa nghe chuyện. Thi thoảng bà lại quay sang người thông dịch Iraq, nghe một tràng giải thích về những gì Hadi đang nói.

Hadi thì lan man đủ thứ. Đó là một ngày xuân ấm áp, nên nhà báo Đức muốn dành thời gian còn lại ở bên ngoài hơn. Đến một lúc, bà phải quay về trung tâm báo chí ở khách sạn Sheraton để chép lại nội dung cuốn băng bà đã ghi lại cùng Mahmoud al-Sawadi.

“Tay này đang kể lại nội dung một bộ phim,” bà nói với Mahmoud khi anh đưa bà ra khỏi quán cà phê. “Gã ăn cắp câu chuyện từ một bộ phim của Rober De Niro.”

“Phải, gã có vẻ xem nhiều phim. Gã nổi tiếng ở vùng này lắm đấy.”

“Thế thì gã nên đến Hollywood mới phải chứ,” bà cười nói khi lên xe của người thông dịch.

2

Hadi chả buồn để tâm. Một số người bỏ đi lúc giữa phim. Âu cũng là chuyện bình thường.

“Chúng ta dừng ở đâu nhỉ?” Hadi hỏi khi Mahmoud quay trở lại ngồi trên ghế băng đối diện gã. Aziz đứng đó, tay cầm những cốc trà cạn và cười ngoác miệng, đợi Hadi kể tiếp.

“Đến chỗ vụ nổ rồi,” Aziz nói.

“Vụ thứ nhất hay thứ hai?” Hadi hỏi lại.

“Vụ thứ nhất... ở quảng trường Tayaran ấy,” Mahmoud nói, đợi Hadi câu sau phang câu trước bằng cách thay đổi một vài chi tiết. Đó là lý do duy nhất Mahmoud muốn nghe câu chuyện này lần thứ hai hoặc ba - để xem Hadi có câu sau phang câu trước hay không.

Vụ nổ thật kinh khủng - đến đây Hadi ngược lên nhìn Aziz để chờ xác nhận. Khi đó Hadi đã chạy ra khỏi quán cà phê. Gã đã ăn một ít đậu mà Ali

al-Sayed nấu ở cửa hàng bên cạnh, sáng nào Hadi cũng ăn món đó. Trên đường ra khỏi cửa hàng, gã va phải những người chạy khỏi vụ nổ. Thứ mùi đó bồng xộc vào lỗ mũi gã - khói, nhựa và đệm ng ửi cháy, da thịt người bị nướng cháy. Đó là thứ mùi không giống bất cứ mùi nào ta từng ng ửi thấy trong đời và sẽ không bao giờ quên được.

B ầu trời trĩu mây dọa dẫm một cơn mưa lớn. Dân lao động xếp hàng đông nghịt đối diện nhà thờ Armenia lớn màu trắng với những ngọn tháp dạng kim tự tháp bát giác, đỉnh cắm cây thập giá. Hút thuốc, trò chuyện, uống trà, ăn bánh của những người bán hàng rong trên vỉa hè rộng rãi hoặc ăn củ cải muối và đậu từ những xe đẩy g ần đó, họ đợi xem trong dòng xe kia có ai sẽ dừng lại thuê họ để xây, sửa hoặc tháo dỡ gì đó theo dạng trả lương công nhật hay không. Dọc theo cùng một bên l ề đường là những xe buýt gọi khách đi Karrada hay tới Đại học Công nghệ, còn bên l ề đường đối diện cảnh tượng cũng y chang: ô tô xen giữa những qu ầy bán thuốc lá, bánh kẹo, đồ lót và ti tỉ thứ khác. Một chiếc xe hai c ầu màu xám dừng lại, và phần lớn cánh thợ thuyền đang ng ửi trên l ề đường bèn đứng dậy. Khi mấy người trong số họ tiến lại, chiếc xe liền phát nổ thành một quả cầu lửa. Không ai kịp thấy chuyện xảy đến như thế nào; tất cả diễn ra chỉ trong tích tắc. Những người không bị thương - vì họ ở quá xa, hoặc được che chắn bởi các xác chết hoặc đám ô tô dừng đỗ, hoặc bởi họ đi theo những làn đường phụ và chưa đến được đường chính nơi vụ nổ xảy ra - tất cả bọn họ và những người khác - như người ở trong các văn phòng kế bên nhà thờ Armenia và một vài tài xế taxi đường dài - đã chứng kiến vụ nổ khi nó nuốt chửng đám xe cộ và xác người xung quanh. Làm đứt đường dây điện và giết chết lũ chim. Cửa sổ vỡ vụn còn cửa ra vào bị cuốn phăng. Những vết nứt xuất hiện trên tường các nhà g ần đó, một số trần nhà cũ kỹ đổ sập. Có cả những thiệt hại không nhìn thấy nữa, tất cả đều bị hứng chịu trong đúng một khoảnh khắc.

Hadi nhìn cảnh tượng đó sau khi chấn động đã dứt và đám khói khổng lồ tan đi. Những vệt khói đen vẫn bốc lên từ đám ô tô, và lửa liếm gọn những vật nhỏ bị cháy nằm rải rác trên vỉa hè. Cảnh sát nhanh chóng đến hiện trường và lập hàng rào. Những người bị thương rên rỉ còn xác người chết đông trên lớp nhựa đường, phủ đầy máu me và bị cháy sém vì sức nóng của vụ nổ. Hadi kể rằng khi đến nơi, gã đứng trong góc bên cửa hàng ngũ kim, điên tĩnh theo dõi hiện trường.

Trong dòng hồi tưởng câu chuyện, gã châm một điếu thuốc và bắt đầu hút, như thể cố xua đi mùi của vụ nổ. Gã thích cái ý tưởng xuất hiện tại hiện trường như một nhân vật phản diện khách quan, và gã đợi nhìn nét mặt những người đang lắng nghe xem họ có bị ấn tượng tương tự như vậy hay không. Xe cứu thương đến đưa người chết và người bị thương đi, xe cứu hỏa dập lửa cho đám ô tô còn xe kéo lôi chúng đi đến nơi nào chưa rõ. Vòi phun nước rửa trôi máu và tro bụi. Hadi nhìn cảnh tượng ấy với cặp mắt đại bàng, tìm kiếm thứ gì đó cụ thể giữa ngồn ngang xác chết và đồ nát. Khi chắc chắn đã nhìn thấy rồi, gã vứt điếu thuốc xuống đất rồi vội vàng chớp lấy thứ đó trước khi một luồng nước mạnh cuốn phăng nó xuống cống. Gã gói nó trong bao bố, gấp lại dưới nách, đoạn rời khỏi hiện trường.

3

Hadi về nhà trước khi cơn mưa trút xuống. Gã băng qua những viên đá lát sân lỏng lẻo, đi về phòng, đặt cái bao bố gấp gọn lên giường. Gã thở mạnh đến nỗi nghe thấy cả tiếng phì phò trong mũi và khò khè trong lồng ngực. Gã với lấy cái bao bố gấp gọn, rồi đổi ý và quyết định đợi. Gã thích nghe tiếng mưa rơi hơn, ban đầu còn dứt quãng, sau lộp độp đều đặn hơn.

Trong chốc lát, mưa đã ào ào trút xuống, gột rửa khoảnh sân, đường phố, quảng trường Tayaran, và những gì còn lại của tất cả nỗi kinh hoàng trong ngày.

Cái ỗ của Hadi mà gọi là nhà thì thật hơi quá. Nhiều người chẳng lạ gì chốn này, nhất là tay người Ai Cập Aziz trước khi anh ta lấy vợ và từ bỏ lối sống phóng đãng. Anh ta và Hadi từng ngồi quanh chiếc bàn trong nhà Hadi mà uống tới khuya, hoặc có khi Aziz thấy Hadi với một hai cô gái bán hoa từ đường 5. Chơi với Hadi lúc nào cũng vui vì gã không bao giờ kiêu chể bản thân trong trò khoái lạc.

Nhà của Hadi không hẳn là của gã và cũng không hẳn là một ngôi nhà. Phần lớn những gì bên trong đều đồ nát. Chỉ có một phòng duy nhất, ngay cuối; có mấy cái lỗ trên mái, ba năm trước Hadi và một tay cùng phường buôn bán tên là Nahem Abdaki đã biến nơi này thành căn cứ.

Người khu này đã biết đến Hadi và Nahem nhiều năm rồi. Họ đánh chiếc xe ngựa kéo đi đây đó, mua những món đồ gia dụng bỏ đi - nhiều xoong chảo và những món không xài được nữa. Sáng sáng họ ghé qua quán cà phê của Aziz ăn sáng uống trà trước khi làm một chuyến đi dài khắp Bataween và khu Abu Nuwas ở bên kia đường Saadoun. Họ rời đi trên chiếc xe kéo của Nahem, tới những khu khác của thành phố, xa về phía Nam như Karrada, nơi họ lẩn vào những ngõ hẻm.

Sau cuộc xâm lược của người Mỹ, ai cũng nhận thấy giữa cảnh hỗn loạn rằng Hadi và Nahem đang dựng lại những gì họ gọi là “đống đồ nát Do Thái”, dù rằng chẳng có gì Do Thái từng tồn tại ở đó - không chúc đài, không ngôi sao David* hay những câu khắc bằng tiếng Do Thái cổ. Hadi xây lại bức tường bao ngoài của đống đồ nát bằng bất cứ thứ gì rơi vãi xung quanh và lắp vào đó một cánh cửa gỗ lớn từng bị vùi dưới đất cát và hàng chồng gạch. Gã và Nahem dọn dẹp chỗ gạch vỡ trong sân, sửa lại căn phòng còn tốt duy nhất của đống đồ nát, và để những bức tường đồ cùng

trần nhà sập nguyên như cũ. Căn phòng phía trên phòng của Hadi chỉ còn lại một bức tường, với một cửa sổ. Bức tường có nguy cơ đổ sập và chôn sống bất kỳ ai tình cờ ở dưới sân, nhưng mãi nó chưa đổ. Người dân địa phương cuối cùng cũng nhận ra Hadi và bạn gã đã trở thành một phần của khu dân cư. Ngay cả Faraj, cái tay có tiếng xấu là chiếm đoạt nhà vô chủ, cũng chẳng tỏ vẻ quan tâm với những gì gã buôn đồ cũ nhận là của mình. Với Faraj chỗ này vẫn là đồng đồ nát Do Thái, như vốn thế.

Hai gã đàn ông này rốt cuộc từ đâu đến? Không ai quan tâm lắm đến câu hỏi này vì suốt hàng thập kỷ qua, khu này có cả đồng người ngoài kéo đến sống trên đầu nhau; không ai dám nhận là người cư trú đầu tiên. Một hai năm sau đó Nahem lấy vợ, thuê nhà ở Bataween, và chuyển khỏi chỗ của Hadi, dù cậu ta và Hadi vẫn rong ruổi cùng nhau trên chiếc xe ngựa kéo.

Nahem trẻ hơn Hadi - khoảng ba lăm đến ngót bốn mươi tuổi - nom bọn họ như hai cha con, dù chẳng có nét gì giống nhau. Nahem có đôi tai to ngự trên cái đầu nhỏ, tóc dày dặn, thẳng dài nhưng giống như mớ dây nhợ xù xì, cùng hàng mày rậm gần như giao nhau. Hadi từng đùa rằng kể cả Nahem có sống đến một trăm hai mươi tuổi thì cậu ta cũng chẳng bao giờ rụng tóc. Hadi thì đã ngoài năm mươi, dù thật khó đoán tuổi gã. Gã lúc nào cũng bù xù nhếch nhác, với hàm râu chẻ chẻ bu ãn cắt tỉa, thân hình nhỏ con nhưng săn chắc và năng động, cùng khuôn mặt xương xẩu với gò má hõm sâu.

Hadi gọi tay bạn cùng phường buôn là Ông già Đau khổ. Khác với Hadi, Nahem không hút thuốc uống rượu, rất tỉ mỉ về các vấn đề tôn giáo, và không chạm vào một phụ nữ nào cho đến ngày cưới. Vì cái tính thận trọng trong tôn giáo ấy cậu ta chính là người “rửa tội” cho ngôi nhà khi họ chuyển đến, gắn lên bức tường trong phòng chính một bản được lờng khung câu thơ thứ 255 chương 2 kinh Qur'an. Cậu ta dán nó lên tường để

đảm bảo nó không dịch chuyển, ít nhất là cho đến khi nó long ra. Hadi chẳng quan tâm gì đến tôn giáo, nhưng gã không muốn ra vẻ đối địch, thế nên gã đành chấp nhận việc câu thơ đó là thứ đầu tiên mình nhìn thấy mỗi ngày.

Nahem không sống đủ lâu để xem liệu đầu mình có còn đầy tóc như Hadi vẫn đoán hay không. Lúc Hadi ngồi trong quán cà phê của Aziz với Mahmoud al-Sawadi và mấy người đàn ông khác, kể thêm về câu chuyện của mình, thì Nahem đã chết được vài tháng - trong một vụ bom xe xảy ra trước văn phòng một tổ chức tôn giáo ở Karrada, trúng cả một người đi đường khác và con ngựa của Nahem. Khó mà tách thịt của Nahem khỏi thịt con ngựa.

Cú sốc trước cái chết của Nahem đã làm Hadi thay đổi. Gã trở nên hung hãn. Gã chửi thề, nguyền rủa và ném đá sau khi những chiếc Hummer của Mỹ hay xe của cảnh sát và Vệ binh Quốc gia đi qua. Gã lao vào cãi nhau với bất kỳ ai nhắc đến Nahem và chuyện xảy đến với cậu ta. Gã thu mình lại một thời gian, rồi sau đó trở lại con người cũ, cười nói và kể những câu chuyện cường điệu, nhưng giờ dường như gã có hai mặt, hoặc hai chiếc mặt nạ - ngay khi chỉ có một mình, gã trở nên ủ dột và suy sụp theo cách chưa từng thấy trước đây. Gã cũng bắt đầu uống rượu lúc ban ngày và luôn thủ hàng chai rượu arak hoặc whisky trong túi, hơi thở thì nồng nặc mùi cồn. Gã trở nên nhếch nhác, để râu mọc dài thượt, và hiếm khi giặt quần áo.

Không ai còn nhắc về Nahem Abdaki nữa, kéo rồi Hadi lại nổi điên và hét những lời tục tĩu. Vì thế mãi sau này Mahmoud al-Sawadi mới được nghe kể về Nahem, trong phiên bản câu chuyện được kể bởi tay người Ai Cập, Aziz.

“Chúng ta dừng ở đâu nhỉ?” Hadi hỏi sau khi trở ra từ toilet kế bên quán cà phê.

“Ở đoạn cái mũi to trong chiếc bao bố,” Mahmoud al-Sawadi uể oải đáp.

“Ồ đúng rồi, cái mũi.”

Hadi vừa kéo khóa quần vừa bước đến chỗ ghế băng bên cửa sổ phía trước quán cà phê. Gã ngừng xuống tiếp tục câu chuyện, còn Mahmoud, kẻ đang hy vọng lật tẩy gã, thì thất vọng vì gã chẳng thay đổi bất cứ chi tiết nào. Trước khi đi toilet, gã dừng câu chuyện ở đoạn mưa tạnh và gã bèn mang cái bao bố ra ngoài sân. Ngược lên nhìn trời, gã thấy những đám mây tản ra tựa những sợi len bông, như thể chúng đã bắt chọt trút hết nước và giờ thì tản đi. Mấy món đồ gỗ cũ bị ngấm nước mưa rồi sẽ hỏng mất thôi, nhưng Hadi chẳng buồn quan tâm. Gã đi tới căn nhà kho vốn được gã lắp ghép từ những mảnh đồ gỗ đầu thừa đuôi thẹo, những thanh sắt và những phần của khu bếp mà gã cho dựa vào một đoạn tường còn trụ lại, đoạn gã ngừng xâm xuống ở một đầu. Phần còn lại của nhà kho bị một cái xác khổng lồ chiếm mất - cơ thể của một người đàn ông trần truồng, với thứ chất lỏng nhờn nhớt, sáng màu tủa ra từ các bộ phận. Chỉ còn lại duy nhất chút máu - mấy vết nho nhỏ đã khô trên chân tay, mấy vết trầy xước và tím bầm quanh vai và cổ. Thật khó nói về lớp da - nó không có màu đồng nhất. Hadi tiến thêm vài bước quanh cái xác trong khoảng không gian hẹp rồi ngừng xuống gần cái đầu. Chỗ đã từng là mũi bị biến dạng kinh khủng, như thể thú hoang đã ngoạm mất một mảng. Hadi mở bao bố, lấy thứ đó ra. Đạo gàn đây gã mất hàng giờ đồng hồ tìm kiếm thứ giống như thế này, thế nhưng gã vẫn xử lý lóng ngóng. Chiếc mũi còn tươi, vẫn bọc trong lớp máu đỏ thẫm đã đông lại. Tay run rẩy, gã đặt nó vào cái hồ đen

trên mặt cái xác. Nó vừa khít, như thể cái xác đã lấy lại mũi của chính mình vậy.

Hadi rút tay lại, chùi đầu ngón tay vào quần áo, đoạn ngược lên nhìn khuôn mặt kia với vẻ hơi thiếu hài lòng, nhưng nhiệm vụ của gã giờ đã xong. Thực ra, cũng chưa hẳn là xong: gã phải khâu cái mũi lại đã.

Cái xác chỉ cần có mỗi chiếc mũi để trở nên hoàn thiện, vậy nên Hadi làm nốt công việc. Đó là một việc kinh khủng, gã phải làm mà không có sự giúp đỡ của bất kỳ ai, và có vẻ như chẳng có chút ý nghĩa nào bất chấp những lý lẽ gã dùng khi cố gắng giải thích cho người nghe.

“Tôi muốn giao anh ta cho bên pháp y, vì đó là một thi thể trọn vẹn bị bỏ lại trên đường như rác rưởi vậy. Đó là một con người mà, các anh, một con người,” gã nói với họ.

“Nhưng đó không phải một thi thể trọn vẹn. Anh đã làm nó trở nên trọn vẹn mà,” ai đó phản đối.

“Tôi làm nó trở nên trọn vẹn để nó không bị đối xử như rác rưởi, để nó được tôn trọng như những người đã chết khác và được chôn cất tử tế,” Hadi giải thích.

“Thế sau đó thì sao?”

“Với tôi, hay với Vô Danh?”

“Với cả hai.”

Người nghe của Hadi hoàn toàn chú tâm vào câu chuyện. Những người nghe mới có thể không may để lỡ mất sự thú vị của câu chuyện nếu như họ cứ khẳng khẳng cất vắn nó ngay từ đầu. Thường người ta đợi đến cuối mới nêu ra những phản đối về tính hợp lý của câu chuyện, và không ai xen vào cách Hadi kể hay những tuyến chuyện phụ mà Hadi rẽ vào.

Hadi có hẹn với một người đàn ông ở Karrada. Đã mấy ngày liền gã không mua bán gì cả, và tiền bắt đầu cạn dần. Gã đã bám lấy người đàn

ông này một thời gian vì có thể đào được chút tiền từ người đó. Đó cũng là một người già cả sống một mình trong căn nhà riêng, rất giống Elishva, nhưng ông già này có một bà bạn gái ở Nga, vẫn cố thuyết phục ông bán nhà cửa đồ đạc rồi di cư để họ có thể sống quãng thời gian nghỉ hưu bên nhau.

Chuyện đó thì chẳng có vấn đề gì; chúc cho họ sống hạnh phúc mãi về sau. Chỉ có điều bất cứ khi nào Hadi nghĩ mình và ông già có thể đạt được thỏa thuận, thì ông ta lại hoảng cả lên về chuyện mất đồ mất đặc, nhất là mớ đèn chùm, đèn đọc sách, và cái đài dùng đèn chân không. Ông ta bám lấy chúng như thể sẽ chết chìm nếu không có chúng vậy. Hadi không muốn ép hay làm ông ta sợ mà thôi không bán nữa, thế nên gã bỏ đi, định bụng quay lại sau đó thì thấy ông ta tươi cười và hào hứng với việc ký giao kèo.

Hadi rửa tay sau khi xử lý cái xác. Gã thay quần áo sạch rồi đến gặp ông già miễn cưỡng kia, lo rằng ai đó có thể thuyết phục ông ta bán đồng đồ giá trị của mình hoặc thuê lại căn nhà với đầy đủ đồ đạc, cho phép ông già vừa giữ lại quyền sở hữu vừa có tiền thuê nhà trong khi kẻ thuê nhà nuôi hy vọng chiếm hữu nó khi ông ta chết.

Nhà ông già không xa lắm - Hadi có thể nhảy lên xe buýt năm phút là đến. Khi đường đông, gã sẽ đi bộ, dọc đường đi nhặt những lon bia và chai nước ngọt rỗng bỏ vào bao bố. Sau đó gã có thể bán cho những người bán hàng rong chuyên mua mấy thứ đó hoặc giữ lại trong hàng đồng bao bố ở nhà rồi thuê xe bán tải chở đến nhà máy tái chế nhôm ở Hafez al-Qadi gần phố Rashid.

“Còn cái xác, vì Chúa, chuyện gì xảy ra với nó?”

“Gượng đã nào.”

Hadi đến nhà ông già và gõ cửa, nhưng không ai ra mở. Có lẽ ông ta đang ngủ hoặc đã ra ngoài. Hoặc có lẽ ông ta đã chết thật: thời khắc của

ông ta đã đến trước khi ông ta kịp gặp lại bà bạn gái người Nga và chạm vào đôi bàn tay gầy guộc nhăn nheo của bà. Hadi gõ cửa liên hồi đến khi hàng xóm phải chú ý, rồi gã quay trở lại phố Saadoun và vào một quán ăn gần bệnh viện Rahma. Gã ăn bánh kẹp kebab rồi gọi thêm hai xiên kebab mang về.

Mây đã tản hết, nhưng gió vẫn thổi những luồng khó đoán định từ nhiều hướng khác nhau. Chiếc ô của người bán thuốc lá dạo bị lật chổng ngược, cục xi măng trong cái lon thiếc lớn cắm cán ô chặn nó khỏi bay đi mất.

Bị gió tạt, người đi đường phải khó khăn lắm mới đi nổi. Có người trông như thể bị một bàn tay ẩn giấu phát mạnh hoặc lôi xềnh xệch từ phía sau. Người ngẩng ngoài quán cà phê nhanh chóng di chuyển vào trong, cánh tài xế đang để hé cửa sổ liền đóng kín lại. Những người bán báo và tạp chí giải tán, kẻ bán thuốc lá bánh kẹo ở cột đèn giao thông nhét hàng vào túi đeo vai để khỏi bị thổi bay đi mất. Người đội mũ thì ấn chặt mũ xuống kéo bị gió cuốn.

Ở khách sạn Sadeer Novotel, nhìn xuống quảng trường Andalus, những cây cọ đang nghiêng ngả, còn người bảo vệ nơi sân trước cài chặt cúc chiếc áo khoác quân đội. Anh ta không phải đứng ngoài trời, nhưng bất canh gác bằng gỗ không thể bảo vệ anh ta trước cái nóng hay lạnh. Nếu anh ta là một người lính hay cảnh sát ở một trong các đơn vị được bố trí khắp đường phố Baghdad, thì hẳn anh ta đã đốt lửa trong một thùng dầu mở nắp để giữ ấm, khiến quần áo bám đầy bồ hóng, nhưng ban quản lý khách sạn cấm những việc như vậy.

“Giờ thì anh lại thao thao vè tay bảo vệ khách sạn!”

“Kiên nhẫn nào, anh bạn. Anh ta sẽ có mặt trong phần câu chuyện anh đang nghe này.”

Hadi ăn xong chiếc kebab, uống cạn lon Pepsi rồi bóp nát cái lon bằng tay và quẳng vào bao bố bên cạnh. Gã không muốn ra ngoài lúc gió to thế này, thế nên gã giết thời gian bằng cách lục xới chỗ rác trong quán ăn và dọn sạch tất cả các lon nước ngọt. Khi bão tan, gã ra ngoài thì thấy mặt trời đã mất dạng còn bầu trời thì chuyển sang xám xịt và tối dần từng phút một. Gã không thể nghĩ ngay ra đi đâu giờ. Thế rồi gã nhớ đến cái xác bị bỏ ở nhà, liền cảm thấy choáng váng.

Không nghĩ ngợi gì, gã bước về phía giao lộ quảng trường Andalus. Đó là một ngày lạ kỳ. Gã nghe thấy ti vi trong nhà hàng đưa tin về những vụ nổ xảy ra trong ngày ở Kadhimiya, Sadr City, quận Mansour và Bab al-Sharqi. Có cảnh người bị thương ở bệnh viện Kindi và hình ảnh quảng trường Tayaran khi lính cứu hỏa dùng vòi phun dập lửa. Hadi đã nghĩ sẽ bắt gặp chính mình trên ti vi, trong cái xô bên cửa hàng ngũ kim, thản nhiên hút thuốc như một tên tội phạm quan sát hiện trường vụ án. Phát ngôn viên của chính phủ xuất hiện, mỉm cười trả lời các câu hỏi của cánh phóng viên. Ông ta trấn an rằng chính phủ đã phá kế hoạch của bọn khủng bố vì, theo tình báo, al-Qaeda và tàn dư của chế độ cũ đã lên kế hoạch tiến hành một trăm vụ đánh bom xe, nhưng lực lượng liên minh và an ninh Iraq đã triệt phá tất cả chỉ còn lại mười lăm vụ.

Ông chủ quán ăn béo ị bừa bãi dài thượt về bất mãn khi nghe những lời phát ngôn viên nói. Thực ra là có mười sáu vụ nổ, nhưng vụ cuối cùng không được nhắc đến vì lúc đó phát ngôn viên đã về nhà mất rồi.

Hadi đi men theo đường với chiếc bao đựng lon rỗng vắt vẻo trên vai. Khi tới khách sạn Sadeer Novotel, thường thì gã đi sang phía bên kia đường để tránh bị bảo vệ quát, nhưng lần này, gã quên bém, tâm trí còn mãi nghĩ về cái xác trong kho ở nhà. Gã định làm gì chứ? Gã đã hoàn thành nhiệm vụ gã đặt ra cho mình rồi. Gã có nên thuê xe chở cái xác đến chỗ pháp y? Hay gã nên mang nó ra đường một đêm nào đó và bỏ nó lại nơi

quảng trường hoặc trên phố để cảnh sát đến hoàn thành công việc của mình?

Khi đi qua trước cánh cổng kim loại lớn của gara khách sạn, gã nhận ra mình đã rơi vào thế khó xử. Cách dễ giải quyết duy nhất là về nhà, dỡ cái xác ra, trả nó về hiện trạng ban đầu - chỉ là dỡ các bộ phận ra thôi. Rồi đem mấy bộ phận đó vứt rải rác khắp đường phố, nơi gã đã tìm thấy chúng.

Trong khi đó, run rẩy vì cái lạnh, tay bảo vệ nghĩ xem có nên đuổi chân đuổi cẳng ra không. Anh ta bước ra ngoài bớt canh gác, về phía cổng, rồi bám lấy những thanh chắn giá lạnh của cánh cổng mà nhìn sinh vật với chiếc bao khả nghi đi qua. Anh ta nghĩ không cần phải xua gã đi làm gì.

“Chính mắt anh đã thấy tất cả phải không?” Hadi quay sang hỏi Mahmoud.

“Phải, khi ấy tôi đang đứng cùng mấy người bạn bên kia đường thì thấy cái xe rác đi về phía cổng khách sạn.”

“Anh nhìn thấy? Đấy, chứng tỏ tôi đâu có bịa ra. Anh chàng này chính là nhân chứng.”

Khi đi qua cánh cổng được khoảng hai mươi thước, Hadi thấy chiếc xe rác lao qua gã về phía cổng, suýt nữa húc gã xuống đường. Giây lát sau nó phát nổ. Hadi, cùng chiếc bao bố và bữa tối, bị hất tung lên khỏi mặt đất. Với bụi đất và sức công phá của vụ nổ, gã chới vơi trong không trung, lộn nhào rồi đập mạnh xuống lớp nhựa đường. Có lẽ phải mất cả phút gã mới nhận thức được chuyện gì vừa xảy ra. Gã thấy mấy người trẻ tuổi chạy về phía mình. Phóng viên Mahmoud al-Sawadi là một trong số họ và đã đỡ Hadi dậy. Khói bụi bao trùm khắp nơi. Sợ thất đảm, Hadi dợm bước đi. Những người đỡ gã trước đó hét với theo, cho rằng có lẽ gã đã bị thương mà vẫn chưa cảm thấy, nhưng gã bắt đầu chạy. Rõ ràng gã đang bị choáng.

Bóng tối buông xuống. Xa xa Hadi nghe thấy tiếng xe cảnh sát, cứu thương và cứu hỏa. Đám khói bụi tản ra thành làn sương mỏng sáng lên dưới ánh đèn pha xe cộ. Mahmoud và những nhân chứng khác, choáng váng và hoảng loạn, đi men theo đường, nghiến nát dưới chân những mảnh kính vỡ không nhìn thấy, những mẫu kim loại nhỏ và những vụn vỡ khác mà vụ nổ gây ra.

5

Hadi gồng mình nhấc bước. Hai cánh tay và xương chậu gã đau dữ dội, trán và gò má bị rách do ngã xuống lớp nhựa đường. Gã tập tễnh đi, lê bước khó nhọc. Nếu suy nghĩ sáng suốt, gã đã bắt taxi về Bab al-Sharqi. Nhưng thực ra, gã chẳng nghĩ gì hết. Như thể ai đó đã ấn một cái nút và thế là gã bắt đầu bước đi, không hơn, và có lẽ khi hết năng lượng gã sẽ đổ sụm xuống.

Hadi liên tục nói mình sẽ không chết - gã đã sống sót qua vài vụ nổ rồi. Điều quan trọng nhất với gã là cơ thể gã chưa bị trúng đạn pháo. Tất cả vết thương đều do va đập xuống đất, và không nghiêm trọng.

Về đến nhà - không có cái bao bố hoặc bữa tối mua trong quán; gã đã bỏ lại ở hiện trường vụ nổ - gã đẩy cánh cửa gỗ nặng nề ra nhưng quên không đóng lại sau lưng. Khi nhìn ra xa về phía cánh cửa dẫn vào phòng mình, gã cảm thấy nó còn xa hơn bình thường. Gã bước qua những viên đá lát mít vỡ trên khoảnh sân, sợ rằng mình sẽ ngã xuống chết hoặc ngất đi. Gã muốn đến bên chiếc giường của mình. Khi vào phòng, gã quăng mình xuống lớp nệm và nhanh chóng thiếp vào giấc ngủ sâu, hoặc có lẽ là một cơn hôn mê mà gã đã cố trì hoãn.

Hôm sau tiếng tin tức trên đài đánh thức Hadi dậy. Có lẽ là từ nhà hàng xóm vọng sang, hoặc Mẹ Salim đang ngủ trên hiên đối diện cửa trước nhà gã, ôm chiếc đài nhìn người ta đi qua đi lại, như mọi ta thì thoảng vẫn làm.

Khi Hadi nhấc đầu dậy, gã thấy chiếc gối bị dây đầy nước bọt và những vết máu khô. Ban đầu gã nghĩ chắc mình say quá, nhưng rồi gã nhớ ra vụ nổ. Và cái xác trong kho. Hôm nay chắc là nó thối rửa hơn rồi. Có lẽ người đi qua nhà sẽ ngửi thấy mùi đó.

Hadi ngủ dậy, nhìn ánh sáng thì gã đoán đã gần trưa. Gã rửa mặt; cơn đau dữ dội hơn khi gã cử động tứ chi. Quay một vòng, gã thấy hậu quả mà cơn bão đã gây ra với khoảnh sân lúc gã đi vắng. Mấy miếng lấp ghép bếp và phòng làm việc bị lật úp. Những mảnh gỗ lợp mái bị thổi bay. Tràn nhà không còn. Nhìn gần hơn, gã phát hiện nhiều thứ khác cũng đã biến mất.

Cái xác, cũng biến mất. Gã lục tung mọi thứ lên, rồi quay về phòng tìm trong đó xem sao. Tim gã đập càng lúc càng nhanh, và gã quên mất cả cơn đau đang gặm nhấm xương tủy gã. Cái xác có thể đi chỗ quái nào được nhỉ? Gã dừng lại giữa sân, hoang mang sợ hãi. Gã ngược lên bầu trời xanh trong, nhìn những bức tường cao của mấy nhà hàng xóm, rồi nhìn cái mái thấp tè còn lại của căn phòng đã đổ sập trong nhà Elishva. Một con mèo già xơ xác chằm chằm nhìn gã. Nó meo một tiếng trầm sâu. Rồi nó chần chừ quay đi và biến mất sau bức tường đổ.

“Rồi sao nữa?”

“Thế thôi. Hết chuyện rồi.”

“Ý anh là thế thôi? Thế cái xác đi đâu hả Hadi?”

“Tôi không biết.”

“Chuyện chẳng hay gì cả, Hadi. Kể cho chúng tôi nghe chuyện khác đi.”

“Nếu anh không tin thì tùy anh. Thôi, tôi xong rồi. Các anh dùng trà đi.”

Chương ba

LINH HỒN LẠC LỐI

1

Hasib Mohamed Jaafar hai một tuổi, da ngăm đen, mảnh khảnh, và đã kết hôn với Dua Jabbar. Anh sống cùng Dua và đứa con gái nhỏ, Zahraa, tại khu 44 ở thành phố Sadr, trong căn phòng của một ngôi nhà mà cả đại gia đình anh cùng cư trú. Hasib, làm bảo vệ cho khách sạn Sadeer Novotel được bảy tháng, đã chết trong một vụ nổ gây ra bởi một kẻ đánh bom tự sát người Sudan lái chiếc xe rác chất đầy thuốc nổ ăn cắp từ một khu tự quản ở Baghdad. Kẻ đánh bom định lao qua cổng ngoài của khách sạn, lái xe vào sảnh, rồi kích hoạt chất nổ, đánh sập toàn bộ tòa nhà. Hắn thất bại vì người bảo vệ đã dùng cảm xạ hàng loạt đạn vào kẻ lái xe, khiến vụ nổ diễn ra sớm hơn dự tính. Đồ đạc của người bảo vệ được gửi lại cho gia đình: thường phục, một đôi tất mới, một chai nước hoa, và tập đầu tiên của tuyển thơ al-Sayyab. Người ta đặt đôi giày cháy đen của anh vào quan tài; cùng bộ quần áo vấy máu tả tơi và những mảnh cơ thể bị cháy thành than. Thi thể của Hasib Mohamed Jaafar chỉ còn lại một nhúm; cỗ quan tài đưa tới nghĩa trang ở Najaf trông giống một vật tượng trưng hơn. Người vợ trẻ của Hasib ôm lấy quan tài mà nước mắt, than vãn hồi lâu. Mẹ, các anh chị em và hàng xóm của Hasib cũng vậy, còn cô con gái nhỏ ngơ ngác, được chuyển từ tay người nọ sang tay người kia bất cứ khi nào người đang bế nó bị nỗi đau xâm chiếm.

Kiệt sức, mỗi thành viên trong gia đình đều đi ngủ mà mơ thấy Hasib về nhà với chiếc túi vải vắt vẻo trên vai. Tất cả đều mơ thấy gì đó về Hasib. Những phần của giấc mơ này bù đắp cho phần bị thiếu ở giấc mơ khác. Một giấc mơ nhỏ lấp đầy khoảng trống trong một giấc mơ lớn, và những sợi chỉ cứ khâu vào nhau tái tạo nên cơ thể trong mơ cho Hasib, để đi cùng với linh hồn anh vẫn đang lơ lửng trên đầu họ, kiểm tìm phần còn lại mà nó không thể thấy. Chỗ nào có cái cơ thể mà nó nên quay lại để chiếm chỗ của mình giữa những người đang sống trong cõi lâm bô?

2

Khi Hasib nhìn thấy chiếc xe rác, đủ cách lý giải hiện ra trong đầu anh. Rằng đó chỉ là một chiếc xe rác thôi. Người lái xe đã phạm sai lầm - anh ta mất kiểm soát và bẻ lái về phía cổng khách sạn. Đó là một vụ tai nạn giao thông, lái xe tăng tốc và vô tình lao vào cổng. Không, đó là một vụ đánh bom tự sát. Dừng lại? Dừng lại! Một phát, rồi thêm phát nữa. Anh không có ý định giết lái xe. Anh không dám giết bất kỳ ai, nhưng đó là nghĩa vụ của anh. Anh nhận thức rõ những quy định nghiêm ngặt về việc bảo vệ khách sạn. Có những công ty an ninh, những người quan trọng, và có thể người Mỹ ở trong đó nữa. Anh được phép giết người, như họ nói. Những suy nghĩ đó lướt nhanh qua đầu anh trong giây khắc ngắn ngủi trước khi anh bóp cò súng, có lẽ thậm chí trước cả khi anh quyết định cách giải quyết tốt nhất là gì. Chiếc xe nổ tung, và Hasib thấy chính mình đang quan sát vụ nổ, nhưng không phải từ vị trí giữa bột canh gác bằng gỗ và cổng ngoài của đại khách sạn. Anh đang nhìn ngọn lửa, làn khói và những mảnh kim loại bay tan tác từ từ trên không trung. Anh cảm thấy bình thản lạ kỳ.

Anh thấy một người đàn ông vác chiếc bao bố trắng bị hất lên cao rồi rơi xuống cách khá xa vụ nổ. Anh thấy những mảnh kính từ cửa sổ khách sạn và tiệp sành bay tung tóe ra sân trước. Vài khắc sau đám khói dịu dần, nửa tiếng sau thì tan đi trước khi xe cứu thương và cứu hỏa đến.

Anh nhìn bóng tối nuốt chửng thành phố. Anh thấy ánh đèn xa xa của các tòa cao ốc, nhà dân, xe cộ. Anh thấy mấy chiếc cầu vượt gần đó. Anh thấy những ngọn đèn chiếu sáng sân vận động và mấy tòa tháp giáo đường phía xa ngập tràn trong ánh sáng rực rỡ.

Anh có thể thấy cả dòng sông nữa, sâu, đen thẫm trong bóng tối. Anh muốn chạm vào nó. Anh chưa bao giờ chạm vào dòng sông. Anh đã sống cả cuộc đời cách xa nó. Anh đã lái xe qua, nhìn nó từ xa, và thấy ảnh trên tivi. Nhưng anh chưa bao giờ cảm nhận cái lạnh của dòng nước hay nếm thử nó. Anh thấy một người đàn ông mặc gi lê trắng và quần soóc đờng màu nằm ngửa trên mặt nước. Hạnh phúc làm sao! Ông chắc hẳn đang ngắm nhìn những vì sao sáng rõ trên bầu trời đêm. Ông đang trôi chầm chậm cùng dòng nước. Hasib tiến về phía ông và nhìn thẳng vào mặt ông. “Sao cậu lại nhìn tôi, con trai?” người đàn ông nói. “Đi tìm hiểu xem chuyện gì xảy đến với cơ thể cậu đi. Đừng ở lại đây.”

Anh thấy một xác chết khác, nằm úp mặt xuống nước. Nó không nói gì cả. Nó chỉ trôi chầm chậm, trong câm lặng.

3

Hasib quay trở lại chỗ cổng khách sạn và nhìn cái hố to mà kẻ đánh bom tự sát đã gây ra bằng quả bom xe của hắn. Anh nhận ra đôi ủng cháy đen của mình nhưng không thấy cơ thể mình đâu cả. Anh tìm khắp các con phố ở quảng trường Firdaus, rồi đến quảng trường Tahrir và thấy lũ chim vắt

vẽ trên những hình hài bằng đất tạo nên Tượng đài Tự do. Rồi anh tình cờ đến nghĩa địa.

Ở đó, trong Thung lũng Bình yên ở Najaf, anh xem xét mọi nấm mồ. Anh chẳng tìm thấy gì mang lại cho anh chút chắc chắn nào, nhưng cuối cùng anh thấy một thằng nhóc độ thiếu niên mặc áo phông đỏ, đeo vòng bạc ở cổ tay và dây đeo cổ bằng vải đen. Nó đang ngẩng đầu khoanh chân trên một ngôi mộ được đắp cao.

“Sao anh lại ở đây?” thằng nhóc hỏi. “Anh nên ở gần với cơ thể của mình chứ?”

“Nó biến mất rồi.”

“Sao lại biến mất được? Anh phải tìm ra nó đi, hoặc một cơ thể khác, nếu không kết cục của anh sẽ rất tệ đấy.”

“Ý em là gì?”

“Em không biết, nhưng kết cục luôn tệ như thế.”

“Sao em lại ở đây?”

“Đây là mộ của em. Cơ thể em nằm bên dưới. Vài ngày nữa em sẽ không thể ra ngoài như thế này. Cơ thể em thối rữa và em sẽ bị chôn vùi trong mộ cho đến tận cùng thời gian.”

Hasib ngẩng đầu xuống cạnh nó, bối rối. Anh nên làm gì đây. Chưa ai nói với anh những điều này. Tai họa nào có thể giáng xuống đầu anh đây?

“Có lẽ anh chưa chết hẳn và chỉ đang mơ thôi. Hoặc linh hồn anh đã rời bỏ cơ thể mà đi lang thang rồi sau này sẽ trở về,” thằng nhóc nói.

“Cậu Chúa là em đúng. Anh không quen với việc này. Anh vẫn còn trẻ, anh có một đứa con gái, và...”

“Trẻ! Anh đâu có trẻ bằng em!”

Hasib tiếp tục nói chuyện với thằng nhóc đeo vòng bạc. Thỉnh thoảng thằng nhóc lại nhắc anh phải quay lại với cơ thể mình, vì có lẽ Chúa có ý định cho anh một cuộc sống mới.

“Đôi khi linh hồn rời khỏi thể xác và anh chết đi, nhưng rồi Tử thần đổi ý hoặc sửa chữa sai lầm mình đã mắc phải, và linh hồn quay trở về thân xác của nó. Rồi Chúa ra lệnh cho cơ thể hồi sinh từ cái chết. Nói cách khác, linh hồn giống như nhiên liệu trong ô tô vậy. Cần có một tia lửa để khởi động nó.”

Họ im lặng một lúc, rồi Hasib nghe tiếng nước nổ văng vẳng đâu đây và thấy mấy con chó đen như mực âu đả với một con khác. Thằng nhóc đeo vòng bạc nhìn anh lo lắng. “Tốt hơn là anh nên tìm hiểu cơ thể của mình đã biến dạng nào đi,” nó nói, “nếu không kết cục sẽ rất tệ hại đấy.”

4

Hasib trở lại khách sạn và tìm kiếm khắp các con phố xung quanh. Sau nhiều giờ ở đó, anh về nhà thì thấy mọi người đều đã ngủ: vợ anh, con gái nhỏ của anh và những người còn lại trong gia đình. Rồi ngay trước bình minh, anh quay lại nơi mình đã chết. Anh cảm thấy mắc kẹt trong cái vòng luân quần. Anh thấy một người đàn ông trần truồng đang ngủ trong một ngôi nhà ở Bataween. Anh lại gần xem anh ta có chết hay không. Đó không phải là một người cụ thể nào cả; người đàn ông nom kỳ dị và đáng sợ. Thấy bầu trời đổi sắc, Hasib cảm thấy chắc chắn rằng mặt trời ló dạng cũng là lúc tai họa giáng xuống đầu mình. Anh sẽ không còn sức để lang thang khắp các con phố hay quay lại hiện trường vụ nổ. Với bàn tay của mình, được tạo nên từ chất liệu nguyên sơ, anh chạm vào cái xác trần truồng, nhợt nhạt và thấy linh hồn mình hòa vào đó. Cả cánh tay của anh

nhập vào, rồi đến đầu và phần còn lại của cơ thể. Bị sức nặng và con uế oải xâm chiếm, anh nằm yên bên trong cái xác, lấp đầy nó từ đầu đến ngón chân, bởi vì, như sau đó anh nhận ra, có thể nó không có linh hồn, còn anh thì có linh hồn nhưng không có thể xác.

5

Chẳng có gì xảy ra vô cớ phải không? Hai người bọn họ là dành cho nhau. Giờ anh chỉ phải đợi gia đình người đàn ông trăn trờng này đến đưa cái xác ra nghĩa địa, chôn nó dưới một nấm mồ, và phủ đất lên. Anh chẳng quan tâm cái tên nào được khắc trên tấm bia.

Chương bốn

PHÒNG VIỆN

1

Mahmoud al-Sawadi bị vụ nổ ở quảng trường Tayaran đánh thức vào 7h10' sáng, nhưng anh chưa ra khỏi giường ngay. Anh bị đau đầu dữ dội và vẫn còn ngái ngủ. Mãi đến 10h anh mới dậy lần nữa, khi điện thoại di động reo. Đó là tổng biên tập của *al-Haqiqa*, tờ tạp chí nơi anh làm việc.

“Sao giờ này mà vẫn còn ngủ?”

“Tôi... tôi...” Mahmoud lắp bắp.

“Mahmoud, dậy ngay mà tới bệnh viện Kindi chụp ảnh những người bị thương và nói chuyện với bác sĩ, cảnh sát, vân vân. Hiểu chưa?”

“Vâng, tôi tới đó ngay đây.”

“Ngay, ngay, không phải mai, như Fairuz hát ấy. Được chứ, Mahmoud?”

Rời khỏi căn phòng ở khách sạn Orouba, Mahmoud thấy BỐ Anmar, chủ khách sạn, đang đứng xoắn vặn tay trên phố, xung quanh là những mảnh kính vỡ. Ở trung tâm Bataween, anh băng qua đường chính và ghé qua quán cà phê của Aziz làm một cốc trà nhưng không muốn ở lại quá lâu. Anh đã có đủ mọi trang thiết bị bên mình - máy ảnh, máy ghi âm kỹ thuật số, sổ tay, bút - trong cái túi da màu đen lủng lẳng trên vai và khẽ chạm vào hông khi anh bước đi.

Tới quảng trường Tayaran, Mahmoud thấy những quầy sạp và xe đẩy hàng cháy đen cùng một hố nông có đường kính khoảng hai mét. Quảng trường vắng tanh, và anh mừng tượng vụ nổ lớn đến thế nào, khiến bao nhiêu người chết và sức hủy hoại mà nó gây ra kinh khủng ra sao.

Mahmoud dừng lại ở dải phân cách giữa đường, hít một hơi thật sâu, rồi lấy máy quay kỹ thuật số giơ lên ngang miệng, và như anh thường thấy trong những bộ phim Mỹ, anh nhấn nút Record. “Khỉ gió nhà cậu, Hazem Abboud,” anh nói. “Khỉ gió nhà cậu ngay lúc này và mãi mãi.”

Hazem là một nhiếp ảnh gia tự do được xem là dùng chung căn phòng ở tầng hai khách sạn Orouba với Mahmoud, nhưng anh ta hiếm khi ở đó - anh ta thường sử dụng nó như một trạm nghỉ chân hay chốn nương náu khi cần kíp. Bố Anmar, ông chủ bụng phệ của khách sạn, là bạn cũ của Hazem và không xem anh ta là khách hàng. Có lẽ ông biết ơn Hazem vì đã mang Mahmoud tới sống ở cái khách sạn tồi tàn này, khiến anh trở thành vị khách thứ ba hoặc thứ tư gì đó ở cái chốn mà vào thời hoàng kim từng đón hơn bảy mươi khách một lúc.

Buổi chiều hôm trước, Hazem Abboud cứ khăng khăng đòi ăn mừng, dù chẳng có lý do gì làm vậy, và anh ta tóm cổ áo người bạn tội nghiệp lôi xềnh xệch đến ngôi nhà ở đường 5 tại Bataween. Mahmoud mệt rũ người nhưng vẫn đi cùng. Họ nốc bia suốt hai tiếng đồng hồ, và dù bên ngoài trời rét, hai cô gái tóc vàng ngời kể bên họ vẫn mặc đồ mùa hè thiếu vải. Tim Mahmoud lỡ một nhịp bất cứ khi nào một trong hai cô khẽ chạm vào anh, khi cầm cốc bia lên hay lấy hạt từ cái bát. Mahmoud chưa bao giờ dự tiệc tùng kiểu này và cũng chưa bao giờ gần gũi với phụ nữ đến thế. Hazem thì cứ thúc anh uống thêm đi.

“Nếu ở đây cậu thấy không thoải mái, thì đi,” thỉnh thoảng Hazem lại nói.

Nhưng Mahmoud không muốn đi. Cuối cùng, các cô đứng lên và kéo tay Mahmoud, đưa anh vào phòng ngủ trên tầng hai. Một trong hai cô lăn ra cười rũ rượi nửa tiếng sau đó rồi ngã xuống nốc hết bia. Cô kia ở lại thêm một tiếng nữa.

“Sao cậu không đi cùng bọn họ?” Mahmoud hỏi Hazem khi bọn họ ra ngoài trời lạnh.

“Tôi á? Lần khác tôi sẽ quay lại gặp họ. Quan trọng là cậu được thư giãn.”

“Phải rồi, cậu đúng là bạn tốt,” Mahmoud nói với nụ cười bất an. Đầu anh hơi quay cuồng vì uống quá nhiều còn toàn thân tê dại. Đó là một sự kết hợp cảm xúc lạ kỳ. Về tới khách sạn Orouba, Hazem dừng lại châm một điếu thuốc. Anh ta phải khò qua lỗ mũi; rồi quay sang gã bạn trẻ, chìa ngón tay đang kẹp điếu thuốc vào anh.

“Dù sao thì,” anh ta nói, “đừng có bao giờ nhắc đến cái cô Nawal al-Wazir đấy trước mặt tôi nữa, nghe chưa? Khỉ gió cái nhà cô Nawal al-Wazir.”

“Được rồi, tôi hứa. Khỉ gió cái nhà cô Nawal al-Wazir,” Mahmoud đồng ý.

2

Nawal al-Wazir là đạo diễn phim, hoặc đấy là cô tự nhận như vậy. Cô khoảng bốn mươi tuổi, da sáng, tóc đen tuyền, đầy đà, chiếc cằm hai ngấn mang lại cho cô vẻ đẹp đậm chất phương Đông, vốn luôn được phủ lên một lớp trang điểm có phần lòe loẹt. Cô thích son đỏ thắm, một đường chì kẻ mắt dày, và một lớp chì kẻ mày màu đen làm nổi bật hình vòng cung, quàng hờ chiếc khăn trên đầu, hợp với áo váy, cùng đám phụ kiện nhựa

màu mè lúc lắc. Nếu có ai đó hỏi Mahmoud al-Sawadi về cô, anh có thể tuôn ra một tràng dài những chi tiết được xem là thú vị chỉ với những ai cùng chung nỗi ám ảnh với cô như anh. Có cả một chi tiết khó chịu mà Mahmoud cố lờ đi: cái thực tế rằng cô là bạn thân của tổng biên tập của Mahmoud, Ali Baher al-Saidi, một cây viết nổi tiếng, kẻ chống đối chế độ cũ, và là cộng sự của nhiều chính trị gia thường hay xuất hiện trên truyền hình.

Có những chiều Nawal al-Wazir tới tòa soạn ở Karrada, ở lại nửa tiếng hoặc hơn rồi rời khỏi đó, đi chung xe với tổng biên tập. Trong suốt nửa tiếng đồng hồ đó, Mahmoud không thể không nhìn cô mỗi lần anh vào phòng tổng biên tập. Khi cô ở đó, tổng biên tập sẽ mời anh ngồi xuống, nói chuyện nọ chuyện kia, và Mahmoud luôn đồng tình với ý kiến và yêu cầu của ông ta mà không thảo luận gì thêm vì anh thấy không thoải mái và bối rối trước sự có mặt của Nawal.

“Cô ta là bạn tình của sếp đấy,” Farid Shawwaf, đồng nghiệp của anh ở tòa soạn, có lần nói vậy. Mahmoud cãi nhau với cậu ta vì cậu ta nói mà chẳng có căn cứ. Rồi sau lại phải chấp nhận đánh giá đó của Farid, vì còn gì có thể mang người phụ nữ này với Ali Baher al-Saidi lại với nhau ngoài tình dục?

Thi thoảng, khi Saidi đi vắng hoặc chưa đến tòa soạn, Mahmoud lại có cơ hội ở một mình với Nawal trong phòng của tổng biên tập. Qua những cuộc nói chuyện, Mahmoud biết được rằng cô đang làm một bộ phim chuyên về những tội ác của chế độ Saddam Hussein. Cô mô tả nó là một trong những bộ phim về Iraq quan trọng nhất đang được tiến hành và nói rằng Saidi đang giúp cô lo một số thủ tục, kiểu như xin giấy phép, nhờ quan hệ của ông ta với giới chính trị, các bộ ngành và cơ quan khác. Điêu này cho anh lý do để cảm thấy thoải mái hơn và xóa bỏ cái giả thuyết kinh khủng mà tay Farid Shawwaf xấu xa đã cấy vào đầu anh.

Đã nhẹ trí rồi, anh tiếp tục lên nhìn Nawal, ngắm cô thật kỹ và chú ý tới những thay đổi hằng ngày nơi vẻ ngoài của cô. Anh cũng tiếp tục nói về cô trước mặt gã bạn thân Hazem Abboud. Thế còn chưa đủ, Mahmoud còn trở thành phóng viên được tổng biên tập thích nhất. Khi Saidi nói, “Đến đó đi,” “Làm cuộc phỏng vấn này đi,” “Tham dự hội nghị này” hoặc “Tìm hiểu cái này cho tôi,” Mahmoud thường trong tư thế bắt buộc phải làm. Rốt cuộc Mahmoud đâm ra phải một thân một mình gánh lượng công việc bằng tất cả các phóng viên khác cộng lại.

3

Mahmoud bắt đầu đời phóng viên hồi tháng Tư năm 2003 tại tuần san *Sada al-Ahwar* ở thành phố Amara, nơi anh sống. Vì một số lý do mà tới giờ anh vẫn giữ bí mật, anh đột ngột chuyển tới Baghdad. Anh đến thủ đô vào thời điểm những người khác đang ra đi. “Cứ ở nguyên chỗ cậu cho đến khi mọi chuyện ở thủ đô dịu dịu lại đã, rồi hãy đến,” Hazem Abboud đã nói thế với anh.

Nhưng mọi chuyện không dịu đi. Nó trở nên tệ hơn nhiều. Còn Mahmoud không nghe theo lời khuyên của gã bạn. Anh cần chuyển tới Baghdad gấp, hay, nói đúng hơn, cần thoát khỏi Amara. Gã bạn Hazem mãi sau này mới biết lý do.

Mahmoud làm việc ở một tờ báo nhỏ tại Baghdad tên là *al-Hadaf* được vài tháng thì Ali Baher al-Saidi bảo anh về tòa soạn của ông ta làm. Ông ta liên lạc với Mahmoud qua gã bạn anh, Farid Shawwaf, khi đó đang làm trong tòa soạn rồi. Từ lần đầu tiên gặp Saidi, Mahmoud đã bị cuốn hút bởi người đàn ông này, cái người hơn anh ít nhất hai mươi tuổi, dù thật khó đoán tuổi ông ta. Saidi cực kỳ phong cách, một hiện thân của sự thanh lịch.

Sau nhiều tháng quan sát, chưa một lần Mahmoud phát hiện thấy sơ suất ở vẻ ngoài của ông. Ông ta cũng rất năng động và nhiệt huyết, cứ đi suốt, với nụ cười thường trực và cái tài dàn xếp ổn thỏa mọi khủng hoảng, dù nghiêm trọng đến mức nào, và xử lý chúng như những vật cản nho nhỏ mà ông ta có thể vượt qua với một cú nhảy lẹ làng. Trên hết, ông ta tạo cảm hứng cho những người xung quanh, khiến họ cũng trở nên năng động và nhiệt huyết như vậy.

Có lẽ đó là lý do tại sao Mahmoud hầu như không kháng lệnh Saidi. Chưa từng có công việc nào Mahmoud làm trong hai năm qua mà khiến anh phải căng sức như công việc này. Anh luôn rơi vào tình trạng kiệt sức, nhưng anh tin tưởng Saidi và từ tận đáy lòng anh biết ông ta đang đẩy mình đi đúng hướng.

4

“Khỉ gió nhà cậu, Hazem Abboud, ngay lúc này và mãi mãi.”

Mahmoud nhắc lại những lời đó vào máy ghi âm kỹ thuật số, lần này với tông giọng của kẻ thuật lại những câu chuyện bi thảm về cái chết của Hussein trong hội trường của người Shiite. Con đau đầu vẫn văng vất khi anh tới cổng bệnh viện Kindi, có lẽ vì anh chưa ăn gì, hoặc có lẽ bởi tất cả chỗ rượu mà anh đã nốc đêm qua để xoa dịu nỗi căng thẳng sau những gì anh đã trải qua ở nhà thờ. Giờ anh đã ở bàn tiếp tân của bệnh viện, mà vẫn thấy kích thích. Anh nhìn mông của tất cả những nhân viên nữ và các chị quét dọn; anh muốn cùng một lúc tất cả phụ nữ trên thế giới này. Anh hình dung ra từng cô ở tư thế dâm đang, còn anh ở trên. Một mỗi, anh xoa mặt rồi vân vê lớp râu mềm. Saidi sẽ rất nghiêm khắc nếu nhìn thấy anh trong bộ dạng này. Ông ta sẽ nói, “Cậu không được phép làm những người nhìn

cậu thấy tuyệt vọng. Lúc nào cũng phải lạc quan. Hãy lạc quan đi rồi cậu sẽ sống sót. Cạo râu đi, thay áo, chải tóc. Tận dụng mọi cơ hội ngấm mình trong gương, bất kỳ cái gương nào, kể cả cửa kính của mấy cái ô tô đang đỗ. Cạnh tranh với phụ nữ trong khoản này, và đừng Đông phương quá.”

“Ý ông nói ‘Đông phương’ quá là như thế nào?”

“Đông phương có thể tóm tắt trong một câu thơ của Antara ibn Shaddad: ‘Có ngạc nhiên không, Abla, rằng tôi không tắm rửa hay xúc mình bằng dầu suốt hai năm rồi?’”

Mahmoud chưa từng nghe câu thơ này bao giờ. Nhưng nó có tác động lớn tới anh. Anh ghi nhớ nó và thường nhắc lại với chính mình. Và anh đã nhận ra vào ngày hôm đó, buổi sáng hôm đó, rằng anh chính là môn đồ đích thực của nhà thơ Antara.

Mahmoud gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nạn nhân của vụ nổ xảy ra ở quảng trường Tayaran sáng hôm đó. Anh thấy các phóng viên khác cùng cánh quay phim và phóng viên thường trú của các kênh vệ tinh. Anh cứ đi theo họ và vào các căn phòng họ bước vào. Họ đang cố tóm tắt những câu chuyện ngay tại chỗ, trong khi anh cần phỏng vấn chi tiết hơn và chụp ảnh độc quyền cho tạp chí.

Anh hoàn thành công việc mà không thực sự thỏa mãn, rồi rời đi. Anh cảm thấy càng kiệt sức hơn. Sau khi mua một cái dao cạo râu dùng một lần, anh tới một nhà hàng ở phố Saadoun, ăn trưa, rửa tay súc miệng bên bồn, rồi lấy dao ra cạo râu nhanh giữa cái nhìn tọc mạch của đám nhân viên nhà hàng và thực khách. Anh chải mái tóc xù xì ra sau bằng những ngón tay ướt sũng, rồi ra ngoài phố, ở đây anh lấy máy ghi âm kỹ thuật số ra và nói vào đó: “Ừm, Riyadh al-Sawadi, bố, mong bố yên nghỉ. Vì bố mà con ở đây. Vì bố mà con tới chốn này. Nhưng con mệt quá. Xương khớp

cơn đau nhừ, và con thiếu ngủ. Tất cả những chuyện này phải kết thúc trước khi con bước sang tuổi hai ba.”

Thực tế thì cái kết đã đến rất gần, hay ít nhất là một khoảnh khắc then chốt. Khi Mahmoud về đến tòa soạn, anh định gõ vào máy các ghi chú và bản thu âm của mình, và tải đồng ảnh đã chụp vào máy tính. Anh đang tán gẫu với Farid Shawwaf và mấy đồng nghiệp khác thì một người đưa tin già đến báo là tổng biên tập muốn gặp anh.

Mahmoud vào phòng tổng biên tập thì thấy Saidi ở một mình, đang cặm đi đầu khiến từ xa lướt qua các kênh trên màn hình ti vi cỡ lớn đối diện với bàn làm việc khổng lồ của ông ta, trong khi tay kia kẹp điều xì gà nom như cây bút dày cui. Saidi hỏi thăm Mahmoud về tình hình ngày hôm nay của anh và anh đã làm được những gì, rồi hỏi anh các phóng sự đã được duyệt viết trong vài ngày tới hiện đến đâu rồi. Có một tập hồ sơ lớn trên bàn. Saidi vươn tay lấy, lật lên, xem xét rồi bảo, “Đây là các phóng sự đồng nghiệp của cậu viết tháng trước. Không một cái nào phù hợp để xuất bản cả.”

Saidi châm xì gà rồi rít thật sâu, phả ra làn khói dày. Ông ta lơ đãng nhả khói vào không khí, rồi quay lại nói chuyện với Mahmoud nom có vẻ bất an.

“Tôi định sa thải Zaid Murshid, Adnan al-Anwar, và cái cô gầy nhom đó, Maysa, còn cậu thì đi nói với cái gã Farid Shawwaf bạn cậu là đừng có lười nữa. Cậu ta là một tay viết cừ, nhưng lại không tin tưởng vào công việc ở đây,” Saidi nói.

“Tôi biết làm thế nào với cậu ấy? Tôi tưởng quan hệ giữa ông với cậu ấy tốt mà,” Mahmoud đáp.

“Tôi không muốn cãi nhau với cậu ta. Cậu ta cãi nhau thì giỏi rồi. Giá mà cái sức đó dồn vào việc viết có phải tốt không, rồi cậu ta sẽ có vị trí tốt

hơn. Gọi ý cho cậu ta xem. Cậu là bạn kia mà. Nói sao cho khéo khéo vào.”

Mahmoud cố nghĩ xem có cách nào khéo khéo để gửi thông điệp đi không nhưng không nghĩ ra được gì.

Anh không nói gì mà nhìn Saidi một lúc, rồi hướng về phía ti vi.

“Còn nữa, anh bạn,” Saidi nói. “Cậu làm việc rất chăm chỉ.” Mahmoud quá đỗi ngạc nhiên. Lời nhận xét làm anh thật sự nhẹ nhõm.

Điều xì gà đã cháy hết, Saidi bèn đặt nó lên mép chiếc gạt tàn lớn bằng gốm. Ông ta tiếp tục nhìn đồng hồ đeo tay: sắp đến giờ Nawal al-Wazir đến rồi, Mahmoud đoán vậy. Anh không để ý rằng Saidi chưa nói hết câu - người đàn ông này thích ngắt những câu vốn được cấu thành từ mảnh của mình để tạo kịch tính. Saidi nhìn Mahmoud một thoáng rồi nói tiếp: “Cậu là kẻ có quyết tâm. Thế nên, từ mai, cậu là trưởng ban biên tập của *al-Haqiqa*.”

5

Ba đồng nghiệp ngồi trước mặt Mahmoud bên chiếc bàn gỗ trải vải đỏ phủ tấm nhựa dày. Mỗi người có một lon Heineken, một cốc thủy tinh và một bát đậu luộc. Mahmoud gọi một chai soda, những người khác không thể dụ anh uống dù chỉ một lon bia. Bụng anh vẫn nhộn nhạo sau cuộc phiêu lưu hôm qua. Mahmoud nhìn khuôn mặt họ đang cười: Zaid Murshid, Adnan al-Anwar, Farid Shawwaf. Saidi đã quyết định hai người đầu tiên nên bị sa thải còn người thứ ba có nguy cơ mất việc, trong khi Mahmoud được thăng cấp lên vị trí quan trọng thứ hai ở tòa soạn. Làm thế nào anh có thể tiết lộ tin này mà không khiến họ lật bàn vào anh? Anh nên nói ngay bây giờ, trước khi họ say? Hay nên đợi đến khi phản xạ của họ bớt nhạy và có thể tiếp nhận cú sốc dễ dàng hơn?

Có thể nếu anh cũng uống thì sẽ đỡ hơn? Cảm giác như một thử thách lớn vậy, và anh quyết định sẽ hoãn lại đến ngày mai.

Họ phá lên cười. Farid Shawwaf đang hào hứng nói về một thứ cậu ta đang làm - hợp tuyển một trăm câu chuyện kỳ lạ nhất về Iraq.

Sao trước tiên cậu không cố gắng làm những gì cậu được trả lương để làm, Mahmoud nghĩ khi nghe gã bạn giải thích tại sao những câu chuyện kỳ lạ nhưng chân thực đó nên được lưu giữ để không bị lãng quên.

“Sao cậu không viết thành bài chuyên đề cho tạp chí ấy? Chúng ta cần những câu chuyện như thế,” Mahmoud nói.

“Cho tạp chí á?” Farid mĩa mai đáp. “Nhưng nó có phải báo chí gì đâu. Hôm nay nó được xuất bản nhưng hôm sau nó có thể biến mất. Đó chỉ là cách kiếm sống thôi. Tôi đang nói về một cuốn sách kia.”

“Được rồi. Thế thì cho tạp chí xuất bản trước đi, rồi in thành sách sau,” Mahmoud nói.

“Không. Cậu phải nghĩ đến việc viết thành sách ngay từ đầu ấy.”

“Viết thành sách ngay từ đầu, rồi viết dài kỳ cho tạp chí vậy.”

Zaid Murshid và Adnan al-Anwar lăn ra cười. Farid Shawwaf nhìn bọn họ rồi hét tướng lên, “Thằng cha này đang hiến dâng cả thân mình cho tạp chí. Khỉ gió cái tạp chí ấy.”

Mahmoud không còn hứng thú tranh cãi nữa. Nơi này tối om và mờ mịt khói, đầy những gã thanh niên và đàn ông trung tuổi bụng phệ, ria mép xồm xoàm và những mảng hói nhẵn bóng. Vài người trong số họ không phải người Baghdad, có lẽ là dân từ các thị trấn và tỉnh xa nào đó, sau này Mahmoud mới biết. Cách không xa quảng trường Andalus, nơi này mang lại cảm giác như một quán rượu bí mật, không có giấy phép; chỉ có thể tới đây qua một nhà hàng nhỏ. Dù tồi tàn là thế, đây vẫn là chốn ưa thích của Farid Shawwaf và đám bạn của cậu ta.

Bốn người bọn họ rời quán mà không say hẳn. Họ ghét cái việc Mahmoud chỉ uống mỗi soda.

Họ uể oải đi về phía quảng trường vì từ đó Farid Shawwaf có thể bắt xe buýt về căn hộ ở Karrada, còn Zaid Murshid và Adnan al-Anwar có thể bắt xe về Bab al-Sharqi.

Bầu trời màu xám nhanh chóng chuyển tối. Họ đứng ở quảng trường Andalus, đối diện với khách sạn Sadeer Novotel. Farid Shawwaf vẫn tán chuyện về cuốn sách giả tưởng của mình. Nếu cậu ta mà sang bên kia đường vào đúng khoảnh khắc đó, cậu ta ắt sẽ thấy một cái chết rõ ràng: một chiếc xe rác màu cam chất hàng chục cân thuốc nổ đã bẻ lái khỏi đường chính và đâm sầm vào cánh cổng kim loại của khách sạn, làm bùng lên một vụ nổ mà không một ai trong bốn phóng viên từng chứng kiến trong đời.

Tiếng nổ lớn làm ai nấy ngã ngửa. Họ bị cơn mưa bụi và sỏi vùi dập tã tơi. Mất một phút họ mới nhận ra mình không bị thương. Không nghĩ ngại gì, họ chạy sang bên kia đường. Trên lớp nhựa đường sau dải phân cách họ thấy một cái xác. Họ tới bên, và Mahmoud chạm tay vào nó. Cái xác đột ngột cử động. Họ đỡ người đàn ông đứng lên, và Mahmoud nhận ra gã ngay lập tức. Đó là tay buôn đồ cũ Hadi, hay Hadi ba xạo, như những khách hàng ở quán cà phê của Aziz vẫn gọi. Hadi thất thần nhìn vào mặt họ, gạt tay họ khỏi người mình, rồi lao đi, tảng lờ tiếng kêu bảo gã dừng lại vì có thể gã đã bị thương nặng.

Họ không nhìn thấy gì khác. Có vẻ không có bất kỳ nạn nhân nào của vụ nổ. Kẻ đánh bom lái chiếc xe rác chắc đã bốc hơi rồi. Đó là những gì họ tự nhủ khi nhìn thấy nhân viên khách sạn đổ ra sân trước và nghe tiếng còi xe cảnh sát. Họ muốn đi khỏi đây về Bab al-Sharqi hơn.

Khi họ tới quảng trường Nasr, Zaid Murshid và Adnan al-Anwar bắt xe buýt về Bab al-Sharqi. Farid nói cậu ta muốn đi taxi hơn. Cậu ta trông bối rối và hoang mang lo lắng, cái vẻ liêng biêng khi rời quán bar bí mật đã hoàn toàn biến mất.

“Lẽ ra giờ cậu đã chết rồi. Cậu cứ nói thao thao bất tuyệt. Những câu chuyện tuyệt vời của cậu đã cứu cậu đấy, anh bạn,” Mahmoud nói, lấp bắp và có chút ngập ngừng giữa các câu cho thêm phần kịch tính, có phần giống cách nói của Saidi. Farid mở to mắt sững sờ, có lẽ bởi những gì Mahmoud nói là sự thật.

Farid đi khỏi đó, còn Mahmoud cảm thấy mình vẫn còn đủ sức để đi bộ cả quãng đường về khách sạn Orouba. Anh lấy điều thuốc ra, đặt lên môi nhưng không châm lửa. Anh cảm thấy thư thái kỳ lạ dù thảm họa vừa xảy ra trước mắt mình, nhưng cũng chẳng buồn để tâm đến sự thể có vẻ như mâu thuẫn này. Anh nhớ đến một câu duy nhất và nhắc lại với chính mình. Câu đó thu hút trí tưởng tượng của anh. Anh lấy máy ghi âm kỹ thuật số ra.

“Hãy lạc quan. Hãy lạc quan đi rồi cậu sẽ sống sót. Hãy lạc quan. Hãy lạc quan đi rồi cậu sẽ sống sót.”

Anh lặp những lời đó vài lần như một kẻ bị ám ảnh, cho đến khi nhận ra pin trong máy ghi âm đã chết.

Chương năm

CÁI XÁC

1

“Dậy đi Daniel,” Elishva gọi to. “Dậy đi Daniel. Lại đây nào, con trai.”

Hắn đứng thẳng lên ngay lập tức. Vì đây là mệnh lệnh mà thằng nhóc đeo vòng bạc đã chết ở nghĩa địa Najaf từng nói đêm hôm trước. Bằng lời lẽ của mình, bà già đã thổi hồn vào đồng hồ lớn khác thường này - tạo nên từ những bộ phận cơ thể tạp nham và linh hồn của người bảo vệ khách sạn đã chết. Bà già đã đưa hắn thoát khỏi tình trạng vô danh bằng cái tên mà bà đặt: Daniel.

Daniel nhìn bà già đứng trong căn phòng trên gác đã đổ sụp. Những lọn tóc muối tiêu xổ ra khỏi chiếc khăn buộc đầu màu đen bà thắt hờ quanh cái đầu nhỏ. Thân bà bọc kín trong cái áo khoác len sẫm màu sờn rách ở cổ tay, dưới chân là một con mèo xám rụng lông nhìn Daniel bằng đôi mắt mở to sợ hãi, khẽ kêu meo meo như tự nói với chính mình. Lúc này là gần sáu giờ sáng, không khí rất lạnh. Những âm thanh vọng từ bên ngoài nghe vắng vắng; sự nhộn nhịp ban ngày vẫn chưa bắt đầu. Tay buôn đồ cũ Hadi, ngủ trong phòng gã trong cơn đau đớn, phải đến trưa mới thức dậy.

Daniel trèo qua những chõng gạch của thứ từng là sàn nhà của căn phòng trước khi bị sụp. Hắn đi theo bà già và con mèo xuống nhà.

Elishva đặt cái máy sưởi gần Daniel trong phòng khách, rồi đi đâu đó vài phút và quay trở lại với chiếc sơ mi trắng nhàu nhĩ, áo len xanh lục cũ

kỹ và quần bò, tất cả đều nòng mùi băng phiến. Bà đã lấy quần áo từ ngăn kéo của Daniel, nơi chúng được cất suốt bao năm qua. Bà ném quần áo về phía hắn, đoạn bảo hắn mặc vào. Trước khi để lại hắn một mình, bà liếc hắn một cái cuối cùng. Bà không hỏi gì hắn - bà đã hứa với vị thánh bảo hộ là sẽ không hỏi quá nhiều. Suốt lúc đó bà đeo cặp kính dày cộp lủng lẳng trên cổ, nhưng vẫn biết người đàn ông này chẳng giống Daniel lắm. Chẳng sao cả. Không phải ai trở về cũng giống hệt như khi họ ra đi. Những câu chuyện nhằm giải thích cho những khác biệt những đổi thay, bà nghe đủ lắm rồi - những câu chuyện được kể bởi biết bao phụ nữ bị thời gian tàn phá, bằng cách nhận ra rằng họ sẽ không bao giờ gặp lại những khuôn mặt mất tích mà họ nhớ rất rõ nữa. Điều xảy ra là một phép màu, bà tin như vậy, và thật khó đoán chuyện này sẽ dẫn tới đâu. Bà đã tính gỡ bức tranh lớn vẽ vị thánh trên tường xuống đem giấu kỹ vào góc nào đó trong nhà. Có lẽ bà sẽ cất nó ở một trong những căn phòng bụi bặm trên gác. Với cặp mắt đẹp và con ngựa trắng, Thánh George có thể ngấm nhìn những hạt bụi lọt vào qua vết nứt của ô cửa sổ nhìn xuống đường. Ngài sẽ hối tiếc vì đã tảng lờ bà suốt bao năm qua và không thể nhận ra rằng, với chiều sâu nỗi thất vọng của bà, đã đến lúc Chúa và những hình ảnh thần thánh của Người phải lắng nghe tiếng be be của con cừu đi lạc.

Elishva để lại người đàn ông trần trụi kỳ dị đang nhìn chằm chằm vào những bức tường và đồ đạc trong nhà. Daniel đứng lên nhìn những bức ảnh - một trong số đó chụp một người đàn ông ngũ tuần có hàng ria đen mỏng vận bộ com lê kiểu Tây, bức khác chụp một thanh niên mày râu nhẵn nhụi với mái tóc dày và mảng tóc mai lớn. Cặp mắt u hoài ngái ngủ nhìn xa khỏi ống kính. Daniel lại gần bức ảnh hơn. Ất hẳn nó phải được chụp từ hai mươi năm trước. Hắn chú ý đến hình phản chiếu của khuôn mặt chính mình qua lớp kính. Nó có phần làm hắn ngạc nhiên - đây là lần đầu tiên hắn nhìn thấy chính mình. Hắn lướt ngón tay qua những vết khâu trên mặt

và cổ. Nom hần xấu tệ. Làm thế nào mà bà già lại không có vẻ gì là giật mình trước vẻ ngoài đáng sợ của hần nhỉ? Hần chuyển sang xem một bức khác. Đó là một vị thánh chiến binh cưỡi ngựa trắng, đâm cây giáo vào cổ họng một con rồng thần thoại. Hần xem kỹ nó. Khuôn mặt của vị thánh mềm mại nhẹ nhàng và điển trai, như các vị thánh trong mọi bức tượng thánh. Bà già đang ở phía trong nấu bữa sáng. Hần có thể nghe thấy tiếng xoong nồi loảng xoảng khi bà làm công việc của mình. Chậm rãi, hần mặc ba món đồ vào. Chúng vừa người hần như in. Hần quay lại nhìn phản chiếu của mình trong bức ảnh Daniel Tadros Moshe và để ý thấy, dù đó chỉ là một bức ảnh đen trắng, rằng Daniel mặc đúng bộ quần áo này: sơ mi trắng với cổ áo rộng hơi dựng bên dưới áo len cổ chữ V. Ngoài trừ những vết khâu thô kệch trên mặt và cổ, thì trông hần cũng gần giống cậu ta. Bà già đã nghĩ như thế. Với đôi mắt chắc chắn đã mờ, khi trở lại phòng khách, bà sẽ chỉ thấy những gì mình muốn thấy.

Daniel chuyển sự chú ý sang bức tranh vị thánh tử đạo, nhìn kỹ nó dưới ánh ngày tràn vào qua cửa sổ. Hần chú ý kỹ năng người nghệ sĩ đã dùng để thể hiện những nếp gấp trên cái áo choàng đỏ rực phấp phới sau vị thánh chiến binh vạm vỡ. Đó là một bức tranh kỳ diệu về một vị thánh điển trai với đôi môi mỏng, và giờ đôi môi đó đang mấp máy.

“Người phải cẩn thận,” tiếng nói cất lên.

Đôi môi của vị thánh thực sự đang mấp máy.

“Đó là một bà già không may. Nếu người làm hại bà ấy hay làm bà ấy buồn, ta thì sẽ đâm xuyên cây giáo này vào cổ họng người.”

Phiên bản mới của Daniel ngủ trên xô pha trong phòng khách. Elishva đắp cho hắn tấm chăn dày rồi để hắn nằm đấy để tiếp tục công việc hằng ngày, thường có nghĩa là dọn dẹp những thứ bà đã dọn dẹp, phủi bụi đồ đạc, những bức tượng thánh, tranh ảnh, và quét sân - những việc ngốn của bà nửa ngày.

Có lần con mèo trốn lên mái nhà nhìn quanh, dòm xuống khoảng sân ngôi nhà ọp ẹp của Hadi. Hadi vò đầu bứt tai không hiểu và tìm khắp chốn xem cái xác gã tạo ra ở đâu. Gã tưởng tượng sẽ tìm thấy nó treo trên tường hoặc lơ lửng trên bầu trời trong xanh buổi sáng hôm ấy.

Dù khớp xương và đầu đau nhức, Hadi vẫn ra ngoài nhìn ngược xuôi con đường kiếm tìm dấu hiệu về một chuyện kỳ lạ đã xảy ra, nhưng gã không sẵn lòng chặn bất kỳ người hàng xóm nào để hỏi, “Xin hỏi, có ai thấy một cái xác trần trụi xuống phố không ạ?”

Hadi là kẻ ba xạo, ai cũng biết điều đó. Gã sẽ cần đến nhân chứng để chứng thực cho lời tuyên bố rằng gã đã rán trứng cho bữa sáng, nói gì đến câu chuyện về một cái xác trần trụi được tạo nên từ bộ phận cơ thể của những người đã chết trong các vụ nổ.

Hadi ngược lên mái nhà của Elishva và các nhà hàng xóm xung quanh, nghĩ rằng có lẽ ai đó đã lôi cái xác lên đó, nhưng gã chẳng nhìn thấy gì. Gã mở tất cả tủ quần áo và chặn bếp trong sân nhà. Rồi gã đi ngược đi xuôi những con đường lân cận. Gã dừng lại khi đến chỗ Bô Zaidoun, lão thợ cắt tóc, đang ngồi thông thụt trên cái ghế vườn trắng bên ngoài cửa tiệm, nhưng Hadi không chắc lão nhìn thấy bất cứ thứ gì cho dù cái xác có đi thẳng tới trước mặt. Chủ tiệm giặt là Akhawain kể với gã là cảnh sát đã lục soát các ngôi nhà suốt buổi sáng để tìm kiếm các băng đảng có vũ trang buôn bán phụ nữ ra khỏi Iraq. Một nhân viên làm ở hiệu bánh nói có những “kẻ khủng bố” từ tỉnh lên trú trong một khách sạn địa phương và rằng cảnh sát và người Mỹ đang lục soát các khách sạn từng cái một. Hadi còn nghe

được rằng hai gái mại dâm trẻ mà gã từng vui vẻ đã chuyển đến Syria ngày hôm đó để hành nghề trong các câu lạc bộ đêm - có vẻ như Baghdad không còn sinh lời nữa. Gã nghe được cả đồng tin tức khác. Thực tế thì gã đã dành nửa ngày để nghe, nhưng gã không nghe được tin gì về cái xác đã biến mất bí ẩn.

3

Mẹ Salim xem đó là điềm lành khi gặp Elishva ở hàng thịt. Elishva mua khoảng hai lạng thịt bò và nửa cân lòng cừu đã làm sạch, rồi sang hàng rau bên cạnh. Bỏ chiếc khăn buộc đầu để tang của góa phụ ra, bà chít cái khăn choàng đầu màu đỏ điểm những bông hoa trắng, nom như thiếu nữ vậy. Mẹ Salim tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với bà.

Hai người phụ nữ đi chợ cùng nhau rồi chậm rãi đi ngược trở lại con đường. Mẹ Salim nói về chuyện xảy ra sáng hôm qua, kể rằng vụ nổ kinh khiếp đã khiến tường mấy nhà bị nứt ra sao. Mẹ biết được lúc ấy Elishva đang ở nhà thờ. Elishva nói bà có nghe thấy tiếng nổ nhưng lúc về thì không nhìn thấy gì hết. Lại có thêm bằng chứng cho Mẹ Salim rằng Elishva có sức mạnh đặc biệt.

Khi Mẹ Salim hỏi về tấm khăn choàng đầu màu đỏ nổi bật của bà, Elishva nhìn xuống đường khẽ nói, “Thời gian đau buồn đã qua rồi. Cuối cùng Chúa đã nghe thấy lời cầu nguyện của tôi.”

“Nghe vậy tôi vui lắm. Quả là tin tốt lành.”

Elishva không thể kìm được việc tiết lộ bí mật động trời, bà nói toẹt ra với Mẹ Salim rằng con trai bà đã về nhà. Mẹ Salim chỉ bước đi trong im lặng thần thờ. Bà già này đang nói gì vậy, mẹ tự hỏi.

Khi Elishva tới trước cửa nhà mình, Mẹ Salim, mà nhà chỉ cách vài mét phía kia đường, dừng lại. “Giờ cậu ta có nhà không?” mẹ hỏi.

“Có, nó đang ngủ. Nó mệt lắm.”

Mẹ Salim cong môi lại như đang suy nghĩ lung lăm, nhưng mẹ không đi thẳng vào nhà kiểm tra, một sai lầm lớn mà sau này mẹ đăm hối hận. Mẹ còn mãi nghĩ về bữa trưa phải chuẩn bị cho chồng, cái kẻ ngỗ trên ban công cả ngày liền trong im lặng, đọc những tờ báo cũ. Mẹ không coi những gì Elishva nói là nghiêm túc - cái tin quá choáng khó mà chấp nhận nổi sau một lời thông báo qua loa đến vậy. Mẹ Salim tự nhủ sẽ ghé nhà Elishva sau, có lẽ buổi chiều, để tìm hiểu thêm.

Nhưng hóa ra mẹ không tìm hiểu thêm được gì. Buổi chiều mẹ cũng bận sau khi thằng con giữa đột ngột thông báo tên của cô gái nó sắp cưới, khiến mẹ không còn thời gian đâu mà gặp con trai của bà già, kẻ trở về từ cuộc chiến đã kết thúc hai mươi năm trước hoặc hơn. Dần dà, Mẹ Salim bỏ hàng ngũ mà nhập vào cái nhóm vẫn cho rằng bà già đã lắm cẩm, và Elishva sẽ mất đi những đồng minh trung thành cuối cùng.

4

Hadi trở về nhà. Gã mò mẫm trên mặt sân xem có máu hay những mẫu bộ phận cơ thể mà gã biết mình đã cầm trong tay khi cắt chúng ra hay khâu lại với nhau để cái xác có một tình trạng tương đối hoàn thiện hay không. Gã chẳng tìm thấy gì: trận mưa lớn hôm qua đã quét sạch mọi thứ. Gã dành buổi sáng muộn nằm dài trên giường, ngược lên trần nhà ngắm nước. Rồi gã nhìn bức tường phía xa nơi người bạn quá cố Nahem Abdaki treo câu thơ thứ 255 của chương thứ 2 trong kinh Qur'an. Một mép bìa đã bong ra và cuộn xuống vì ẩm. Nếu ai đó kéo ra, họ có thể bóc cả câu thơ khỏi bức

tường. Xét cho cùng, gã nghĩ chuyện xảy ra biết đâu lại hay: gã chả muốn thoát khỏi cái xác còn gì, và nó biến mất thật, giải thoát gã khỏi một nhiệm vụ hạ cấp khác - cắt nó ra và tháo chỉ, rồi vứt các bộ phận vào các thùng rác khác nhau trong khu dân cư.

Buổi chiều, Hadi tới quán cà phê của Aziz, nhưng quán quá đông và tay bạn Ai Cập không có thời gian tán gẫu với gã, thế nên gã đến nhà lão già quê Amirli, cố thuyết phục lão bán đồng đồ cũ thêm lần nữa. Như thường lệ, gã lại quay về điểm xuất phát trong cuộc thương lượng. Lần thứ mười gã nghe lịch sử chiếc máy hát cũ được chế tác ra sao, lão mua nó ở đâu và những câu chuyện về bất kỳ món đồ hoặc vật dụng nào đứng trước mặt họ.

Nếu như lão già ăn vận chỉnh chu, mày râu nhẵn nhụi này biết mình đang đứng cạnh một tên tội phạm mó máy vào những bộ phận cơ thể người thì sao nhỉ? Có lẽ lão sẽ đá gã văng qua lối đi lát xi măng ra tận ngoài cổng, nói lời tạm biệt gã ngay lập tức, rồi cấm cửa gã vĩnh viễn.

Sau này Hadi sẽ dẫn lại những chi tiết đó vài lần, vì gã yêu thích những chi tiết mang lại cho câu chuyện của gã tính chân thực và khiến nó sinh động hơn. Gã sẽ kể mọi người nghe rằng gã đã phải làm việc vất vả ra sao, nhưng họ sẽ lắng nghe như thể đó là câu chuyện ngụ ngôn hay nhất mà Hadi ba xạo từng kể.

Ngồi trong quán cà phê, gã sẽ kể câu chuyện từ đầu, không bao giờ mệt mỏi với việc kể đi kể lại. Gã đắm mình trong câu chuyện và cuốn theo nó, có lẽ để mang lại niềm vui thú cho người nghe hoặc để thuyết phục chính mình rằng đó chỉ là câu chuyện sinh ra từ trí tưởng tượng phong phú của gã và chưa bao giờ thực sự xảy ra.

Elishva đang bận nấu cháo kiều mạch *kashka*. Bà lược tấm lúa mì và cho thêm đậu gà, gia vị, thịt thái miếng vuông vào. Bà rất giỏi nấu món truyền thống nhưng lại hiếm khi có dịp nấu - bà nấu làm gì nếu chỉ cho con mèo không thôi. Nhưng ngày hôm đó thì khác. Bà trân trọng vị khách đặc biệt này và đang hoàn thành lời thề cũ của mình. Bà già vừa khuấy món *kashka* vừa tự lặp lại với chính mình, “Cầu xin phúc lành và bình an từ Đức Chúa trời - Cha của chúng con và Chúa Jesus Christ, người yêu thương chúng con trước cả yêu chính Người.”

Đã học nhiều tập tục của người dân trong khu, Elishva xem đó là lời thề mà giờ mình đang hoàn thành, dù cha Josiah luôn sửa cho bà.

“Chúng ta không ra điều kiện cho Chúa như người Hồi giáo,” ông nói. “Chúng ta không nói, ‘Nếu Người làm việc này thì con sẽ làm việc kia.’”

Elishva hiểu ý ông, tất nhiên, nhưng bà thấy việc ra điều kiện cho Chúa cũng chẳng hại gì, như Mẹ Salim và những hàng xóm Hồi giáo khác của bà vẫn làm. Bà không nhìn Chúa như cách của cha Josiah. Chúa không phải “ở vị trí tối thượng”, bà không xem Người như một thế lực áp chế hay độc tài. Người chỉ là một người bạn cũ, và thật khó lòng bỏ rơi tình bạn đó.

Vị khách đặc biệt của Elishva không ăn bất cứ món nào bà đặt trước mặt hắn. Bà ăn một ít, còn Nabu thì chén hết sạch những mẩu thịt thừa và liếm láp cái bát. Bà chẳng bận lòng đến việc con trai bà, hay bóng ma của nó, chẳng cần lấy một miếng. Có lẽ hắn giống những vị khách của Abraham trong phiên bản kinh Qur'an, hoặc giả hắn không muốn ăn. Bà không hỏi dồn hắn, sợ hắn bỏ đi mất.

Từ đó cho tới tối muộn Elishva lẩn bần từng hồi với vị khách lẩn lti của mình. Không có gì đáng chú ý xảy ra trong khoảng thời gian đó. Người bán bình ga đến, và Elishva đổi cái bình rỗng lấy bình mới; anh ta bê bình đến cuối hành lang giúp bà già. Máy chiếc trực thăng Mỹ bay ầm ỉ trên

mái nhà khiến nó rung lên và làm bầy chim của Abdel Razzaq, thằng bé ở ngôi nhà đằng sau, hoảng loạn đập cánh, làm rụng mấy sợi lông vũ phất phơ giữa không trung. Mẹ Salim không ghé qua, cũng chẳng có hàng xóm nào khác - cả Diana cũng không, cái cô bé xinh xắn người Armenia ở con đường kế bên, mẹ của cô là Veronica Munib thì thoảng lại khuyến khích con qua thăm Elishva để xem bà có thiếu thứ gì hay cần làm cho xong việc gì không.

Trong khi nói chuyện với vị khách, Elishva để trên lòng mình những chiếc hộp đóng kín bấy lâu, mở hộp và dốc sạch mọi thứ trong đó ra. Bà gà gât trên xô pha đối diện chỗ người đàn ông kỳ lạ, lẳng lẽ đang ngồi. Khi tỉnh dậy, bà thấy hắn đang nhìn chăm chăm vào ánh sáng yếu ớt lọt qua cửa sổ trông xuống con đường.

Elishva dốc bầu tâm sự với Daniel về chuyện cãi nhau với chồng bà, Tadros, người đã chôn chiếc quan tài rỗng cho Danny dù bà không muốn. Tadros, một tùy phái văn phòng ở bộ giao thông công chính, đã đi cùng mấy người họ hàng, bạn bè và người quen đến nghĩa trang Giáo hội phương Đông Assyria ở Đông Baghdad để chôn một chiếc quan tài có đựng vài bộ quần áo của Daniel và những mảnh đàn guitar gảy của nó. Họ cầu nguyện cho nó, rồi đặt tấm bia mộ có dòng chữ bằng tiếng Syria và Ả Rập, “Nơi yên nghỉ của Daniel.”

Elishva không đồng ý đi cùng họ vì trái tim mách bảo bà rằng con trai bà chưa chết. Bà không ngó ngang tới ngôi mộ cho tới khi Tadros qua đời và được chôn kế bên mộ con trai bà. Trái tim bà tan nát khi bà đọc thấy tên con trai mình trên tấm bia đá vôi, nhưng kể cả khi ấy bà cũng không chấp nhận việc nó đã chết, dẫu cho bao nhiêu năm trôi qua.

Trong thời gian đó, gia đình Ninous Malko chuyển tới một trong những căn phòng ở tầng trên của nhà bà lão. Họ đã bỏ lại ngôi nhà cho thuê ở Bataween. Cuối cùng, Matilda, con gái thứ hai của Elishva, lấy con trai thứ

nhà Ninous, và một mối bằng hữu bền chặt đã phát triển giữa Elishva và vợ chồng Ninous Malko. Họ gần như đã bù đắp cho chuỗi mất mát mà Elishva phải chịu đựng, bởi vì ngoài chuyện Elishva đã mất Daniel và cha thằng bé, hai con gái của bà cũng có ý định ra đi. Không khó để những người họ hàng mới tin rằng một ngày nào đó Daniel sẽ trở về. Có nhiều người mất tích, và một trong số họ biết đâu sẽ trở về. Chuyện đó vẫn cứ xảy ra đấy thôi. Một người anh em của Ninous đã trở về sau nhiều năm bị cầm tù ở Iran, và vào thời điểm đó nhiều người đã khao nhau về cú sốc khi biết được rằng ông ta đã từ bỏ tôn giáo gốc của mình và trở thành một người Hồi giáo dòng Shiite nhánh Mười hai Imam. Ông vẫn theo Shiite vài năm rồi dần dần cải đạo về Thiên Chúa giáo, hay ít nhất ông làm cho gia đình mình tin như vậy nhằm chấm dứt mối bất hòa gây ra từ việc ông cải đạo.

Nhiều tù nhân trở về nhà sau chiến tranh với Kuwait vào giữa những năm 90. Vì sự khắc nghiệt của lệnh trừng phạt kinh tế áp lên Iraq, chồng của Hilda và Matilda quyết định di cư. Hai cô con gái sẽ không đi nếu không có mẹ đi cùng. Nhưng như một con dê núi cứng đầu, Elishva từ chối. Mỗi bất đồng kéo dài suốt cả năm, nhưng bà lão không lùi bước. Cuối cùng bà thuyết phục các con rằng bà sẽ đến ở cùng khi họ ổn định cuộc sống và bà hoàn toàn từ bỏ hy vọng rằng Daniel sẽ trở về. Nhưng bà không bao giờ từ bỏ hy vọng, và sự hiện diện của gia đình Ninous Malko là niềm an ủi cho việc xa các cô con gái. Nhưng vào đêm người ta tuyên bố cuộc chiến cuối cùng, vợ của Ninous buộc tội Elishva dùng ma thuật đen với hai đứa con trai nhỏ nhà họ làm cho một trong hai đứa không nói được dù đã sáu tuổi. Bà ta sợ bà lão, nhất là sau khi phát hiện ra bà lão nói chuyện với mấy bức tranh hay với cả đồng mèo lang thang quanh nhà. Có lần bà ta nói với chồng rằng một con mèo đã đáp lại lời bà lão và nói chuyện cùng bà. Bà ta thậm chí còn nghi ngờ lũ mèo đó thực ra là người đã bị Elishva dùng thứ ma thuật độc địa biến thành mèo.

Ninous chẳng tin vào mấy thứ mê tín dị đoan, nhưng ông không thể chịu được những lời phàn nàn của bà vợ về ngôi nhà, thế nên sau khi Mỹ xâm lược Baghdad, ông đưa gia đình nhỏ của mình tới Ankawa ở Erbill. Ông không nói với Hilda hay Matilda, mà Elishva cũng chẳng phản đối - bà có vẻ ủng hộ, hoặc là thờ ơ.

Các con gái của bà rất sốc khi phát hiện ra mẹ sống một mình trong căn nhà lớn giữa một thành phố loạn lạc nơi lũ ma quỷ ào ra khỏi ngục và cùng lúc trỗi lên mặt đất - ít nhất đó là những gì họ tưởng tượng ra.

Thời gian đó, họ gọi cho Elishva vào mỗi Chủ nhật qua điện thoại về tinh ở nhà thờ Thánh Odisho, và nếu Elishva không đến vì lý do nào đó, đích thân cha Josiah sẽ gọi để trấn an họ. Cuộc điện thoại kéo dài không quá một phút - cha xứ muốn công bằng với tất cả những người có nhu cầu sử dụng điện thoại, mà số đó nhiều lắm. Đôi khi Elishva và một trong hai cô con gái nói được nửa chừng thì bắt đầu cãi nhau, và một phút đã hết ngay khi cuộc tranh cãi nóng lên, buộc cha Josiah phải giăng điện thoại khỏi tay Elishva. Các cô con gái nói muốn quay trở lại Baghdad và đưa mẹ đi bằng được, nhưng họ chỉ nói cứng vậy thôi. Nếu cuộc tranh cãi bị gián đoạn, Elishva sẽ tự đấu tranh với chính mình thay vì tóm lấy một phụ nữ nào đó ở nhà thờ để thuyết một bài hùng hồn về việc bà không chịu bỏ nhà để chuyển đến một nơi bà chẳng biết gì. Cha Josiah khuyến khích bà ở lại, vì ông xem đó là bổn phận tôn giáo. Ai cũng bỏ nước ra đi thì thật không hay. Người Assyria cũng đã gặp những chuyện tởm tợ tương tự trong những thế kỷ trước, nhưng họ đã ở lại Iraq và sống sót. Cũng chỉ nghĩ đến bản thân mình thì thật không nên. Đó là những điếu thi thoảng ông vẫn nói trong bài giảng đạo.

Đầu năm đó, cha Josiah hỏi Elishva xem có cho nhà Sankhiro ở nhờ được không, nhà ấy trốn chạy khỏi một cuộc phân biệt giáo phái ở Dora, quận phía Nam Baghdad. Họ ở căn phòng nhà Malko từng sống, nhưng chỉ

vài tuần sau họ rời đến Syria, dự định di cư đến châu Âu. Chẳng bao lâu sau, ba con mèo của Elishva biến mất, và rồi Elishva tìm thấy con thứ tư chết trên mái nhà, cơ thể trương phình. Bà đinh ninh rằng một mảnh đạn pháo đã văng trúng nó hoặc nó ăn phải thịt bị đánh bả.

Elishva huyền thuyên nửa tiếng đồng hồ về lũ mèo, rằng Nabu là con duy nhất còn lại. Rồi bà chợt nhớ đến Bố Zaidoun, tay thành viên đảng Ba'ath chịu trách nhiệm về việc đưa con trai bà ra trận. Bố Zaidoun từng săn lùng những kẻ trốn nghĩa vụ quân sự, còn Daniel thì sau khi nhận giấy gọi lại mãi không ra trình diện. Nó không muốn ghi danh nhập ngũ và tới trại huấn luyện, thay vào đó muốn học nhạc cho xong. Nó thích chơi guitar và giữ một chiếc trong tủ quần áo, dù chơi chẳng hay lắm.

Bố Zaidoun đã lôi cổ Danny đi. Từ trại huấn luyện, Daniel ra thẳng mặt trận và không bao giờ quay về nữa. Kể từ đó, Bố Zaidoun là kẻ thù không đội trời chung của Elishva. Khi đám người Ba'ath mang đến một chiếc quan tài rỗng cho Daniel, cùng vài bộ quần áo và đồ cá nhân của nó, lão Tadros đã đau đớn đập nát chiếc guitar của thằng con trai.

Mấy mảnh đạn vỡ được cho vào chiếc quan tài lớn bằng gỗ tếch đỏ mà Tadros đã mang đến và hạ xuống mồ. Vậy là có một cây guitar vỡ trong một cỗ quan tài rỗng, một ngôi nhà đã mất bóng ma đứa con trai duy nhất của bà, và một kẻ thù say sưa chè chén trong khu dân cư, áp đặt quyền lực của mình lên mọi người mà chỉ vài kẻ dám đứng lên chống lại. Nhưng Elishva đã đứng lên chống lại lão. Bà nguyện rửa lão trong những lời cầu nguyện và bất cứ khi nào chạm mặt lão trên đường. Bố Zaidoun không còn bén mảng đến đường 7 nữa phòng khi Elishva có thành linh xông ra khỏi nhà để nguyện rửa lão. Mấy người phụ nữ còn thề rằng nếu lão già quỷ quyết đó mà chết, họ sẽ giết một con cừu để tế Thượng đế. Elishva cũng lập lời thề, nhưng bà không bao giờ nói với cha Josiah về điều đó. Giờ thì bà đang tiết lộ nó, với vị khách im lặng của mình, lần đầu tiên trong đời.

Khi đêm buông xuống, Elishva mới xong phần đầu tiên của màn độc thoại đông dài. Bà nhắc đi nhắc lại với hấn rằng bà biết hấn sẽ trở về Antoinette, một người họ hàng của bà đã không tin bà, hay Martha, hay vợ của Youresh anh trai bà, cũng vậy. Giờ thì họ đều đã chết hoặc di cư hết cả rồi. Bà lấy một cuốn album cũ ra chỉ cho hấn. Dưới ánh đèn bà cho hấn xem những bức ảnh hấn hồi nhỏ, đứng cùng dàn hợp xướng nhà thờ trong y phục lễ sinh. Rồi những bức ảnh hấn chụp cùng bạn ở trường. Ở quán bar hay nhà hàng. Mặc đồng phục bóng đá, chân đế trên quả bóng giống cầu thủ nổi tiếng Ali Kadhim. Bọn con trai đứa nào muốn chụp kiểu ảnh như vậy đều sẽ đặt chân phải lên quả bóng, chống tay phải lên hông, và mỉm cười. Bức ảnh sẽ không hoàn hảo nếu chúng không tạo dáng y như vậy. Có một bức khác thẳng bé chụp cùng đội bóng, bá cổ chúng khoác vai nhau. Ảnh đã mờ và ố. Khi Daniel lật xem hết chỗ ảnh, hấn đứng phắt lên, bỗng dưng hiểu kỳ, bèn đi lục lọi những phòng khác. Elishva vẫn ngồi tại chỗ, nhìn bức tranh vị thánh bảo hộ bên ánh đèn. Có vẻ như đêm ấy bức tranh sẽ không di chuyển hay lên tiếng.

Từ bếp vọng ra tiếng xoong nồi rơi xúng xoảng. Chắc hấn vấp phải thứ gì đó trong bóng tối. Elishva nghe tiếng hấn đi lên mái nhà. Hấn đi được vài phút thì quay lại, tay cầm theo gì đó. Hấn giấu nhanh vào túi quần. Rồi hấn mở miệng nói lần đầu tiên. Cuối cùng Elishva cũng nghe thấy giọng hấn. Nó khàn khàn, như thể hấn chưa nói lời nào từ khi được sinh ra. Phát âm đầy khó khăn, hấn bảo bà rằng hấn phải ra ngoài. Bà muốn nói, “Con định đi đâu? Con mới quay về mà. Sao lại bỏ mẹ? Kể khi nào có ai đi ra khỏi cánh cửa đó là không bao giờ quay về nữa. Nó giống như cánh cửa dẫn đến một cái hố ấy.” Cảm giác như thể hét lên, bà khẽ níu lấy tay áo len màu xanh lục của hấn. Bà có thể cảm thấy cánh tay hấn rắn chắc thế nào, tựa một cành cây. Bà ngược lên nhìn khuôn mặt hấn, nhưng quá tối nên

chẳng thấy gì. Hấn quay đi. Con mèo quanh quẩn đi lại giữa bọn họ, cọ mình vào ống quần hấn và khẽ kêu rừ rừ.

“Con sẽ quay lại. Đừng lo,” hấn cất giọng khàn khàn.

Hấn dứt khỏi tay bà và đi thẳng ra cửa. Bà nghe tiếng bước chân hấn đi qua khoảnh sân r ấ dọc đường dẫn ra cửa. Bà nghe thấy hấn mở cửa r ấ nhẹ nhàng đóng lại. Bầu im lặng lại trùm xuống căn nhà thênh thang đơn chiếc. Bà cảm thấy khát khô cổ họng và mệt mỏi hơn bao giờ hết. Ng ấ r ấ r ấ trên xô pha trước bức tranh Thánh George Tử đạo, bà những muốn hỏi vị thánh bảo hộ vài câu hoặc nói chuyện với Ngài nhưng không lấy đâu ra sức. Bà để ý thấy tấm khiên kim loại của vị thánh ánh lên vẻ bóng láng mới, như thể ai đó trong bức tranh đã sơn lên nó vậy. R ấ ánh sáng mờ đi, và bà chẳng có gì để nói. Bà đã nói mọi đi ầu muốn nói r ấ. Bà sẽ không nhắc lại trong vài ngày tới. Chớp chớp mắt, bà nhìn những mảng đèn vàng trên bề mặt gợn lăn tăn của bức tranh cũ, trong khi con mèo già cuộn tròn giữa hai chân bà tìm hơi ấm.

Chương sáu

NHỮNG SỰ KIỆN KỶ LẠ

1

Hai xe thùng cảnh sát đến, chặn lối vào đường 1. Năm cảnh sát Iraq có vũ trang và một quân cảnh Mỹ bước ra. Họ d ãn người đứng xem ra sau hai xe thùng. Con đường đã trống trải từ sáng, và nhiều người dân ghé cặp mắt mệt mỏi, câm lặng nhòm qua những cửa sổ mắt cáo bằng gỗ của lối kiến trúc *mashrabiya** cũ kỹ ọp ẹp nhìn xuống đường. Tất thấy tĩnh lặng khi một cảnh sát chụp ảnh.

Vài phút sau tay cò nhà đất Faraj hỗn hển đến nơi, hàm râu dày đung đưa theo từng bước đi. Dưới tay y là một chiếc cặp táp nhỏ bên trong cất mớ tài liệu và giấy tờ hành chính cho những chuyến thăm tới các văn phòng chính phủ.

Tay người Mỹ lập tức xáp đến Faraj và hỏi y về một trong những căn nhà - ai sống ở đó và liệu y có biết gì về một vụ việc xảy ra bên ngoài hay không. Một người Iraq mặc đ ãn phục cảnh sát phiên dịch những câu hỏi của tay người Mỹ sang tiếng Ả Rập và nhìn Faraj lúc này trông khá đ ãn với ánh mắt buộc tội. Dù cũng thuộc dạng có máu mặt trong khu, y vẫn khiếp vía trước người Mỹ. Y biết họ hoạt động với tính độc lập đáng kể và không ai có thể bắt họ chịu trách nhiệm về những gì đã làm. Đột ngột như gió đổi chiều, họ có thể ném anh xuống hố đen. Faraj mấp máy đôi môi khô giải thích rằng y sở hữu căn nhà đó, hay nói đúng hơn là y thuê từ chính phủ trong vòng mười lăm năm, và y trả tiền thuê đ ãn đặn cho luật sư

ở Cục Tài sản Đóng băng. Vừa nói y vừa lấy vài văn bản ra khỏi cặp và, với bàn tay run rẩy, đưa cho cảnh sát.

Tay người Mỹ để mặc y nói. Gần đó là thi thể của bốn người ăn xin được phát hiện trong tư thế ng ã thẳng đơ trên đường. Gã này quay lại Faraj hỏi y có biết họ không. Faraj gật đầu. Y cảm thấy máu trong huyết quản chảy lạnh toát. Thật là một khởi đầu ngày mới t ối tệ. Ai đã giết những người ăn xin tội nghiệp này? Có phải tai ương từ trên trời giáng xuống đã khiến họ chết ngay tức khắc trong khi đang ng ã trong tư thế này hay không?

Mỗi người ăn xin đều tóm cổ người đối diện. Nom như một cảnh tượng hay hoạt cảnh sân khấu kỳ dị nào đó. Quần áo của họ nhếch nhác tả tơi, đầu cúi về phía trước. Nếu Hazem Abboud nhìn thấy cảnh này và chụp ảnh, anh ta nhất định sẽ giành giải thưởng quốc tế.

Càng lúc càng nhiều người xem tụ tập hai đầu đường, và những cái đầu e dè bắt đầu thận trọng ngó ra từ sau những bức màn *mashrabiya*. Tay người Mỹ không thích có quá nhiều người xem. Gã vẫy tay thúc giục đám cảnh sát Iraq khẩn trương lên. Họ lấy số điện thoại của Faraj và bảo y ghé qua sở cảnh sát Saadoun nếu có thông tin về vụ án hay tìm ra nhân chứng nào. Faraj thở phào nhẹ nhõm, đoạn gỡ mớ râu dày. Y lấy chuỗi tràng hạt ra, thu hết can đảm tiến gần hơn đến chỗ thi thể mấy người ăn xin, nhìn họ vẻ khinh miệt.

Mấy người cảnh sát đeo găng tay cao su trắng vào và bắt đầu gỡ những bàn tay đang tóm cổ nhau ra. Họ nhanh chóng mang các thi thể tới xe, và tất cả rời đi.

Mọi người bỗng ào ra đường vây quanh Faraj hỏi về vụ việc. Y vẫy tay xua họ đi, quất chuỗi tràng hạt dài màu đen vào mấy thằng bé, rồi đi thẳng.

Phía trên, từ cửa sổ gỗ của một căn nhà cũ bỏ hoang đối diện với nơi những người ăn xin ng ồi x ồm, có một kẻ ăn xin khác lén lút theo dõi chuyện đang diễn ra. Gã cũng ở chính nơi này vào đêm hôm trước khi tội ác xảy ra, uống một mình, đã nốc nửa chai arak Asriya thì nghe thấy tiếng cãi nhau nơi con đường tối. Ban đầu gã lơ đi bởi chắc đây chỉ là một cuộc cãi vã quen thuộc trong cơn say khướt của đám ăn xin quay về những căn phòng tối tăm vào cuối đêm mà thôi. Họ đã thóa mạ lẫn nhau và chợt nhớ ra tình cảnh tối tệ mình đang lâm vào, và họ hiểu ra rằng vấn đề nằm ở sinh vật tình cờ xuất hiện trước mặt họ, kẻ vẫn thường cùng hội ăn xin với mình.

Cuộc cãi vã tiếp tục và tiếng chửi rủa càng lúc càng to, hòa lẫn cùng tiếng thở hổn hển, rên rỉ và la hét vì đau. Gã ăn xin say xỉn thò đầu ra ngoài cửa sổ, nhưng chẳng trông thấy gì. Rồi, trong ánh đèn pha của một chiếc ô tô rẽ út đầu đường, gã thấy năm dáng hình nắm tay nhau di chuyển theo vòng tròn.

Vào buổi tối cùng cái hôm xác mấy người ăn xin được phát hiện, kẻ ăn xin say khướt được đưa tới văn phòng của Faraj. Gã bắt đầu bép xép, và lời đã nhanh chóng đến tai Faraj, kẻ coi gã là cơ hội tiềm năng để tăng thêm quyền thế của y. Gã đàn ông vẫn chưa hoàn toàn dứt khỏi cơn say. Thực ra, lúc nào gã cũng say và chẳng có lẽ nào lại tin những gì gã nói, nhưng tận dụng một chút cũng chẳng hại gì.

Y tuôn một tràng chửi rủa vào mặt gã ăn xin, mạt sát gã và tất cả đám đệ tử lưu linh trên đời. Y cầu Chúa quét sạch chúng cùng hành vi ghê tởm của chúng khỏi đất nước này. Y chỉ trích chính phủ, nói rằng chính phủ sợ người Mỹ và đã không áp dụng luật sharia* để cứu người dân khỏi tai ương này. Khi Faraj tuôn ra tràng chửi rủa khủng khiếp ấy, gã ăn xin say khướt nom như một con chuột bỏ vợ, sợ hãi.

Faraj hỏi gã ăn xin đã nhìn thấy gì, và gã nhắc lại rằng, một tiếng sau khi cảnh sát kéo đi, gã đã loan tin với người dân trong khu: rằng một trong năm người đàn ông là một gã đáng sợ với cái miệng rộng.

“Nhưng chỉ có bốn người thôi mà!”

“Không, năm. Cả bốn người đều muốn túm cổ người thứ năm, nhưng cuối cùng lại thành ra túm cổ lẫn nhau.”

“Cái quái gì mà vô lý thế?”

Faraj chậm rãi nhấp một ngụm trà và nhìn gã ăn xin vẻ miệt thị. Cùng lúc đó một người khác cũng đang uống trà - chuẩn tướng Sorour Mohamed Majid, Trưởng Cục Theo dấu và Truy nã. Một trợ lý của chuẩn tướng bước vào phòng ông và đặt hồ sơ “bốn người ăn xin” lên bàn. Chuẩn tướng đặt cốc trà đen xuống đĩa lót, cầm hồ sơ lên, lật ra kiểm tra xem vụ này có thuộc trách nhiệm của cơ quan ông hay không. Đó là bản tóm tắt một báo cáo của cảnh sát trình bày rằng bốn người ăn xin chết vì siết cổ lẫn nhau.

2

Mahmoud và Ali Baher al-Saidi rời khỏi tòa soạn trên chiếc Mercedes đen của Saidi. Thi thoảng Saidi rủ Mahmoud ra ngoài, và Mahmoud thì chẳng có nhiều lựa chọn về chuyện đi hay không. Saidi sẽ gọi Mahmoud, vừa nghe tiếng đã thấy ông đứng ngay ngoài cửa, cầm chiếc cặp da đen chuẩn bị lên đường.

“Chúng ta phải đi làm mấy việc vặt, và tôi muốn cậu đi cùng tôi,” Saidi thường nói vậy, và Mahmoud sẽ tò mò muốn tìm hiểu xem ý ông là gì qua cách diễn đạt bí ẩn ấy. Saidi nghiện lối diễn đạt như vậy, những câu nói với cái lưỡi câu lôi kéo những kẻ khác đi theo mình. Ông không bao giờ cho ta biết toàn bộ câu chuyện chỉ trong một câu: ông sẽ hé lộ từng chút từng chút

một. Khi đi cùng Saidi, Mahmoud có thể sẽ đi vào Vùng Xanh và bị lục soát kỹ lưỡng. Hoặc họ sẽ đi thang máy với những quan chức cấp cao quen mặt. Có lần anh gặp bộ trưởng Bộ Kế hoạch trong thang máy và thấy ngài bộ trưởng cùng cười với Saidi ra sao.Ồ, họ là bạn! Nhiều phụ nữ bắt tay Saidi - phiên dịch viên, công chức, nhà báo, người làm việc trong quốc hội. Mahmoud nhìn mình trong những tấm gương ở khắp mọi nơi, nhưng cái anh thấy chẳng có nghĩa lý gì. Tất cả những gì anh thấy là Saidi và mạng lưới quan hệ của ông.

“Chúng ta đi đâu đây ạ?” Mahmoud hỏi khi họ lên xe của Saidi. Ánh ngày đang nhạt dần, bầu trời dần chuyển sắc đen. Mahmoud đã phải hủy cuộc hẹn với gã bạn Hazem Abboud. Hồi sáng Hazem có mời anh tới một buổi triển lãm ảnh của mấy người bạn làm trong các hãng thông tấn. Có lẽ hôm sau cậu ta sẽ đi, anh tự nhủ.

“Chúng ta sẽ tới gặp một người bạn cũ. Cậu có thể lấy được chút thông tin hữu ích từ ông ấy đấy.”

“Thông tin về cái gì ạ?”

“Tôi đã thuyết phục ông ấy một thời gian. Có những thứ xảy ra lù lù mà chúng ta chẳng biết gì cả. Cái gì đứng sau tất cả sự bất ổn này? Chúng ta cần khai thác bất kỳ mẩu thông tin nào để làm bẽ mặt người Mỹ và chính phủ,” Saidi nói.

Mahmoud rõ ràng chẳng hiểu gì. Anh vẫn hình dung Saidi là bạn với người Mỹ và chính phủ; vậy tại sao ông lại muốn làm bẽ mặt họ? Anh không dám hỏi. Anh sẽ tìm hiểu khi họ gặp người bạn cũ này, như Saidi miêu tả ông ta. Họ đi vào Karrada và gặp phải cảnh tắc đường gây ra bởi một đoàn xe Hummer của Mỹ. Đám binh lính đứng trên thùng xe chữa vũ khí vào các xe đằng sau, vốn giữ khoảng cách ít nhất hai mươi mét.

Saidi bật đài, và ca khúc của Whitney Houston cất lên. Saidi có vẻ không khó chịu lắm với cảnh tượng trước mắt. Thực ra, ông hiếm khi tỏ vẻ khó chịu với bất cứ thứ gì. Ông tin vào tương lai, như Farid Shawwaf nói. Nhưng giọng Farid nhuốm vẻ mĩa mai, ý là Saidi biết bản thân ông sẽ ở vị trí tốt hơn trong tương lai. Chẳng liên quan đến đất nước hay những gì xảy ra bên trong nó. Mahmoud hoang mang về những điếu Farid nói. Anh không muốn nghĩ quá nhiều về quan điểm riêng của cậu ta đối với Saidi hay quan điểm của Saidi về tình hình nói chung. Những việc đó đòi hỏi một mức độ nỗ lực, tập trung và khoảng cách tâm lý mà ngay lúc này Mahmoud không có, hoặc giả anh chỉ đang cố lừa bản thân nghĩ rằng mình không có. Anh biết Farid Shawwaf là kẻ hèn học, khó bằng lòng và luôn tìm cách gieo điếu tiếng cho người khác. Cậu ta thậm chí còn không biết ơn đồng rặc rồi mà Mahmoud phải hứng lấy để cậu ta được tiếp tục ở lại tòa soạn và tránh khỏi việc bị sa thải cùng với Zaid Murshid, Adnan al-Anwar và Maysa, cô gái gầy gò, kẻ đã khóc như mưa khi bị thông báo cho nghỉ việc.

Xe của Saidi tiến vào một cánh cổng đồ sộ hai bên là những bức tường xi măng khổng lồ theo kiểu Mahmoud chưa từng thấy trên đường phố Baghdad. Đêm đã buông, Saidi đã làm một loạt cú rẽ ở Jadriya để tránh tắc đường, vì thế Mahmoud không còn biết họ đang ở đâu nữa. Cổng mở, và họ lái xe dọc theo một con đường dài heo hút với hàng cây bạch đàn hai bên. Họ càng đi xa, không gian càng trở nên tĩnh lặng. Tiếng xe cộ đi lại và còi cảnh sát cứ bật dề.

Đến cuối đường họ rẽ vào một đường nhánh, Mahmoud thấy xe cảnh sát đỗ cạnh một chiếc Hummer của Mỹ và mấy xe dân sự. Một người mặc đồng phục vẫy họ vào chỗ đỗ.

Mahmoud và Saidi ra khỏi xe và được một người mặc trang phục dân sự hộ tống vào một tòa nhà hai tầng. Saidi quay sang Mahmoud. “Ừm, cậu

không có cuộc hẹn nào hay gì phải không?” ông nói với nụ cười quen thuộc. “Hôm nay chúng ta sẽ ăn trưa cùng nhau.”

Họ đi vào một văn phòng lớn, và ngay khi bước vào, Mahmoud đã ngửi thấy mùi xịt phòng hương táo. Một người đàn ông da sáng thấp lùn với một mảng hói nhẵn bóng, vận đồ dân sự và nhai gì đó, đứng lên sau bàn làm việc. Ông và Saidi cười thành tiếng và ôm nhau; rồi ông bắt tay Mahmoud, sau đó tất cả cùng ngồi xuống chiếc xô pha bằng vải lông ở trước bàn làm việc của người đàn ông. Mahmoud biết được rằng ông này là chuẩn tướng Sorour Mohamed Majid, Trưởng Cục Theo dấu và Truy nã. Nhưng truy nã cái gì, Mahmoud tự hỏi. Anh nghĩ có lẽ mình sẽ tìm ra trong cuộc gặp gỡ này.

Saidi đã nói cuộc gặp sẽ ngắn thôi, nhưng cuối cùng lại kéo dài tới hơn hai tiếng đồng hồ. Chủ đề nói chuyện rất rộng, và thỉnh thoảng họ lại cười đến chảy cả nước mắt. Mahmoud cũng cười theo; anh không hề lấy đó làm phiền. Anh chẳng có kế hoạch gì khác; anh tự quyết định việc của mình. Tất cả những gì anh phải làm sau đó chỉ là trở về căn phòng khách sạn tạm hại ở Bataween. Nhưng anh thêm một điều thuốc ghê gớm, mà người đàn ông chỉ chu với căn phòng thơm mùi táo này không có vẻ gì là hoan nghênh người hút thuốc cả. Bản thân Saidi cũng không châm lấy một điếu. Mahmoud biết được từ cuộc gặp rằng chuẩn tướng Majid là bạn cũ của Saidi. Họ học trung học cùng nhau, nhưng năm tháng đã chia tách họ. Giờ họ gặp lại, có lẽ là một phần của nhiệm vụ chung: phục vụ một Iraq mới.

Chuẩn tướng Majid từng là thượng tá trong cơ quan tình báo của quân đội Iraq cũ, và vì vai trò mới này, ông được miễn khỏi luật loại trừ người đảng Ba'ath cũng như được thăng cấp tới một vị trí nhạy cảm hiểm khi được nhắc đến công khai. Ông chịu trách nhiệm về một đơn vị thông tin đặc biệt do người Mỹ thành lập và đến giờ vẫn nằm chủ yếu dưới sự giám sát của họ. Nhiệm vụ của đơn vị này là theo dõi những hành vi phạm tội

khác thường, các truyền thuyết đô thị và lời đồn mê tín dị đoan nảy sinh quanh những vụ việc nhất định, rồi tìm xem chuyện gì thực sự xảy ra, và quan trọng hơn, là dự đoán những tội ác trong tương lai: đánh bom xe, hay ám sát các quan chức và các yếu nhân. Cơ quan này đã phụng sự tốt trong lĩnh vực này hơn hai năm qua. Họ hoạt động bí mật, và thông tin họ có được trong tay được sử dụng một cách gián tiếp. Cục Theo dấu và Truy nã chưa bao giờ được nhắc đến công khai, để giữ vai trò bí mật của nó và bảo vệ những người làm việc bên trong tổ chức.

Mahmoud không hiểu tại sao Saidi lại sắp xếp cho anh thu thập tất cả những thông tin này. Tại sao Saidi lại tin tưởng anh đến mức đưa anh đi cùng trong những nhiệm vụ bí ẩn này? Đây không phải lần đầu tiên, và cũng chẳng có vẻ là lần cuối cùng. Anh đã dành hai tháng qua rong ruổi cùng Saidi trên chiếc Mercedes đen của ông, đi từ nơi này đến nơi khác. Anh biết, và anh nghĩ Saidi cũng biết, rằng những vụ ám sát gần đây nhắm đến không chỉ những nhân vật quan trọng mà là bất kỳ ai như Saidi, những người ăn vận bảnh bao và lái một chiếc xe bóng bẩy. Có kẻ sẽ ám sát ông một ngày nào đó. Bất cứ ai ở cùng ông vào thời điểm ấy có thể sẽ chết cùng. Câu chuyện về Mahmoud al-Sawadi và những giấc mơ thăng tiến trong sự nghiệp sẽ đột ngột chấm hết.

Saidi có thể là kẻ ngốc hoặc người hùng, kẻ mù mờ với những gì xảy ra quanh mình hoặc một người phiêu lưu gan dạ. Mahmoud thì thích nhìn nhận mình như một kẻ ngốc hơn, ít nhất là trong mối quan hệ với bản thân nếu không phải với những người khác, bởi những bước ngoặt trong đời anh đến vì những thứ ngớ ngẩn, chứ không phải nhờ lên kế hoạch hay sự thông minh sáng suốt. Việc anh đến Baghdad, chẳng hạn thế, là do một sai lầm lớn mà anh đã gây nên hồi còn ở Amara.

Một thanh niên lực lưỡng đặt một cái khay cùng mấy cốc trà bầu bầu lên chiếc bàn kê bên họ. Mahmoud thoát khỏi cơn mơ màng. Chuẩn tướng

Majid vẫn tiếp tục từ chối hé lộ cho Saidi bất cứ thông tin nào có thể công bố.

“Chúng tôi có các nhà phân tích trong lĩnh vực cận tâm lý, chiêm tinh học, những người chuyên giao tiếp với linh hồn và djinn*, cùng các nhà tiên tri,” chuẩn tướng nói.

“Anh có thực sự tin vào mấy thứ đó không?”

“Có ích đấy. Anh không biết là chúng tôi phải giải quyết bao nhiêu chuyện kỳ bí đâu. Mục đích là để có thêm sự kiểm soát, cung cấp thông tin về những nguồn bạo lực và kích động thù hận, và để ngăn chặn một cuộc nội chiến.”

“Nội chiến?”

“Chúng ta đang ở giữa một cuộc chiến thông tin. Một cuộc nội chiến thông tin. Và một số nhà tiên tri của tôi đang nói rằng trong vòng năm hoặc sáu tháng tới sẽ có một cuộc chiến thực sự.”

Tim Mahmoud đập loạn khi nghe những gì Majid nói. Đầu anh quay cuồng như động cơ phản lực. Anh cố tiêu hóa cơn lũ khái niệm kỳ lạ này nhưng không thể. Anh lặng ngắt, nắm chặt quai cốc trà nhưng không uống. Anh cảm giác như thể mình chỉ là một đôi tai không hơn.

“Tôi có nên mua cái máy in ép mà tôi đã nói với anh không? Liệu tôi nên hay không nên mở rộng hoạt động của mình?” Saidi hỏi.

Chuẩn tướng Majid đứng lên tắt hết điện thoại di động vừa mới bắt đầu đổ chuông cả loạt. Ông nhìn Saidi ở đằng xa qua mép cặp kính. “Tôi nghĩ là không nên,” ông đáp. “Hiện giờ tôi sẽ gạt việc đó qua một bên.”

Saidi không gắng hỏi thêm. Ông quay lại việc cố thu thập thông tin để đưa lên báo. Chuẩn tướng Majid cần một tập hồ sơ trên bàn lên ve vẩy. “Đây là hồ sơ về bốn người ăn xin bị bóp cổ chết mấy ngày trước ở Bataween. Họ bóp cổ lẫn nhau. Hành động này gửi đến một thông điệp. Có

những người đang cố truyền tải gì đó. Chúng tôi chưa có nhiều thông tin, nhưng anh có thể theo vụ này bằng cách giữ liên lạc với đồn cảnh sát Saadoun.”

Saidi nhìn Mahmoud như thể muốn nói anh hãy nhận nhiệm vụ này đi. Rồi ông quay lại nhìn chuẩn tướng vẫn đang đứng bên bàn. Từ chỗ xô pha, Saidi hỏi ông về những câu chuyện tương tự, nhưng chuẩn tướng nói ông không thể tiết lộ thêm gì. Ngừng một lúc, chuẩn tướng lại quay trở về đứng giữa phòng.

“Có những báo cáo về những tên tội phạm bị bắn nhưng không chết,” ông lên tiếng. “Một số báo cáo từ nhiều nơi khác nhau ở Baghdad. Đạn xuyên vào đầu hay người của tội phạm, nhưng hấn vẫn cứ bước đi mà không hề chảy máu. Chúng tôi đang cố đối chiếu những báo cáo này vì tôi không nghĩ đó chỉ là lời phóng đại hay thêu dệt.”

Ông tới bên mép bàn nhấn chuông. Trước khi tay thanh niên lực lưỡng có thời gian phản ứng, chuẩn tướng Majid nhìn người bạn cũ và mỉm cười. “Anh đến vì cái máy in, không phải sao?” ông nói. Và rồi, như thể nhận ra những thông tin mật của mình có thể dẫn tới rắc rối, ông nói thêm: “Nếu anh định viết bài cho tạp chí, ai mà tin anh chứ?”

Hai ông già phá lên cười, và Mahmoud nhận thấy mình cũng cười cùng họ.

3

Buổi tối, nằm trên giường trong căn phòng ở khách sạn Orouba, Mahmoud bật máy ghi âm lên và nói vào đó:

“Lạ thật... Saidi giấu cợt những trách nhiệm kỳ quái của bạn ông ấy. Ông giấu cợt djinn và trò bói toán, nhưng rồi lại xin lời khuyên về việc

mua một cái máy in. Ông ấy chắc hẳn đã có được chút thông tin dựa trên các phỏng đoán. Ông ấy không tranh luận. Mà chỉ mặc nhiên thừa nhận những gì người kia nói. Chắc hẳn ông ấy thường nhận được thông tin tương tự, vì thế ông ấy cảm thấy an toàn khi di chuyển quanh Baghdad. Ông ấy không sợ đi ra ngoài công khai, chẳng phải vì dũng cảm mà bởi ông ấy biết mình sẽ không chết.

“Ông ấy nói về nội chiến như thể đó là một bộ phim người ta chờ đợi xem ở rạp. Họ phá lên cười. Vì thế chắc hẳn mọi chuyện sẽ không quá tồi tệ. Nếu ở gần Saidi, mình có thể chắc chắn rằng mọi chuyện sẽ không tệ đi, ít nhất là với mình.

“Saidi là người Hồi giáo, còn bạn ông ấy là người đảng Ba’ath. Nhưng Saidi là một người Hồi giáo ly khai. Quan điểm của ông ấy đã thay đổi trong thời gian ra nước ngoài sinh sống. Còn người bạn chuẩn tướng của ông ấy là một người đảng Ba’ath ly khai. Ông có mối thâm tình với Saidi và là bạn cũ, nom bọn họ có vẻ thân nhau. Nhưng tại sao Saidi lại giấu cọt Majid? Ông ấy giấu cọt mùi táo mà chiếc máy khử mùi trên tường cứ khoảng mỗi phút lại phun ra chút xíu, nói rằng người đảng Ba’ath ưa mùi táo. ‘Vũ khí hóa học mà họ thả xuống Halabja có mùi táo,’ ông vừa cười vừa nói.

“Nghe mà phát buồn nôn. Chúa ơi. Nhưng tại sao ông ấy lại để mình chứng kiến tất cả? Mình đã hỏi Bố Anmar về bốn người ăn xin, và ông ta đã xác nhận chuyện đó. Ai nấy trong vùng đầu đã nghe chuyện, người dân địa phương sợ hãi và cảnh giác, vì kẻ sát nhân đã giết mấy người ăn xin, những kẻ khi sống thì vô danh song chết rồi thì trở nên nổi tiếng. Hẳn đã bóp cổ họ, và rồi, bằng một thao tác kỳ dị và phức tạp nào đó, hẳn đặt tay họ vòng quanh cổ nhau.”

Mahmoud tắt máy ghi âm đi. Anh nhớ lại lời giải thích của Saidi: “Có một số điểm nhất định trên vai, lưng và cọt sống, mà nếu ta châm cứu vào,

tất cả cơ bắp trong cơ thể sẽ căng lên và cứng đờ lại. Có lẽ đó là những gì đã xảy ra với bốn gã điên đó.”

“... bốn người ăn xin,” Mahmoud sửa lại. Sau đó anh hỏi Saidi liệu có nên theo đuổi vụ này hay không.

“Còn những vụ khác đáng giá hơn nhiều. Thôi bỏ đi,” ông đáp.

Mahmoud cứ nghĩ đi nghĩ lại mãi những cuộc trò chuyện thú vị anh đã nghe, nhất là trong bữa trưa. Đó là một bữa trưa cao cấp mà chuẩn tướng Majid chuẩn bị để chào đón những nhà báo ghé thăm. Bàn ng ồ n ng ồ n đồ ăn thức uống, thứ gì cũng có trừ rượu. Mahmoud biết được rằng chuẩn tướng muốn giữ hình ảnh vẹn nguyên trong mắt các đảng phái của liên minh c ầ n quy ề n. Ông ở một vị trí nhạy cảm. Ngay lúc ông giám sát những người bình thường, thì cũng có những kẻ khác giám sát và báo cáo về ông với các đảng phái trong chính phủ, vốn không có cái nhìn thiện cảm với ông vì quá khứ của ông cũng như vì ông từng phục vụ chế độ cũ. Nhưng họ phải chấp nhận ông vì năng lực của ông được thừa nhận và bởi người Mỹ ủng hộ và bảo vệ ông trước những hành vi bạo lực bóc đ ồ n li ề u lĩnh từ các đối tác Iraq của họ.

Saidi và chuẩn tướng đã nói qua tất cả những vấn đề của đất nước, và không như những người có quyền lực, họ có vẻ biết giải pháp là gì. Có sự ngu dốt và t ầ m nhìn thiện cận trong số những kẻ c ầ n quy ề n mới. Giải pháp luôn sẵn đó. Mọi vấn đề đ ề đ ầ u có thể giải quyết trong nửa giờ đ ồ n h ồ , ít nhất là trên lý thuyết, nếu người ta thực sự quyết tâm giải quyết chúng.

Nhưng giờ có hai thế lực đối đ ầ u, Mahmoud ng ắ m nghĩ - một bên là người Mỹ và chính phủ, bên kia là những kẻ khủng bố và dân quân chống chính phủ đủ loại. Thực tế thì “khủng bố” là thuật ngữ dùng để chỉ tất cả những ai chống chính phủ và người Mỹ.

Mahmoud bật lại máy ghi âm và đưa sát lên môi. “Chẳng phải cả hai người đó, theo cách này theo cách khác, đều làm việc với người Mỹ sao?” anh nói. “Tại sao họ lại muốn gây ấn tượng với mình rằng họ là những người yêu nước đến vậy? Cái mớ bòng bong này là gì? Ôi! Lần sau Saidi rủ mình đi cùng thì mình phải từ chối mới được, lần nào chuyện đó cũng làm mình quay cu ồng. Công việc của mình ở tòa soạn kết thúc lúc ba hoặc bốn giờ chiều. Đó cũng là lúc mối quan hệ của mình với Saidi kết thúc. Mình có công việc ở tạp chí của ông ấy, chứ không phải trong đời ông ấy.”

Buổi sáng, Mahmoud khoác lên mình hai món quần áo sạch cuối cùng và nhét quần áo bẩn vào một cái túi to để mang tới tiệm giặt là Akhawain kế bên khách sạn khi anh ra ngoài. Anh xuống sảnh và ngạc nhiên thấy Hazem Abboud ngồi cùng Bố Anmar và Luqman, người Algeria duy nhất giữa cả đồng người Iraq và là người trọ lâu năm trong khách sạn Orouba. Rất khó phát hiện Luqman là người Algeria vì ông ta nói giọng Iraq quá chuẩn. Tất cả quây quần quanh bàn, tán gẫu bên món kem đặc, bánh ngọt và trà đặc. Veronica, người phục vụ phòng đẩy đà, cùng cậu con trai tuổi thiếu niên đang thoăn thoắt đi từ phòng này sang phòng khác với cây chổi lau sàn và cái xô, làm công việc dọn dẹp hằng tuần.

Có phải Hazem đã qua đêm ở khách sạn này không? Mahmoud chào anh ta, Luqman và Bố Anmar, và họ mời anh cùng ăn sáng với họ. Anh ngồi xuống với một cốc trà nóng, nhớ lại vài trao đổi bí ẩn tối hôm trước. Anh uống một ngụm trà lớn, như thể muốn xóa đi những ký ức khó chịu đó.

Mahmoud quay sang Hazem hỏi anh ta qua đêm ở đâu, anh ta đến khách sạn khi nào, và cuộc triển lãm ảnh ra sao. Nhưng Bố Anmar đã ngắt lời anh. “Thưa ông Sawadi,” anh ta nói, “tôi sẽ cẩn thận khi ra ngoài - cảnh sát ở khắp nơi đây. Một người đàn ông mới bị giết sáng nay.”

Người đàn ông ấy không ai khác mà chính Bố Zaidoun, lão thợ cắt tóc già chỉ toàn da bọc xương. Họ tìm thấy lão gục xuống trên chiếc ghế nhựa trắng trước tiệm cắt tóc từng thuộc về lão - lão đã giao lại cho thằng con trai út nhiều năm trước khi lão không còn tự đứng vững được nữa. Trông lão có vẻ như đang ngủ, ít nhất là với những ai nhìn thấy lão từ xa, nhưng chuôi chiếc kéo bằng thép không gỉ lòi ra từ đầu xương ngực lão, nơi hõm cổ. Kẻ nào đó đã lên vào tiệm khi thằng con trai ra ngoài uống trà chỗ chiếc xe đẩy góc phố, nơi đường nhỏ giao với đường chính, và cấn kéo đâm lão già bấy giờ đã chìm đắm vào thế giới tưởng tượng do bệnh mất trí giai đoạn cuối.

Có những người từ lâu đã mong đợi lão gặp kết cục như vậy. Bố Zaidoun sẽ không chết yên ổn trên giường: công lý thiêng liêng không cho phép điều đó. Báo cáo pháp y cho biết lão chết vì đau tim. Có lẽ kẻ thủ ác đã giết một người đã chết. Lũ con trai của lão già chấp nhận lời giải thích đó, không còn hơi sức đâu mà theo đuổi mối thù.

Khi tay cò nhà đất Faraj nghe tin Bố Zaidoun bị giết, y thốt lên, “Tội nghiệp! Xém chút nữa đã được gặp Ông chí Tồi cao rồi.” Y nói với vẻ mỉa mai, kéo dài từ “ông chí” với nụ cười nhăn nhó.

Những người khác nhớ lại sự nghiệp dài hơi của lão già, nhớ lại rằng lão phải chịu trách nhiệm cho việc đưa quá nhiều thanh niên ra trận. Lão đã hoạt động trong các tổ chức của đảng Ba'ath, kiên trì bám theo tất cả những kẻ đào ngũ hoặc tìm cách trốn tránh huấn luyện quân sự. Lão hẳn đã tham gia bóp rập vài ngôi nhà, và lão chẳng thiếu kẻ thù, nhưng không ai biết kẻ nào đã giết lão. Rõ ràng đó không phải ngẫu nhiên. Tại lễ truy điệu, mọi người cố hết sức tôn vinh những phẩm chất của Bố Zaidoun - rằng lão đã giúp đỡ người khác và dang tay hỗ trợ những người đang gặp khó khăn và

rồi, xét cho cùng, cái tiếng đảng viên nhiệt huyết, tàn nhẫn chỉ được áp dụng trong những năm đầu Chiến tranh Iran-Iraq mà thôi. Đó là cách mọi người muốn nhớ về lão; cái chết mang lại phẩm giá cho người chết, có lẽ vậy, và để khiến người sống cảm thấy day dứt đến độ buộc phải tha thứ cho người đã khuất.

Có ít nhất một người không có ý định lượng thứ cho Bố Zaidoun. Công lý đến muộn không có ích gì. Nó phải xảy ra ngay bây giờ. Sau này là thời khắc cho sự trả thù, cho nỗi thống khổ triền miên giáng xuống bởi một vị thần công bằng, thống khổ bất tận, bởi trả thù là phải như thế. Nhưng công lý phải thực hiện tại đây trên trái đất này, với sự có mặt của các nhân chứng. Elishva đã có cảm giác mơ hồ về điều này khi Mẹ Salim bạn của bà bàng hoàng kể bà nghe chuyện lão già độc ác đó bị ngã như thế nào. Bản thân Mẹ Salim cũng từng sẽ ngã một con cừu ở trước cửa nhà nếu Chúa giáng sự trả thù xuống Bố Zaidoun, nhưng giờ mẹ đã quên tiệt. Đã hơn hai mươi năm kể từ khi Salim, con trai cả của mẹ, tử trận nơi sa trường. Nhưng Elishva thì không quên. Mẹ Salim còn có ba đứa con khác và một ngôi nhà rộn ràng sự sống, trong khi Elishva già nua chỉ có một con mèo xơ xác, vài bức ảnh và đồng hồ đặc cũ. Khi nghe chuyện Bố Zaidoun bị giết, bà đã tạ ơn Chúa và nhớ lại một trong những lời thề trang nghiêm của mình - rằng bà sẽ thấp hai mươi cây nến hồng trên bàn thờ Đức Mẹ Đồng trinh ở nhà thờ Armenia, và bà sẽ chỉ rời khỏi bàn thờ khi nến đã cháy hết và hai mươi sợi bắc chìm xuống lớp sáp nóng chảy. Thế rồi nỗi đau lòng vì mất con sẽ chấm dứt: bà sẽ thấy sự công bằng của Chúa, và Người sẽ xứng đáng với những lời tạ ơn của bà.

Nếu bà hỏi cha Josiah, cha sẽ bảo bà cầu xin sự tha thứ cho Bố Zaidoun - đi đâu bà sẽ không bao giờ làm. Nếu bà hỏi Chúa hay Thánh George Tử đạo hoặc bóng ma con trai bà, họ sẽ bảo bà không cần phải cầu xin sự tha thứ cho Bố Zaidoun. Bà được toàn quyền tìm kiếm sự trả thù bởi nó sẽ làm

mạnh mẽ thêm lòng tin của bà và cho tinh thần mỗi một của bà ngu ãn năng lượng cần có để tiếp tục sống.

5

Hai người đàn ông trẻ tuổi ng ẫ đối diện Hadi trên chiếc ghế băng g ẫ hay ng ẫ ở quán cà phê của tay người Ai Cập Aziz. Trông mập mạp, ria mép mỏng, cả hai đều vận sơ mi h ồng và quần đùi đen, như thành viên của một đội hay câu lạc bộ thể thao nào đó. Họ cắt tóc ngắn và để tóc mai ngang tai, cười liên tục và kể chuyện tiếu lâm. Sáng hôm đó kể từ lúc đến ng ẫ trước mặt Hadi, họ đã uống bốn tách trà. Một trong hai người đặt một máy ghi âm kỹ thuật số nhỏ lên giữa chiếc bàn gỗ. Cả hai nhìn Hadi. “Kể bọn tôi nghe chuyện cái xác đi,” họ ãng thanh.

“Ý các anh là chuyện về Vô Danh.” Hadi nhất quyết sửa lại, dùng cái tên mà g ẫ đặt cho tác phẩm của mình. Đó không hẳn là một cái xác, vì “xác” thì ám chỉ một người hay sinh vật cụ thể, mà nó thì không thể áp dụng trong trường hợp của Vô Danh. Hadi có thể kể chuyện dông dài, g ẫ cũng thường làm thế, nhưng nhìn thấy cái máy ghi âm kỹ thuật số là g ẫ đâm căng thẳng, còn tâm trạng ở khu dân cư lúc này thì bất ổn và hoang mang. Aziz mang đến một cốc trà tươi đặt trước mặt Hadi. Anh ta nháy mắt hai lần với g ẫ, một cử chỉ mà Hadi hiểu ngay lập tức. Aziz cảm thấy bất an với hai thanh niên này. Họ đến từ Mukhabarat, hoặc tình báo quân sự, hoặc một cơ quan an ninh nào đó, và không nghi ngờ gì là cuộc gặp này sẽ kết thúc bằng việc Hadi bị bắt.

“Vô Danh đã chết, tôi rất tiếc phải nói như thế,” Hadi nói.

“Chết như thế nào?” một người hỏi. “Không, kể cho bọn tôi nghe từ đầu đi - anh tạo nên cái xác như thế nào?”

“Tôi nói với các anh rồi. Hắn chết rồi.”

Đoạn Hadi đứng lên gọi Aziz đến lấy cốc trà tươi đổ lại vào trong ấm. Gã bước ra khỏi quán cà phê, để lại hai người đàn ông trẻ tuổi bối rối. Họ cố thuyết phục Aziz nói, nhưng mỗi anh ta đã bị dán keo. Họ ở lại thêm nửa tiếng nữa, thì thầm to nhỏ với nhau. Nụ cười tươi của họ đã biến mất. Họ cho Aziz năm nghìn dinar, hơi nhiều so với giá cả tất cả các loại trà ở đây, rồi đi.

Đến trưa, Hadi quay lại quán cà phê. Gã ngồi vào chỗ quen thuộc, với một khay cơm đậu mua từ quán của Ali al-Sayed bên cạnh. Hadi ngồi đó ăn, còn Aziz sau khi rửa xong mấy cái cốc và đĩa sau quây thì đến ngồi đối diện Hadi, nét mặt nghiêm trọng.

“Sao thế ông anh?” anh ta hỏi. “Ông nên quên câu chuyện vợ vẫn của ông đi.”

“Tại sao? Có chuyện gì?”

“Có chuyện gì! Họ đang tìm kiếm cái gã đã giết bốn người ăn xin và Bô Zaidoun với cả cái tay sĩ quan được phát hiện bị bóp cổ trong căn phòng của gái mại dâm ở nhà Mẹ Raghad đấy.”

“Thế mấy chuyện đó thì can gì tới tôi?”

“Những câu chuyện của ông sẽ đẩy ông vào rắc rối đấy. Khi người Mỹ tóm ông, ông không biết họ sẽ đưa ông đi đâu đâu. Chỉ có Chúa mới biết họ sẽ định tội gì cho ông.”

Tim Hadi đập thành thịch, nhưng gã vẫn ăn cho hết bữa trưa. Không thông báo với Aziz, gã tự đưa ra quyết định riêng là không nhắc gì đến chuyện cái xác nữa. Aziz kể gã nghe câu chuyện người ăn xin say đã kể - về một tên tội phạm giết bốn người ăn xin và trông hắn gồm guốc thế nào, với cái miệng như vết cắt chạy ngang mặt. Anh ta kể gã nghe những gì Mẹ Raghad và mấy cô gái làng chơi cũng nói - về một kẻ nhảy bổ vào bọn họ

trong bóng tối mà bóp cổ tay sĩ quan đang ngủ trong phòng một trong các cô kia. Cơ thể đó dinh dính, như thể nó lấm máu hoặc nước cà chua. Khi nó nhảy lên mái nhà, mấy thanh niên đã dùng súng trường nã đạn vào nó. Thời nay ai ai cũng có vũ khí. Họ bắn nhiều phát, nhưng đạn chỉ xuyên qua cơ thể đó. Nó không ngừng chạy, chỉ nhảy từ mái nhà này sang mái nhà khác cho tới khi mất dạng. Không ai biết chuyện gì sẽ xảy ra trong những ngày sắp tới. Câu chuyện có thể đã kết thúc như những gì Mẹ Salim kể lại, hoặc có khi vẫn tiếp diễn. Mụ khẳng định rằng khi đang ngủ trên bậc cửa ngoài đường mụ đã thấy một người dáng vẻ kỳ dị mặc áo khoác quân đội bạc phéch và quấn kín khăn buộc đầu đến nỗi người ở xa không thể thấy mặt. Hắn cúi gằm xuống đất, đến từ hướng tiệm cắt tóc của Bố Zaidoun. Hắn đi qua mụ, và mụ liếc được một phần khuôn mặt hắn - đó là thứ ghê rợn nhất mụ từng nhìn thấy. Thật khó tin rằng Chúa lại tạo ra một khuôn mặt như vậy; chỉ nhìn thôi đã đủ khiến tóc tai ta dựng ngược. Gặp ai mụ cũng kể về kẻ kỳ dị ấy và khẳng định rằng hắn đã giết lão già Bố Zaidoun. Nhưng một tối, các con trai của Bố Zaidoun đã đến nhà nói chuyện phải quấy với mụ, dọa rằng nếu mụ cứ tiếp tục bô bô chuyện này thì sẽ không yên. Bố bọn họ chết vì đau tim, họ nói.

“Những câu chuyện của ông bắt đầu làm mọi người khiếp sợ rồi đấy. Tốt hơn là ông nên giữ miệng giữ miệng đi,” Aziz cuối cùng cũng nói với Hadi. Thế rồi anh ta đứng lên ghi món cho những vị khách già mới bước vào quán. Hadi ngủ tại chỗ, nhòm qua cửa sổ nhìn xe cộ và khách bộ hành trên con phố náo nhiệt. Gã lấy một điều thuốc ra khỏi túi, châm lửa, và hút suốt nửa tiếng đồng hồ - gã chưa từng im lặng lâu như vậy. Trong một lúc gã quên mất mấy việc vặt gã thường làm vào buổi chiều. Một hạt giống sợ hãi đã bén rễ sâu trong lòng gã, và gã không thể xóa nó khỏi tâm trí. Bởi chuyện ba xạo có thể trở thành sự thực. Gã nhớ về một giấc mơ từ quá khứ xa xăm. Gã nhìn lại giấc mơ trong con mắt tâm tưởng rồi lại nghĩ về

những lời Aziz nói. Gã chắc chắn Aziz đã nghe được thông tin nào đó. Ngoài trừ những gì nói về máu hay nước cà chua, những chi tiết khác khá quen thuộc: cái miệng rộng như một vết cắt chạy ngang hàm, khuôn mặt đáng sợ, những mũi khâu khắp trán và xuống hai gò má, cái mũi to.

Hadi rời khỏi quán cà phê, tạm biệt Aziz, người bạn đáng tin cậy nhất của gã. Tất cả những người khác đều chẳng coi trọng gã: sẽ chẳng ai nhớ nếu gã biến mất, mà đây là thời điểm nhiều người biến mất vô cớ, và gã thì không muốn biến mất. Gã muốn giữ mạng, mua những thứ người ta vứt bỏ, phục chế, rồi bán lại, không màng đến việc tích lũy của cải hay mở rộng hoạt động, bởi như thế thì quá phiền phức, như mang bệnh vậy. Gã thích để tiền trong túi, không hơn, đủ để ngủ với gái bất cứ khi nào muốn và mua rượu. Để ăn uống những gì gã thích, đi ngủ và thức dậy mà không có ai trông chừng và không chịu trách nhiệm với ai.

Gã tới chợ đồ cũ ở Bab al-Sharqi. Gã đã gửi mấy cái đài và máy thu băng Nhật Bản cho một chủ quầy. Tay đó thẳng thừng từ chối mua hết các món đồ của gã nhưng đồng ý cho ký gửi - bán được món gì anh ta sẽ trả tiền cho Hadi, còn thứ nào thì, anh ta sẽ trả lại bất cứ khi nào Hadi muốn.

Chẳng bao lâu trước khi mặt trời lặn Hadi đã quay về khu dân cư và sững sờ khi thấy đám lính Mỹ, mặc đồng phục với mũ cối và các trang bị khác, đi dọc các con đường, súng trường lăm lăm ngang ngực, nhìn mọi người đầy vẻ nghi ngờ. Gã thấy Faraj trong bộ dishdasha* xám, cầm chuỗi tràng hạt đen, đang nói chuyện với người phiên dịch. Gã biết họ đang lục soát vũ khí theo thủ tục - đã có trình báo về một vụ xả súng nghiêm trọng đêm hôm trước. Gã men chầm chậm theo tường, cố không chạm mắt bất cứ tay lính nào. Vào đến nhà, gã đẩy cánh cửa gỗ nặng trĩu đang đóng chặt, rồi đợi trong sợ hãi, lắng nghe tiếng động ngoài đường và tiếng gõ cửa yêu cầu lục soát, tiếng những đôi boot thô nặng đập cửa xông vào, như cảnh thường chiếu trên tivi. Gã giết thời gian bằng cách sửa mấy cái bàn

gỗ nhỏ. Gã đóng đinh chỗ này chỗ kia, quét véc ni r ồi mang ra sân phơi cho khô. Khi mặt trời lặn, gã ra khỏi nhà đến gặp Edward Boulos, tay bán rượu. Edward đã đóng cửa cái quán nhỏ nhìn xuống vườn Umma vì một buổi sớm nọ có kẻ đã ném lựu đạn tay khiến nó bốc cháy. Sau đó hắn chuyển sang bán tại nhà, gã chỉ biết độc cái nghề bán rượu. Hadi mua nửa chai arak r ồi đi tậu ít phô mai trắng, ô liu và vài ba thứ khác ở cửa hàng gần đó trước khi về nhà.

Gã dành mấy tiếng buổi tối nhâm nhi uống trong im lặng, ng ồi trên giường, với chai arak, một cái ly và đĩa đồ nhắm trên chiếc bàn kim loại cao. Trong bóng tối ảm đạm chỉ được soi tỏ bởi một cây đèn lay lắt bám đầy bồ hóng, gã lắng nghe tiếng hát nhẹ nhàng phát ra từ đài. Giờ cao ly cuối cùng, như thường lệ, tựa như đang ở trong một quán bar ồn ã, gã uống mừng đám bạn nhậu - bóng ma của những người gã biết là đã chết hoặc những kẻ gã chưa từng gặp mặt. Và gã uống mừng bóng tối cùng những gì trong căn phòng bừa bộn nhưng nhúc nhút của gã. Dốc cạn ly cuối thì gã nghe thấy tiếng động, gã bèn nhìn hướng ra cửa. Cửa bật mở và sau ngưỡng cửa hiện ra bóng đen của một gã đàn ông cao lớn. Máu trong huyết quản gã đông lại khi gã thấy cái bóng tiến đến.

Ánh đèn vàng hắt lên khuôn mặt của gã đàn ông xa lạ - một khuôn mặt chẳng chít vết khâu, một cái mũi to, và cái miệng như vết thương hở.

Chương bảy

OUZO VÀ BLOODY MARY*

1

Đầu giờ sáng, trợ lý của Faraj đến thông báo với y rằng một số người đang đi quanh khu, đánh dấu tường những ngôi nhà y sở hữu bằng sơn xịt xanh. Thực tế thì họ đến từ một tổ chức từ thiện chuyên bảo tồn các ngôi nhà cổ ở Baghdad và được một số nhân viên công vụ từ hội đồng thành phố và hội đồng tỉnh hộ tống. Faraj cảm thấy bất an: y cần chiếc cặp da nhỏ lên và ra ngoài tìm họ, đi cùng mấy thanh niên sống trong khu vốn chạy việc cho y.

Y thấy mấy người lạ ở trước nhà Elishva. Họ gõ cửa nhưng không ai ra mở. Cuối cùng, Mẹ Salim lộ mặt ra khỏi nhà mù bảo rằng Elishva tới nhà thờ rồi. Một người đàn ông trẻ tuổi lắc lắc lon son rồi xịt một chữ X màu xanh dương lên tường. Họ tới nhà Hadi và xịt một chữ X khác lên tường, nhưng lần này màu đen. Tức là ngôi nhà này không thích hợp để cải tạo và có thể bị dỡ bỏ. Faraj không hiểu mấy người này đang nói gì. Rõ ràng là họ muốn kiểm soát những ngôi nhà của y, hay những ngôi nhà y thuê từ nhà nước theo hợp đồng hợp pháp và đúng thủ tục. Họ bảo y rằng đây chỉ là quy trình vì mục đích thống kê và để nhận biết những ngôi nhà lịch sử, đặc biệt là những nhà có cửa sổ *mashrabiya* gỗ. Nhưng Faraj, kẻ dính dáng đến bốn hoặc năm ngôi nhà cổ như thế, thì xem đó là kế hoạch cướp tài sản khỏi tay y, vì thế y bèn vội vàng tới tận nơi để nói cho ra nhẽ với đám người trẻ tuổi kia. Một người giơ ngón tay trước mặt Faraj cảnh báo y

đang cản trở nhân viên chính phủ thi hành công vụ. Mấy người hàng xóm ra can và kéo Faraj đi. Cảm thấy không ổn, người của tổ chức từ thiện và các nhân viên chính phủ đi cùng họ cũng bỏ về.

Faraj sau đó phát hiện ra rằng mấy người trong số họ từng tới đây riêng rẽ và ghé thăm Elishva hồng thuyết phục bà bán ngôi nhà cho nhà nước, với nhượng bộ rằng bà có thể tiếp tục ở đó, chừng nào bà còn sống, mà không phải trả một đồng tiền thuê nhà nào. Khi nào bà qua đời hoặc bỏ nhà không, nhà nước sẽ tự động có quyền sở hữu vô giới hạn đối với ngôi nhà.

Liệu bà có chấp nhận đề nghị này không? Nếu thế đó sẽ là thảm họa với Faraj. Nhưng bà già hình như đã từ chối. Bà nói với họ bà không thể quyết định gì về ngôi nhà khi vắng mặt con trai. Càng nghe bà trình bày, họ càng hoang mang khó hiểu. Vì họ đang giải quyết vài trường hợp nhà tương tự ở nhiều nơi khác nhau tại trung tâm Baghdad, nên họ không ở lại lâu với bà được. Trong số họ sẽ ghi lại vài dòng về ngôi nhà và chủ sở hữu, và có lẽ họ sẽ định ngày để kiểm chứng kỹ hơn những gì Elishva nói. Không như những người của tổ chức từ thiện, Faraj hiểu ý Elishva khi nói về con trai, nhưng bản thân y cũng chưa gặp cậu ta bao giờ. Elishva đứng ngoài hiệu bánh và cửa hàng phô mai, nói chuyện về những bữa ăn chuẩn bị nấu cho con trai. Cảnh tượng tương tự cũng xảy ra trong sân nhà Mẹ Salim khi các bà các cô dùng búa đập quả óc chó ăn cùng trà nóng. Mấy bà già ban đầu có vẻ buồn, vì Elishva tội nghiệp lắm cầm với chiếc khăn đỏ kỳ lạ trên đầu cuối cùng đã mất trí. Nhưng tối muộn hôm đó, vài người đã thấy một thanh niên từ cửa trước nhà bà đi ra, được bóng tối bao trùm.

Khi tin tức lan ra, mấy thanh niên bèn mai phục ở góc đường với hy vọng vị khách lạ có thể xuất hiện trở lại, nhưng hấn không lộ diện. Trong vòng một tuần là họ đã quên biến mất, nhưng rồi lại tình cờ tận mắt thấy một người đàn ông đi ra khỏi ngôi nhà. Khi họ đuổi theo, người đàn ông guồng chân nhanh hơn họ và biến mất dạng.

Mẹ Salim buồn với hàng xóm rằng chồng mù biết sự thật. Ông ta dành phần lớn thời gian ngồi bên cửa sổ ban công tầng trên, đọc báo và thi thoảng lại ngược lên nhìn người đi lại dưới đường hay ra vào nhà. Đó là thú vui duy nhất của ông ta. Lão già lầm lì đó tự tin quả quyết rằng vị khách này là một tên trộm hoặc một dạng tội phạm nào đó lừa Elishva tin rằng hắn là con trai bà và dùng nhà bà làm nơi trú ẩn. Một phụ nữ trẻ đến buổi tụ tập ở nhà Mẹ Salim nghe được dị bản này thì la lên rằng ắt hẳn tay cò nhà đất Faraj đứng sau việc này. Mẹ Salim há hốc mồm ngạc nhiên. Người phụ nữ trẻ hẳn học nói rằng Faraj đứng sau mọi chuyện tồi tệ xảy ra trong khu. Mà tại sao lại không chứ? Ý từng đuổi cô ta ra khỏi nhà một đêm tăm tối, chẳng hề xót thương mẹ con cô ta. Trong những buổi gặp gỡ khác nơi sân nhà Mẹ Salim, câu chuyện càng trở nên ăn khớp hơn.

Như thể quên mất những gì mình vừa nói trước đó, người hàng xóm hẳn học kể rằng gã thanh niên đã trèo lên bức tường thấp nhà Hadi rồi nhảy lên chỗ trống lộ thiên nơi hai căn phòng sập xuống ở tầng trên nhà Elishva. Hắn định đi xuống nhà và bóp cổ bà trên giường. Sẽ chẳng ai buồn thắc mắc tại sao một bà lão già nua như vậy lại chết. Họ sẽ nhủ rằng Chúa đã đưa linh hồn của bà đi trong giấc ngủ, và rồi sẽ quên bằng chuyện đó. Tên tội phạm trẻ tuổi xuống cầu thang và thấy bà đang ngồi bên ngọn đèn dầu trong căn phòng lớn sát mặt đường, vừa cầu nguyện vừa trò chuyện với Thánh George. Lời bà nói làm mềm lòng hắn, dù hắn chẳng hiểu thứ ngôn ngữ đó. Bà nói bằng tiếng Syria với bức tranh lớn treo trên tường, và gã trai trẻ cảm thấy ai đó đáp lời bà. Hắn tiến gần hơn tới cửa và chăm chú lắng nghe. Âm thanh đó ắt hẳn là cuộc trò chuyện giữa hai người. Hắn nhìn vào căn phòng. Trong ánh sáng mờ mờ, tất cả những gì hắn thấy là một bà già nắm chặt cây thánh giá bằng kim loại trên chuỗi tràng hạt, đưa lên môi. Một con mèo gầy nhom cọ vào chân hắn, rồi bước đi và ngồi bên chân Elishva. Tên tội phạm trẻ tuổi bất động, như thể bà lão đã khiến hắn

mọc rễ tại chỗ với cái nhìn dịu dàng tình mẫu tử. “Lại đây, con trai của mẹ,” bà nói. Hấn ngoan ngoãn và đầy quy phục bước tới, như một đứa trẻ, rồi nhào vào cánh tay bà, khóc nức nở.

Tất nhiên Mẹ Salim và mấy bà già khác không tin câu chuyện này, nhưng rồi nhanh chóng nối đuôi nhau, tất cả bọn họ đều nói, “Cầu Chúa ban phước lành cho Nhà tiên tri và gia quyến của Nhà tiên tri.” Câu chuyện khiến họ rung cả mình. Người phụ nữ hần học đã khiến mọi người tin vào câu chuyện của mình. Nó được thêu dệt hay không đâu có gì quan trọng; quan trọng là nó cảm động, và lý do họ dành một phần thời gian trong ngày nơi sân nhà Mẹ Salim là để thoát khỏi Bataween cùng chuyện thường nhật của nó và bồng bênh trong một thế giới khác. Người phụ nữ quái quỷ ôm mối hận với Faraj đang dốc sức mình thực hiện nghĩa vụ, và họ biết ơn cô ta vì đi đầu đó.

“Chúa nguyền rửa mi tối nay, Faraj. Cầu Chúa mang mi đi,” Mẹ Salim hét lên. Những bà khác lặp lại lời nguyền và giáng xuống đầu y đủ loại lời nguyền rửa và lảng mạ khác. Người phụ nữ hận thù cảm thấy nhẹ nhõm vô cùng trước hành động của họ, và bỗng không còn quá căm ghét Faraj nữa.

2

Trời ấm, nên Elishva cởi chiếc áo len tối màu đang mặc ra. Bà thay một chiếc váy mùa hè màu xanh dương sẫm. Bà không tháo chiếc khăn buộc đầu màu đỏ điểm hoa trắng, thứ đã trở thành biểu tượng cho sự biến chuyển của bà. Tuần trước bà đã không tới nhà thờ quen thuộc. Thay vào đó, bà thích tới Nhà thờ Thánh Qardagh tại Akad al-Nasara ở Sheikh Omar hơn, để hoàn thành một số lời thề nguyện “Hồi giáo” đã quá hạn. Bà xoa một nắm bột henna nhão lên tay nắm kim loại của cánh cửa gỗ lớn tại Nhà

thờ Thánh George của Anh giáo ở Bab al-Sharqi. Bà vẩy nước cho khu vườn h ồ ng nhỏ ở Nhà thờ Chính Thống giáo Syria. Những nhiệm vụ phức tạp đó ngốn của bà nguyên tu ần. Bà xoa một nắm bột henna nhão khác lên cửa Nhà thờ H ồ giáo Ortali gần đầu đường Saadoun, nhà thờ H ồ giáo duy nhất ở Bataween.

Tại Nhà thờ Thánh Odisho, bà thắp que hương tr ần Ấn Độ lên bàn thờ Đức Mẹ Đồng trinh Maria trước khi cha Josiah đến. Giờ tất cả những lời th ề nguyện của bà đã được hoàn thành. Tuần qua cha Josiah đã nhận được hai cuộc gọi từ con gái út của Elishva, và ông đã định cử người trợ tế, Nader Shamouni, tới nhà Elishva trong trường hợp bà không đến vào Chủ nhật tới.

Trước khi bắt đầu buổi lễ, cha Josiah mỉm cười bước tới chỗ Elishva bảo bà rằng các cô con gái cứ hỏi tin bà mãi và trưa nay Matilda sẽ gọi lại. Elishva cười tươi hài lòng và cảm ơn cha Josiah. R ồi bà dự Thánh lễ, th ần thì lời c ầu nguyện: “Vinh danh Thiên Chúa trên trời, bình an dưới thế cho người thiện tâm.” Nhưng tâm trí bà thì để ở cuộc điện thoại đã trễ mất ba tu ần.

Sau Thánh lễ, Elishva giúp phân phát chỗ đồ ăn mà các phụ nữ trong giáo đoàn mang từ nhà tới bày trên những bàn lớn trong sảnh nhà thờ. Bà ăn cùng họ, và khi ăn xong, mọi người tạm biệt cha Josiah, mấy người trẻ tuổi trông coi nhà thờ, người chăm nom, các cảnh sát trên chiếc xe chính phủ đỗ ngoài cổng để bảo vệ nhà thờ. Hầu hết mọi người đã ra về, nhưng Elishva vẫn ở lại, ng ồi đợi con gọi điện. Khi cảm thấy không gian chìm vào im ắng, bà bắt đầu thất vọng. Điện thoại của cha Josiah reo hai, ba lần, nhưng là điện của người nhà ông, các linh mục khác và bạn bè ông. Cuối cùng, cuộc gọi Elishva chờ đợi cũng đến. Cha Josiah nghe giọng nói ở đầu dây bên kia, mỉm cười, đưa điện thoại cho Elishva.

“Hilda ốm r ề. Bọn con không muốn nói với mẹ. Tâm th ần bất ổn. Chị ấy đang nằm viện, nhưng giờ thì đỡ hơn r ề,” Matilda nói.

“Daniel v ề r ề, Matilda à,” Elishva nói. “Con trai mẹ trở v ề r ề.”

“Hilda buồn lắm, con nói thật đấy. Chị ấy bảo sẽ không bao giờ nói chuyện với mẹ nữa. Giờ chị ấy không ở đây với con. Chị không nghe thấy những gì con đang nói với mẹ, nhưng nếu mà biết chị ấy sẽ buồn lắm.”

“Giờ nó đang ở với mẹ,” Elishva tiếp tục. “Nó không chịu ra ngoài vì người khác có thể thấy nó. Buổi tối nó mới ra ngoài. Từ mái nhà. Nó biến mất cả ngày trời, nhưng r ề vẫn quay v ề”

“Mẹ có khỏe không? Con gọi cho mẹ cả trăm cuộc một ngày nhưng không tài nào liên lạc nổi. Con phát điên lên được. Có lúc con gọi thì người lạ trả lời. Con không biết là có chuyện gì nữa.” Matilda nói.

“Mẹ khỏe. Hilda và các con nó thế nào? Lũ trẻ nhà con thế nào? Chúng đã lớn chưa? Cho mẹ nói chuyện với cháu đi.”

“Hilda đang nằm viện. Giờ chị ấy đỡ r ề. Con trai lớn của chị ấy giống Daniel lắm. Năm nay nó muốn bắt đầu học y.”

“Daniel là tình yêu của mẹ. Con trai đáng yêu của mẹ. Đứa con thân thương của mẹ.”

“Bọn con đã gửi cho mẹ năm trăm đô la. Tự tay con đã gửi tới văn phòng của Ayad al-Hadidi, người đổi ti ền ở Karrada. Lấy tên người nhận là cha Josiah. Cha có thể rút ti ền ra đưa cho mẹ. Mẹ có cần gì không?”

“Mẹ cần con quay v ề mang chút hơi ấm cho ngôi nhà.”

“Bọn con sẽ không quay v ề đâu. Mẹ cần phải tới đây. Ở đây mẹ sẽ thoải mái hơn đấy ạ,” Matilda nói. “Ở Melbourne này có một nhà thờ Assyria tên là Thánh George. Điêu đó có ý nghĩa gì với mẹ không? Con đã nói với linh mục, cha Antoon Mikhail và cha sẽ chào đón mẹ đến.”

“Mẹ không đi đâu. Mẹ ở đây với Daniel.”

“Hãy nói với thằng Daniel đấy là các con gái mẹ cần mẹ. Nó sẽ hiểu.”

“Con hiểu mà, Matilda.”

“Giờ đất nước chỉ toàn khói lửa quanh mẹ thôi. Chúa ơi! Được rồi, từ giờ trở đi con sẽ rèn luyện bản thân không được buồn và không khóc nữa. Mẹ sẽ làm chúng con sống đỡ chết đỡ ở đây. Mẹ thích hành hạ bọn con.”

“Đừng hành hạ bản thân và đừng buồn con ạ,” Elishva đáp. “Chừng nào bình tĩnh hơn thì hãy gọi cho mẹ.”

“Ý mẹ là gì, *chừng nào*?” Matilda lớn tiếng. Elishva trả lại điện thoại cho cha Josiah. Chân bà tê cứng do đứng quá lâu, vì bà luôn đứng nói chuyện điện thoại. Bà cảm thấy con giận khế cuộn xoáy trong lòng ngực. Bà ngồi xuống, vẫn lắng nghe cha Josiah trao đổi khi Matilda nói với ông về số tiền chuyển và các nhu cầu vật chất của Elishva. Cô thắc mắc về khoản lương hưu mà Elishva nhận được ba tháng một lần và về sự hỗ trợ cho người có hoàn cảnh khó khăn theo đăng ký ở nhà thờ. Matilda cứ tiếp tục phàn nàn rằng bọn họ chẳng dư dả gì nhưng đang lên kế hoạch về nước để đưa Elishva đi trước khi mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn.

“Nếu cần, chúng con sẽ phải dùng vũ lực đưa bà đi. Bà không thể cứ hành hạ chúng con mãi như thế này được,” Matilda nói với vị linh mục.

Cha Josiah cố xoa dịu cô. Ông không ủng hộ kế hoạch của Matilda. Bôn phận tôn giáo không cho phép ông khuyến khích các thành viên giáo đoàn di cư. Nhưng ông không ngăn cản ai làm việc đó, và ông sẽ vẫn chứng thực một cách bình thường những giấy tờ tôn giáo liên quan đến kết hôn, khai sinh, vân vân mà những người sắp di cư có thể cần để đơn giản hóa thủ tục gia nhập một nhà thờ Assyria ở bất cứ nơi nào họ đến.

Cuộc điện thoại chấm dứt, và Elishva trông có vẻ không hài lòng. Vị linh mục tiễn bà ra cổng và đề nghị cử một người trông coi nhà thờ đưa bà

về, nhưng bà nói sẽ tự bắt xe buýt. Trước khi đi, bà quay sang cha Josiah, tháo đôi kính to dùng ra, và, mắt lóe lên, tuyên bố chắc nịch rằng từ nay bà không muốn nhận bất kỳ cuộc gọi nào nữa. Bà sẽ không nghe điện từ con gái, và cũng không yêu cầu gọi cho chúng nữa. Cha Josiah cười và cố vỗ nhẹ lên bờ vai xương xẩu của bà, nhưng bà đáp lại rằng nếu ông không chấp thuận đề nghị này thì tuần tới bà sẽ đến Nhà thờ Thánh Qardagh và không bao giờ quay lại nhà thờ của ông nữa.

3

Trời chuyển ấm ngở ngàng, còn Mahmoud thì trở mình liên tục trên chiếc giường trong căn phòng ở khách sạn Orouba. Xung quanh tối om, đã mất điện mấy tiếng đồng hồ rồi. Anh đoán mùa hè sắp tới sẽ rất nóng, nhưng không rõ Bố Anmar đã có kế hoạch lắp điều hòa cho các căn phòng hay chưa.

Anh biết rằng một số khách sạn ở Bataween, phố Saadoun và Karrada đã bắt đầu chuẩn bị cho cái nóng mùa hè gay gắt, nhất là những khách sạn có khách lưu trú thường xuyên. Họ đã bắt tay vào mua máy phát điện diesel có thể đặt từ các xưởng tư. Máy phát điện kết nối một động cơ xe buýt Kia với một đầu máy phát điện và rẻ hơn máy tương tự nhập từ nước ngoài nhiều. Nhưng Bố Anmar không giống những chủ khách sạn khác. Ông không đủ tiền mua loại máy phát điện đó và trả tiền nhiên liệu chạy máy. Giờ chỉ còn bốn vị khách trong khách sạn, mỗi người trả số tiền chỉ tương đương mười đô la một ngày.

Mahmoud đã có kinh nghiệm từ những mùa hè trước đó với những đêm nóng như thiêu như đốt không thể ngủ nổi khiến ta kiệt sức và uể oải vô phương cứu chữa suốt ngày dài. Lúc này anh không cần những biến chứng

kiểu như vậy, nhất là khi anh đang nỗ lực chứng minh vị trí của mình ở tạp chí và giữ được sự tin tưởng của tổng biên tập.

Saidi lôi Mahmoud đi khắp nơi, ngoài việc viết báo và kiểm tra dàn trang. Khi Saidi ra ngoài, Mahmoud ngồi trong phòng làm việc trả lời điện thoại từ các nhà in hay đơn vị quảng cáo. Saidi luôn để một điện thoại di động đang sạc trong phòng, và khi nó reo, không ai ngoài Mahmoud dám nghe. Có lần anh nhận được cuộc gọi từ một viên chức của một khối nghị viện lớn, buộc tội tạp chí đã đăng bài mà theo người này nói là xuyên tạc, rằng một nhóm vũ trang trung thành với vị công chức này đã ám sát một số đối thủ của ông ta. Sợ hãi, Mahmoud xin lỗi và giải thích rằng tổng biên tập không ở tòa soạn và tạp chí lấy phóng sự từ Agence France-Presse, hãng tin của Pháp.

“Không phải là anh ở cùng phe với chúng tôi sao?” người đàn ông nói. “Tại sao anh lại làm những việc khiến chúng tôi đau đầu?”

Mahmoud rồi rít xin lỗi, nhưng anh cũng thề nguyền rửa cú ngoặt đã đẩy anh vào tình huống khó xử này. Anh quyết định gọi Saidi thông báo với ông, nhưng Saidi lại tỏ ra khá bình tĩnh và bảo Mahmoud không phải để tâm quá nhiều làm gì.

Lần khác Mahmoud trả lời cuộc gọi từ một số cá nhân. Trên màn hình hiện 666, và anh biết từ một bộ phim Mỹ rằng đó là số của “quái vật biển cả” trong cuốn sách *Khải huyền*.

Quái vật muốn gì? Có phải tạp chí đã đăng tin bất lợi cho quái vật hay gì? “A lô...”

Đó là Nawal al-Wazir, nhưng có vẻ cô không để ý rằng người nhắc máy không phải Saidi. Cô tuôn ra một tràng khiến Mahmoud như bị sét đánh, nhưng anh không nói gì, nếu không anh sẽ phải tiết lộ danh tính.

“Sao ông không trả lời?” cô hỏi.

Cô càng thêm cáu tiết, và trong lúc khó xử Mahmoud đã quyết định tắt máy. Nếu Saidi biết đến cuộc gọi này thì sao nhỉ? Tại sao ông lại để điện thoại của mình ở đây? Tại sao ông không dành một chiếc điện thoại cho riêng tạp chí? Nawal sẽ nghĩ chính Saidi đã ngắt cuộc gọi với cô. Có vẻ quan hệ của họ không tốt lắm và có vẻ cô thực sự là “bạn tình” của ông, như Farid Shawwaf nói ngày hôm đó.

Mahmoud hoàn thành công việc vào buổi trưa. Farid Shawwaf và các biên tập viên khác đã rời tòa nhà. Người tạp vụ mang cho anh bữa trưa mua ở nhà hàng bên cạnh. Mahmoud cảm thấy tê dại và kiệt sức. Hơi lạnh từ đi đầu hòa phả vào mặt khiến anh buồn ngủ. Anh không muốn gặp bạn bè ở quán cà phê hay trở về khách sạn Orouba, nên anh bèn nằm xuống chiếc xô pha da đỏ trong phòng làm việc của Saidi, nhắm mắt dỗ giấc. Trong nỗ lực thư giãn, anh tưởng tượng Nawal al-Wazir bước vào phòng, cởi quần áo ra, nằm duỗi dài bên anh trên xô pha, và vòng cánh tay mềm mại, tròn lẳn quanh hông anh.

4

Saidi đánh thức Mahmoud dậy lúc hoàng hôn. Ông đã gọi anh mấy cuộc. Tâm trạng ông đang khá phấn khích nên ông không hỏi Mahmoud tại sao không nhắc máy. Mahmoud theo Saidi đi quanh tòa soạn. Saidi mở ngăn kéo chiếc bàn làm việc lớn của ông, lấy ít giấy tờ ra cất vào cặp táp. Ông nói với Mahmoud rằng hôm nay ông có một giao dịch xuất sắc.

“Những gì chuẩn tướng Majid nói là đúng,” ông tiết lộ mà không giải thích mình đang nhắc đến phần nào trong đoạn nào mà chuẩn tướng từng phát ngôn.

Rồi Saidi vào nhà vệ sinh vài phút, Mahmoud bèn tận dụng cơ hội đó để bình tĩnh lại. Anh rửa mặt ở bồn bên ngoài và chỉnh trang đầu tóc, quần áo. Khi Saidi ra khỏi nhà vệ sinh, ông bảo Mahmoud đi cùng ông làm mấy việc vặt rồi đi ăn mừng.

Mahmoud rời đi cùng Saidi trên chiếc xe thời thượng của ông. Đầu tiên họ tới một văn phòng bất động sản ở Karrada, và Saidi thương thảo với người môi giới về một mảnh đất trông ra sông Tigris. Họ bị kẹt lại ở văn phòng đó và uống bốn tách trà. Mahmoud xem tivi trong khi Saidi bận thương thảo. Đến khi họ rời khỏi đó, Mahmoud cảm thấy đói bụng, tự hỏi không biết Saidi đã có kế hoạch gì cho buổi tối hay ông định ăn mừng kiểu gì.

Họ xuất phát vào màn đêm trên chiếc Mercedes đen, hướng tới nơi nào đó ở vùng Arasat. Thi thoảng dòng sông lại xuất hiện qua những lỗ hổng trên tường, lấp lánh những đốm sáng nhảy nhót phản chiếu ánh đèn nơi bờ sông bên kia. Mahmoud nghĩ họ đang tới một nơi đặc biệt. Họ đi vào một tòa nhà cao có lính gác ngoài cổng và thêm nhiều lính gác ở cuối hành lang dài. Họ bị soát người tìm vũ khí, và rồi nghe văng vẳng tiếng những ca khúc nhạc pop của Iraq và ngửi thấy một mùi hỗn hợp của đồ uống có cồn, shisha và khói thuốc lá. Saidi đã đặt bàn gần sàn nhảy trong sảnh chính. Ông thường làm việc đó qua điện thoại, tiêu tiền rộng tay. Tiền là chìa khóa cho mọi thứ; đó là chiếc đèn thần trong cuộc đời này, Mahmoud nghĩ khi ngồi trong đại sảnh ồn ào. Mức âm thanh này thật không thể tin nổi, tuy nhiên, để muốn nói chuyện là lại phải rướn người về phía nhà báo trẻ, song Saidi không lấy đó làm phiền. Mahmoud không nghe thấy gì nhưng vẫn gật đầu ra vẻ hiểu. Saidi nhìn ban nhạc mỉm cười. Không gì có thể ngăn ông cười, và Mahmoud không giấu bản thân cái cảm giác ghen tị với người đàn ông này.

Anh muốn kể với Saidi về cuộc gọi của Nawal al-Wazir. Anh cũng muốn hỏi ông vài chuyện khác liên quan đến tạp chí. Nhưng Saidi chắc chắn sẽ không nghe ra giữa bầu huyên náo này, với cả Mahmoud cũng lo sẽ làm Saidi mất hứng khi lôi chuyện công việc ra nói. Một người phục vụ mang tới những chiếc ly đựng thứ đồ uống bí ẩn có màu đỏ như máu. Saidi cầm ly của ông lên, nhấp một hơi, rồi rướn về phía Mahmoud. “Bloody Mary,” ông hét lên.

Phải, Bloody Mary, thơm ngon, hảo hạng, tuyệt vời - sung sướng làm sao! Còn những thú vui nho nhỏ nào nữa mà người đàn ông này từng thử? Hiển nhiên ông là người hạnh phúc. Vậy giờ Nawal al-Wazir là hiện thân của quỷ dữ. Saidi chắc hẳn đã thay cô bằng một phụ nữ khác. Người như Saidi không thể nào không có nổi một phụ nữ được. Hẳn rồi, tuyệt vời, xinh đẹp.

Người b ả bàn quay trở lại với một chai rượu whisky lớn sẫm màu, ly mới và một xô kim loại đựng đầy đá. Một người b ả bàn khác vọt ra từ sau lưng anh ta với mấy đĩa đồ nhấm và khế cúi người khi nghe Saidi nói. Anh b ả mỉm cười biết ơn rồi lui ra.

Họ uống rượu. Rồi ban nhạc ngừng chơi, và Mahmoud nghe thấy những tiếng ồn khác - tiếng ly lanh canh và tiếng người thì thầm nói chuyện ở bàn bên. Hóa ra là họ có thể nói chuyện bất chấp tất cả những tiếng ồn đó? Nơi này thực sự ở Baghdad ư?

Farid Shawwaf từng cảnh báo Mahmoud về việc quá cung kính với Saidi. “Đừng làm con chó cảnh của ông ta” là câu găm trong tâm trí anh, nhưng thực ra Farid chưa bao giờ nói câu đó. Mahmoud chỉ lo rằng có thể cậu ta sẽ nói. Đó là một câu xúc phạm, và Mahmoud thường đánh hơi thấy ý đó trong những lời người bạn cũ của mình. Với cả, Mahmoud không phải con chó cảnh của Saidi hay của bất kỳ ai khác. Anh không theo Saidi đi loay quanh khắp nơi. Chính Saidi là người lôi Mahmoud đi cùng, Saidi

mới là người cần anh. Nhưng ông cần anh vào việc gì chứ, Mahmoud băn khoăn.

Đến giờ Saidi đã giới thiệu Mahmoud với phân nửa số người trong chính phủ, nhiều quan chức cao cấp, các nhà ngoại giao nước ngoài. Ông đã giới thiệu anh với những nhân vật bí ẩn anh chưa từng nghe đến, như chuẩn tướng Majid. Ông đã để anh dự phần vào một số bí mật khủng khiếp. Mục đích của Saidi trong tất cả những chuyện này là gì? Rốt cuộc thì Saidi thu được gì từ đó? Mahmoud cần thêm chút máu liều để hỏi sếp mình vài câu. Anh cần câu trả lời, dù anh tin rằng câu trả lời sẽ đến theo cách này hay cách khác.

Mahmoud thu hết can đảm để bắt đầu. “Chuẩn tướng Majid nói cái gì đúng cơ ạ?” anh hỏi.

Saidi có vẻ đang lục tìm ký ức xem có gì liên quan tới câu hỏi của Mahmoud không. Rồi ông nở một nụ cười tươi hiên hòa. “Về cái máy in ấy mà,” ông nói. “Nó sẽ là một thảm họa. Nhiều người làm việc trong ngành in đang đợi tình hình an ninh được cải thiện và hy vọng đi đâu thì tệ nhất không xảy ra. Đừng quên năm nay sẽ có những cuộc bầu cử chưa từng có tiền lệ. Sẽ có khối việc phải làm liên quan đến áp phích và tờ rơi bầu cử.”

“Ông định mua một cái máy in ép khác, hay ông quyết định ngược lại ạ?”

“Không, tôi vừa mua một ngôi nhà gần quảng trường Andalus. Đó là giao dịch tôi làm hôm nay đấy. Một ngôi nhà có đầy đủ đồ đạc từ một ông già thuộc một gia đình quê ở Amirli,” Saidi đáp.

Mahmoud đã xác định được rằng Saidi sẽ trả lời câu hỏi của anh, vì thế anh thấy có hỏi thêm cũng chẳng vấn đề gì, hoặc giả đó chỉ là tác động kết hợp giữa tâm trạng hưng phấn của ông với whisky và Bloody Mary. Anh

cố liêu thêm chút nữa để hỏi ông chuyện riêng tư - về Nawal al-Wazir chẳng hạn. Nhưng rồi ban nhạc nổi nhạc trở lại: một bài hát của Hussein Neama nhưng ở nhịp nhanh hơn. Mahmoud nâng ly lên miệng hớp một ngụm rõ dài. Anh nhấm nháp đồ nhắm và thi thoảng quay sang Saidi. Anh cảm thấy mình thực sự quý mến người đàn ông này và muốn được giống ông.

“Cậu phải hiểu, Farid Shawwaf. Tôi muốn giống ông ấy, chứ không phải là thuộc hạ của ông ấy.” Đó là những gì Mahmoud sẽ nói khi gặp gã bạn cũ lần tới.

Anh không cần bất kỳ lời khuyên rồi rắm nào của Farid nữa.

Mahmoud vẫn cứ uống đầu. Rồi anh để ý thấy Saidi nhìn mình vẻ kỳ lạ. Ông vừa mỉm cười vừa uống và nom như thể muốn nói gì đó.

“Sao mà tôi muốn được ở vị trí của cậu đến thế,” cuối cùng ông nói. “Giá mà có thứ quyền năng nào có thể hoán đổi vị trí của chúng ta. Nhưng quá muộn để làm thế rồi.”

Mahmoud há hốc miệng sững sờ. Chỉ những lời đó thôi cũng đã giống như cú vẩy gậy của nhà ảo thuật, biến giấc mơ bất khả của anh thành sự thật. Anh ước mình có can đảm trả lời Saidi rằng anh cũng muốn được trở thành ông, rằng anh muốn đổi chỗ với ông, rằng cuộc đời anh sẽ chẳng có ý nghĩa gì nếu anh không trở thành người như Saidi, nếu sau này, anh không trở thành Ali Baher al-Saidi.

5

Gã buôn đồ cũ Hadi cảm thấy phần nộ và thất vọng khi ông già ở Amirli bảo gã rằng lão đã bán nhà cùng đồ đạc và hai tuần nữa sẽ chuyển

tới Moscow kết hôn với người bạn gái đã gặp từ hàng thập kỷ trước khi lão còn học ngành hóa ở Nga.

Chuyện này lẽ ra không thể xảy ra được. Gã đã tốn bao nhiêu thời gian hòng thuyết phục lão bán chút đồ cũ nát, nhưng lão lại rất đa cảm với đồng kỷ niệm ẩn chứa trong những mảnh gỗ khướm mười niên đó. Thế mà giờ lão lại thông báo rằng đã rũ bỏ mọi thứ - kỷ niệm, đồ đạc, cuộc sống ở Baghdad - tất cả, để có một kỳ trăng mật muộn trong những năm tháng còn lại của cuộc đời.

Hadi cần kiếm tiền từ bất cứ nguồn nào để lo cho nhu cầu cơ bản của mình. Mấy ngày qua gã say triền miên, kể từ cái đêm tắm tối khi vị khách đáng sợ kia ghé thăm và trong giây khắc gã đã phải lừa mình tin rằng đó chỉ là tưởng tượng chứ không phải tác phẩm của gã.

Hadi băng qua quảng trường Andalus và chậm rãi đi qua khách sạn Sadeer. Gã nhớ lại cái đêm bị sức công phá của vụ nổ hất văng lên không trung. Gã ước gì mình chết quách đi từ lúc đó.

Gã ngẩng trên vỉa hè một lúc, phì phèo khói thuốc. Gã thử giả định một vụ bom xe hay một loại chất nổ nào khác có thể phát nổ bất cứ lúc nào và đây quả là nơi lý tưởng để toi mạng. Gã ngẩng đó cho đến khi bóng tối buông xuống, đắm chìm trong ý nghĩ về khả năng hàng chục quả bom đã phát nổ hoặc được gỡ trong ngày hôm đó. Không ngày nào trôi qua mà không có một vụ bom xe. Tại sao gã xem tin tức thấy người khác chết mà gã vẫn sống? Một ngày nào đó gã phải lên phần tin tức, gã tự nhủ. Gã nhận thức rõ rằng đó là số phận của mình.

Khi Hadi trở về Bataween, gã nghe Aziz nói trong quán cà phê là Bô Anmar đang tìm gã. Hadi tới gặp thì thấy ông ngẩng trong sảnh khách sạn, vận bộ dishdasha, bụng phệ trông thấy còn đầu đội khăn trắng, đang đọc

một cuốn sách dày. BỐ Anmar tháo kính ra, gấp sách lại, rồi đứng dậy bắt tay Hadi.

Suốt mấy năm qua, Hadi chỉ chạm mặt BỐ Anmar trong khu có vài lần và nói chuyện với ông một hai lần gì đấy. Gã có nghe một số lời đồn về ông, quan trọng nhất trong số đó, theo đánh giá của Hadi, là về mối quan hệ lâu năm với Veronica, người phụ nữ Armenia làm công việc dọn dẹp khách sạn rất kỹ mỗi tuần. Có người còn nói rằng thằng con tuổi thiếu niên của bà, Andrew, vẫn thường đi theo mẹ, là con trai của BỐ Anmar.

BỐ Anmar bảo Hadi rằng ông đang tính bán đồ đạc trong mấy căn phòng vì ông chuẩn bị sửa sang lại khách sạn. Thực ra thì ông muốn thay hết mọi thứ và hy vọng tìm được người mua giường, tủ quần áo và các món đồ khác. Hadi dỏng tai lắng nghe và khẩn trương tìm cách nhớ lại những thứ liên quan trong một giao dịch kiểu này. Gã bảo BỐ Anmar rằng gã sẵn lòng mua, và BỐ Anmar nghĩ dẫn Hadi đi một vòng xem qua mấy căn phòng sẽ giúp gã đánh giá được chính xác hơn.

Chuyến đi thật đáng thất vọng với Hadi. Những căn phòng mà Mahmoud al-Sawadi, ông già Luqman người Algeria và hai khách khác thuê là những phòng tốt nhất khách sạn. Đồ đạc trong đó vẫn còn dùng được, nhưng đồng đồ còn lại chỉ là đồng nát, cái thì bị mối xông, cái thì ngấm nước. Nhưng gã không đổi ý mà vẫn đảm bảo với BỐ Anmar rằng sẽ tìm được người mua tất.

Hadi ngồi bên BỐ Anmar trong sảnh. Lần đầu tiên gã để ý thấy chiếc bàn gỗ nhỏ đằng sau quầy tiếp tân lớn. Chính giữa là một chai arak đầy, một cái cốc và một đĩa dưa chuột. Lúc này Hadi không thích hợp để nốc - cơ thể gã đã bão hòa rồi, người gã nặng nề mùi rượu. Gã đã phải lột mình ra khỏi giường lúc đầu giờ chiều để tới gặp lão già quê ở Amirli. Gã đã nhọc nhằn lê bước trên phố, và phải mất một lúc cơn váng vất do rượu

gây ra mới đỡ dần. Nhưng gã có thể làm gì chứ? Lúc này gã thêm khát cái chai kỳ diệu kia biết chừng nào.

Bố Anmar cứ mãi nói về kế hoạch thay đổi đồ đạc trong khách sạn mà chẳng buồn mời Hadi ngồi xuống uống một ly cùng ông. Dẫu có đeo kính đọc sách, nhưng Bố Anmar không mù và có thể thấy tay buôn đồ cũ này là một gã khùng. Nếu có nghe tin Hadi là kẻ trộm hay sát nhân thì ông cũng chẳng lấy làm ngạc nhiên lắm. Ông gọi Hadi đến chỉ vì việc mua bán mà thôi.

Bố Anmar đã nói những gì cần nói, nhưng Hadi không hề muốn đi. Nếu Mahmoud al-Sawadi không xuất hiện, tình huống khó xử này có lẽ còn gay hơn nữa.

Mahmoud say nhưng cố hết sức không để lộ ra. Anh cảm thấy luồng hơi phả ra từ quạt trần trong sảnh và nghĩ đến bầu không khí ngột ngạt mà mình phải cố trốn thoát cả ngày. Anh đã nốc quá nhiều so với trữ lượng của mình lúc đi cùng Saidi tối qua và định leo thang lên giường. Anh văng vất đến mức không để ý đến hơi ẩm, hệ thống thông gió tồi tệ và mùi khó chịu trong căn phòng này.

Mahmoud giơ tay lên chào và cười tươi. Anh ngạc nhiên khi thấy người kể chuyện nổi tiếng trong khách sạn này. Anh ngồi xuống, vỗ vỗ lên đùi Hadi và hỏi thăm tình hình gã.

Mahmoud không nhận thấy vẻ mặt Bố Anmar trông nghiêm trọng thế nào. Ông không vui khi Hadi ở lại quá lâu. Ông muốn quay lại uống lúc thanh thoi và đọc sách về chiêm tinh và bói toán, thể loại yêu thích nhất của ông. Nhân lúc hai người trong phòng không để ý, ông rót cho mình chút arak, thả một viên đá và cho thêm chút nước, rồi nhấp nha uống. Trước ông cũng có dịp mời Mahmoud và Hazem đến uống cùng. Ông thích những buổi tối bên họ như vậy, nhưng tối nay thì khác.

Mahmoud cảm thấy bụng nặng nặng. Khi đi trên con đường tối về khách sạn, anh đã nghĩ đến việc cố nôn ra trong buồng tắm. Có lẽ nếu anh ng ồi xuống nói dăm ba câu chuyện để khiến bản thân quên đi cho đến khi đỡ thì sẽ tốt hơn chẳng. Anh bắt đầu hỏi Hadi về câu chuyện dị thường của gã, về cái xác gã đã khô thành, cứ thế cứ thế. Bố Anmar ngược lên khỏi cuốn sách và hé mắt nhìn Mahmoud qua cặp kính với vẻ mặt tò mò xen lẫn ngạc nhiên.

Cho đến đêm đó, Hadi đã giữ đúng lời hứa gã đã dặn lòng trong cuộc trò chuyện với Aziz ở quán cà phê - gã sẽ quên câu chuyện và không bao giờ nhắc đến nó với bất kỳ ai. Nhưng rồi gã phát hiện ra câu chuyện là thật, và gã chẳng còn thấy nó có gì vui vẻ để mà kể trước mặt những người khác nữa.

Không ai, kể cả Aziz, biết rằng Vô Danh, như Hadi gọi, đã quay trở lại chỗ Hadi, sống sờ sờ và đứng trên hai chân. Có những chuyện nghiêm trọng đã xảy ra, mà Hadi chỉ là một cái ống dẫn, như một người cha hoặc mẹ đơn thuần đã sinh ra đứa con trai là nhà tiên tri, vị cứu tinh hay một con quỷ đầu đàn. Họ không hẳn là đã tạo ra một cơn bão cuốn theo. Họ chỉ là kênh dẫn cho thứ gì đó quyền năng và quan trọng hơn họ.

Giờ thì, gã sẽ kể gì với nhà báo trẻ này đây, đầu lắc lư say xỉn và cố che đậy cơn say bằng cách tì trán lên nắm tay siết chặt hoặc đổi tư thế khi cảm thấy hơi mất thăng bằng?

Mahmoud nghĩ sẽ được nghe một câu chuyện vô thường vô phạt mà khán giả của Hadi thường được nghe. Một câu chuyện mua vui miễn phí, và rồi Mahmoud sẽ lên phòng ngủ say như chết cho đến sáng hôm sau. Nhưng Hadi định sẽ làm một việc vượt xa trí tưởng tượng của Mahmoud.

“Tôi sẽ kể cậu nghe phần tiếp theo của câu chuyện,” Hadi nói. “Chỉ cho cậu thôi. Nhưng với hai điều kiện.”

Mắt Hadi lóe lên. Ngay từ đầu Mahmoud đã nghĩ Hadi là kẻ điên, vì thế anh cảm thấy thôi thúc hơn, tò mò hơn, muốn gã tiếp tục, nhớ đâu gã biết thứ gì đó quan trọng. Bố Anmar ngược lên khỏi cuốn sách và bắt đầu lắng nghe cuộc trò chuyện kỳ lạ này.

“Thế đi đâu kiện của ông là gì?” Mahmoud hỏi.

Hadi xoa ria mép và mớ râu dày. “Cậu phải kể tôi nghe bí mật của cậu để đổi lấy bí mật của tôi,” gã nói, vô cùng nghiêm túc và tỉnh táo. “Và cái còn lại là, cậu mua cho tôi bữa tối và một chai ouzo.”

Chương tám

NHỮNG BÍ MẬT

1

Những báo cáo sơ bộ mà đội chiêm tinh gia ở văn phòng chuẩn tướng Majid chuẩn bị từ tối hôm trước nói về những hình thù ma quái tập trung trên cầu Imams bắc qua sông Tigris giữa quận Kadhimiya và Adamiya. Chuẩn tướng nghi ngờ rằng nhóm thầy bói và chiêm tinh gia đã nhầm lẫn những hình thù ma quái này với những người trong hai ngày qua đã khởi hành từ nhiều nơi trên Baghdad hướng tới Kadhimiya để dự lễ kỷ niệm ngày mất của lãnh tụ Hồi giáo Musa al-Kadhim.

Báo cáo cuối cùng từ chiêm tinh gia bậc thầy đến vào buổi trưa, trong một phong bì màu hồng, nó đưa ra con số ước lượng cho những hình thù ma quái này: cỡ một nghìn. Khi chuẩn tướng đọc báo cáo, màn hình tivi cỡ lớn trong đại văn phòng của ông chợt hiện tin nóng về vụ hàng chục người thiệt mạng trên cầu Imams. Lời đồn về một kẻ đánh bom liều chết trong số những người hành hương đã gây ra hoảng loạn, khiến một số người hành hương bị giẫm đạp tới chết trong khi số khác gieo mình xuống sông và chết chìm.

Chuẩn tướng tức giận vì đã không thể làm gì để ngăn thảm họa xảy ra. Rồi ông nhớ đến một chuyện làm ông thậm chí còn giận dữ hơn: ông luôn cung cấp thông tin có giá trị, thế nhưng chính quyền lại không tận dụng được nó. Ông đã gửi báo cáo về nhiều tên tội phạm, sau khi thận trọng xác nhận vị trí của chúng, nhưng không một kẻ nào bị bắt, hoặc giả nếu chúng

có bị bắt, thì một quan chức nào đó ở Vệ binh Quốc gia hoặc Bộ Nội vụ sẽ xuất hiện trên ti vi hoặc trước thuộc cấp của ông và nhận hết công trạng về thành công của chiến dịch an ninh, mà không mảy may nhắc đến Cục Theo dấu và Truy nã luôn chẻ sợi tóc làm tư hay công việc đầy mẫn cán của một đội được dẫn đầu bởi một người tận tụy và cẩn mật gọi là chuẩn tướng Sorour Majid.

Ông chủ yếu qua đêm ở văn phòng. Ông có một căn phòng nhỏ như một gian phụ của văn phòng lớn, chỉ có giường và tủ quần áo. Mọi thứ ông cần đều ở đó - trừ thân xác phụ nữ, nhưng ông không hay nghĩ về điều đó lắm. Ông còn mãi nghĩ về thành công và về việc tiếp tục cái vai trò “không thể thay thế” và “không thể thiếu được”. Ông đang đợi để tiến hành thành công một cuộc lật đổ ngoạn mục với dấu ấn cá nhân để có thể được thăng tiến lên vị trí cao hơn. Một cuộc lật đổ theo nghĩa bắt được một tên tội phạm vốn là nỗi đe dọa với tất cả người dân. Đó là những gì ông đã nung nấu suốt hai tháng nay. Đội chiêm tinh gia cùng các nhà phân tích mà ông đứng đầu đã tìm cách xâu chuỗi tất cả thông tin hiện có về những vụ giết người kỳ lạ ở Baghdad, và mọi dấu hiệu đó dẫn tới một thủ phạm duy nhất. Trong mỗi vụ án đều có một nạn nhân, và nạn nhân thường bị bóp cổ. Mô tả của nhân chứng hầu hết đều thống nhất về điện mạo thủ phạm.

Chuẩn tướng đã đi tới kết luận rằng một kẻ duy nhất đứng sau tất cả những tội ác này. Thông thường mỗi ngày có một hai vụ như thế xảy ra, và nhiều ngày nhiều tháng trôi qua, con số này trở nên chùng chãi. Một ngày trước khi những hình thù ma quái xuất hiện trên cầu Imams, chiêm tinh gia bậc thầy đã mang tới cho chuẩn tướng tin tốt lành: ông ta đã tìm ra thủ phạm. Ông ta đã bắt djinn cùng các linh thú làm nô lệ, tận dụng các bí mật chiêm tinh Babylon và khoa học của tôn giáo Saba và Manda để tìm ra khí chất của cái tên bao quanh thân thể thủ phạm.

“Đó là... đó là Kẻ Không Tên,” chiêm tinh gia bậc thầy nói, giơ hai cánh tay lên trời - điệu bộ rất hợp với vẻ ngoài phô trương của ông ta: bộ râu trắng dài nhọn, mũi cao hình chóp và áo choàng tung tẩy.

“Thế tức là sao, cái Kẻ Không Tên ấy? Rốt cuộc tên hắn là gì?”

“Kẻ Không Tên,” chiêm tinh gia bậc thầy đáp, lùi vài bước rồi quay đi rời khỏi văn phòng của chuẩn tướng. Chuẩn tướng không ngăn ông ta lại hay yêu cầu ông ta cung cấp thêm thông tin, vì ông đã quá quen với những hành vi kỳ lạ trong cục này rồi, và ông phải đối xử với những chiêm tinh gia ấy thật nhẹ nhàng, bởi họ là nguồn tin chính của ông. Chuẩn tướng trầm ngâm nghĩ ngợi: Ngày mai Kẻ Không Tên có thể trở thành Kẻ Không Danh Tính, rồi Kẻ Không Thân Xác, rồi Kẻ Không Thể Bị Bắt Và Bỏ Tù.

Nhưng hôm nay ông có thể mặc xác tên tội phạm vô danh này, vì thảm họa trên cầu đã thành ra một vụ nghiêm trọng, và ông phải chuẩn bị một báo cáo về công tác giám sát của cục trong vụ cầu Imams, đề phòng người Mỹ hay chính phủ Iraq yêu cầu, vì thế ông tập hợp các nhân viên trong đội lại. Một nhân viên cấp thấp đề cập đến một thông tin quan trọng mới thu thập được hai tiếng trước cuộc họp: những hình thù lớn vờn trên cầu là những hồn ma sống trong cơ thể người. Chúng ngủ và trú trong những cơ thể ấy mà không để người ngoài biết được, hoặc chúng thức dậy và thoát ra ngoài một chút mà đi loang quanh bên ngoài cơ thể họ nhưng chỉ khi những người đó sợ hãi mà thôi. Theo các chiêm tinh gia, những hồn ma ấy được gọi là tawabie al-khouf, “linh thú của nỗi sợ”.

Đội trợ lý đã soạn báo cáo xong và bỏ vào một phong bì màu hồng trên bàn chuẩn tướng Majid. Chuẩn tướng không chắc chính phủ hay người Mỹ có yêu cầu báo cáo không, nhưng ông đang làm công việc của mình và luôn sẵn sàng cho mọi thứ. Các chiêm tinh gia đã quay về nơi ở trong cục, còn một số nhân viên đã ra về vào cuối ngày làm việc. Chuẩn tướng tắt tivi, vào căn phòng phụ nơi ông vẫn ngủ, bật đèn hòa lên, rồi ngã lưng xuống

giường. Nhắm mắt lại, ông có thể nghe mỗi tiếng ro ro của đi đầu hòa nhiệt độ. Thốt nhiên, ông có cảm giác kỳ lạ rằng suy nghĩ của mình đang rời khỏi đầu và cuộn tròn lại gần trần nhà, và nó chứa cả một hình thù ma quái chính là “linh thú của nỗi sợ” của bản thân ông. Một linh thú không có tên. Tên nó, thực ra là Kẻ Không Tên. Nó cứ quay tròn: ông thực sự lo lắng rằng một buổi sáng thức dậy thấy lệnh sa thải được thủ tướng ký, lo rằng người Mỹ sẽ bỏ mặc cục của ông cho các đảng phái chính trị cần quyên tui nghị định đoạt. Còn có một nỗi sợ sâu sắc và cá nhân hơn: nếu ông đã chiêu mộ djinn, các hồn ma, linh hồn, chiêm tinh gia và thầy bói chống lại vô số kẻ thù, ông không dám chắc liệu kẻ thù có huy động chúng để chống lại ông theo cùng cách đó không. Có lẽ giờ kẻ thù của ông đang nỗ lực hết sức để tạo ra và nuôi dưỡng những nỗi sợ đó tận sâu trong lòng ông.

Không nghĩ ngợi gì, ông vươn tay ra tóm cổ “linh thú của nỗi sợ”, thế nhưng khi mở mắt, ông chẳng thấy gì giữa mình và cái trần nhà.

2

Mahmoud tiết lộ rằng anh đã đem lòng yêu người tình của sếp mình và muốn ngủ với cô. Nhưng Hadi nói chẳng có gì phải xấu hổ về đi đầu đó cả.

“Tôi đã nói với cậu bí mật kinh khủng của tôi. Tôi kể cậu nghe về Vô Danh và những gì hắn đã làm. Nếu cảnh sát đánh hơi ra thì tôi xong đời mất. Tôi muốn cậu kể tôi nghe một bí mật thực sự để đổi lại kìa.”

Mahmoud không nói gì một hồi lâu. Anh ngó quanh ngôi nhà đồ nát nơi Hadi sống. Anh nghĩ về những kỷ niệm xưa cũ. Thế rồi anh quyết định.

“Tôi sẽ kể ông nghe một chuyện. Tôi nghĩ gia đình mình không phải là dân Ả Rập chính gốc. Chúng tôi không phải là người Ả Rập hay Hồi giáo,” anh nói.

“Thế cậu là gì?”

“Tôi nghĩ cụ hoặc kỳ tôi là người Saba* cải sang đạo Hồi vì người phụ nữ mình yêu. Bố tôi ghi lại tất cả chuyện này trong nhật ký, nhưng mẹ và các anh trai tôi đã đốt hết sau khi ông ấy qua đời rồi.”

“Thế vấn đề là gì?”

“Đó là vấn đề lớn đấy. Chúng tôi không phải dân Ả Rập đích thực.”

“Tôi từng nói trong quán cà phê rằng cụ tôi là một sĩ quan Ottoman, nhưng giờ tôi không biết liệu đấy có phải nói dối không nữa.”

“Thế câu chuyện ông mới kể tôi nghe không phải cũng là chuyện dốt tởm luôn sao?”

“Không. Cậu nghĩ thế làm tôi buồn đấy.”

“Thế thì cho tôi bằng chứng chứng minh chuyện của ông là thật đi. Tôi sẽ tin ông nếu ông đưa bằng chứng ra đây.”

“Chính xác thì cậu muốn gì?”

“Cho tôi gặp tên Vô Danh đó.”

“Không, không thể được. Hắn có thể giết cậu đó.”

“Cho tôi tham gia vào câu chuyện đi, để tôi được nhìn thấy hắn ta.”

“Tôi không biết khi nào hắn xuất hiện. Có khi hắn sẽ chẳng bao giờ đến nữa.”

“Thế thì sao? Ông đang lảng tránh chủ đề đấy.”

“Không hề. Nói tôi biết cậu muốn gì đi, rồi tôi sẽ làm theo.”

“Chụp ảnh hắn ta cho tôi. Tôi sẽ đưa ông máy ảnh.”

“Không thể nào. Hắn sẽ giết tôi mất.”

Mahmoud đứng lên khỏi chiếc ghế gỗ trong sân ngôi nhà đổ nát của Hadi. Mahmoud không ngờ cuộc nói chuyện lại đi xa đến thế. Tối hôm

trước, trong sảnh khách sạn Orouba, anh ở trong tâm trạng khác hẳn. Khi Hadi rời khách sạn, Mahmoud đưa gã mười nghìn dinar cho gã ăn tối và mua một chai arak, hẹn hôm sau sẽ trao đổi lời tự thú về những bí mật nguy hiểm. Mahmoud đã sắp xếp một cách vô tư lự, rồi còn ở lại mười lăm phút nói chuyện với Bố Anmar trong sảnh.

Hôm sau, sau khi hàng chục người thiệt mạng trên cầu Imams, Mahmoud đã quên sạch mọi chuyện. Saidi đã để anh chịu trách nhiệm cho đề tài tiếp theo của tạp chí và khởi hành đi Erbil sáng hôm ấy với một đoàn các chính trị gia và nhà kinh tế học để xử lý gì đó liên quan đến dầu. Saidi nói rằng ông phải dựa vào anh và ông đặt niềm tin lớn ở anh, rằng mọi thứ sẽ ổn cả thôi và anh có toàn quyền quyết định.

Đường phố hầu hết bị cấm để thắt chặt an ninh cho các nghi lễ tôn giáo ở Kadhimiya, vì thế Mahmoud đi bộ đến tòa soạn. Lúc đó chưa ai đến, trừ người tạp vụ già. Anh thấy chiếc điện thoại di động thứ hai của Saidi đang được cấm sạc. Anh bật lên thì thấy mười bốn cuộc gọi nhỡ, một nửa trong số đó đến từ số 666.

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu giờ Mahmoud gọi đến số đó nhỉ? Anh có thể nói với cô rằng anh đã nhận cuộc gọi trước đó của cô và phát hiện ra bản chất mối quan hệ giữa cô với Saidi, rồi khuyên cô vài câu: “Quên Saidi đi, vì ông ấy không để tâm đâu. Ông ấy chỉ chơi cho vui thôi. Cô có thể thử vận may với những người đàn ông khác nếu thích. Thử vận may với tôi đi, nàng quý của tôi ời.”

Anh đấu tranh với bản thân rằng liệu có nên gọi cho cô, chỉ để nghe giọng cô, nhất là khi khoảng mười ngày rồi anh chưa được gặp cô. Cuối cùng anh cũng thuyết phục bản thân đợi cho đến khi cô gọi lại - hôm đó cô đã gọi bảy cuộc rồi còn gì. Anh sẽ nghe máy và tiết lộ danh tính của mình với cô.

Anh thấy mình chẳng thể động tay vào việc gì. Người tạp vụ muốn pha trà hoặc cà phê cho anh, nhưng anh đã nói rõ mình không muốn uống gì cả. Anh bảo người tạp vụ khóa cửa lại để cả hai đều có thể ra về. Anh lấy đồ từ chỗ bàn Saidi và nhìn vào điện thoại của ông. Anh có một mong muốn cháy bỏng là được làm một việc gì đó ngu ngốc. Việc gì đó ngu ngốc nhưng giản đơn. Anh muốn được nghe giọng của Nawal al-Wazir, không hơn. Anh sẽ không nói với ai cả. Sẽ chẳng ai biết gì hết.

Anh nhắc điện thoại, tìm danh sách những cuộc gọi gần đây, và chọn số 666. Anh nghe chuông reo ở đầu bên kia, và máu bắt đầu chảy rần rật trong tĩnh mạch anh còn tim anh thì đập càng lúc càng nhanh và mạnh hơn. Chuông tiếp tục reo thêm vài giây nữa, rồi cô nhắc máy. “A lô, a lô?”

Đó là giọng cô, với nhịp điệu quyến rũ khiến lòng anh quặn thắt biết chừng nào. Nhưng anh không đáp. Anh không thể đi đâu khiến cổ họng mình hay môi hoặc thậm chí chớp mắt. Anh như tê liệt, như hóa đá.

“A lô?” Nawal nói. “Baher,” cô thêm vào. “Ai vào phòng anh dùng điện thoại đấy?”

“Anh không biết,” giọng Saidi vọng vào. “Đưa điện thoại cho anh. A lô, a lô? Là ông à, Bố Jouni?”

Mahmoud ngắt máy, tắt điện thoại, rồi ném nó lên bàn tổng biên tập như thể nó vừa khiến anh bị điện giật.

Ra là cô đang ở bên ông ấy. Một hội nghị chính trị và kinh tế, hừm! Nhưng cô là đạo diễn phim mà? Có thể cô đi để quay vài cảnh cho bộ phim sắp tới, việc mà họ thường xuyên nhắc đến. Có lẽ đó là bộ phim về mối quan hệ giữa tiền bạc và chính trị và dầu, về việc trốn khỏi Baghdad để thoát khỏi những nghi lễ tôn giáo khiến cuộc sống trở nên tù đọng. Có lẽ cô định cho thêm một vài cảnh giường chiếu chân thực trong bộ phim xuất sắc của mình.

Mahmoud quay sang nhìn người tạp vụ già, BỐ Jouni, đang nhìn anh, hoặc đợi anh làm xong việc để họ có thể đi và khóa cửa từ bên ngoài.

Anh không nói gì hồi lâu và quay bước về. Anh tạt vào quán ăn trên đường. Anh định gọi cho gã bạn Farid Shawwaf và nói về Nawal al-Wazir, nhưng rồi anh nghĩ nếu làm thế, gã sẽ cười ha hả vào mặt anh cho xem. Vì thế anh gọi cho gã bạn khác là Hazem Abboud, nhiếp ảnh gia. Nhưng Hazem sẽ giấu cợt anh không ngót về chuyện Nawal, như gã đã làm hồi họ tới nhà thổ cùng nhau.

“Đó là tất cả những gì phải làm với thằng nhỏ của cậu,” Hazem sẽ nói thế, cố làm anh sốc và gạt toẹt đi khía cạnh cảm xúc trong sự gắn bó của anh với Nawal. “Tìm đối tác nào mới mà lâu bền cho nó đi.”

Mahmoud tới quán cà phê của Aziz tìm Hadi, kẻ đã nhắc anh nhớ về thỏa thuận giữa họ tối hôm trước. Mahmoud gọi trà và, không còn cái mong muốn quên đi mọi thứ nữa, anh đầu hàng trước câu chuyện điên rồ của Hadi. Hadi nói thì thầm, thì thoảng lại ngừng lại nhìn quanh. Gã hành xử không giống bình thường như khi đóng vai người kể chuyện già chút nào. Mà gã nói như thể đang tiết lộ bí mật. Thế rồi, khi đến cao trào, gã bảo Mahmoud về nhà cùng hắn để họ có thể nói chuyện cởi mở hơn.

Khi gã kể xong những chi tiết mới trong câu chuyện về Vô Danh, Mahmoud choáng váng. Mahmoud mất nửa phút tua lại trong đầu những gì Hadi vừa nói. Đó thực sự là một câu chuyện thật đảm kinh hồn mà lão già điên khùng này không thể nào tự bịa ra được. Nó bao gồm những chi tiết quá phức tạp với cái đầu giản đơn của tay buôn đồ cũ này. Hadi đánh thức Mahmoud khỏi cơn mơ màng. “Giờ thì đến cậu,” gã nói. “Kể tôi nghe bí mật nguy hiểm của cậu đi.”

3

Mahmoud quả đã kể cho gã nghe một bí mật thực sự. Anh chưa bao giờ nói với ai, kể cả gã bạn thân Hazem Abboud, về nỗi hoài nghi ngu ngốc gia đình mình. Anh chưa bao giờ có dịp nhắc đến nó, hoặc giả anh chỉ đơn giản là không có đủ can đảm mà thôi. Dù sao chẳng nữa, đó là bí mật thực sự mà anh đã chôn trong lòng, và anh không thể nhớ lần cuối cùng có ai trong gia đình anh ở Amara từng nói về chuyện đó. Vì thế anh đã thành thật với Hadi, dẫu Hadi có vẻ chẳng đánh giá cao tầm quan trọng trong lời thú nhận của anh cho lắm. Từ đó cho đến hết ngày, Mahmoud cứ nghĩ mãi về những gì Hadi đã nói. Anh hứa với mình rằng sẽ thu lại trong máy ghi âm kỹ thuật số, trong phòng khách sạn, để anh không quên chi tiết nào. Anh tin rằng cảm xúc có thể thay đổi ký ức, rằng khi ta mất đi thứ cảm xúc liên quan tới một sự kiện cụ thể, ta cũng mất đi một phần quan trọng của sự kiện đó. Vì thế anh phải ghi lại những điều anh cho là quan trọng hoặc lưu lại trong cái máy ghi âm nhỏ khi những cảm xúc đi kèm vẫn còn mạnh mẽ.

Anh lưu lại hầu hết mọi thứ trong chiếc máy ghi âm Panasonic mới, mua từ một cửa hàng ở Bab al-Sharqi sáu tháng trước. Chiếc máy ghi âm là một tiến bộ vượt bậc với anh so với đồng hồ đi học mà bố anh, Riyadh al-Sawadi, từng dùng để viết nhật ký. Cuối cùng, vào cái đêm từ già cõi đời, bố anh đã hoàn thành hai bảy cuốn vở với mỗi cuốn một trăm trang. Trong mấy dịp hiếm hoi, Mahmoud xem được một vài trang. Nhưng rồi mẹ anh đã làm một việc không tưởng: bà cho hết vào sâu trong lò, đổ dầu lên rồi đốt. Sau đó bà làm hai bảy ổ bánh mì dẹt, nướng liu riu trên đồng tro tàn thú tội của ông. Bố anh đã viết ra mọi thứ. Ông ghi lại sự thật trần trụi bằng mực đen, với nét chữ uyển chuyển mà ta có thể tìm thấy trong một cuốn thư pháp. Có những đoạn viết về những lần bố anh thủ dâm khi đã lấy vợ, về những phụ nữ mà ông muốn ngủ cùng, trong đó có cả mấy bà già sống cùng khu. Những gì ông viết trong nhật ký chẳng có gì đồng nhất với cách

người ta nhìn nhận ông ở quận Jidayda, Amara. Ông được tôn kính và trọng vọng hết mực, nhưng có lẽ đó không phải hình ảnh mà bố Mahmoud thực sự mong muốn. Đó là hình ảnh người ta áp đặt cho ông mà cuối cùng ông cũng xoay sở được để sống cùng, nhưng chỉ bằng cách thể hiện cái tôi chân thật trong những lời thú nhận thầm kín.

Khi các anh trai của Mahmoud xem nhật ký, họ sửng sốt và xấu hổ. Mahmoud nghe họ nói những điều về nguồn gốc, cải giáo, vân vân. Anh không chắc liệu những gì mình nghe có đúng không, và chủ đề đó đã bị đóng lại hoàn toàn khi đồng tro tàn của hai bảy quyển vở nguội đi trong lò của mẹ. Nhưng thi thoảng Mahmoud vẫn nhớ một vài chi tiết bố anh đã viết và cố ráp nối những mẩu thông tin bị chôn chặt vĩnh viễn ấy lại với nhau, hòng hiểu được mọi thứ, dấu cho chẳng còn bất cứ cách nào để kiểm chứng thông tin. Một trong những điều đó là cái họ Sawadi, vốn được bố của Mahmoud, một giáo viên tiếng Ả Rập đặt ra, hoàn toàn lờ đi cái họ quen thuộc chỉ ra mối liên hệ bộ tộc. Nhiều người bắt đầu xem ngôi nhà gia đình họ là nhà của gia tộc Sawadi. Nhưng cái chết của bố Mahmoud đồng nghĩa với việc cái họ được tạo ra cũng chết theo, vì các anh trai của Mahmoud đã đổi sang họ bộ tộc mà họ lấy làm tự hào. Nhưng Mahmoud, giận dữ vì cái cách họ cố xóa bỏ câu chuyện đời bố một cách quá nhẫn tâm, vẫn giữ lại họ Sawadi và xây dựng nó thành một cái tên nổi tiếng trên các tờ báo và tạp chí.

4

Mahmoud đứng lên khỏi chiếc ghế gỗ Hadi mang ra cho anh ngồi trong sân ngôi nhà đổ nát và ngược lên nhìn bầu trời đang tối dần khi hoàng hôn buông xuống. Anh thở dài và nói với Hadi rằng anh sẽ không tin câu

chuyện của gã chừng nào gã còn chưa đưa ra bằng chứng cụ thể cho thấy kẻ Vô Danh mà gã nói tới thực sự tồn tại.

Mahmoud cho tay vào túi, lấy chiếc máy ghi âm Panasonic ra đưa cho Hadi, bảo gã phòng vẫn sinh vật đó. Rằng gã hãy bật máy và hỏi tên kia định làm gì, hẳn tính đi đâu và hẳn sống ở đâu.

Mahmoud mời Hadi xem thử chiếc máy ghi âm. Anh giải thích cách bật tắt thế nào. Hadi mất năm phút ghi âm rồi bật lại nghe giọng mình, kiểm tra xem gã có hiểu lời hướng dẫn hay không.

“Đề ý pin nhé. Pin hết nhanh lắm đấy,” Mahmoud nói trước khi ra về, không chắc rằng chính xác mình vừa mới làm gì - tay buôn đồ cũ này dám bán chiếc máy ghi âm ngay hôm sau đấy. Có lẽ đó là tác động sau một ngày mệt mỏi, hoặc tác động mà câu chuyện kỳ lạ của Hadi mang lại cùng lời hứa hẹn sẽ được nghe thêm nhiều chi tiết nữa. Nếu Hadi đưa ra được bằng chứng thực sự chứng tỏ một sinh vật bí ẩn như vậy tồn tại thì sao? Anh có thực sự tin vào điều đó không?

Mahmoud vừa đi về phía khách sạn Orouba vừa nghĩ về Saidi cùng con quỷ cái Nawal của ông ta, bạn bè anh, và bố anh, người đã qua đời mười năm.

Khi về đến khách sạn, anh thấy ai đó đặt một cái máy phát điện nhỏ xuống vỉa hè. Bố Anmar đã mua nó, đủ để cấp điện cho đèn quạt đèn trong bốn phòng có người thuê, cũng như khu lễ tân và căn phòng riêng nơi Bố Anmar đang sống.

Mahmoud lên phòng và ngả lưng trên giường đúng một tiếng đồng hồ. Chân anh mỏi như vì đi bộ. Anh nhắm mắt trong luồng gió phả ra từ chiếc quạt trần. Trôi ra từ ký ức anh là hình hài rõ nét của ông bố, vận bộ dishdasha ngả trong phòng khách ở nhà. Ông đeo kính, trên đôi chân

khoanh tròn là một tấm ván gỗ lớn. Trên tấm ván là một quyển vở để mở, và ông dành hàng tiếng đồng hồ lặng lẽ viết.

Khi Mahmoud mở mắt ra trong bóng tối dày đặc, anh không biết đã bao lâu trôi qua. Anh xuống cầu thang rồi tới một quán gần đó để ăn tối. Khi quay lại, anh thấy Luqman, ông già người Algeria sống trong khách sạn, đang ngồi ở sảnh cùng một vị khách lớn tuổi khác, cả Bố Anmar và Andrew, cậu thiếu niên vẫn giúp bà mẹ già Veronica làm công việc dọn dẹp hàng tuần. Tất cả bọn họ đang xem tivi; chiếc máy phát điện nhỏ rù rì bên ngoài. Mahmoud chào họ rồi ngồi xuống xem cùng. Thật ngạc nhiên làm sao khi anh thấy gã bạn Farid Shawwaf xuất hiện trên màn hình, trong bộ com lê xám, sơ mi đen và cà vạt đỏ. Chưa bao giờ Mahmoud thấy cậu ta bảnh bao đến vậy.

Bố Anmar giờ bàn tay béo múp lên sai thẳng bé đi mua bốn tách trà từ quán trà bên đường.

Ai nấy trong sảnh đều xem chương trình trò chuyện trên tivi trong yên lặng và lo âu. Đó là một thảm họa lớn, thảm họa lớn nhất từ trước tới nay giáng xuống đất nước Iraq, như Bố Anmar nói. Khoảng một nghìn người đã thiệt mạng, do chết đuối hoặc bị giẫm đạp đến chết, mà không ai biết thủ phạm là ai. Phát ngôn viên của chính phủ xuất hiện với nụ cười quen thuộc để thông báo rằng một âm mưu đánh bom tự sát trên cầu Imams đã được ngăn chặn và tội phạm đã tẩu thoát.

“Nếu tên tội phạm làm hấn nổi tung, thì có lẽ hôm nay đã có hàng nghìn nạn nhân rồi,” phát ngôn viên nói. Một tiếng rầm lớn bùm bùm vọng qua sảnh và ra cả ngoài. Nhưng mọi người mau chóng nhận ra đó chỉ là tiếng còi của một chiếc xe tải đi dọc con phố chính của Bataween, cảnh báo một đứa trẻ chạy qua trước mũi xe.

Người dẫn chương trình trò chuyện quay trở lại với các vị khách sau khi phát mẫu tin của phát ngôn viên chính phủ, và Farid Shawwaf, ăn vận bảnh bao, bất thần xuất hiện trình bày quan điểm của mình. “Như tôi nói trước đó, trách nhiệm trong sự cố lần này thuộc về chính phủ, họ đã cho lắp đặt rào chắn bê tông trên chính cây cầu. Lẽ ra phải tiến hành tra soát ở lối vào và lối ra của cầu để không bị quá đông như thế.”

Người dẫn chương trình giơ tay lên ngắt lời Farid, đoạn quay sang vị khách khác - một người đàn ông hơi đầu với hàm râu trắng lưa thưa - và hỏi ông ta cùng một câu hỏi: ai là người chịu trách nhiệm?

“Chắc chắn là một số phần tử al-Qaeda và tàn dư của chế độ cũ,” người đàn ông nói. “Ngay cả khi chúng không tự tay thực hiện tội ác này, thì chúng cũng vẫn phải chịu trách nhiệm vì đã có các sự vụ nhân danh chúng trong quá khứ, vì thế chỉ nhắc đến tên chúng thôi cũng đủ là nhân tố gây bất ổn và khiến lòng người hoang mang rồi.”

Người dẫn chương trình xen vào: “Có ý kiến cho rằng người chịu trách nhiệm chính là người đã khởi phát tin đồn có kẻ đánh bom tự sát trên cầu.”

“Không, tôi nghĩ không cần phải đổ tội lên đầu anh ta,” người lớn tuổi hơn đáp. “Không ai biết ai là kẻ khởi phát tin đồn, nhưng ý niệm này khá phổ biến. Có lẽ người đó nghĩ là có một kẻ đánh bom tự sát và cảnh báo người khác với ý tốt thôi.”

Người dẫn chương trình quay sang Farid cho cậu ta cơ hội diễn giải thêm. “Thành thực mà nói, tôi nghĩ tất cả mọi người đều phải chịu trách nhiệm cách này hay cách khác. Tôi xin nói cụ thể hơn rằng tất cả các sự cố an ninh và thảm kịch mà chúng ta chứng kiến đều bắt nguồn từ một thứ - nỗi sợ. Người trên cầu chết vì họ sợ chết. Mỗi ngày chúng ta đều chết dần chết mòn vì cùng một nỗi sợ chết. Các tổ chức cung cấp nơi ẩn náu và hỗ trợ al-Qaeda làm vậy vì họ sợ một tổ chức khác, và tổ chức khác này đã tạo

ra và huy động dân quân để bảo vệ chính mình khỏi al-Qaeda. Việc này tạo ra một cỗ máy tử thần vận hành ở hướng khác vì nó e sợ Kẻ Khác. Và chúng ta sẽ còn chứng kiến thêm rất nhiều cái chết nữa vì sợ hãi. Chính phủ và các lực lượng chiếm đóng phải triệt tiêu được sợ hãi. Họ phải chấm dứt nó nếu thực sự muốn cái vòng giết chóc luân quần này kết thúc.”

5

Chuẩn tướng Majid đang xem chương trình trò chuyện trên ti vi và khá ấn tượng trước cách ăn vận của Farid Shawwaf - com lê xám với sơ mi đen và cà vạt đỏ. Có lẽ ông nên cử nhân viên đi mua cho mình một bộ tương tự, nhưng ông không chắc là sẽ có dịp diện những trang phục như thế, bởi lẽ hầu như cả tuần ông chết gí ở văn phòng như tù nhân vậy.

Ông chuyển qua tất cả các kênh truyền hình của Iraq và thấy tin về sự cõ trên đài Imams vẫn đang chiếm sóng. Có gì đó mách bảo ông rằng tất cả đã nhàn và thủ phạm thực sự vẫn đang nhởn nhơ ngoài kia. Hẳn thậm chí có thể bị bắt ngay đêm nay.

Ông nhấp một ngụm trà. Có mấy tiếng gõ cửa khe khẽ, và hai thanh niên đậm người, tóc ngắn bước vào, cả hai đều vận sơ mi hồng và quần đùi đen. Họ chào ông rồi đứng nghiêm.

Chuẩn tướng nhấp một ngụm trà nữa, rồi quay sang họ nói với vẻ hết sức kiên định, bởi cuộc lật đổ ngoạn mục của ông có thể diễn ra đêm nay. Ông đã triệu tập những người này đến chỉ để mang lại cho mình cảm giác thỏa mãn là đang kiểm soát tình hình, và cuộc trò chuyện giữa họ chẳng hề có nội dung gì.

“Các anh sẵn sàng xuất phát chưa?” ông hỏi.

“Rồi, thưa ngài,” họ đồng thanh đáp.

“Đừng làm gì bất thường. Cứ hành động bình thường thôi. Bắt hẩn rồi quay về càng nhanh càng tốt. Tôi muốn các anh cứng rắn lên. Đi đi, cầu Chúa ở bên các anh.”

“Vâng, thưa ngài.”

Hai thanh niên đậm người chào ông một tiếng dứt khoát, mạnh mẽ rồi vội vã khẩn trương rời đi.

Chuẩn tướng quay lại với tách trà thì thấy trà đã nguội. Ông vội lấy tập hồ sơ trên bàn xem lại lần nữa. Trong đó là phỏng đoán của đội ngũ chiêm tinh gia và thầy bói trong Cục Theo dấu và Truy nã. Nó được đặt lên bàn ông mười lăm phút trước, tức là ông cần gấp để chuẩn bị một đội đi bắt tội phạm - Kẻ Không Tên, như chiêm tinh gia bậc thầy kiêm lời đã gọi.

Ông sẽ dành cả đêm trong văn phòng, đợi đội đặc nhiệm quay về với hy vọng nó sẽ đặt dấu chấm hết cho câu chuyện, dấu chấm hết cho cơn đau đầu, nỗi lo lắng, sự căng thẳng. Rồi ông sẽ có một vị trí thật cao, nhận được sự trọng vọng của cả người Mỹ lẫn các đảng cầm quyền, vốn vẫn nhìn ông với con mắt nghi ngờ. Ông có thể được cất nhắc hoặc có thể bước ra ánh sáng từ những bóng đen bí ẩn mà ông phải ẩn nấp suốt hai năm qua.

Tên tội phạm trông như thế nào nhỉ, chuẩn tướng băn khoăn. Đắm chìm trong suy nghĩ, ông đi lại quanh văn phòng rộng lớn. Gã đàn ông bị đạn xuyên qua mà không chết hay chảy máu, trông gã có thể xấu xí kinh khủng đến nhường nào? Làm sao có thể bắt hẩn nếu hẩn không sợ chết, không sợ đạn? Có thật là hẩn có quyền năng đặc biệt không? Hẩn có phun lửa vào thuộc hạ của ông và thiêu họ thành tro không? Hay hẩn có đôi cánh ẩn để cất cánh bay thoát khỏi những kẻ truy đuổi? Gã có đột nhiên biến mất trước mắt họ như thế chưa từng từng tại không?

Ông biết hai hoặc ba tiếng nữa mình sẽ có lời đáp cho những câu hỏi đó.

Chương chín

NHỮNG BẢN GHI ÂM

1

Mahmoud mở ô cửa sổ trượt trông ra ban công căn phòng tầng hai của anh ở khách sạn Dilshad. Hơi ẩm tràn vào mặt anh, và anh thấy hơi nóng bốc lên từ lớp nhựa đường trên phố Saadoun. Ánh nắng chói gắt, phản chiếu lấp lánh trên đám xe qua lại, làm mắt anh nhức nhối. Chỉ nhìn tác động của hơi nóng bên trên với những gì xảy ra bên dưới cũng đủ khiến anh không muốn rời khỏi khách sạn.

Mahmoud cuối cùng cũng chuyển từ khách sạn Orouba tới Dilshad, với sự khuyến khích của Saidi, ông muốn trợ lý của mình sống trong điều kiện tử tế hơn, có vẻ như muốn chuẩn bị anh cho những trọng trách lớn hơn.

Mahmoud đóng cửa sổ trượt, chặn lại bớt mớ âm thanh đường phố và giao thông huyên náo. Anh cần điều khiển điều hòa nhiệt độ chỉnh xuống 23 độ C. Ngồi xuống ghế gỗ, anh chống khuỷu tay lên chiếc bàn tròn màu cà phê, đưa máy ghi âm kỹ thuật số cũ lên ngang miệng và ấn nút Record. Anh muốn ôn lại chi tiết việc xảy ra hai ngày trước, nhất là cuộc trò chuyện kỳ lạ với tay buôn đồ cũ Hadi.

Hadi có vẻ sẵn lòng trả lời bất cứ câu hỏi nào của Mahmoud. Gã hăm dọa thuyết phục Mahmoud rằng câu chuyện của gã là thật. Thái độ của gã khác hẳn so với thường lệ, khi gã có khán giả. Thông thường gã nom thoải mái và vui vẻ khi biết rõ người khác không tin những gì gã kể, việc họ

không tin gã tuồng như là một phần của cái nghi thức mà gã lấy làm thích thú khi kể chuyện. Khi kể cho Mahmoud câu chuyện về Vô Danh, gã lại chẳng thích thú như vậy. Mà giống như đang hoàn thành một nhiệm vụ hoặc truyền tải thông điệp thì đúng hơn.

Vô Danh đã ghé thăm Hadi vào chính cái đêm xảy ra mấy vụ giết người ở khu vực Bataween, sau khi Aziz cảnh báo gã đừng kể chuyện về cái xác mà gã đã khêu nên. Câu chuyện không còn vui nữa: giờ nó chỉ khơi lên nghi ngờ, Aziz nghĩ. Hadi đang uống cốc arak cuối cùng thì Vô Danh xuất hiện trên ngưỡng cửa phòng gã. Khi Hadi thấy hắn đứng chỉ cách vài mét, gã đã nghĩ đó chỉ là con ác mộng. Nếu cơn mộng trở thành hiện thực trước mắt gã, thì hản ý định của sinh vật này chẳng tốt đẹp gì. Có lẽ hắn đến để giết gã.

Câu đầu tiên Vô Danh nói đã khẳng định nỗi sợ hãi của Hadi: thực sự hắn ghé thăm gã tối hôm đó để giết gã.

“Người phải chịu trách nhiệm cho cái chết của người bảo vệ khách sạn, Hasib Mohamed Jaafar,” Vô Danh nói. “Nếu người không đi qua khách sạn đó thì người bảo vệ đã không bước ra cổng. Anh ta lẽ ra đã ở gần bất canh gác vốn cách khá xa cổng ngoài, và nã đạn từ xa vào kẻ đánh bom tự sát lái chiếc xe rác. Vụ nổ có thể gây cho anh ta vài vết thương, hay cú nổ có thể hất văng anh ta đi, nhưng chắc chắn anh ta không chết, và sáng hôm sau anh ta đã có thể về nhà với vợ và đưa con gái bé bỏng. Trong khi ăn sáng với họ, anh ta có thể đã cân nhắc đến việc từ bỏ công việc nguy hiểm đó mà đi bán hạt giống hoa hướng dương trên vỉa hè khu 44.”

Vô Danh có vẻ tập trung thực hiện cái nhiệm vụ khiến hắn phải đến đây. Hadi cự cãi, thu hết can đảm để bao biện cho bản thân. Theo một lẽ nào đó Hadi là cha gã; chẳng phải gã đã mang hắn đến thế giới này hay sao?

“Người chỉ là kênh dẫn, Hadi ạ,” Vô Danh đáp. “Hãy nghĩ xem có bao nhiêu người cha người mẹ ngu ngốc đã sản sinh ra những thiên tài và vĩ nhân trong lịch sử. Công không thuộc về họ mà là do hoàn cảnh và những thứ khác nằm ngoài sự kiểm soát của họ. Người chỉ là một công cụ, hay một chiếc găng phẫu thuật mà Sỡ Phận đã đeo vào tay để di chuyển những con tốt trên bàn cờ cuộc sống.”

Một bài diễn thuyết thật hùng hồn làm sao! Tất cả mọi việc Hadi đã làm - những việc mà không ai tình táo dám làm - chỉ mang lại cho gã cái danh kênh dẫn, một con đường lát đá để chiếc xe của Sỡ Phận có thể lướt nhanh trên đó.

Cuộc tranh cãi kéo dài vài phút, và chính nó cũng cho thấy Vô Danh không chắc về những gì mình đang làm. Nếu quyết định giết Hadi, thì ngay từ đầu hắn đã không nói chuyện với gã. Hắn sẽ đến, và như đã làm với bốn người ăn xin, siết chặt cổ họng gã với đôi bàn tay to khỏe cho đến khi Hadi đầu hàng bóng ma. Rồi hắn sẽ ném cái xác vô hồn của Hadi lên chiếc giường bẩn thỉu của gã. Hắn sẽ bỏ mặc gã ở đó rồi bỏ đi, và có lẽ phải một tháng sau người ta mới phát hiện xác của Hadi vì chẳng mấy người đến thăm gã từ khi Nahem Abdaki chết, và chẳng ai yêu quý gã gì lắm hay nhớ đến gã.

Vô Danh nhìn câu thơ thứ 255 của chương thứ 2 trong kinh Qur'an trên bức tường phía xa trong phòng. Hắn cần làm gì đó để sao nhãng bản thân và cho não mình một cơ hội để quyết định xem nên hành động thế nào. Hắn cứ nhìn câu thơ và phần mép bìa các tông bong rữa xuống. Hắn tiến lên trước vài bước và kéo mép bìa các tông. Những góc khác được dán vào tường trước đó cũng bong ra theo. Cả cái khung rời ra từng mảnh và dễ dàng rơi khỏi bức tường, như thể nó đã đợi ai đó đến kéo nó xuống từ lâu lắm rồi. Hadi không thể nhớ tại sao Nahem treo câu thơ đó lên và treo khi nào, nhưng nó đã ở đó từ khi họ dựng căn phòng. Vô Danh vớt bản viết

sang một bên, và trên tường xuất hiện một cái lỗ đen đằng sau chỗ câu thơ từng ngự, cao khoảng bốn lăm phân và rộng ba mươi phân. Sáng hôm sau Hadi sẽ tìm hiểu xem trong lỗ có gì.

Thời gian trôi thật chậm với Hadi trong sự đồng hành khó xử của Vô Danh, nhưng tình thế này cho thấy tác phẩm của gã không chắc chắn về nhiệm vụ của mình đêm hôm đó. Vô Danh quay sang gã thừa nhận rằng hắn đang bối rối, vì linh hồn của Hasib Mohamed Jaafar đang đòi trả thù, và hắn phải giết kẻ đã gây ra cái chết của Hasib.

“Chính kẻ đánh bom tự sát người Sudan đã gây ra cái chết của anh ta,” Hadi đồng ý nói, cố tận dụng hoàn cảnh để tạo lợi thế cho mình.

“Phải, nhưng hắn ta chết rồi. Làm sao ta có thể giết một kẻ đã chết đây.”

“Thế thì là quản lý khách sạn. Cái công ty đi đầu hành khách sạn ấy.”

“Phải, có lẽ thế. Nhưng ta phải tìm kẻ thực sự đã giết Hasib Mohamed Jaafar để linh hồn anh ta được yên nghỉ,” Vô Danh nói, kéo chiếc thùng gỗ lại và ngẩng lên.

2

Mahmoud cầm số mới nhất của tạp chí *al-Haqiqa* lên và đọc một đoạn trong cột hàng đầu của Ali Baher al-Saidi:

Có những thứ luật mà con người không biết tới. Những luật này không vận hành suốt ngày đêm như các định luật vật lý mà theo đó gió thổi, mưa rơi, đá rớt từ trên núi xuống, hay như những luật khác mà con người có thể quan sát, xác minh và định nghĩa bởi chúng áp dụng cho những việc tái lập. Có những luật vận hành chỉ trong hoàn cảnh đặc biệt, và khi sự việc xảy ra theo những luật đó, mọi người sửng sốt bảo rằng đi đầu đó là không thể, rằng

đó chỉ là truyện cổ tích hoặc hợp lẽ nhất là đi đầu kỳ diệu. Họ không nói rằng mình không hay biết về thứ luật đằng sau nó. Con người thật mù quáng và không bao giờ thừa nhận sự thiếu hiểu biết của bản thân.

Mahmoud tưởng tượng đoạn này có thể tóm tắt những ý nghĩ của Vô Danh về lý do hắn tồn tại. Nhưng Hadi trung thành với một công thức giàu trí tưởng tượng hơn - rằng Vô Danh được tạo nên từ bộ phận cơ thể của những người đã bị giết chết, cộng thêm linh hồn của một nạn nhân khác, và được đặt theo tên của một nạn nhân khác nữa. Hắn là sự kết hợp của các nạn nhân tìm kiếm sự trả thù cho cái chết của họ để họ có thể an nghỉ. Hắn được tạo ra để trả thù thay họ.

Vô Danh kể về cái đêm hắn gặp đám người ăn xin say xỉn. Hắn nói đã cố tránh họ rồi, nhưng họ quá hung hăng và lao về phía hắn để giết hắn. Khuôn mặt đáng sợ của hắn là thứ kích động họ tấn công hắn. Họ không biết gì về hắn, nhưng lại bị dẫn lối bởi sự thù ghét ngấm ngầm có thể thành linh bộc lộ ra ngoài khi gặp ai đó không phù hợp với số đông. Họ đánh suốt nửa tiếng đồng hồ, cố hạ hắn bằng những nắm đấm và túm cổ hắn để bóp ngạt. Trong bóng tối, một kẻ trong số họ túm cổ bạn mình, và được tiếp sức bởi con cuồng điên của bản thân, kết liễu anh ta. Rồi hắn nhận thấy một người ăn xin khác cũng làm đi đầu tương tự. Hai người ăn xin đã chết là nạn nhân của những hành động ngu ngốc, còn hai kẻ sống sót là tội phạm, vì thế Vô Danh đã bóp cổ họ để trả thù cho những người ăn xin bị họ giết. Vì họ đã âm thầm lên kế hoạch làm đi đầu tương tự với hắn, và bởi bốn kẻ bọn họ chẳng nào cũng đã thất bại trong việc tìm cách giết hắn (và đây là ý nghĩa chính của chuyện xảy ra vào cái đêm kỳ lạ đó), họ định tự tử nhưng không tìm ra cách thích hợp để thực hiện cho đến khi Vô Danh xuất hiện, lê bước dọc con đường tối trong bộ quần áo cũ của Daniel.

Daniel, hay Vô Danh, chỉ là phương tiện để họ tìm đến cái chết, thứ vốn là số phận an bài cho họ mỗi lần uống say túy lúy, bao gồm cả bữa đêm

hôm đó.

Họ chết bởi vì họ muốn chết, và đi đầu đó lý giải tại sao họ lại ở trong tư thế kỳ dị ấy khi người dân địa phương phát hiện ra họ sáng hôm sau, ng ồi thành hình vuông, người này siết cổ người kia.

Mahmoud lưu lại tất cả vào máy ghi âm kỹ thuật số, biết rằng anh đang diễn đạt lại những lời mà Hadi bảo là của Vô Danh và anh cũng cho thêm chú thích cá nhân vào.

“Thật khó thuyết phục bất kỳ ai tin vào đi đầu vô nghĩa này, nhưng đi đầu vô nghĩa có tổ chức kiểu này lại đứng sau tất cả những tội ác đã phạm phải,” Mahmoud nói. Rồi anh tiếp tục tường thuật lại những chi tiết kỳ lạ. Vô Danh đã định làm một việc hoàn toàn khác, thay vì dính líu vào cuộc ẩu đả với những kẻ ngay từ đầu đã không phải kẻ thù của hắn. Hắn không nghi ngờ khả năng sống sót của mình, cho dù người ta có tìm cách nào để giết hắn đi chẳng nữa, nhưng hắn không tìm kiếm sự nổi tiếng hay cơ hội thể hiện hay phô diễn sức mạnh của mình. Hắn cũng không có ý định dọa ai. Hắn có một nhiệm vụ cao cả và phải thực hiện nó với càng ít rắc rối càng tốt, vì thế sau sự cố với bốn người ăn xin và một sự cố khác trong đó xe cảnh sát vô tình đâm trúng hắn trên đường gần Tượng đài Tự do, hắn quyết định không đi lại ngoài đường nữa để tránh mọi người được chừng nào hay chừng đó.

Hắn ở đó, ng ồi trên chiếc thùng gỗ úp ngược trong phòng của Hadi, nhìn và nghe những câu chuyện về mình đã lan trong khu dân cư và những nơi khác ở Baghdad như thế nào. Những câu chuyện khắc họa hắn như một tên tội phạm nguy hiểm, nhưng thực tình hắn chẳng hề như thế.

Hắn đã giết Bố Zaidoun để trả thù cho Daniel Tadros, và hắn giết tay sĩ quan trong nhà thờ vì gã ta phải chịu trách nhiệm cho cái chết của người

mà Hadi đã lấy ngón tay để tạo nên cơ thể Vô Danh. Hắn sẽ tiếp tục việc này cho đến cùng.

“Thế nào là cùng?” Mahmoud hỏi. “Khi nào chuyện này mới dừng lại?”

Sau một thoáng im lặng, Hadi đáp, “Hắn sẽ giết tất cả bọn họ, tất cả những kẻ thủ ác đã phạm tội với hắn.”

“Còn sau đó hắn sẽ làm gì?”

“Hắn sẽ phá bỏ cơ thể hắn và trở về như trước kia. Hắn sẽ mục rữa và chết đi.”

Bản thân Hadi cũng nằm trong danh sách của Vô Danh. Nhưng thời gian của Vô Danh chẳng phải vô hạn, và hắn phải nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ. Lẽ ra hắn phải đứng lên ngay lúc ấy, bóp cổ Hadi trên giường, khiến gã nôn ra gỏi tất cả chỗ arak vừa nốc, nhưng Vô Danh không có quyết tâm làm việc đó. Với linh cảm tựa loài cáo, Hadi đã đánh hơi thấy điếu này và nắm lấy cơ hội.

“Hãy để tôi đến cuối,” gã nói. “Đằng nào tôi cũng không muốn sống nữa. Sống có nghĩa gì với một kẻ như tôi chứ? Tôi chẳng là gì cả, cho dù sống hay chết. Tôi chẳng là gì. Hãy giết tôi đi, nhưng hãy để đến cuối. Cho tôi làm người cuối cùng.”

Vô Danh chỉ nhìn Hadi từ hai hốc mắt đen ngòm. Sự im lặng của hắn đủ để trấn an Hadi rằng đêm ấy gã sẽ không chết.

3

Cái hôm sau chuyến ghé thăm của Vô Danh, Hadi gặp Mahmoud bảo rằng đã đưa chiếc máy ghi âm kỹ thuật số cho Vô Danh. Mahmoud lập tức hình dung ra cảnh tay buôn đồ cũ bán chiếc máy ghi âm ở chợ Harj tại Bab

al-Sharqi. Nhưng mười ngày sau Hadi đã xóa tan nghi ngờ của Mahmoud bằng cách trả lại anh chiếc máy. Vậy là gã không phải tên trộm hay kẻ nói dối. Giờ, trong căn phòng mới thoải mái ở khách sạn Dilshad, Mahmoud bật máy ghi âm lên và thấy bộ nhớ đã đầy ắp.

Sau khi được Mahmoud đưa cho chiếc máy ghi âm, Hadi lại ng ẫ như thường lệ trong khoảnh sân bên ngoài phòng. Gã đã mang giường ra ngoài trời và gieo mình xuống nằm để ngắm mây vì sao le lói trên bầu trời đêm. Trong khi đó, gần tới nửa đêm, lúc Mahmoud đang dỗ giấc dưới tiếng quạt trần lạch cạch trong căn phòng t ẫ tàn ở khách sạn Orouba, thì tiếng súng nổ ra.

Chuyện đó thì chẳng có gì bất thường hay kỳ lạ, nhưng tiếng súng nghe có vẻ như ở khá gần. Hadi lo rằng nhữ đạn rơi từ trên trời xuống thì gã toi mạng mất.

Đó là một sai lầm nghiêm trọng của đội hành động thuộc Cục Theo dấu và Truy nã do hai sĩ quan trẻ vận sơ mi h ồng dẫn đầu. Chuẩn tướng Majid đã nói rõ với họ là đừng gây chú ý, nhưng, với sự đồng hành của một trong các chiêm tinh gia trong cục, họ đã có thể xác định địa điểm của tên tội phạm và d ần siết chặt thông lọng quanh h ắn cho đến khi phát hiện ra h ắn trong một con ngõ tối. Quên mất rằng h ắn không thể bị đạn hạ gục, họ cứ n ả đạn và đuổi theo h ắn trong khi h ắn trèo tường và nhảy từ mái nhà này sang mái nhà khác. Một sĩ quan tìm cách chặn tên tội phạm lại và túm lấy qu ần áo h ắn. Họ vật lộn mất vài phút, tay sĩ quan hy vọng những người còn lại trong đội sẽ sớm tới để cùng tay tên tội phạm lại, nhưng Vô Danh đã trên cơ. H ắn túm cổ họng tay sĩ quan, khiến mắt anh ta g ầ như lòi ra khỏi tròng. Khi Vô Danh thấy những người còn lại trong đội tiến tới g ầ, h ắn bèn động đầu tay sĩ quan vào tường. Tay sĩ quan gục xuống, còn Vô Danh chạy đi, biến mất khỏi t ầm mắt.

Nửa tiếng sau không còn tiếng súng hay bất kỳ âm thanh nào nữa. Hadi ra khỏi căn phòng nóng nực và bốc mùi ẩm thấp để lại ngả lưng ngoài sân, nhưng gã thấy ai đó đang ng ồi trên giường gã. Đó là tay bạn Vô Danh.

Trong một thoáng Hadi tưởng Vô Danh đã làm xong nhiệm vụ và còn lại mỗi Hadi để trả thù. Nhưng gã chưa kịp há m ồm ra nói, Vô Danh đã bảo rằng khu vực này bị cảnh sát và người của đơn vị tình báo đặc biệt bao vây. Hắn sẽ ở lại chỗ Hadi một lúc cho đến khi chắc chắn là họ đã đi.

Mỗi ngày Vô Danh lại khám phá ra những đi ều mới mẻ, hắn nói với Hadi. Hắn đã phát hiện ra, chẳng hạn như, từng mẫu thịt chết tạo nên cơ thể hắn sẽ rời ra nếu hắn không kịp trả thù cho kẻ đã cho hắn bộ phận đó trong khoảng thời gian nhất định. Nhưng nếu gã trả thù ai đó xong r ồi thì mẫu thịt ấy cũng sẽ rời ra, như thế nó không còn được c ần đến nữa.

Hadi cảm thấy khá thoải mái khi ng ồi cạnh Vô Danh trên giường, từ đó gã có thể ngửi thấy mùi cơ thể thối rữa của đối phương. Gã bảo Vô Danh rằng gã sẵn sàng giúp hắn theo bất cứ cách nào hắn muốn. Vô Danh nói hắn cần thay thế những phần cơ thể đã rời ra, vì thế hắn cần thịt mới từ những nạn nhân mới. Hadi đáp là sẽ cố giúp, bắt đầu từ hôm sau, nhưng thực ra gã có ý tưởng khác. Thật tốt, gã nghĩ, nếu cơ thể Vô Danh rời ra nhanh chóng để gã có thể gọn ghẽ xử lý hắn cùng nỗi kinh hoàng mà hắn mang tới.

Vô Danh quay sang Hadi. “Chưa hết,” hắn nói. “Cái tệ hơn là người ta đã đổ tiếng xấu cho ta. Họ buộc tội ta đã thực hiện những tội ác đó, nhưng đi ều họ không hiểu được là: ta là công lý duy nhất hiện hữu ở đất nước này.”

Hadi đột nhiên nhớ ra chiếc máy ghi âm kỹ thuật số của Mahmoud. Gã đứng lên mời Vô Danh uống gì đó nhưng hắn từ chối. Gã vào phòng, thấp

chiếc đèn dầu lên, lấy đồ uống ra rót cho mình một ly arak. Gã nhìn Vô Danh mà nói, “Cậu nên trả lời phỏng vấn với báo chí để giải thích lý do.”

“Phỏng vấn? Ta đang bảo người là ta không muốn gây chú ý, thế mà người lại đề nghị ta trả lời phỏng vấn báo chí!”

“Cậu đã gây chú ý rồi,” Hadi nói. “Cậu nên bảo vệ mình, để kiếm được vài người bạn giúp cậu thực hiện nhiệm vụ. Còn hiện tại, cậu là kẻ thù của tất cả mọi người.”

“Nhưng ta có thể trả lời phỏng vấn của ai chứ? Ý người là ta cứ thế bước vào đài truyền hình à? Cái quái gì mà nghe vô lý thế này?”

“Tôi có thể phỏng vấn,” Hadi nói, lấy máy ghi âm ra. Gã cố bật lên nhưng không nhớ làm thế nào. Vô Danh, ngồi trên giường của Hadi, cầm chiếc máy ghi âm hí hoáy trong khi Hadi cố thưởng thức ly arak ấm mà không có đá hay đồ nhấm. Rồi thêm nhiều tiếng súng nổ ra, Vô Danh liền đứng lên.

“Ta sẽ tự phỏng vấn chính mình,” Vô Danh nói, đoạn quay sang Hadi. “Sẽ được việc chứ?”

“Sẽ ổn cả thôi,” Hadi nói, nhìn tay bạn đồng hành kỳ dị nhảy qua những viên đá về phía nhà Elishva. Hắn biến mất vào ngôi nhà khi những tiếng súng lác đác nghe gần hơn, cùng với tiếng bước chân và la hét loáng thoáng từ đám người chạy trên phố.

4

Sáng hôm sau khu vực đó bị Vệ binh Quốc gia Iraq và quân cảnh Mỹ bao vây. Một lính Mỹ gốc Phi hét lên với Mahmoud và chĩa súng vào anh khi anh tìm cách tiếp cận và giải thích rằng mình là nhà báo. Sợ hãi, Mahmoud quay trở về khách sạn. Anh thấy Bố Anmar trong sảnh, đang

bàn tán với vài người về chuyện xảy ra đêm trước. Máy nhà đã bị bố ráp, cửa bị đập, khóa bị đập vỡ. Cần đèn pin xông vào, binh lính bắt vài người mà họ tình nghi, nhưng không phải tội phạm. Khu vực này nhanh chóng bị phong tỏa, vì thế tên tội phạm vẫn còn ở trong phạm vi Bataween.

Mahmoud gọi cho Saidi, tổng biên tập của anh, báo cáo với ông và bảo mình không đến tòa soạn được. Saidi hỏi anh ra ngoài xem chuyện gì đang diễn ra, phỏng vấn người dân và cố gắng tìm hiểu từ những người lính Iraq xem mục đích của hành động này là gì.

Mahmoud ghét bị Saidi bắt ép, nhưng anh vẫn rời khỏi khách sạn. Thông tin mà anh xoay xở có được chẳng có giá trị gì: rằng một sĩ quan tình báo đã được đưa tới bệnh viện do chấn thương nặng ở đầu trong cuộc săn lùng tên khủng bố nguy hiểm bị phát hiện trong khu này hồi đêm.

Đến trưa họ ngừng lục soát và dỡ hàng rào an ninh. Mahmoud thấy mấy người đàn ông trẻ và trung tuổi bị dõn lên xe tải quân đội, tay bị trói sau lưng. Điềm chung giữa tất cả bọn họ, Mahmoud nhận ra ngay, là họ đều xấu xí. Người bị dị tật gien, người biến dạng vì bỏng, người có vẻ điên khùng: khuôn mặt họ bình thản, chẳng toát lên vẻ sợ hãi hay lo lắng.

Mahmoud quay về căn phòng của mình ở khách sạn Orouba. Buổi chiều quạt trần ngừng chạy do máy phát điện mà Bố Anmar mua cho bốn khách bị trục trặc. Mahmoud bắt đầu vẽ mồi hôi đần độn. Anh tới quán cà phê của Aziz, nơi mà từ đầu hè đã lắp chiếc đèn hòa nhiệt độ to oành có giá đỡ kim loại phía trên khung cửa sổ trước cỡ lớn. Tại đó Mahmoud chạm trán Hadi đang ngồi hút shisha tại chỗ ngồi quen thuộc của gã cạnh cửa sổ trước.

Mahmoud ngồi xuống cạnh Hadi và gọi shisha cùng một cốc trà. Hadi có vẻ đã lấy lại sự vui vẻ vốn có. Gã bảo Mahmoud rằng cảnh sát nhắm

đến Vô Danh nhưng v ò trượt hẫng. Gã nói với về khá tự tin, sau đó thông báo với Mahmoud rằng gã đã thuyết phục Vô Danh trả lời phỏng vấn.

“Hắn ta sẽ phỏng vấn chính mình,” gã nói.

Đến lúc đó Mahmoud đoán chắc Hadi đã làm mất chiếc máy ghi âm trị giá một trăm đô la của anh. Cười to hớn hở, Hadi nom giống kẻ nói dối và lừa đảo mà ai nấy đều mô tả.

Nhưng mười ngày sau, Hadi thật sự trả lại chiếc máy ghi âm. Mahmoud dành mấy tiếng liền chỉ để nghe, rồi nghe lại lần nữa. Đoạn ghi âm gây rung động và choáng váng. Vô Danh xuất hiện như một thực thể hữu hình - một người bằng xương bằng thịt, như Mahmoud hay Hadi hoặc Bố Anmar. Hắn không chỉ hiện lên qua lời mô tả của Hadi với cuộc nói chuyện kỳ khôi nữa.

Mahmoud nghe đi nghe lại, đắm mình trong câu chuyện kịch tính của Vô Danh, cùng lúc đắm chìm trong không khí nóng ẩm ở khách sạn Orouba. Đến ngày thứ hai, Saidi nhận thấy những quầng thâm quanh mắt Mahmoud.

“Tôi có khối việc với nhiệm vụ cho cậu đây. Rời khỏi cái khách sạn như hang động đây đi,” Saidi nói, khẳng khẳng bắt Mahmoud chuyển tới khách sạn Dilshad ở phố Atibbaa. Khi Bố Anmar thấy Mahmoud đứng trước mặt mình với chiếc va li, chồng sách và những tài sản khác, quyết tâm rời đi, ông không nói một lời. Mahmoud nghĩ chắc hẳn đó là một cú sốc với Bố Anmar, nhưng Bố Anmar đã hành xử một cách chuyên nghiệp, đóng tài khoản của Mahmoud sau khi Mahmoud trả hết số tiền còn lại.

Saidi hết sức phấn khích trước những chi tiết trong thỏa thuận giữa Mahmoud và Hadi và mời Mahmoud dùng trà ở khu vườn bên trong tòa soạn để ông có thể trực tiếp nghe câu chuyện.

“Cậu nên trân trọng cây cối vườn tược,” Saidi nói. “Nó tốt cho cậu, quan trọng với sức khỏe thể chất và tinh thần của cậu.” Rồi ông nói thêm, “ít nhất cũng là sự thay đổi so với màu xám của những rào chắn bê tông ở khắp thành phố này.”

Mahmoud không biết phải đối đáp ra sao với màn lạc đề này - liệu anh nên nối tiếp câu chuyện của ông hay đợi Saidi cho mình một dấu hiệu.

Không ai trong họ nói gì trong ba mươi giây, nhưng rồi Saidi quay sang Mahmoud bảo, “Viết cho tôi một phóng sự về tất cả những chuyện này. Làm một bài chuyên đề hoặc phỏng vấn với kẻ đó. Làm gì đó cho số tới.”

Hai ngày sau Mahmoud nộp cho Saidi một bài báo với nhan đề, “Những truyền thuyết đô thị từ đường phố Iraq.” Saidi ưng ngay tấp lự. Khi Mahmoud làm bản dàn cho tạp chí, anh minh họa cho bài báo bằng một tấm ảnh lớn của Rober De Niro trong bộ phim *Frankenstein của Mary Shelley*. Mahmoud không vui khi cầm trong tay một bản của số này, nhất là khi anh thấy nhan đề đã bị thay đổi.

“Frankenstein ở Baghdad,” Saidi la lớn, nụ cười tươi nở trên mặt. Mahmoud đã cố viết thật chân thật và khách quan, nhưng Saidi thì quá phấn khích. Ông thậm chí còn viết một bài riêng cùng chủ đề cho cùng số.

Cầm số báo mới nhất trong tay, Mahmoud nằm trên giường trên tầng hai khách sạn Dilshad. Khí lạnh khiến anh run rẩy, nên anh tắt đèn hòa đi. Hôm nay là ngày nghỉ của anh, và anh đang cố ngủ. Nhưng anh cứ nhìn vào trang bìa tạp chí, với khuôn mặt dữ tợn của De Niro nhìn ra thế giới đã quay lưng lại với mình, và tự hỏi liệu Vô Danh, nếu hắn thực sự tồn tại, sẽ hiểu bài báo này như thế nào. Hắn có xem đó lại là một sự hiểu lầm khác về sứ mệnh tiên tri của hắn không?

Và liệu Hadi sẽ nói gì về bài báo? Gã sẽ công kích Mahmoud hay tung hô anh?

Khi Mahmoud đang nằm ườn trên giường, chuẩn tướng Sorour Majid đang ở trong đại văn phòng tại Cục Theo dấu và Truy nã, đứng trước đi ầu hòa nhiệt độ. Ông biết như thế không tốt cho sức khỏe của mình, nhưng ông đang nóng điên. Có lẽ là do chứng cao huyết áp. Nhân viên của ông đã đợi cho đến khi ông ngủ trưa dậy mới dám đưa cho ông số mới nhất của *al-Haqiqa*, do Ali Baher al-Saidi, bạn thời thơ ấu của ông làm chủ biên.

Ông đã đọc bài báo của Mahmoud hai lần và nghĩ rằng nó chứa những thông tin lẽ ra không nên được tiết lộ mà không có sự tán thành của Cục Theo dấu và Truy nã, nhưng ông có thể làm gì với cái thứ tự do báo chí đột nhiên rơi xuống đất nước này đây? Saidi đã phạm sai lầm với bài báo này và lẽ ra nên bàn với ông trước khi cho xuất bản mới phải.

Hai bầu má đầy đặn tê lạnh vì đi ầu hòa, nhưng chuẩn tướng Majid vẫn có cảm giác nóng như lửa đốt. Ông quẳng tờ tạp chí lên chiếc bàn lớn, cần điện thoại di động lên gọi cho Saidi.

Như thường lệ, Saidi cười.

“Có chuyện gì thế ông anh?” Saidi hỏi.

“Tay nhà báo của anh thực sự đã gặp tên tội phạm rồi à?”

“Tôi không nghĩ vậy. Cậu ta nói chuyện với một gã dân địa phương có trí tưởng tượng hoang đường. Chuyện đơn giản thôi, bạn tôi ơi. Gã đó là kẻ ba xạo,” Saidi nói.

“Phải, nhưng có lẽ đó là tên tội phạm chúng tôi đang tìm kiếm. Da hắc màu gì? Hắc có sọc do bị đạn bắn hay vết thương nào bị khâu không?”

“Tôi chịu. Tất cả đều dựa trên trí tưởng tượng của một kẻ hạ lưu nào đó thôi, bạn tôi ơi.”

“Không phải tưởng tượng đâu. Tôi có thể gặp tay nhà báo của anh ở đâu?”

“Hôm nay thứ Sáu mà ông bạn. Anh không ở nhà à?”

“Thằng nhóc đó sống ở đâu?”

Chuẩn tướng Majid ghi lại địa chỉ vào một mẫu giấy rồi cúp máy. Ông nhấn chuông gọi người, một thanh niên cơ bắp liền bước vào, chào ông theo kiểu quân đội rồi đứng nghiêm.

“Gọi Ihsan cho tôi,” vị chuẩn tướng nói.

Khoảng một phút sau, một thanh niên to béo, mày râu nhẵn nhụi bước vào. Anh ta cắt tóc ngắn, vận sơ mi hồng và quần đùi đen.

“Đi thẳng tới địa chỉ này và mang tay nhà báo này, Mahmoud Riyadh Mohamed al-Sawadi về đây cho tôi,” vị chuẩn tướng nói.

Chương mười

VÔ DANH

1

“A lô, a lô, thử, thử, thử.”

“Ta đã bắt đầu ghi âm rồi.”

“Tôi biết. A lô, a lô, thử, thử.”

“Đề ý pin nhé.”

“Xin ngài trật tự giùm ạ. A lô, a lô, được rồi.”

“Ta không có nhiều thời gian. Ta có thể xong đời và cơ thể ta có thể tan ra thành nước khi đang đi bộ trên phố một đêm nào đó, thậm chí trước cả khi ta hoàn thành nhiệm vụ được giao. Ta giống như cái máy ghi âm mà tay nhà báo đưa cho cha ta, gã buôn đồ cũ tội nghiệp ấy. Ta cảm thấy thời gian cũng tựa như dung lượng pin vậy - không nhiều và không đủ.

“Có thật gã buôn đồ cũ là cha ta không? Chắc chắn gã chỉ là cái ống dẫn để thực hiện ý nguyện của cha ta trên thiên đường, trong khi bà mẹ tội nghiệp của ta, Elishva, viết nên ý nguyện ấy. Bà ấy đúng là một bà lão tội nghiệp. Tất cả bọn họ đều tội nghiệp, còn ta là lời đáp cho sự kêu gọi của kẻ tội nghiệp. Ta là đáng cứu rồi, người mà họ chờ đợi và hy vọng theo một nghĩa nào đó. Thứ sức mạnh vô hình ấy, gị sét vì hiếm khi được dùng đến, cuối cùng đã trỗi dậy. Thứ sức mạnh của một định luật không phải lúc nào cũng sẵn sàng khởi hoạt. Người cầu nguyện cho các nạn nhân và gia đình họ đã cùng nhau tề tựu một lần và mang lại cho sức mạnh ấy một lực

đầy mạnh mẽ. Những thứ trong lòng bóng tối đã dịch chuyển và sinh ra ta. Ta là lời đáp cho sự kêu gọi của họ để chấm dứt nỗi bất công và trả thù những kẻ mang tội.

“Với sự trợ giúp của Chúa và của thiên đường, ta sẽ trả thù tất cả lũ tội phạm. Ta rút cuộc sẽ mang công lý đến cho trái đất, và sẽ chẳng còn cảnh phải chờ đợi công lý trong thống khổ, trên thiên đường hay ở kiếp sau.

“Ta sẽ hoàn thành nhiệm vụ của mình chứ? Ta không biết nữa, nhưng ít nhất ta sẽ cố tạo ra một hình mẫu về trả thù - sự trả thù của kẻ vô tội không phương tụt vệ ngoài tâm hồn run rẩy khi cầu nguyện hầu chống chọi tử thần.

“Khi ta đơn độc, sâu thẳm trong lòng ta chẳng mấy hứng thú với việc có con người lắng nghe ta nói hay gặp ta, vì ta không ở đây để nổi tiếng hay gặp gỡ ai. Nhưng để đảm bảo nhiệm vụ của mình không bị xuyên tạc và không trở nên khó khăn hơn, ta thấy mình cần phải đưa ra tuyên bố này. Họ đã biến ta thành tội phạm và quái vật, và theo cách đó họ đánh đồng ta với những kẻ ta tìm kiếm để trả thù. Đó là sự bất công ghê gớm. Trên thực tế có một nghĩa vụ đạo đức và nhân văn ủng hộ ta, nhằm mang đến công lý cho thế giới này, nó đã bị hủy hoại hoàn toàn bởi sự tham lam, tham vọng, hoang tưởng tự đại và khát máu vô độ.

“Ta không yêu cầu ai kề vai chiến đấu với ta hay trả thù bọn tội phạm thay ta. Và xin đừng sợ hãi khi gặp ta. Ta nói đi đâu này với những người tốt, yêu hòa bình. Ta mong các người hãy cầu nguyện và giữ hy vọng trong tim mình về chiến thắng của ta và việc ta hoàn thành nhiệm vụ trước khi quá muộn và mọi thứ tuột khỏi tầm tay ta và...”

“Thưa, hết pin rồi ạ.”

“Sao người lại ngắt lời ta? Người bị sao vậy?”

“Dạ hết pin rồi, thưa chủ nhân.”

“Được rồi, không sao. Rời khỏi tòa nhà đi và chừng nào có một túi đầy pin thì hãy quay về”

2

“Ta đang sống trong một tòa nhà xây dang dở gần khu Assyria ở Dora, phía Nam Baghdad. Nơi này thực sự đã trở thành chiến trường giữa ba lực lượng: Vệ binh Quốc gia Iraq và quân đội Mỹ một phe, còn dân quân Surmi và Shiite lần lượt ở phe thứ hai và thứ ba. Ta có thể miêu tả tòa nhà ta sống là ở trên Mảnh Đất Không Người vì nó và các tòa nhà xung quanh, trên diện tích hơn một cây số, chưa từng nằm dưới quyền kiểm soát hoàn toàn của bất cứ lực lượng nào trong ba lực lượng trên, và bởi đó là vùng chiến sự không một ai sinh sống. Vì thế nó thích hợp với ta.

“Ta có những hành lang an toàn dưới dạng các lỗ lớn trên tường những ngôi nhà hoang đổ nát. Ta tận dụng chúng để ra ngoài trong những nhiệm vụ ban đêm, cảnh giác với khoảnh khắc giáp mặt một nhóm vũ trang ở một trong ba lực lượng ta đã nhắc đến. Tất cả chúng ta đều sử dụng một mạng lưới đường phức tạp tựa mê cung vào ban ngày và thậm chí còn phức tạp hơn vào ban đêm. Chúng ta cố tránh chạm mặt nhau, dù chúng ta đi loanh quanh để săn lùng lẫn nhau.

“Ta có một vài phụ tá sống cùng ta. Họ đã tụ tập quanh ta trong hơn ba tháng qua. Kẻ quan trọng nhất là một lão già gọi là Pháp Sư.

“Pháp Sư từng sống trong một chung cư ở Abu Nuwas, ngay phía Tây Bataween, lão nói lão thuộc đội thủy phù thủy phụng sự cho tổng thống của chế độ cũ và lão đã niệm chú để người Mỹ tránh xa khỏi Baghdad và ngăn thành phố rơi vào tay họ. Nhưng người Mỹ, ngoài kho vũ khí tối tân, còn

sở hữu một đội quân djinn hùng hậu, có khả năng tiêu diệt djinn mà pháp sư này cùng các phụ tá của lão triệu hồi.

“Khi ta gặp lão, lão đang chìm trong thống khổ và đau đớn tột cùng, không phải vì chế độ cũ sụp đổ mà bởi lão đã thất bại trong thử thách lớn nhất mà lão từng đối mặt. Theo lời lão thì phép thuật của lão giờ đã thành ra vô dụng.

“Nhưng một djinn sống sót khỏi cuộc thảm sát diễn ra trong suốt trận chiến sân bay Baghdad đã tiếp tục quanh quẩn bên lão để xoa dịu lão khỏi nỗi cô đơn. Djinn bảo với lão rằng lão còn một nhiệm vụ quan trọng nữa. Nó kể với lão về ta và miêu tả ngoại hình của ta cho lão.

“Pháp Sư kể với ta lão đã bị ném ra khỏi chung cư vì bị cáo buộc có dính líu tới những tội ác dưới chế độ cũ và lão đi đâu cũng có kẻ bám theo. Ngay cả djinn phụng sự lão cũng chẳng giúp được gì, và giờ thì lão hầu như không bao giờ bước chân ra khỏi căn cứ của chúng ta trong tòa nhà đổ nát.

“Kẻ quan trọng thứ hai trong các phụ tá của ta là Nhà Ngụy Biện, ta gọi hắn như thế. Hắn giỏi giải thích ý tưởng, nâng những cái tốt lên, đánh bóng chúng, khiến chúng trở nên mạnh mẽ hơn. Hắn cũng giỏi làm thế với những ý tưởng xấu xa, vì thế hắn là kẻ nguy hiểm như thuốc nổ vậy. Ta thường nhờ hắn giúp để hiểu nhiệm vụ mình đang tiến hành, và hỏi ý kiến hắn khi nghi ngờ một kế hoạch hành động nào đó. Hắn khiến người ta cảm thấy an tâm và củng cố niềm tin trong họ - vì bản thân hắn không tin tưởng hoàn toàn vào bất cứ thứ gì. Ta tình cờ gặp hắn vào một buổi tối khi hắn đang ng ỉ say ngà ngật trên vỉa hè phố Saadoun, và hắn bảo ta rằng dù hắn không có chút tôn trọng nào đối với niềm tin, hắn vẫn sẵn sàng tin ta - vì một lý do: rằng những kẻ khác không tin ta và thậm chí còn không tin là ta tồn tại.

“Kẻ quan trọng thứ ba là người mà ta gọi là Kẻ Thù - bởi y là sĩ quan trong đơn vị chống khủng bố. Y cung cấp cho ta ví dụ sống về việc kẻ thù trông như thế nào và kẻ thù suy nghĩ và cư xử ra sao. Do ở vị trí quá thuận lợi, y cũng tiết lộ cho ta những thông tin quan trọng để giúp ta trong những cuộc săn khó khăn. Y nương náu cùng ta vì nguyên tắc đạo đức nghiêm ngặt của mình: sau khi làm việc trong cơ quan an ninh của chính phủ hai năm, y trở nên tin rằng công lý mà y tìm kiếm bấy lâu chẳng hề được thực thi.

“Giờ thì y ở cùng ta, dành sự phụng sự quý giá cho ta vì đó là cách duy nhất, y nghĩ vậy, để mang lại thứ công lý mà y khao khát.

“Có ba kẻ khác kém quan trọng hơn: thằng khùng, lão khùng và lão khùng già nhất. Chính thằng khùng là kẻ đã ngắt lời ta khi ta bắt đầu ghi âm những lời này. Ta đã sai nó đi mua ít pin ở cửa hàng cách căn cứ của chúng ta vài cây số. Để tới đó nó phải đi qua mấy giao lộ nguy hiểm.

“Thằng khùng nghĩ ta là công dân kiêu mẫu mà nhà nước Iraq không thể tạo ra, ít nhất là từ thời vua Faisal I.

“Bởi ta được tạo nên từ các bộ phận cơ thể của những người đa chủng loại - thuộc nhiều dân tộc, bộ lạc, chủng tộc và tầng lớp xã hội - nên ta đại diện cho sự pha trộn không thể có, chưa từng có trong quá khứ. Ta là công dân Iraq đích thực đầu tiên, nó nghĩ vậy.

“Lão khùng thì nghĩ ta là công cụ hủy diệt hàng loạt ẩn chứa dấu hiệu về sự xuất hiện của một vị cứu tinh mà tất cả các tôn giáo trên thế giới đều dự đoán. Ta là người sẽ kết liễu những kẻ lăm đường lạc lối. Bằng cách giúp ta thực hiện nhiệm vụ, lão đang đẩy nhanh sự xuất hiện của vị cứu tinh được mong đợi bấy lâu.

“Lão khùng già nhất lại cho rằng ta là vị cứu tinh và rằng trong tương lai lão sẽ gặt hái được gì đó từ sự bất tử của ta và tên lão sẽ được khắc kỷ

bên tên ta trong bất cứ cuốn biên niên sử nào về giai đoạn khó khăn và có tính quyết định này trong lịch sử đất nước và thế giới.

“Khi ta hỏi ý kiến Nhà Ngụy Biện, hắn bảo ta rằng lão khùng già nhất này, vì lão khùng hết nước, là trang giấy trắng có thể tiếp thu trí tuệ vượt qua giới hạn lý trí, và rằng, không hề ý thức được điều này, lão nói với lời lẽ chân thành thuần khiết.”

3

“Ta ra ngoài vào buổi tối, một hai tiếng sau khi mặt trời lặn. Ta cúi thấp đầu để tránh làn đạn giao tranh liên miên. Ta là người duy nhất đi dọc những con phố dài nơi ngay cả chó mèo hoang cũng chẳng dám bén mảng. Trong những khoảng lặng ngắn ngủi giữa loạt đạn pháo, cứ càng lúc càng dồn dập khi gần đến nửa đêm, chỉ có độc tiếng bước chân ta. Ta mang theo mọi thứ mình cần - thẻ căn cước và giấy tờ mà Kẻ Thù cung cấp cho ta, được làm tinh vi đến nỗi không thể phân biệt đâu là thật đâu là giả, cùng một tấm bản đồ chi tiết về lộ trình thuận lợi nhất qua các khu vực dân cư, đường phố, do Pháp Sư đưa cho. Lộ trình này giúp ta tránh chạm mặt những người ta cần gặp và những kẻ không cần gặp ta.

“Việc chuẩn bị của ta bao gồm ăn vận thích hợp với nơi ta định đến, luôn do ba kẻ khùng lo, kèm theo việc hóa trang giấu đi những vết sẹo, bầm tím và những mũi khâu trên mặt ta. Nhà Ngụy Biện thường đảm nhận việc hóa trang, và hắn đưa cho ta một chiếc gương để ta nhìn thấy kết quả trước khi ra ngoài.

“Ta sắp hoàn thành nhiệm vụ rồi. Có một gã thuộc al-Qaeda sống trong một ngôi nhà ở Abu Ghraib, nơi rìa thành phố, và một sĩ quan Venezuela vốn là lính đánh thuê sở hữu một công ty an ninh hoạt động ở Baghdad.

Một khi ta trả thù bọn chúng xong xuôi, mọi chuyện sẽ kết thúc. Có đi đâu chuyện lại không diễn tiến gần với cách mà ta dự liệu.

“Một đêm ta về nhà toàn thân lỗ chỗ vết đạn. Đó là một trận chiến dữ dội và một cuộc truy đuổi nguy hiểm, và ta chỉ vừa kịp siết cổ mục tiêu, một tên tội phạm chuyên cung cấp thuốc nổ và các chất gây nổ khác cho các băng đảng vũ trang bất chấp hoàn cảnh chính trị và hệ tư tưởng của chúng. Hắn là con buôn tử thần siêu hạng sống cùng vài gã khác cùng băng đảng trong một ngôi nhà gần chợ Shorja ở trung tâm Baghdad.

“Ba kẻ khủng khiếp cả đồng đạn ra khỏi cơ thể ta. Pháp Sư và Nhà Ngụy Biện giúp một tay bằng cách cố khâu lại những bộ phận bị thương. Một miếng thịt trên vai ta không cố định được nữa - nó long hết ra, như thịt từ một cái xác đã chết mấy ngày rồi vậy.

“Hôm sau trở dậy, ta phát hiện thấy nhiều phần cơ thể ta ở dưới đất, và một mùi thối rửa nồng nặc bốc lên. Không có phụ tá nào gần đó - họ đã đi hết lên mái nhà để thoát khỏi mùi hôi thối.

“Ta quấn mình trong mảnh vải lớn và đi tìm bọn họ. Dịch từ nhiều phần cơ thể hờ toang hoác thấm cả vào vải. Ta đứng xa xa nhìn bọn họ trên mái nhà mà hỏi, ‘Có chuyện gì vậy? Kết thúc rồi sao?’

“Pháp Sư nhìn ta lo lắng. Những kẻ khác thì hút thuốc và dòm qua khe hở rào chắn xem chuyện gì xảy ra trên phố bên dưới.

” ‘Hễ khi nào ngài giết người, thì tài khoản kết toán,’ Pháp Sư nói. ‘Nói cách khác, người tìm cách trả thù đã hoàn thành được tâm nguyện, và bộ phận cơ thể đó sẽ bắt đầu tan chảy. Giống như là có yếu tố thời gian vậy. Nếu ngài hoàn thành việc trả thù cho tất cả các nạn nhân trước thời hạn, cơ thể ngài sẽ được gắn kết một thời gian rồi sau này mới phân hủy, nhưng nếu ngài để lâu quá, thì đến khi thực hiện nhiệm vụ cuối cùng, ngài sẽ chỉ có độc bộ phận cơ thể của người cần trả thù cuối cùng mà thôi.’

” ‘Nhảm nhí,’ Nhà Ngụy Biện nói. ‘Ngài ấy không chết và không rụng rời từng mảnh đầu - không có chuyện vớ vẩn nào như thế xảy ra cả,’ hắn nói tiếp, quảng điều thuốc xuống đất. ‘Ông chỉ đang tìm cách dọa chúng tôi thôi. Vị cứu tinh không chết.’

“Nhà Ngụy Biện quay sang lão khùng già nhất, kẻ tỏ ra quan tâm tới ý tưởng này hơn những người khác.

Lão già ngay nắm tay lên không mà lắc. ‘Phải, vị cứu tinh không chết,’ lão hùng hồn nói.

“Hai người tiếp tục tranh cãi trong khi những người khác mãi hóng chuyện đang xảy ra bên dưới. Có vẻ hai nhóm định chiến nhau giữa ban ngày ban mặt. Thật mạo hiểm khi ở trên mái nhà và dòm qua khe hở rào chắn vì có thể trúng đạn lạc. Nhưng sự tò mò đã thắng thế.

“Ta trải mảnh vải lên mái nhà và nằm xuống, mình trần dưới nắng. Chết dịch dinh dính rỉ ra từ vết thương và các khe hở nơi mũi khâu bung ra. Ta cần được kiểm tra toàn bộ. Đứng ra thì - và đây là kết luận khiến ta khá ngạc nhiên - ta cần những phụ tùng mới.

“Tít bên dưới là những tràng đạn đình tai nhức óc và những tiếng hét the thé như xé vải. Ta cảm thấy như bị nướng chín dưới nắng, nên bèn đứng dậy, quấn mình trong tấm vải, hé nhìn qua rào chắn. Trận chiến đang diễn ra dữ dội. Một nhóm nhanh chóng bị hạ và tìm cách rút lui, trong khi nhóm kia cố bắt sống hai thành viên của nhóm đang tháo chạy. Chúng dùng báng súng dằn đối thủ vào bức tường lỗ chỗ vết đạn do súng máy PK gây ra. Một trong hai kẻ bị bắt bị thương nặng và đang rên rỉ; có lẽ gã đang cầu xin giúp đỡ. Kẻ kia thì im lặng và không chịu cúi mình, như một kẻ tử vì đạo thần thánh, như thể gã biết có những người chứng kiến sẽ tung hô gã vì gã đã can đảm đối mặt với cái chết ra sao. Chuyện này không kéo dài lâu. Những kẻ bắt giữ dằn hai gã trai trẻ vào tường, hét lên ‘Thánh Allah vĩ

đại!’ hai ba lần gì đấy rồi nổ súng. Hai gã sụp xuống đất, còn đám kia vác súng lên vai, như nông dân vác thuổng, gấp rút kéo đi.

“Ta nhìn đám phụ tá của ta. Ai cũng thất đảm trừ Pháp Sư, lão nói, ‘Những thanh niên tử tế. Phí phạm làm sao!’ Rồi lão nói thêm, ‘Có phải họ cũng là nạn nhân không?’

” ‘Ta không biết. Hỏi Nhà Ngụy Biện ấy,’ ta đáp.

” ‘Theo tôi thấy thì tất cả bọn họ đều là nạn nhân,’ Pháp Sư nói.

“Trong ba giờ tiếp theo, ta mất ngón tay phải và ba ngón tay của bàn tay trái. Mũi ta đang rã ra và những lỗ lớn xuất hiện trên cơ thể ta - thịt ta đang tan chảy. Ta cảm thấy mệt rũ và phải chống chọi với cơn buồn ngủ. Sáu phụ tá của ta đang ngồi trong phòng khách, trên những món đồ gia dụng lấy từ những ngôi nhà hoang, nói chuyện đầy lo lắng.

“Theo kế hoạch, nhiệm vụ của ta sẽ kết thúc vào tối nay. Ta sẽ tóm tay sĩ quan đánh thuê người Venezuela trong một khách sạn ở Karrada, rồi rời đi trên chiếc xe thuộc về một cơ quan an ninh, do Kẻ Thù sắp xếp, lái tới Abu Ghraib. Ở đó nhiệm vụ của ta sẽ kết thúc: ta sẽ giết tên thủ lĩnh al-Qaeda, rồi rời khỏi thế giới đáng sợ này của các người.

“Màn đêm buông xuống, ta thiu thiu ngủ. Khi mở mắt ra, ta thấy ba kẻ khủng cúi xuống mình. Mình thấy lấm lem máu, họ đang tắm cho ta. Bọn ta đang ở trong phòng tắm một căn hộ trên tầng ba. Họ rõ ràng định làm gì đó.

“Sau khi bàn luận gay gắt, sáu phụ tá của ta đã đi đến quyết định. Ba kẻ khủng rời khỏi tòa nhà và băng qua con phố tối tăm về phía hai thanh niên vừa bị hành quyết. Họ kéo cái xác của người đã chết một cách can đảm, bỏ lại cái xác của người đã nài xin được sống - bọn ta gọi anh ta là ‘vị thánh’. Trong căn phòng tầng trệt của tòa nhà, cái xác được sửa soạn để cung cấp các bộ phận cho ta. Những phần ta cần được cắt ra cho vào một cái túi ni

lông đen. Rõ xác của vị thánh được mang đi vút lên nóc đồng đồ nát của một ngôi nhà đã bị tên lửa Mỹ phá hủy.

“Lão khùng già nhất cắt những phần cơ thể thối của ta ra còn hai kẻ khùng còn lại - thằng trẻ và lão già hơn - thì khâu những bộ phận mới vào. Rồi cả bọn khênh ta vào buồng tắm trên tầng cao nhất, ở đó họ rửa sạch máu và chất dịch nhớp dính cho ta rồi lau khô người ta. Kẻ Thù mang cho ta đồng phục của một sĩ quan lực lượng đặc biệt của Mỹ và ít giấy tờ tùy thân. Rồi Nhà Ngụy Biện bôi một lớp dày kem nền của phụ nữ lên mặt ta và đưa ta chiếc gương. Ta soi nhưng không nhận ra mình. Ta mấp máy môi mới nhìn ra được khuôn mặt này là của mình.

” ‘Chuyện gì xảy ra vậy?’ ta hỏi.

” ‘Chúng tôi đã hồi sinh ngài,’ Pháp Sư nói, điều thuốc trể nải trên môi dưới còn cánh tay duỗi dài trên lưng ghế trong phòng khách. Lão là quân sư trong toàn bộ chuyện này. Lão thuyết phục các phụ tá khác rằng vị thánh là nạn nhân với tâm hồn tìm kiếm sự trả thù, thế nên sẽ chẳng hại gì nếu lấy bộ phận cơ thể anh ta làm phụ tùng thay thế.

“Khi đứng lên, ta cảm thấy một luồng sinh khí và cảm giác mới mẻ, như thể vừa thức dậy khỏi một giấc ngủ sâu vậy. Những khuôn mặt lạ lẫm xuất hiện quanh ta, và ta quên mất mình định làm gì buổi sáng. Đội chiếc mũ thủy quân lục chiến lên đầu, ta vội vã ra ngoài tòa nhà và đi về hướng Đông, nơi có băng đảng đã tiến hành vụ hành quyết ta chứng kiến trước đó. Những ngón tay của vị thánh đẩy cánh cửa mở ra, chỉ đường cho ta. Ta thấy chúng đang ngồi dưới đất uống trà. Tay lính gác ở tòa nhà gần đó không thấy ta tiến đến, nên chúng khá bất ngờ - ta đến đủ gần để tóm lấy súng của chúng hoặc quăng sang bên những thứ vũ khí khác, hạ chúng bằng những cú đấm đá. Đạn nổ ra, bẻ lũ từ những phòng gần đó liên tục tràn vào. Bất chấp tất cả tiếng súng và tiếng hét, kết quả không đứng về phía chúng. Ta bị bắn vào lưng nhiều lần nhưng đã tóm được cổ chúng và bẻ lần

lượt từng đưa một. Nửa tiếng sau chỉ còn lại một thành viên băng đảng, ng ồi kinh hãi trong góc. Ta không thấy rõ mặt hắn trong ánh sáng lò mờ của chiếc đèn sạc điện, nhưng ta có thể thấy hắn đang khóc. Ta đến gần hơn thì thấy hắn run bần bật, như con cừu hoảng sợ bị giao cho đ ồ tể. Hắn nhận thức rõ rằng tối hôm đó hắn cùng băng đảng của mình không chiến đấu với một kẻ thù bình thường nào cả. Đó là sự thịnh nộ của Chúa. Cuối cùng, ta bắt gặp ánh mắt sợ hãi của hắn. Bởi vì hắn ăn năn nên hắn khiến nhiệm vụ của ta trở nên dễ dàng hơn, không có chút nỗ lực kháng cự nào trước cả khi ta chạm vào hắn.”

4

“Ta đã giết tay lính đánh thuê người Venezuela quản lý công ty an ninh chịu trách nhiệm tuyển mộ những kẻ đánh bom li ều chết đã sát hại nhiều thường dân, bao gồm cả người bảo vệ ở Sadeer Novotel, Hasib Mohamed Jaafar. Ta đã giết tên thủ lĩnh al-Qaeda sống ở Abu Ghraib vốn là kẻ chủ mưu vụ đánh bom xe tải khủng khiếp ở quảng trường Tayaran khiến nhiều người thiệt mạng, trong đó có người mà Hadi đã nhặt được chiếc mũi trên vỉa hè và dùng để lấp vào mặt ta. Ta đã mất vài tuần chuẩn bị, theo dấu và thâm nhập vào những tổ chức thù địch đó. Cũng tốn thời gian, nhưng nếu có một cái cớ vững chắc, ta có thể giành được sự tin tưởng của nhóm đối địch với kẻ mà ta đang nhắm tới.

“Danh sách người tìm kiếm sự trả thù ngày càng dài hơn khi những bộ phận cơ thể cũ của ta rời rụng và các phụ tá thay bằng bộ phận của những nạn nhân mới, cho đến một đêm ta nhận ra rằng trong hoàn cảnh này ta sẽ phải đối mặt với một danh sách mục tiêu bỏ ngỏ không bao giờ chấm dứt.

“Thời gian là kẻ thù của ta, bởi đó là thứ ta không bao giờ có đủ để hoàn thành nhiệm vụ, và ta bắt đầu hy vọng rằng việc giết chóc trên phố sẽ dừng lại, cắt đi ngu ần cung các nạn nhân và cho ta được tan chảy.

“Nhưng việc giết chóc chỉ mới bắt đầu. Ít nhất là trông có vẻ như vậy khi nhìn từ ban công tòa nhà nơi ta đang sống, những xác chết nằm vương vãi trên phố như rác vậy.

“Bọn ta phải tăng cường phòng vệ trước tình hình giết chóc leo thang. Ba kẻ khủng trang bị ít vũ khí hạng nhẹ và trung đồng thời lắp súng máy PK trên mái nhà, chĩa cả bốn hướng. Họ chặn lối vào tòa nhà bằng những khối bê tông và bao đất mà ta không biết lấy từ đâu. Họ làm việc đó hàng giờ, trong vài ngày li ền, và r ồi ta phát hiện ra họ đã thuê người để giúp họ làm xong việc. Chẳng bao lâu tòa nhà đã trở thành một doanh trại thực sự: ngoài tất cả chỗ vũ khí, giờ nó còn cả lính tráng vốn là những kẻ tình nguyện bảo vệ đơn vị đồn trú thu nhỏ này.

“Mỗi kẻ trong ba kẻ khủng đầu quảng bá suy nghĩ về ta với đám đệ tử vốn chán ngấy những gì nhìn thấy xung quanh và đang tìm kiếm sự cứu rỗi.

“Thằng khủng chiếm cả tầng trệt cùng các đệ tử đến từ nhiều khu khác nhau ở thủ đô. Giống như nó, chúng cũng tin rằng ta là công dân Iraq số một. Sau này ta phát hiện ra rằng nó đặt số cho chúng thay vì tên, theo đó nó là số hai, những kẻ khác lần lượt từ số ba và cứ thế tăng lên khi số đệ tử của nó nhiều thêm mỗi ngày.

“Lão khủng già hơn và các đệ tử chiếm mấy căn hộ ở tầng một. Giống như lão, chúng tin rằng ta là cái lỗ đen và Azrael Vĩ Đại, Thiên thần của Cái Chết, kẻ sẽ nuốt chửng cả thế giới dưới sự bảo vệ của ân sủng thiêng liêng.

“Lão khùng già nhất chiếm hai căn hộ khác ở tầng một cho mình cùng các túi đồ, với số lượng ít hơn. Lão áp đặt cho họ cuốn sách thánh của riêng mình, trong đó lão phong cho ta là hình ảnh của Chúa, hiện thân trên Trái Đất, lão là ‘cánh cổng’ dẫn tới hình ảnh đó, và họ bị cấm diện kiến ta. Vì thế khi họ tình cờ gặp ta trong hành lang hay trên cầu thang, họ phải vội vã cúi mình và lấy tay che mặt trong nỗi thất đảm kinh hoàng.”

“Pháp Sư cảm thấy bất an với những diễn tiến này và cho rằng chuyện sẽ không kết thúc ổn thỏa, vì giờ bọn ta đã trở nên dễ nhận thấy hơn.

” ‘Ngài có thể sẽ không chết nếu tòa nhà bị nã pháo, nhưng chúng tôi sẽ thịt nát xương tan mất,’ lão bảo ta. Lão nhìn Nhà Ngụ Biện để được xác nhận, nhưng Nhà Ngụ Biện vẫn giữ im lặng. Vài phút sau, khi Pháp Sư vào phòng vệ sinh, Nhà Ngụ Biện tới chỗ ta và nói, ‘Ông ta ghen tị đấy. Ông ta muốn giữ ngài dưới sự kiểm soát của mình. Xin đừng để tâm tới lời ông ta nói.’

“Nhà Ngụ Biện không ưa gì Pháp Sư, và ta xem những gì hắn nói là nỗ lực giành lấy sự sùng tín của ta và chiếm chỗ Pháp Sư. Hắn không vui với sự chính xác tuyệt đối mà Pháp Sư thể hiện, nhất là khi liên quan tới lịch trình và tuyến đường ta đi, vốn luôn chuẩn chỉnh và an toàn.

“Kẻ Thù không phải lúc nào cũng có mặt. Y đi vắng một thời gian dài và rồi xuất hiện trở lại. Trong chuyến thăm lần trước, y mang đến thiết bị không dây, điện thoại di động và một hệ thống an ninh bao gồm các camera trên ban công và màn hình theo dõi.

“Đó là dịch vụ cuối cùng mà Kẻ Thù cung cấp cho ta, và ta không bao giờ gặp lại y nữa. Mấy ngày sau đó y gọi cho ta. Nghe giọng y có vẻ lo lắng và y bảo rằng vỏ bọc của mình đã bị lộ. Có một cuộc đi điều tra nội bộ đang được tiến hành trong sở để dò theo những hoạt động gần nhất của y,

và người Mỹ cũng đã cho gọi y. Có vẻ như y sẽ bị buộc tội cấu kết với các nhóm khủng bố hoặc tương tự thế.

“Sau đó y biến mất. Khi bọn ta gọi lại cho y theo số y gọi đến, thì điện thoại đã không còn hoạt động nữa.”

5

“Ta biết mọi chuyện không diễn ra theo cách ta mong đợi. Vì thế ta đề nghị những ai đang nghe bản ghi âm này giúp ta bằng cách không cản trở công việc của ta cho đến khi ta hoàn thành và rời bỏ thế giới này của các người. Ta đã ở đây quá lâu rồi. Trước ta đã có nhiều người tiến hành nhiệm vụ này, thực hiện nhiệm vụ của họ trong những thời điểm khó khăn, rồi ra đi. Ta không muốn có khác biệt gì với họ.

“Ta rất cẩn thận với những miếng thịt được dùng để sửa chữa cơ thể ta. Ta đảm bảo các phụ tá không mang bất cứ miếng thịt phi pháp nào về - nói cách khác, thịt của những tên tội phạm - nhưng làm sao biết ai có tội ở mức độ nào chứ? Đó là câu hỏi mà một ngày kia Pháp Sư đã khơi lên.

“ ‘Mỗi chúng ta đều có một phần phạm tội,’ Pháp Sư vừa nói vừa hút tàu shisha lão tự làm lấy cho mình. ‘Ai đó không may dính án tử từ trên trời rơi xuống có thể ngày hôm nay là vô tội, nhưng biết đâu mười năm trước lại là kẻ có tội, khi anh ta đuổi vợ mình ra đường, hoặc đưa mẹ già vào nhà dưỡng lão, hay cắt điện nước một ngôi nhà có trẻ con ốm mà vì thế khiến nó chết, vân vân.’

“Như thường lệ, Nhà Ngục Biện lại phản ứng tiêu cực với những gì Pháp Sư nói. Một hôm cuối ngày, ta lên mái nhà để xác minh một báo cáo về việc người Mỹ rút khỏi khu vực này. Ta phát hiện ra Pháp Sư đi theo mình. Đứng trước mặt ta, với vẻ mặt nghiêm trọng, hắn nói, ‘Xin đừng tin

những gì Pháp Sư nói. Ông ta nói cho chính mình thôi. Mười năm trước ông ta đã giết người, đuổi vợ cùng mẹ già ra khỏi nhà và giết đứa trẻ. Ông ta chính là tội phạm.’

“Ta quay đi, cần chiếc kính viễn vọng mà Kẻ Thù đã mang cho ta trong chuyến thăm lần trước, và bắt đầu nhìn về những con phố xa tít đằng kia, nơi người Mỹ từng bố trí những chiếc xe tăng Abrams. Xe tăng không còn nữa, cả những doanh trại dã chiến, bất quan sát trên những tòa nhà cao tầng và trạm kiểm soát trên những con đường phụ. Họ đã rút đi hoàn toàn, như ta đã được báo, và chuyện này thật kỳ lạ.

“Ta quay sang Nhà Ngụy Biện nói, ‘Người không phải bận tâm. Thôi nghĩ về Pháp Sư đi. Chẳng phải ta đã mang theo khẩu súng lục trong nhiệm vụ lần trước, theo chủ ý của người đó sao?’

” ‘Vâng.’

” ‘Thế thì ngậm miệng lại và đừng bao giờ nhắc lại chuyện này nữa.’

“Ta quay lại soi kính viễn vọng, nhưng tâm trí thì ở tận đâu đâu. Ta thật sự nghi ngờ rằng trong đợt khâu vá cho ta lần trước, họ đã dùng những bộ phận cơ thể của một tên tội phạm. Có lẽ họ đã dùng các phần thân thể của một tên khủng bố mà không hề hay biết. Có lẽ vì thế mà tâm trạng ta không tốt và cứ cảm thấy bối rối hoang mang. Ta nhìn ra các con phố và mái nhà cho tới khi mọi thứ bắt đầu nhòa đi, tầm nhìn của ta bị che mờ bởi một lớp màng màu sữa sáng chói. Ta đặt kính viễn vọng xuống và bảo Nhà Ngụy Biện theo ta xuống lầu.

“Một tiếng sau ta phục hồi được thị lực. Ta lo rằng mắt ta đã hỏng và cần phải thay thế. Nhưng ta không còn tin tưởng các bộ phận mà đám phụ tá mang đến nữa. Đường phố đầy rẫy xác người, những cái xác mới cứ chằng chịt mỗi tối, hầu như tất cả bọn họ là tội phạm giao tranh với nhau.

“Khi ta có cơ hội nói chuyện riêng với Pháp Sư, lão nói với về dứt khoát rằng phân nửa cơ thể ta giờ được tạo nên từ các bộ phận của những tên tội phạm.

” ‘Sao lại thế được?’ ta hỏi lão, trong lúc lão đồ đầy một bát shisha khác và rít sâu một hơi qua cái ống để lớp than sáng rực lên. Lão nhả khói ra và nhìn ta về phía mai. ‘Cơ thể của vị thánh có thực sự linh thiêng không?’ lão hỏi.

” ‘Ý người là gì?’ ta vặn.

” ‘Nếu anh ta sở hữu vũ khí, thì anh ta là tội phạm,’ lão đáp, hít thêm một hơi từ ống hút. Ta chợt nhận ra Nhà Ngụy Biện đang đứng ngoài cửa, nghe bọn ta thảo luận. Ta đang trong tâm thế sẵn sàng cho nhiệm vụ mới tối hôm đó và không định để họ lặp lại một cuộc tranh cãi vô ích, vì thế ta đứng lên bảo Nhà Ngụy Biện giúp ta chuẩn bị. Nhiệm vụ mới liên quan đến một thủ lĩnh dân quân sống trong khu tầng lớp lao động ở phía Đông thành phố. Lấy ra mấy bộ quần áo nom giống đồng phục dân quân, Nhà Ngụy Biện để ta ngồi xuống ghế trước bàn trang điểm rồi bắt đầu thoa lớp hóa trang để hợp với danh tính mới của ta. Nhưng hắn không quên những gì nghe được từ miệng Pháp Sư, và bắt đầu phản ứng khi khua tay khắp mặt ta.

” ‘Ông ta thuyết phục ngài tin rằng giờ nửa cơ thể ngài là tội phạm,’ hắn nói, ‘rằng nửa phần da thịt của ngài là của bọn tội phạm. Ngày mai ông ta sẽ nói với ngài rằng ba phần tư cơ thể ngài là tội phạm, còn ngày một ngài sẽ thức dậy và phát hiện ra mình đã trở thành tội phạm hoàn toàn. Nhưng ngài không phải là tội phạm bình thường. Ngài sẽ trở thành siêu tội phạm, vì ngài được tạo nên từ những tên tội phạm, cả đồng tội phạm. Ha!’

“Hắn nói không ngừng cho tới tận lúc ta đi, để lại hắn trong cơn tức giận bùng bùng vì ta không đáp lại.

Thật không may, giờ bọn ta là kẻ thù rồi.

“Chỉ trong khoảng thời gian ngắn trước đó, những thay đổi vô cùng quan trọng đã diễn ra bên ngoài tòa nhà. Một phần trong lời tiên tri của Pháp Sư đã bắt đầu ứng nghiệm. Số tín đồ do ba kẻ khủng khiếp chiêu mộ tăng nhiều đến nỗi những căn phòng họ chiếm cứ giờ không còn đủ chỗ chứa nữa. Người quá đông cũng làm nảy sinh nhu cầu hậu cần liên quan đến đồ ăn thức uống, chỗ ngủ; ta không biết làm thế nào họ quản được những chuyện đó.

“Sau mấy trận cãi nhau giữa ba kẻ khủng cùng các tín đồ, họ quyết định mở rộng căn cứ sang những tòa nhà khác, để lại vài lính gác dưới tầng trệt tòa nhà nơi ta sống và chuyển sang những tòa liền kề. Tối hôm đó ta ngạc nhiên thấy nhiều tay súng trẻ cúi mình trước ta trên phố. Tất cả bọn họ đều tin rằng ta là bộ mặt của Chúa trên Trái Đất, theo lời dạy của lão khủng già nhất, kẻ vấn khăn turban màu cam, để râu dài, và đã trở thành nhà tiên tri của một tôn giáo mới cả về thực chất lẫn hình tượng. Chuyện tương tự cũng xảy ra với lão khủng già hơn, nhưng tín đồ của lão này trông nhợt nhạt và ít ồn ào hơn. Hai nhóm tổ nhau là làm trò lang băm và nói nhảm. Còn đối với các tín đồ của thằng khủng, những công dân Iraq, hiện có hơn một trăm năm mươi người, họ đang tích tham gia vào những cuộc bầu cử sắp tới.

“Đêm đó ta đã giết tay thủ lĩnh dân quân và mười lăm kẻ bảo vệ hắn. Theo lời khuyên của Nhà Ngụ Biện, ta dùng khẩu súng lục vì những cách giết chóc khác thường khác mà ta từng dùng khi bắt đầu chiến dịch không còn hiệu quả nữa. Ta để cái xác khổng lồ của tay thủ lĩnh dân quân lại trong vườn nhà hắn, ruột hắn toàn đạn chì, trong khi mẹ, vợ và các chị hắn vây quanh trong những bộ đồ đen, đấm ngực và tự tát mình trong đau đớn thống khổ.

“Dùng một trong những chiếc xe của tay thủ lĩnh dân quân, ta trở lại Dora, và nghe thấy tiếng súng khi tới gần căn cứ của bọn ta. Không có người Mỹ và quân đội Iraq, đám dân quân đang chiến đấu để giành lãnh thổ. Ta bỏ lại xe và đi về qua những cái lỗ trên tường, theo lộ trình mà Pháp Sư đưa cho.

“Trong lúc ấy, mắt ta lại mờ đi. Ta dựa vào tường, ở yên như thế vài phút, rồi chùi mắt và cảm thấy mắt phải của mình đã biến thành thứ gì đó như bột nhào. Ta nhẹ nhàng di nó, nó liên chuyển động cùng tay ta. Thế rồi cả con mắt phôi ra, như một cục u đen sì, ta bèn ném nó sang bên. Ta lo rằng chuyện tương tự có thể xảy ra với mắt trái và ta sẽ mù hoàn toàn. Ngồi bên tường, ta nghe tiếng súng nổ vọng lại từ mọi hướng. Cuối cùng ánh sáng cũng trở lại với bên mắt trái. Ta hé mắt nhìn ngược xuôi con đường qua một cái lỗ lớn mà đạn pháo tạo ra trên tường, thì thấy có thứ gì đó màu đen đang tiến lại gần ta từ phía xa. Đường nét dần trở nên rõ ràng hơn: đó là một người đàn ông. Chút ánh sáng rơi lên mặt kẻ đó, và ta còn thấy ông ta rõ hơn. Ông ta khoảng sáu mươi tuổi, béo, bụng phệ, mặc quần vải thô dệt chéo và áo sơ mi ngắn tay, cần theo mấy cái túi màu đen. Sau đó ta mới phát hiện ra một túi đựng bánh mì còn túi kia đựng hoa quả. Việc ông ta xuất hiện ở đây thật kỳ lạ. Có lẽ ông ta đi nhầm đường. Ông ta từ đâu đến, và định đi đâu?

“Nhìn theo, ta thấy ông ta rẽ vào một con đường phụ. Ông ta đang hướng thẳng đến tòa nhà ta sống. Đạn pháo nghe có vẻ to hơn từ hướng đó. Có phải đám dân quân đã bao vây doanh trại mà ba kẻ khủng dưng nên không?

“Ta đi theo người đàn ông, giữ khoảng cách đủ xa để ông ta không phát hiện ra. Ta nhớ lời Pháp Sư từng nói về chuyện ai cũng là tội phạm theo một mức độ nào đó và Nhà Ngụy Biện phản đối quan điểm này. Ta không

quên lấy một giây rằng ta sắp mù, có lẽ còn trước cả khi về đến khu vực quanh tòa nhà.

“Ông béo cứ đi chừng hai ba bước lại dừng lại, nhìn quanh sợ sệt. Ông ta nom như thể đã khóc hoặc sắp khóc tới nơi. Ta muốn đến gần ông ta mà hỏi sao ông ta lại đi đường này, nhưng ta không tập trung nổi, mọi thứ trong đầu ta đang loạn lên. Người đàn ông lại dừng bước lắng nghe tiếng đạn từ tầng trên của những tòa nhà xung quanh dội xuống. Ông ta chôn chân tại chỗ, và ta không thể làm gì khác ngoài dừng lại theo, cách ông ta khoảng hai chục mét. Nếu quay lại, ông ta hẳn sẽ thấy ta. Mắt trái của ta bắt đầu mờ trở lại, và ta cảm thấy nó sắp chảy xuống mặt mình như bột nở. Ta giờ súng lên nhắm vào ông già vô tội. Chắc chắn là ông ta vô tội, không phải một trong những người mà ba kẻ khủng mang tới để thay thế cho các bộ phận cơ thể ta và giữ cho ta sống.

“Ta bắn một viên đạn từ khẩu súng lục, ngay khi bắt đầu mất hết cảm giác nơi mắt trái. Ta không nghe thấy gì sau đó nữa - tiếng đạn giữa các nhóm đối lập đã ngừng, cũng không có tiếng bước chân hay tiếng khóc hoặc thậm chí là tiếng thở. Giờ đã mù, ta bước những bước thận trọng về phía trước cho đến khi chạm giày vào thứ gì đó. Cúi xuống, ta sờ rầm cái xác còn ấm của ông già sợ hãi. Viên đạn găm thẳng vào sọ ông ta. Ông ta hẳn đã nghĩ cái chết có thể ập xuống từ tầng trên các tòa nhà hoặc từ đầu những con phố trước mặt, nhưng nó lại đến từ phía sau.

“Ta lấy một con dao nhỏ ra và xử lý nhanh chóng. Giờ thì Pháp Sư sẽ nói gì? Đó là đôi mắt từ cơ thể một nạn nhân vô tội. Tỷ lệ các bộ phận tội phạm trên cơ thể ta sẽ không tăng lên nữa. Nhưng ta biết nói gì với lão đây? Để đền đáp cho nạn nhân này thì ta nên giáng sự trả thù vào ai đây?

“Nhà Nguy Biện sẽ nói ta đã nhận ra tầm nhìn của Pháp Sư và trở thành một tên tội phạm giết người vô tội. Hẳn sẽ nói Pháp Sư đã đẩy ta đi theo hướng đó với sự trợ giúp của djinn mà lão đã viện đến để chi phối suy nghĩ

của ta. Còn Pháp Sư sẽ nói năng bình tĩnh hơn, giải thích rằng ta chỉ đáp lại những thôi thúc của các bộ phận cơ thể tội phạm, và rằng, để thoát khỏi con đường đáng sợ đó, ta phải vứt bỏ hết những phần thịt ô danh ấy. Họ sẽ tranh cãi, và bọn ta sẽ không đi tới kết luận nào cả, như những ý nghĩ xung đột trong đầu ta lúc bấy giờ.

“Ta cố lấp đôi mắt mới vào và nhìn thấy trở lại.

Thấy xác của ông già vô tội, ta nảy ra một ý tưởng và bám chặt vào ý tưởng đó - nó giống như sự thật mà ta tìm kiếm bấy lâu. Ông già này là con cừu hiến tế mà Chúa đã đặt vào con đường của ta. Ông ta là Người Đàn Ông Vô Tội Sẽ Chết Tối Nay. Vậy thôi. Đằng nào thì vài phút nữa, hoặc cùng lắm nửa tiếng nữa ông ta chẳng chết. Đạn từ đám phiến quân sẽ bắn trúng ông ta, và ông ta sẽ chết ngay tại chỗ. Xác ông ta sẽ bị lẫn với xác của một trong những tên tội phạm và không ai trong ba kẻ khủng hoặc các tín đồ của họ có thể tìm ra.

“Vậy nên tất cả những gì ta đã làm là đẩy nhanh cái chết của ông ta. Tất cả những người vô tội khác đi vào con phố tan hoang này cũng sẽ chết thôi.

“Mắt ta cần được khâu lại để cố định tại chỗ. Các tín đồ sẽ làm việc đó khi ta quay trở về căn cứ, nhưng cho đến lúc đó ta phải cẩn thận không được nhìn xuống dưới. Vì thế ta lấy kính của ông già, tìm thấy trong túi trên áo sơ mi, và đeo vào để giữ mắt phòng khi nó long ra.

“Ta đi vào con đường dẫn tới bức tường túi cát được tín đồ của ba kẻ khủng dựng lên quanh các tòa nhà họ chiếm đóng làm doanh trại. Đầu ta quay cuồn cuộn những suy nghĩ mâu thuẫn, nhưng ta bám chặt lấy ý nghĩ rằng ta chỉ đẩy nhanh cái chết của ông già. Ta không phải kẻ giết người: ta chỉ hái quả của thần chết trước khi nó rơi xuống đất mà thôi.

“Tiếng giao tranh đã ngừng hẳn, nhưng nhận định trước đó của ta hóa ra lại nhầm. Không phải là đám dân quân giao tranh do người Mỹ và quân đội

Iraq đã rời khỏi khu vực. Chính tin đồn của ba kẻ khủng đã châm mồi lửa thù địch tối hôm đó. Ta không hề mong muốn chuyện này xảy ra, nhưng Pháp Sư đã tiên đoán bất đồng sẽ bùng nổ khi người ngoài gia nhập vào nhóm sáu tin đồn đầu tiên.

“Ta không có cơ hội tìm hiểu thêm từ Pháp Sư hay nói chuyện với lão vệt tiên đoán của lão. Lão nằm trên chõng đá trước tòa nhà ta sống. Có một lỗ đạn ở giữa trán lão.

“Ta lên căn hộ của mình trên tầng ba; không có ai ở đó. Nhìn tình trạng đồ đạc là biết ở đây vừa xảy ra giao tranh. Khi nhìn từ ban công ra ngoài, ta thấy xác của Pháp Sư nằm ngay dưới. Chắc hẳn lão đã bị đẩy khỏi ban công sau khi bị bắn. Linh cảm mách bảo ta rằng chỉ có Nhà Ngụy Biện mới dám làm chuyện đó. Nhưng hắn đâu rồi?”

“Sáng hôm sau ta ra ngoài xem xét xung quanh. Xác người ở khắp mọi nơi - trên phố, trên vỉa hè, có xác dựa vào tường, xác rũ xuống khỏi ban công hay chắt chõng trên lối vào các phòng hay căn hộ. Chỉ có thằng khủng quanh quần gầy đó, nom như đã hoàn toàn mất trí. Ta đưa nó lên căn hộ trên tầng ba và hỏi nó. Có vẻ những kẻ sống sót khỏi cuộc thảm sát đã bỏ chạy rồi, nhiều kẻ không bao giờ quay lại nữa. Lão khủng già hơn và lão khủng già nhất đã bị giết. Nhà Ngụy Biện giết Pháp Sư rồi bỏ trốn.

“Thằng khủng trông nhợt nhạt và nói năng chậm rề, như thể bị mất ý thức. Khi ta nhìn nó bằng đôi mắt vô tội lấy từ ông già, nó trông giống như một tên tội phạm chính cống vậy. Nó đã sống sót khỏi màn giết chóc vì nó giết nhiều người hơn và phạm tội nhiều hơn kẻ khác.”

“Pin sắp hết rồi thưa ngài.”

“Phải, ta biết.”

“Đó là cục pin cuối cùng ta có. Pin trong túi hết cả rồi.”

“Ta biết. Ta không cần thêm pin nữa. Ta ghi âm xong rồi.”

“Ghi âm xong rồi ư? Vậy giờ ngài sẽ làm gì?”

“Chỉ còn một việc thôi... việc này.”

“Không, thưa ngài. Không, thưa chủ nhân. Tôi là nô lệ và đầy tớ của ngài. Tại sao ngài lại làm thế? Không, thưa ngài. Tôi là nô lệ của ngài, nô... lệ.”

“A lô, a lô, a lô. Được rồi.”

“Khỉ thật, ta KHÔNG CÒN THỜI GIAN NỮA RỒI. Mà đã làm lãng phí quá nhiều thời gian, chết tiệt!”

Chương mười một

CUỘC ĐIỀU TRA

1

Đây là lần thứ hai hoặc ba gì đó Mahmoud nghe bản ghi âm của Vô Danh. Anh không thể vượt qua cú sốc của câu chuyện hoặc giọng nói nhẹ nhàng, đi đến tận tận kể lại những gì đã xảy ra. Anh mở chiếc laptop tổng biên tập đưa cho, chép file âm thanh từ máy ghi âm Panasonic vào. Rồi anh lưu một bản vào ổ USB và nhét ổ USB vào túi chiếc quần vắt trên ghế cạnh anh. Quay lại chiếc giường êm ái trong căn phòng trên tầng hai khách sạn Dilshad, anh đầu hàng trước tiếng u u khe khẽ từ ngoài vọng vào khi chiều ngả dần sang tối và cái nóng tháng Tám đã dịu đi.

Lại thiu thiu, anh suy nghĩ chút nữa đã ngủ lịm thì điện thoại reo. Anh bắt máy và nghe thấy giọng của Hammu, người đàn ông béo tốt làm việc cả ngày ở quầy lễ tân.

“Thưa anh, có mấy người hỏi tìm anh, mấy vị khách,” anh ta nói. Mahmoud mặc đồ rồi đi xuống những bậc thang lót thảm xanh lục. Anh thấy bụng réo ồng ọc: anh ăn sáng muộn và đến giờ vẫn chưa ăn trưa.

Khách là bốn người vận thường phục. Anh nghĩ mình nhận ra một trong số họ: một người đàn ông trẻ tuổi mặc sơ mi hồng nổi bật, tóc cắt ngắn đến nỗi không còn gì để nắm nữa. Người này kéo anh sang một bên. “Chuẩn tướng Majid muốn gặp anh,” anh ta thấp giọng.

“Tại sao? Có chuyện gì à?” Mahmoud hỏi.

“Tôi không biết. Ông ấy nói hai người là bạn, và ông ấy muốn gặp anh gấp.”

“Được rồi,” Mahmoud đáp, nhìn về phía quầy lễ tân, nơi Hammu béo tốt đang cặm điều khiến từ xa chuyển hết kênh này đến kênh khác, không màng tới chuyện xung quanh. Mahmoud tính gọi cho Saidi xem ông có biết gì không nhưng nhận ra mình đã để điện thoại trên phòng, cùng với thẻ căn cước và tiền.

“Tôi chạy lên gác lấy thẻ căn cước với ít tiền đã,” anh nói.

“Không cần đâu. Chúng tôi sẽ đưa anh về ngay,” người đầu cắt ngắn nói, với vẻ cứng rắn và kiên quyết khiến Mahmoud cảm thấy lo lắng. Nếu anh không hợp tác, có lẽ người này sẽ nện anh mất. Anh gõ chìa khóa với chiếc thẻ đồng năng nặng lên quầy lễ tân. Hammu giờ mới để ý.

“Tôi đi đây,” Mahmoud nói. Anh nói với giọng run run, cố truyền tải nỗi lo lắng và khắc ghi khoảnh khắc này vào trí nhớ người lễ tân. Nhưng khuôn mặt của Hammu chẳng bộc lộ cảm xúc gì, như thể Mahmoud không tồn tại vậy. Nếu có chuyện gì xấu xảy ra với Mahmoud và Hammu bị thẩm vấn, chắc anh ta cũng chẳng nhớ gì sất.

Cùng bốn người đàn ông trẻ tuổi, Mahmoud bước lên chiếc xe tải GMC mới với cửa kính màu và đi dọc vỉa những con phố mà anh và Saidi từng qua trong chuyến đi đen đủi tới thăm người bạn ấu thơ bí ẩn của Saidi. Máy quay đĩa CD đang phát bài *The Orange*, bài hát cứ khơi lên những cảm xúc lẫn lộn trong lòng Mahmoud đang càng lúc càng bất an sợ hãi. Anh nhận thấy chiếc xe mang biển chính phủ, nhưng thế không đủ làm anh yên tâm - bởi anh biết có đầy vụ bắt cóc được tiến hành bằng xe chính phủ. Nhìn bốn người đàn ông, anh cố đoán gốc gác xã hội của họ. Anh biết những việc như thế này thời nay được áp dụng khá nhiều, rằng trong nhiều

trường hợp, chúng quyết định diễn biến sự việc, cũng như số phận của người bị bắt cóc.

Máy quay đĩa phát đi phát lại bài *The Orange*, một người trong nhóm gõ gõ ngón tay theo giai điệu. Cuối cùng chiếc xe cũng đến trụ sở Cục Theo dấu và Truy nã, nơi Mahmoud từng ghé thăm trước đó.

Mahmoud được đưa vào văn phòng của chuẩn tướng Majid, ông đang ngồi trên chiếc ghế cỡ đại với điều khiển xì gà to đùng chưa châm trên miệng, bắt chéo mắt cá chân trên chiếc bàn lớn. Mahmoud ngửi thấy mùi táo thơm đậm khi chuẩn tướng đứng lên khỏi ghế và, không bỏ điều khiển xì gà khỏi miệng, đón chào anh, mời anh ngồi xuống. Rồi một người đàn ông trẻ tuổi lực lưỡng bước vào, đặt hai tách trà nhạt lên chiếc bàn giữa họ, rồi đi ra.

Chuẩn tướng Majid bảo Mahmoud ông đã cai thuốc nhiều năm nay nhưng dạo này lại nhớ xì gà. Ông từng hút xì gà quá độ cho đến khi bác sĩ bảo ông bỏ. Nhưng cuộc sống vẫn tiếp diễn tốt đẹp.

“Mùi thuốc lá vẫn đỡ hơn mùi khói nhĩ,” chuẩn tướng nói.

Mahmoud đồng ý, nhận thấy cảm xúc của mình đã thay đổi trong khoảng nửa tiếng đồng hồ từ lúc anh rời khỏi khách sạn Dilshad. Nhạc bài *The Orange* vẫn văng vẳng trong tai anh, và giờ anh ở đây - nhìn vào khuôn mặt chuẩn tướng Majid, nom vẫn đủ thân thiện, ngửi mùi táo, và nếm vị chất đắng đắng của món trà nhạt trước khi nó trôi thẳng xuống cái dạ dày đang réo òng ọc.

Toàn bộ cuộc trò chuyện trong văn phòng đó khiến Mahmoud bất ngờ. Chuẩn tướng Majid không phải bạn anh. Sự trung thành của ông là dành cho chính phủ, và việc ông là bạn thuở nhỏ của Saidi chẳng có nghĩa lý gì. Mahmoud nhận ra tại sao Saidi lại giễu cợt chuẩn tướng Majid. Anh biết rõ người đàn ông này và những người như ông ta. Người đàn ông này không ngần ngại dùng vũ lực để phục vụ giới cầm quyền, cho dù đó là Saddam

Hussein, người Mỹ hay chính phủ mới. Chuẩn tướng Majid đã phục vụ và sẽ phục vụ tất cả.

Chuẩn tướng có thể hỏi thẳng Mahmoud về thông tin ông muốn biết, vì Mahmoud không phải tội phạm và không ôm mối thù địch với ông hay chính phủ hoặc chế độ mà ông đại diện. Nhưng ông muốn dọa cho Mahmoud sợ, đe nẹt anh. Ông muốn bẻ gãy sự tự tin của Mahmoud để anh tự nguyện tiết lộ thông tin mà ông muốn. Đó là một phương thức dễ tiện thích hợp áp dụng với lũ tội phạm hơn là với đồng nghiệp của người bạn thuở nhỏ đã từng uống trà với mình. Trà ngọt, sẫm màu, thật, không phải loại trà bí ẩn như ở cuộc gặp này.

“Không phải trà đâu,” chuẩn tướng Majid nói. “Đó là hỗn hợp thảo dược đấy, với lá lưởi bò, lá lưởi chim sẻ, lá lưởi lợn và nhiều loại lá lưởi khác. Tôi gọi nó là ‘cạy lưởi’ vì nó khiến người uống phải nói ra bí mật của mình. Cậu có thể thấy là tôi đã uống với cậu, đó là bởi tôi cảm thấy ngại vì chúng ta là bằng hữu, và tôi phải vượt qua đi đầu đó để làm công việc của mình mà đặt ra những câu hỏi cốt yếu.”

Mahmoud cứng họng. Người này đang nói gì vậy? Ông ta thực sự nghĩ họ là bạn sao? Ông ta có ý gì khi nói đến lá lưởi bò và tiết lộ bí mật? Và ông ta đã cho thứ gì vào món trà nhạt kia, Mahmoud tự hỏi.

2

Chuẩn tướng Majid thực sự đã tiết lộ một vài bí mật. Ông đã liên lạc với các nguồn tin của mình trong dịch vụ an ninh và có được thông tin về Mahmoud. Ông dễ dàng có được số đăng ký của một đơn khiếu nại Mahmoud khoảng một năm trước tại Sở Cảnh sát Balda ở Amara. Nguyên đơn là một người đàn ông có thể lực trong tình.

Mahmoud ngạc nhiên khi nghe thấy đi đầu này. Anh cảm thấy chuyển thăm và màn hỏi cung càng lúc càng trở nên bí ẩn. Nhưng chuẩn tướng Majid có vẻ không biết gì hơn để làm rõ thêm các chi tiết trong bí mật của Mahmoud, đi đầu mà mọi người vốn không hay biết, ngoài tay bạn phó nháy của anh, Hazem Abboud.

Đơn khiếu nại buộc tội Mahmoud kích động giết người, với phương tiện kích động là bài báo mà Mahmoud đã viết trên *Sada al-Ahwar*, tờ báo địa phương nơi anh từng làm việc. Đó là tất cả những gì chuẩn tướng Majid biết, và Mahmoud không muốn ông biết thêm gì hơn. Anh sẽ cố hết sức để đảm bảo món “cạy lưỡi” mà anh nhớ uống phải không phát huy tác dụng.

Chuẩn tướng Majid nêu ra thêm những vụ khác cách đây một năm không dẫn đến bất cứ thủ tục tố tụng nào cho Mahmoud, nhưng ông không đổ nhiều thời gian vào những việc đó. Ông quay ngoắt đi lấy tờ *al-Haqiqa* số mới nhất khỏi chõng hồ sơ. Ông ve vẩy nó về phía Mahmoud, bậm môi như thể nói, “Đây là thứ chúng ta đang thực sự bàn tới ở đây. Tất cả những cái lúc trước chỉ là màn hỏi cung vô nghĩa để làm lung lay sự tự tin của cậu thôi. Giờ cậu sẽ phải cho tôi vài câu trả lời đấy.”

“Ra đây là câu chuyện kỳ lạ đó?” chuẩn tướng hỏi.

“Thế thì sao ạ?”

“Ai là người kể câu chuyện đó?”

“Là một gã bán đồ đồng nát trong khu. Tưởng tượng thôi. Tổng biên tập thích và bảo tôi viết ra.”

“Tưởng tượng? Hừmmm,” chuẩn tướng thì thầm. Rồi ông bắt đầu lướt qua tờ tạp chí, trong khi hỏi Mahmoud cả tràng câu hỏi. Mahmoud trả lời bình tĩnh tự tin. Chuẩn tướng không muốn lộ ra bất cứ bí mật nào. Ông không muốn cho Mahmoud biết rằng Vô Danh mà anh viết - quái vật

Frankenstein trong bài báo của anh - không phải tưởng tượng mà là một người bằng xương bằng thịt, hoặc rằng suốt mấy tháng qua ông đã dành hầu hết thời gian của mình tìm cách tóm hẩn, hoặc rằng cuộc sống riêng tư và tương lai nghề nghiệp của ông đang phụ thuộc vào gã đàn ông kỳ dị này, hoặc rằng ông đang cố xua tan bức màn bí ẩn mà gã đàn ông đó đang giăng quanh hẩn, hoặc rằng ông đã thề tóm hẩn bằng chính đôi tay mình và đưa hẩn lên ti vi để cả thế giới thấy hẩn chỉ là một kẻ thấp hèn, đáng khinh, vô dụng không hơn, kẻ đã biến mình thành bí ẩn bằng cách tận dụng sự ngu muội và sợ hãi của mọi người cùng mớ hỗn loạn bao quanh họ.

“Tay bán đồ cũ ấy có ở khu vực này không?” chuẩn tướng hỏi.

“Có, ông ta sống trên đường 7 ở Bataween. Nhà ông ta đồ nát lắm rồi. Người ta gọi nó là đồng đồ nát Do Thái; ông không thể nào không tìm thấy được. Ông sẽ nhận ra nó ngay lập tức.”

“Được rồi, được rồi.”

Mahmoud tiếp tục nói thản nhiên. Anh có thể thấy tiêu điểm đã chuyển từ anh sang người đàn ông bí ẩn. Hy vọng có thể giành lại tình bằng hữu của chuẩn tướng và phục hồi sự tự tin, anh cho tay vào túi quần lấy ra chiếc máy ghi âm Panasonic đưa cho chuẩn tướng.

“Ông sẽ tìm thấy mọi thứ mà Vô Danh đã lưu trong cái này,” anh nói.

Chuẩn tướng gọi thanh niên lực lưỡng mang trà vào lúc này và bảo anh ta sao lại một bản. Mười phút sau, người thanh niên quay trở lại trả máy ghi âm cho chuẩn tướng, ông buộc nó bằng sợi dây bện rồi dùng đưa qua lại một lúc, vẻ sao nhãng thờ ơ.

Chuẩn tướng không nói gì thêm để trả lời những câu hỏi đang quay mòng mòng trong đầu Mahmoud. Chính chuẩn tướng là người đã đặt ra tất cả những câu hỏi đó, thế nên Mahmoud chẳng hiểu gì sất. Mahmoud bắt đầu mất hứng với mỗi ám ảnh của người hỏi cung dành cho Vô Danh, và

anh thậm chí còn chẳng quan tâm đến số phận tay buôn đồ cũ mà anh vừa lôi vào. Anh chỉ muốn thoát ra khỏi cái văn phòng lạ lẫm này. Kể cả khi chuẩn tướng đổi đề tài mà nói về những vấn đề ở tòa soạn, tình hình chung trên phố, vân vân, thì xem ra cũng chẳng cải thiện được động lực giữa họ, dẫu cho có vẻ như chuẩn tướng cũng quan tâm đến việc sửa chữa tai hại mà mình gây ra nửa tiếng trước đó.

Chuẩn tướng là một gã quý quyết, Mahmoud nghĩ, không thể nào tin tưởng ông ta nữa. Anh hy vọng cuộc gặp này, cái cuộc gặp khiến dạ dày anh chua loét, sẽ là lần cuối cùng của họ.

Chuẩn tướng đứng lên, nhắc đuôi điếu xì gà khỏi bàn, vân vê, rồi cho vào miệng. Ông ra đằng sau chiếc bàn cỡ lớn, mở ngăn kéo, lấy ra một chiếc bật lửa bạc, mài mê châm xì gà, rồi rút sâu một hơi cho đến khi điếu xì gà đỏ lên và một làn khói dày bay ra khỏi miệng ông. Ông tiến vài bước về phía Mahmoud, anh này cho rằng cuộc gặp đã xong nên cũng đứng lên và nhận ra mình cao hơn chuẩn tướng. Anh cũng nhận thấy mắt của chuẩn tướng, lúc này nheo lại vì khói xì gà cay, có màu nâu nhạt, mang lại cho ông vẻ điển trai và khiến khuôn mặt ông có nét trưởng giả. Sánh vai nhau, họ tiến ra cửa.

“Tôi gặp may khi tôi là người hút thuốc,” chuẩn tướng nói, nhả ra một hơi khói. “Mọi chuyện tệ đi khi tôi bỏ thuốc. Giờ tôi thường xuyên rút vài hơi, chỉ để lấy lại vận may của mình.”

Đó là kiểu nói chuyện thân mật giữa những người bạn thân với nhau. Ít nhất đó là cảm giác mà chuẩn tướng Majid muốn để lại nơi Mahmoud, nghĩ đến những gì Mahmoud sẽ nói về cuộc gặp này với Saidi, người bạn thuở nhỏ của ông.

Họ đứng bên cửa, chiếc máy ghi âm ngừng đu đưa qua lại. Chuẩn tướng đưa nó cho Mahmoud. “Nhân tiện,” ông nói. “Tôi đùa cậu đấy. Chẳng có

cái gì gọi là cạy lưỡi cả. Đó chỉ là trà nhạt mà chúng tôi hòa tan một hợp chất hóa học ngừa đau tim thôi. Vì thi thoảng người ta lên cơn đau tim khi bị hỏi cung. Chúng tôi bảo vệ họ bằng thứ đồ uống này và bảo vệ chính mình khỏi bị buộc tội là nghi phạm giết người.”

Họ cười như những người bạn đích thực, và Mahmoud ra ngoài thấy bốn người đàn ông trẻ tuổi đang đợi mình. Trên đường về qua những con phố tối đen như mực, anh nghĩ về tất cả những gì đã diễn ra giữa mình và chuẩn tướng. Anh bất ngờ trước câu nói cuối cùng của chuẩn tướng, rằng ông thừa nhận họ đã đối xử với Mahmoud như một nghi phạm. Còn câu chuyện về món đồ uống ngừa đau tim, không nghi ngờ gì chỉ là một chuyện đùa dở ẹc khác mà thôi.

3

Những gì đọng lại trong lòng Mahmoud sau cuộc thẩm vấn với chuẩn tướng là nỗi lo lắng về vụ việc ở Sở Cảnh sát Balda tại Amara và đơn khiếu nại anh từ phía tên tội phạm mà Mahmoud gọi là Bộ Ngựa vì chiều cao bất thường của gã.

Anh trai của Bộ Ngựa cần đầu một băng đảng nhỏ chuyên quấy phá người dân cho đến khi bị bắt giam. Tin hắn bị bắt được nhiều người đón nhận hân hoan, trong đó có Mahmoud, sau đó anh đã viết một bài báo về việc cần thi hành luật với tên tội phạm này ra sao. Anh có ra vẽ triết lý một chút trong bài báo đó, nói rằng có ba loại công lý - công lý theo luật pháp, công lý thần thánh, và công lý đường phố - và dù bao lâu đi nữa sớm muộn gì lũ tội phạm cũng phải đối mặt với một trong ba công lý đó.

Bài báo đó ghi điểm cho Mahmoud vì lòng dũng cảm và vì đã khắc họa tư tưởng khai sáng của báo chí trong việc phục vụ lợi ích công chúng. Nói

chung thì anh không liêu tởm mức chỉ trích những tên tội phạm nhớn nhò ngoài vòng pháp luật, phòng khi một lúc nào đó anh thấy mình đối mặt với một khẩu súng lục, nhưng anh tự tin vào thủ tục tố tụng vì thế anh cho phép mình được tự do hành động. Tuy nhiên, hai ba ngày sau tên tội phạm được thả, và hấn lái chiếc xe bán tải quanh thị trấn để mừng được trắng án. Mahmoud choáng váng. Một ngày sau hai thằng đeo mặt nạ cưỡi xe máy, một thằng cầm lái một thằng cầm súng, tới nhà tên tội phạm. Khi tên tội phạm ra khỏi nhà, thằng cầm súng nhắm vào trán hấn. Tên tội phạm ăn một viên đạn và gục xuống giữa đám đồng bọn, trong khi hai kẻ đeo mặt nạ phóng xe tẩu thoát.

Tin này khiến Mahmoud rất vui. Anh nhanh chóng viết một bài báo mới, nhắc lại cái thuyết của mình về ba loại công lý và nói rằng lần này chính công lý đường phố đã được thực thi. Anh nộp bài báo, nhưng tổng biên tập, một người gốc gác cánh tả vốn nổi tiếng trong xã hội, đã xé nát nó và cho gọi Mahmoud.

“Cái thuyết của cậu chả có ích gì với tôi cả. Tôi đang tìm kiếm quảng cáo. Tôi muốn tờ báo thành công; còn cậu lại muốn chơi trò Tarzan,” tổng biên tập nói.

Mahmoud giận dữ. Anh lờ đi qua tiếng lại với tổng biên tập và đe dọa rời tòa soạn, nhưng tổng biên tập không nhượng bộ. Mấy ngày sau Mahmoud nghe được tin gì đó thuyết phục anh rời tòa soạn và ở nhà vài tháng.

Bộ Ngựa lên cầm đầu băng đảng sau khi anh trai gã bị giết, và tại lễ tưởng niệm, một thành viên băng đảng đã đưa cho Bộ Ngựa bài báo của Mahmoud được cắt ra.

Gia đình tên tội phạm ráo riết tìm kiếm bất kỳ dấu vết nào dẫn tới những kẻ giết người. Chẳng có hại gì, họ lý luận, khi buộc tội tay nhà báo đã kích động giết người, vì anh ta đã công khai kêu gọi mọi người cầm vũ

khí chống lại một người tốt đã giúp bảo vệ thành phố khỏi lũ trộm cắp khi mà cảnh sát, quân đội và các phương tiện hành pháp khác đều biến mất.

Ban đầu họ không biết Mahmoud là ai, nhưng chẳng bao lâu họ tìm ra cái tên bộ tộc gốc gác của anh rồi nơi anh sống và anh em chú bác của anh là ai. Vụ này nhanh chóng trở thành tranh cãi giữa hai nhà, phe Bộ Ngựa đòi tiền đền bù cho người bị giết và đưa ra vài lời đe dọa, nhưng về sau tranh cãi được giải quyết theo hướng làm hài lòng Mahmoud và gia đình anh. Trước mặt anh em chú bác, Mahmoud đã thề sẽ không bao giờ làm nhà báo trong cái tỉnh đó nữa. Nhưng tranh cãi không dừng lại ở đó, khi đảng đảng của Bộ Ngựa tiếp tục chuyển lời đe dọa của Bộ Ngựa, kẻ vẫn giữ bài báo của Mahmoud trong túi và ngồi trong quán cà phê nghiền ngẫm về ba dạng công lý. Mỗi lần như vậy gã sẽ lại lấy bài báo giờ đã rách bươm ra khỏi túi và đọc to đoạn trích về công lý thần thánh, công lý theo luật pháp và công lý đường phố. Vì cho rằng cái công lý theo luật pháp, trong vụ này qua tập tục bộ lạc, đã thất bại, nên gã sẽ tự mình thi hành công lý thần thánh với Mahmoud.

Sau này có lần bạn bè của Mahmoud kể với anh rằng Bộ Ngựa đã buộc tội anh là người đảng Ba'ath và nói rằng bố anh, một giáo viên Ả Rập là người vô thần. Mahmoud nấu trong nhà, sợ những gì thằng điên này có thể làm, cho đến khi bạn anh Farid Shawwaf gọi cho anh thông báo rằng có một công việc ở tòa soạn *al-Hadaf* tại Baghdad. Khi Mahmoud bàn về công việc này với các anh em, họ tin rằng đây là giải pháp lý tưởng - bởi có lẽ việc Mahmoud rời tỉnh Maysan sẽ giúp họ giải quyết vấn đề ôn hòa hơn và thuyết phục Bộ Ngựa bớt lời sỉ vả với gia đình Mahmoud.

Giờ đây Mahmoud nhớ lại tất cả những chi tiết đó với tâm trạng vô cùng miễn cưỡng, vì chúng làm lung lay sự tự tin của anh và nhắc anh nhớ rằng mình đã làm những việc ngu ngốc. Trong khi ở Baghdad, ít nhất là cho đến màn hỏi cung khó chịu trong văn phòng của chuẩn tướng Majid,

anh vẫn cảm thấy tự tin và đầy hy vọng: anh đang có được sức mạnh, đặc biệt với sự hỗ trợ của Saidi và những cánh cửa ông mở sẵn cho anh.

Mahmoud ra ngoài tới một nhà hàng gần đó ăn một bữa sáng ngon lành: kem đặc với bánh mì nóng và trà ngọt đặc. Anh nạp thêm tiền vào điện thoại bằng một thẻ điện thoại mới và gọi cho anh trai là Abdullah. Những tháng gần đây Mahmoud thì thoảng có gọi về để theo dõi tình trạng sức khỏe mẹ anh, nhưng anh chưa từng nhắc đến Bộ Ngựa: anh và các anh trai dường như có một thỏa thuận bất thành văn là né tránh chủ đề này. Mahmoud nghĩ rằng ba dạng công lý có thể đã hoàn thành công việc của mình và một lần nữa giải quyết vấn đề với Bộ Ngựa. Không hiểu sao một tên tội phạm như thế lại vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật.

Mahmoud nghe giọng anh trai trên đường dây, và họ nói chuyện chừng vài phút. Mahmoud bảo anh mình là anh định chuyển một phần lương cho một người đổi tiền ở chợ chính tại Amara. Sau một khoảng lặng ngắn, Mahmoud đánh liều hỏi về Bộ Ngựa.

“Thằng đó thế nào? Nó sao rồi?”

“Thằng đó đang vào vận,” anh trai anh đáp.

“Ý anh là gì?”

“Dạo này trông nó khá lắm. Nó bắt đầu mặc com lê đeo cà vạt. Nó là nhân viên cứng cựa trong trụ sở tỉnh đấy.”

“Sao có thể như thế được? Ý anh là nó không bị giết hay bỏ tù ư? Còn những tội mà nó phạm phải thì sao?”

“Tội? Giờ không ai nói gì về nó cả. Đó là trò bôi bác, và không ai có thể ngờ được.”

“Nhưng nó quên chuyện anh trai nó rồi à?”

“Cậu đang nói gì đấy, cậu em? Nó muốn dựng tượng thằng đấy nữa kìa.”

“Em nhớ mẹ. Em muốn về nhà. Thế không sao chứ?”

“Đừng về. Đừng chường mặt cậu ra. Cậu đang ở đâu thì ở nguyên đấy, vì Chúa, nếu cậu không muốn ba dạng công lý áp dụng với cậu. Giờ Bộ Ngựa cứ nhai nhải về nó suốt, kể cả trên đài. Nó ăn cắp ý tưởng của cậu rồi.”

4

Saidi mỉm cười khi nghe Mahmoud kể lại chuyện xảy ra với anh hôm trước tại văn phòng của chuẩn tướng Majid. Khi anh kể đến đoạn món trà nhạt, Saidi phá lên cười. Ông nhìn nhận chuyện một cách nhẹ nhàng như thường lệ: chẳng có thảm họa nào trên đời có thể thay đổi tâm trạng ông. Ông đây, ăn vận như mọi ngày, mày râu nhẵn nhụi và thơm mùi nước hoa đắt tiền, ngồi sau chiếc bàn lớn như thể chuẩn bị xuất hiện trên một chương trình ti vi.

Farid Shawwaf vào phòng mang theo những bằng chứng đầu tiên của mục tin tức chính trị của tạp chí mà cậu ta phụ trách. Cậu ta đặt chúng trước mặt Saidi, ông lại bảo cậu ta cho Mahmoud xem. Farid đã cảm nhận thấy sự thay đổi đến với gã bạn cũ Mahmoud, tuy nhiên cậu ta không muốn nộp cho anh như nộp cho một trưởng phòng biên tập thực thụ. Hoặc cậu ta đang cố tránh bất kỳ cơ hội nào cho chuyện đó xảy ra. Cậu ta trải những trang báo trước mặt Mahmoud và đợi anh nhận xét. Mahmoud nói bố cục tốt. Anh nói đầy khó khăn, bởi chính anh cũng không muốn ra vẻ bề trên. Farid đi ra, mấy người đàn ông trẻ tuổi khác bước vào, rồi đến người tạp vụ già mang theo hai tách Nescafé. Một khoảng lặng ngượng ngùng trong phòng làm việc của Saidi sau khi tất cả bọn họ đi khỏi. Saidi đứng lên, tới bên cửa sổ, kéo rèm nhìn ra ngoài phố. Ông quay sang Mahmoud nói,

“Chuẩn tướng Majid là một trong những người cậu sẽ phải quen đối phó đấy.”

Mahmoud không nói gì nhưng đợi thêm lời giải thích bởi anh không định gặp chuẩn tướng Majid và sẽ cố chừng nào tốt chừng ấy để đảm bảo những cuộc gặp mặt như thế sẽ không xảy ra lần nữa.

“Có những người như ông ấy trong thế giới của chúng ta,” Saidi nói, “và ta phải học cách khéo léo đối phó với họ, hòa hợp với họ, chấp nhận rằng họ tồn tại.”

Saidi lại nhìn ra ngoài từ sau tấm rèm, như thể ông đang đợi ai đó. Ông cứ như thế một lúc, rồi đến ngẩng xuống xô pha đối diện Mahmoud. Ông cầm tách Nescaté lên uống, thưởng thức vị đắng của nó. Rồi ông nhìn Mahmoud và đưa ra một tiết lộ kịch tính: “Thực ra thì, chuẩn tướng Majid không đi điều tra những vụ án kỳ lạ đâu. Ông ấy được Chính quyền Lâm thời Liên minh của Mỹ thuê để cầm đầu một đội ám sát đấy.”

“Đội ám sát ư?”

“Phải, trong khoảng một năm hay gì đó ông ấy đã thi hành chính sách của đại sứ Mỹ để tạo ra sự cân bằng bạo lực trên đường phố giữa dân quân Sunni và Shiite, vì thế sau này sẽ có một sự cân bằng trên bàn đàm phán để tạo ra thể cục chính trị mới ở Iraq. Quân đội Mỹ không thể hoặc không có ý dừng bạo lực lại, vì thế cần phải tạo ra ít nhất một sự cân bằng hoặc tương đương về bạo lực. Không có nó, sẽ không có quá trình chính trị thành công.”

“Tại sao ông không nói cho bạn bè chính trị của ông biết điều đó?” Mahmoud hỏi.

“Bọn họ đều biết cả, nhưng không ai có bằng chứng xác đáng. Hoặc là họ nhìn vào Cục Theo dấu và Truy nã mà chuẩn tướng Majid đứng đầu

như thế nhìn vào một đoạn văn - mỗi đảng phái lại hiểu nó theo lợi ích riêng của mình.”

“Có thể nào chuẩn tướng Majid thực sự tàn bạo đến thế không? Ông ấy có vẻ là người đáng mến mà.”

“Chỉ mới một phút trước thôi cậu còn nói là ông ấy độc ác xấu xa. Làm thế nào mà đột nhiên ông ấy trở nên đáng mến thế?”

“Ý tôi là ông ấy không có vẻ là tội phạm theo cái cách ông vừa mô tả, kẻ cần đầu một đội ám sát. Thật khó tin.”

“Dù sao thì, cách tốt nhất để bảo vệ bản thân khỏi cái ác là ở gần nó. Tôi chỉ cầu lòng ông ấy để ông ấy không cản trở tham vọng chính trị của tôi, và để ông ấy không găm một viên đạn vào gáy tôi, được một thằng béo đầu cạo trọc bắn ra, theo lệnh của người Mỹ.”

“Lạy Chúa tôi, đây là việc nghiêm túc đấy.”

“Chừng nào ông ấy còn là bạn của chúng ta, thì không việc gì phải sợ ông ấy cả. Chẳng phải cậu nói ông ấy còn cười với cậu và nói chuyện về việc hút thuốc đấy ư? Đừng lo về ông ấy. Ông ấy là người tử tế mà.”

“Vừa nãy tôi nói ông ấy là người tử tế thì ông gạt đi.”

“Rồi. Bỏ đi. Tử tế, đáng mến, hài hước. Cái chuyện trà ấy!”

Saidi cứ cười mãi, Mahmoud mỉm cười, nhưng trong lòng dấy lên cảm giác bất an và sợ hãi. Một kẻ thù chưa xác định đang phủ bóng xuống. Đó là kẻ thù mà anh nghĩ mình đã bỏ lại ở Amara, nhưng giờ đang hiện hữu ở Baghdad. Dù tin Saidi, anh vẫn không thể tin hết mọi điều ông nói. Có lẽ Saidi muốn dọa anh hoặc trêu chọc anh, hoặc đặt anh vào những tình huống giả định để bắt anh phải suy nghĩ, tạo ra một loại thử thách nào đó để anh bộc lộ tài năng ẩn giấu hoặc đạt được một kết quả hay ho, có tính toán từ trước.

Vài phút sau người tạp vụ gõ cửa báo tổng biên tập có khách. Một phụ nữ trẻ mảnh mai, da sẫm màu với mái tóc nhuộm bước vào, mặc quần jean và đeo rất nhiều phụ kiện. Mùi nước hoa nhập ngoại của cô nồng nàn khắp phòng. Đó không phải Nawal al-Wazir, cô khoa trưởng hơn Nawal, sắc sảo và trẻ hơn. Cô bắt tay Saidi, và họ hôn má nhau. Saidi không ngại giới thiệu cô với Mahmoud, nhưng cô cũng bắt tay Mahmoud và nhiệt tình hôn anh, cả hai má. Saidi và người phụ nữ có hẹn, vì thế Saidi cần cạo da lên, và họ chuẩn bị rời đi cùng nhau. Saidi nhìn Mahmoud và nhắc anh những gì cần làm với tạp chí. “Hãy là anh hùng nhé, bạn tôi, được chứ?” ông mỉm cười nói rồi vẫy tay tạm biệt.

5

Một tuần sau Saidi đi Beirut, có lẽ là với người phụ nữ da sẫm mảnh mai hoặc một cô mảnh mai nào khác, để lại Mahmoud ngуп lặn, không chỉ với việc biên tập bốn trăm trang tạp chí mà còn với một chuỗi dài bất tận những chi tiết hành chính - ký hóa đơn, trả lương cho nhân viên, gặp gỡ những người thành công xuất hiện lúc chín giờ sáng tìm Saidi hoặc xin việc hoặc vì lý do nào đấy. Anh nhận những cuộc gọi đến điện thoại di động kết nối với sạc - giới thiệu bản thân bằng những con số hoặc những cái tên viết tắt bằng tiếng Anh mà đôi khi chỉ có hai, ba chữ cái, ví dụ như “TY”, tức Taleb Yahya, giám đốc công ty in Ansam, nơi in tạp chí và là thứ Saidi từng tính mua. “See” là một phụ nữ gọi Saidi bằng danh xưng Haji; Mahmoud không biết mối quan hệ giữa họ là gì. Có rất nhiều “tiền sĩ” - tiền sĩ Adnan, tiền sĩ Saber, tiền sĩ Fawzi - tất cả đều là quan chức trong quốc hội hoặc chánh văn phòng quốc hội hoặc phát ngôn viên cho các tổ chức chính trị. “SM” là một từ viết tắt dễ đoán: đó là Sorour Majid, chuẩn tướng, người thi thoảng gọi tới. Mahmoud đoán có một mức độ khác trong

mối quan hệ giữa hai người mà Saidi chưa nói ra. Họ có chung mối quan tâm tới kinh doanh và tài chính, và màn nói chuyện về các chiêm tinh gia và thầy bói, rồi đến chuyện đội ám sát, thấy chỉ là nguy trang mà thôi.

Nhưng không một thứ nào trong số đó ảnh hưởng tới cách nhìn của Mahmoud với Saidi. Anh luôn tìm được lý do bào chữa cho ông. Anh ngưỡng mộ ông. Saidi là một siêu nhân đích thực, đầu không có năng lực siêu nhiên, mà bằng tài năng con người của chính mình. Mahmoud tìm lý do bào chữa cho những khía cạnh bí ẩn trong con người Saidi vì không ai biết liệu sự thần bí của Saidi xuất phát từ nhu cầu bảo vệ bản thân hay bắt nguồn từ những bí ẩn mà người khác tạo ra cho ông.

Giống như Saidi, Mahmoud không thể cưỡng lại sự quyến rũ của ảo giác. Anh cho rằng nhiều phẩm chất của người đàn ông này đã truyền cảm hứng và dẫn lối anh. Anh lên cân. Anh cạo râu mỗi ngày. Anh mặc com lê đeo cà vạt và vận những chiếc sơ mi màu sắc, dù anh cùng mấy tay bạn Farid Shawwaf và Adnan al-Anwar từng chế giễu những gã đàn ông như thế, đánh đờng com lê với đám chính trị gia và giới công chức, cũng như với đám dân quân bận những bộ com lê chải chuốt nhảy ra khỏi xe ở giữa đường để lôi người ta ra khỏi hàng quán và ô tô của họ rồi nện hoặc bắt cóc họ. Nhưng tất cả đã thay đổi, và những người không mặc com lê thì không đánh giá đúng tầm ưu thế.

Farid Shawwaf chế giễu sự thay đổi của gã bạn cũ và cho rằng Mahmoud đã bắt đầu biến mình thành người khác. Khi Mahmoud phá lên cười vì cách nói này, Farid nhắc nhở anh. “Cậu ngày càng giống họ. Cậu đang cố để trở thành một trong số họ. Bất kỳ ai đội lên đầu chiếc vương miện, dù chỉ là thử đi chăng nữa, cuối cùng cũng sẽ kiếm tìm một vương quốc.”

Giờ Mahmoud rất giống Saidi. Một hôm, ngồi sau bàn của Saidi và nói chuyện với các đồng nghiệp, anh nhận ra mình thậm chí còn cần xì gà y

chang Saidi, như thể nó là một cây bút dày cui vậy. Khi nói anh cũng chèn những câu như “bạn thân mến” và “bạn tôi” vào hết như Saidi.

Nhưng anh thực sự không giống Saidi, một giọng nói trong đầu anh vắng vắng, không giống nhiều lắm đâu. Saidi có của cải, dẫu chẳng ai biết nó nhiều đến mức nào, và vô số nguồn thu nhập, mà tờ tạp chí này chỉ là bình phong, trong khi Mahmoud sống dựa vào đồng lương, không có nó mọi thứ trong đầu anh sẽ sụp đổ.

Vào cuối giờ làm việc, chiếc điện thoại di động Saidi để trong văn phòng đổ chuông. Mahmoud nhắc lên nghe thì thấy số 666 trên màn hình, và hình ảnh Nawal trở nên rõ rệt trước mắt anh.

“A lô,” anh nói.

Im lặng.

“Đừng trẻ con thế,” anh nói tiếp. “Tôi biết cô là ai, và Baher đang ở tận Beirut rồi. Nói đi.”

Chương mười hai

NƠI ĐƯỜNG 7

1

Bố Anmar đứng trên vỉa hè nhìn sang văn phòng bất động sản Rasoul ở bên kia đường. Một cảm giác u ám bủa vây ông: tay cò đất Faraj lại dựng lên một tấm biển mới; y đang ăn nên làm ra. Trong khi Bố Anmar không hiểu tại sao việc kinh doanh khách sạn của mình lại xuống dốc không phanh như thế. Cả tháng trời hoặc hơn ông không có nổi một vị khách thực sự, ngoại trừ hai khách thuê dài hạn. Kể cả Hazem Abboud cũng chỉ năm thì mười họa mới đến chụp ảnh những ban công đồ sập và lớp sơn tường bong lả tả. Anh ta có thể ng ẩ xuống làm cốc trà với Bố Anmar, nhưng từ mùa hè tới giờ anh ta gần như thôi qua đêm ở khách sạn.

Bữa trước Hazem ghé qua, Bố Anmar háo hức kể với anh ta là ông đang tính sửa sang lại khách sạn. Hazem để ý thấy nhiều phòng không còn đồ đạc nữa. Bố Anmar không kể với anh rằng ông đã phải khó khăn đến thế nào để ngã giá với tay buôn đồ cũ Hadi. Giá như có lựa chọn nào khác thì Bố Anmar đã đá gã ra khỏi cửa thay vì chịu đựng cái trò mặc cả khó chịu của gã r ấ. Điều Hazem không biết là Bố Anmar không thể thay tấm thảm trong sảnh hay chiếc bàn gỗ xập xệ ông thường ng ẩ. Ông không thể thay một tấm kính cửa sổ vỡ hoặc sửa những chỗ rò rỉ hay tắc nghẽn trong đường ống hay cống thoát nước. Ông thậm chí không thể mua một lọ khử mùi để che giấu đi mùi mục ruỗng và ẩm mốc. Ông phải bán đồ đạc trong khách sạn để tiếp tục sống, để có cái nuôi miệng.

Bố Anmar không biết phải làm gì, nhưng ông sẵn sàng mạo hiểm và đánh liều nếu cần. Ông phải đứng trên đôi chân mình và không để ai xem ông như một trò cười, nhất là thằng khốn có hàm ria mép và mớ râu nhuộm henna ngẫ bên chiếc bàn bóng lộn đằng sau ô cửa sổ trước sạch bong trong văn phòng lấp điếu hòa, nhìn ông mỗi sáng chiếu từ phía bên kia đường.

2

Từ khi Vô Danh ngừng ghé thăm, Hadi dần trở về với đúng con người mình. Có người cảm thấy gã còn giống con người cũ hơn bao giờ hết, kể cả sự khoa trương, như thể gã đang cố bù đắp cho việc phải tránh xa mắt người đời những tháng gần đây.

Ở chỗ cũ bên ô cửa sổ trước cỡ lớn trong quán cà phê của Aziz, Hadi kể một câu chuyện mới rằng đêm hôm trước gã gặp tổng thống Iraq trên phố ở Jadriya. Một chiếc Mercedes bọc giáp màu đen dừng lại, tài xế ra ngoài rồi vội vã chạy sang bên kia mở cửa xe cho tổng thống, một người béo ục ịch. Tổng thống đặt chân phải lên vỉa hè, nhưng vẫn ngẫ thù lù nơi ghế sau. Hadi lờ chiếc xe đi và tiếp tục rảo bước với chiếc bao bột đựng mớ lon nước ngọt rỗng.

“Hadi, Hadi!” tổng thống gọi.

“Vâng, thưa ngài tổng thống.”

“Anh không thể ngừng kể chuyện sao? Ngừng kể chuyện về chúng tôi đi. Chúng tôi không thể làm gì cả, còn anh thì lại bắt đầu một cuộc cách mạng chống lại chúng tôi.”

“Tôi biết nói gì đây, thưa ngài tổng thống? Hãy làm cho đúng công việc của ngài đi thì tôi sẽ không kể chuyện về ngài nữa.”

“Sao anh không đi cùng tôi nhỉ? Đi nào, ta thỏa thuận nhé. Họ sẽ nấu cho chúng ta một bữa tối thịnh soạn ở Vùng Xanh.”

“Không, thưa ngài tổng thống, tôi không đói. Nhưng nếu có arak, tôi sẽ đi. Ngài có uống arak không, thưa ngài tổng thống?”

“Anh thật đáng xấu hổ - tôi uống nước cất kia. Anh nên ngừng kể chuyện đi, Hadi.”

Tổng thống cười vang đoạn đóng cửa xe, chiếc xe phóng đi dọc con phố rồi mất hút.

Hầu hết mọi người chỉ cười trước những chi tiết nho nhỏ Hadi dùng để thêm mắm dặm muối vào chuyện gã kẻ. Một lần có người cho gã xem tờ *al-Haqiqa* với ảnh Robert De Niro méo mó trên trang bìa. Trong đó có câu chuyện của Hadi về Vô Danh, với những chi tiết chưa từng xuất hiện. Tên của Hadi không được nhắc đến trong câu chuyện, nhưng Aziz tay người Ai Cập và mấy khách quen ở quán cà phê biết Mahmoud al-Sawadi, người viết bài báo, và thừa biết Hadi là nguồn tin của anh. Lật trang báo mà không để lộ bất cứ phản ứng nào trên khuôn mặt khô cằn nhăn nheo, Hadi nói rằng tay nhà báo đã bịa ra vài phần.

Hadi cảm thấy bị lợi dụng. Mahmoud đã hứa sẽ hành động vì lợi ích của Vô Danh và đối xử công bằng với hắn. Hai ngày sau Vô Danh ghé thăm gã lần cuối, hắn tới khi đêm xuống để kể cho gã nghe về cuộc nội chiến giữa đám môn đồ và thông báo rằng người Mỹ lại niêm phong khu vực hắn đang sống và đã tìm cách bắt hắn vài lần với sự giúp đỡ của các đơn vị sứ mệnh đặc biệt của tình báo Iraq, buộc hắn không thể ở một chỗ quá một ngày, về phần câu chuyện mà tay nhà báo viết về hắn, nó chẳng đem lại gì tốt đẹp cho hắn cả: nó đã khắc họa hắn như sự tưởng tượng bệnh hoạn của Hadi.

Vô Danh đang tìm kiếm những tin đồn có thể giúp hắn thực hiện nhiệm vụ và không lợi dụng đức tin của họ nơi hắn vì mục đích riêng, như ba kẻ khủng và các môn đồ đã làm. Hắn không muốn bị biến thành một truyện thuyết đô thị, như tay nhà báo đã khắc họa. Hadi hứa với Vô Danh là sẽ chuyển lời tới tay nhà báo khi gặp, nhưng Vô Danh nói việc đó không còn quan trọng nữa.

“Cảnh cáo nó để nó không xúc phạm ta nữa cũng chẳng hại gì. Giờ ta sẽ trả thù những kẻ sỉ nhục ta, không chỉ bọn đã tấn công những người mà bộ phận cơ thể họ đã làm nên ta đâu,” Vô Danh nói.

Hadi không bao giờ gặp lại tác phẩm của mình từ sau lần đó. Gã biết tên tội phạm nguy hiểm mà người Mỹ và cảnh sát Iraq lùng tìm, và kẻ luôn được nhắc đến trên ti vi, là Vô Danh. Gã và Vô Danh được kết nối với nhau chỉ trong tâm trí gã và có lẽ cả tâm trí của Mahmoud al-Sawadi, nhưng cuối cùng chuẩn tướng Majid, đi đi lại lại đầy lo lắng trong văn phòng rộng lớn với điều xì gà to bụi trong miệng, mãi mê suy nghĩ về cách tốt nhất để truy dấu Kẻ Không Tên - như lão thầy bói với mớ râu nhọn đã gọi - cuối cùng ông ta đã tìm ra sự kết nối.

3

Faraj đang ngồi sau bàn trong văn phòng bất động sản, cẩn trọng quan sát cửa khách sạn Orouba bên kia đường. Y thuộc nằm lòng công việc hằng ngày của Bố Anmar và tình cảnh tài chính eo hẹp mà ông đang rơi vào.

Bố Anmar ló ra khỏi cửa khách sạn, xoay tấm thân khổng lồ để đóng cửa lại sau lưng, rồi chậm rãi đi xuống bậc tam cấp ra vỉa hè. Ông chỉnh lại chiếc khăn trùm đầu trên vai rồi bước đi, xoay như chong chóng chuối tròng hạt lớn bóng loáng quanh bàn tay chuối mẩn. Trước khi ông đi qua

hiệu giặt là Akhawain kế bên, một bàn tay chạm lên vai ông. Ông quay sang thì thấy Faraj với mớ râu đỏ dày rợp, mỉm cười với mình.

Đứng quá gần đối thủ khiến Bố Anmar khó chịu. Lần đầu tiên ông nhìn ra hai nốt ruồi lớn trên mặt Faraj, một ở đầu phía trong lông mày trái, có vẻ bị viêm, một ở ngay trên lớp ria mỏng.

“Đi làm cho xong việc của ông đi, rồi ghé qua làm tách trà với tôi,” Faraj nói.

“Nếu Chúa muốn,” Bố Anmar đáp, xoay hạt mau hơn và gạt đầu nhanh một cái. Bố Anmar rảo bước đi tiếp, còn Faraj quay về văn phòng, xoa xoa cằm; y có vẻ sung sức và thư giãn. Sáng hôm đó y đã bạt tai một gã thanh niên gây nhặng với mớ tóc rối bù và chòm râu dê, khiến gã quay vòng vòng trước khi ngã sụp xuống đất. Gã trai trẻ này là thành viên Hiệp hội Bảo vệ Nhà cổ. Gã đã tới nhà Elishva, và bà đã đón tiếp gã, mời gã uống trà, theo lời kể của Mẹ Salim. Ai đó đã chạy vội tới báo với Faraj, y học tốc lao ra đường thì thấy tên này thò đầu ra khỏi nhà Elishva và lấy máy ảnh ra chụp những ban công *mashrabiya* của nhà Mẹ Salim. Bố Salim, chồng Mẹ Salim, rướn đầu qua cửa sổ trên tầng hai và ngó ngang nhìn chằm chằm gã trai trẻ, kẻ lại đang chụp thêm một bức ảnh nữa như thể sự xuất hiện của Bố Salim làm tăng thêm không khí truyền thống của ngôi nhà cổ. Gã cảm thấy ai đó đang tới gần, quay lại thì thấy khuôn mặt hầm hầm của Faraj. Rồi tiếng bạt tai nảy lửa vang lên.

Trợ lý của Faraj kéo gã trai trẻ đứng dậy rồi đẩy gã đi. Gã vừa vội đi vừa ngoái lại, thấy người ta xua tay bảo gã đi cho mau, trong khi có người giữ Faraj lại để y khỏi đuổi theo gã trai trẻ tội nghiệp.

Faraj phủi bụi khỏi quần áo, vuốt phẳng chiếc mũ trùm đầu. Y quay lại thì thấy Elishva đang nhìn qua khe cửa. Mặt bà tái nhợt mỗi mét, nom

giống mặt của một bóng ma hơn là của một phụ nữ bình thường. Faraj giơ tay lên vẫy vẫy trước mặt bà.

“Sao bà không thôi đi cho và tha cho tôi nhỉ? Bà ương như ổi ấy, vì Chúa!” y nói.

Faraj quay về văn phòng, và cái bạt tai y giáng xuống gã trai gầy nhẳng tội nghiệp ấy vẫn tiếp tục vang vang trên đường. Chưa đầy một tiếng sau BỐ Anmar quay về khách sạn với mấy túi mua hàng màu đen, Faraj bèn lớn giọng gọi một nhân viên trẻ bảo cậu ta sang khách sạn nhắc BỐ Anmar nhớ về cái hẹn.

Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng của BỐ Anmar ở văn phòng của Faraj. Ông không biết là nó lại to rộng thênh thang đến vậy. Cảm xúc của ông dao động từ ghen tị với sự giàu có của đối thủ đến đầu hàng trước những tác động về mặt giác quan mà sự xa hoa của văn phòng mang lại cho ông.

Người phục vụ trẻ đặt một cốc trà trước mặt BỐ Anmar và một cốc khác trước mặt Faraj, giữa tiếng thìa khua lạnh canh, Faraj vào thẳng vấn đề.

“BỐ Anmar, với tôi ông là người rất đáng mến. Ông là người chuyên nghiệp và hiểu chuyện làm ăn. Tôi muốn chúng ta làm việc cùng nhau, ông và tôi.”

“Được rồi. Anh nghĩ gì thế không biết.”

“Tốt, tốt. Tôi đã thấy khách sạn của ông đang ở trong cảnh tũn tẻ đến thế nào. Sẽ chẳng có ma nào thuê đâu.”

“Tôi đang hy vọng sửa sang lại nó,” BỐ Anmar nói.

“Bằng gì, BỐ Anmar? Ông lấy đâu ra tiền chứ?”

“Chúa rộng lượng mà.”

“Phải, Chúa rộng lượng mà. Không phải xấu hổ đâu, anh trai tôi, Bô Anmar. Tôi biết thừa là ông không xu dính túi. Tôi là em trai ông mà - đừng có xấu hổ với tôi. Ý tôi là, tôi muốn chúng ta làm đối tác của nhau, ông và tôi. Tôi sẽ lo chi phí sửa sang khách sạn và trang bị đồ đạc, và chúng ta sẽ là đối tác, năm mươi năm mươi. Ông nghĩ sao?”

4

“Các anh từ đâu đến?” Hadi hỏi.

“Chúng tôi từ sở giao thông,” hai sĩ quan vận đồ màu hồng lịch sự đáp.

Hadi đang ngồi trên chiếc giường ở giữa sân khi mặt trời lặn xuống hướng Tây. Các sĩ quan cùng mấy trợ lý do chuẩn tướng Majid cử đến đã đột kích nhà Hadi.

“Nhưng hai năm nay tôi có vi phạm giao thông đâu,” Hadi nói. “Với lại, tôi làm gì có ô tô.”

“Ông đang đùa chúng tôi đấy hả, thưa ông?” một trong hai sĩ quan quăn băng dày quanh cổ hỏi. Hadi không cách nào biết được đây chính là tay sĩ quan mà Vô Danh đã tìm cách siết cổ vào cái đêm truy đuổi kinh hoàng ấy. Và giờ anh ta có vẻ đang cố tìm hiểu xem liệu Hadi có cùng chí ầu cao và vốc người với con quái vật đã suýt giết chết anh ta hay không. Túm lấy cánh tay Hadi, anh ta nghĩ lão già khảnh khiu này sao có thể đủ nhanh nhẹn để chạy hay có sức mà đánh nhau, nhưng anh ta không chắc lắm.

“Đóng vai anh hùng và chống lại người Mỹ, không phải sao?”

“Tôi là tay buôn đồ cũ. Nhìn quanh anh mà xem.”

Hadi chỉ mười chiếc tủ gỗ xếp dựa vào tường.

“Phải rồi, tất nhiên. Ta luôn có thể mở một cơ quan cho những dịch vụ khủng bố, bom xe và ám sát với thiết bị giảm thanh.”

“Thiết bị giảm thanh ư?”

“Tiếp đi, cứ giả vờ ngây thơ đi.”

Họ mặc kệ Hadi và đi lục soát phòng gã. Một mùi hôi thối nồng nặc phả vào mặt họ. Đồ đạc của gã chất đống, còn có một ụ nhỏ lon bia Heineken trong góc. Nào là giày; bình làm từ đồng, nhôm, nhựa; những chiếc bàn gỗ gậy chân; quần áo; lông bồ câu và lông gà; ga trải giường và chăn bạc màu; một cái bếp lò; hai bình ga; một thùng nhựa đựng đầy dầu lửa; và một cái tủ vương vãi nào hành, tỏi, đóng hộp sữa rồng cùng hộp cá và đậu. Họ nhanh chóng rời chỗ đó và lại vây quanh giường của Hadi, lặp lại câu hỏi về những tội ác mà gã được cho là đã gây ra trên đường phố Baghdad.

Một bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh bằng thạch cao, cánh tay dang rộng trong một cử chỉ hòa bình cùng những đốm màu phai bạc trên chiếc váy dài, thu hút sự chú ý của các sĩ quan.

“Ông là người Công giáo à?” một người hỏi.

“Không, tôi là người Hồi giáo.”

“Thế bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh này là sao?”

“Tôi không biết. Có một câu thơ trong kinh Qur'an từng ngự trên đầu tượng. Câu thơ bị bong, thế là lộ tượng ra.”

“Chúa ơi, ông đúng là điêu thành thần. Ông định làm gì với bức tượng?” tay sĩ quan bằng bó quanh cổ hỏi đầy đe dọa. Rồi đám người từ sở giao thông bắt đầu hỏi cung Hadi về những tội ác mà gã chẳng hay biết gì, chất vấn gã về cái xác hay Vô Danh trong câu chuyện tưởng tượng gã bịa ra để mua vui cho những người ngỗ xung quanh, để khiến gã nổi danh hơn trong vùng, để họ quý mến gã và thông cảm với gã.

“Các anh có hoàn toàn tỉnh táo không đấy?” Hadi bỗng lấy đầu ra can đảm, điên tiết vì màn hỏi cung. “Cái xác nào? Vô Danh nào? Các anh đang nói về chuyện gì vậy? Giờ các anh vẽ ra một bộ phim kinh dị để tấn công tôi, tất cả chỉ vì dăm câu chuyện bịa, ba cái chuyện ở quán cà phê.”

“Này, đừng có nhón với tụi này nếu không tôi sẽ nện ông ra trò đấy,” người đàn ông bằng bố đe dọa. Một sĩ quan vận đồ màu hồng khác giơ tay lên xoa dịu anh ta và nhận trách nhiệm hỏi cung. Họ tiếp tục đi lại quanh giường Hadi, chất vấn gã ngay cả khi khó nhìn ra mặt người trong bóng tối. Những giọng nói trở nên gay gắt hơn, và những bàn tay mà Hadi không biết của ai đây gã xuống giường vài lần. Rồi một người tung một cú trời giáng vào mặt Hadi khiến gã ngã bổ xuống đất, đập đầu vào một viên gạch còn nguyên vẹn giữa đám gạch long ra, vỡ toác. Cuộc hỏi cung rẽ sang một hướng mới - cái trò quen thuộc ở mọi đồn cảnh sát Iraq. Hadi đã nghe người ta kể nhiều chuyện về việc này. Hai trợ lý xốc nách Hadi, còn tay sĩ quan hồng bị bằng bố bắt đầu thoi vào bụng Hadi như một kẻ điên. Việc này kéo dài trong đúng hai phút.

Những cú đấm không dừng lại cho đến khi Hadi nôn ra chỗ đậu và rau già ăn lúc trưa và hai lon Heineken gã đã nốc một tiếng trước khi đám sĩ quan xông vào. Thứ hỗn hợp bốc mùi làm vấy bẩn quần áo đám sĩ quan khiến bọn họ lùi phắt lại, ngần ngại rửa và chửi thề. Hai gã đánh thuê giữ tay Hadi buông gã ra và để mặc gã gục xuống đất nôn tiếp.

Một tiếng sau, trong bóng tối điểm xuyên ánh lập lòe của những điều thuốc lá, người bình tĩnh hơn trong hai sĩ quan kết luận rằng tay buôn đồ cũ chỉ là một lão già dối trá, bệ rạc, dở điên dở khùng. Có thể gã đang bảo vệ tên tội phạm thực sự nhưng lời gã đến đồn cảnh sát thì chỉ tổ làm vụ việc họ đi đầu tra phức tạp hơn mà thôi. Anh ta quyết định để lão già say khướt này ở lại đây và không bao giờ quay lại chỗ gã nữa mà chỉ cử vài

người theo dõi xem ai ghé thăm gã và gã gặp gỡ những ai. Gã nên cảm thấy thoải mái và không nên sợ việc bị theo dõi.

Hai trợ lý của đám sĩ quan bật một chiếc đèn điện công suất lớn lên, thấp sáng xung quanh. Hadi đang nằm ngửa dưới mặt sân. Có vẻ gã không gương dậy nổi.

Đám sĩ quan lại lục soát lần nữa. Trong hộp cà phê thủy tinh trên bàn ăn, sau ụ hành tây, họ tìm thấy ít tiền mặt mà Hadi kiếm được nhờ bán đồ đặc của Bộ Anmar ở chợ Harj. Người bình tĩnh hơn trong hai sĩ quan nhét tiền vào túi quần rồi nhặt nhanh ngẫu nhiên vài thứ. Anh ta lấy một chiếc bàn làm từ gỗ và kim loại, những người khác lấy các món đồ đặc và đủ thứ đồ cổ: một chiếc đèn chùm vỡ, một đồng hồ treo tường có con lắc đằng sau cửa kính. Một tay trợ lý, sau khi liếc nhìn vào sâu trong phòng Hadi, tìm thấy một bộ đĩa trong thùng các tông - với hình vua Ghazi và vua Faisal II, và Abd al-Karim Qasim*, ga trung tâm Baghdad, cùng những địa điểm lịch sử và cảnh sắc thiên nhiên khác. Hắn bê chiếc thùng các tông lên, mang ra ngoài cho đồng bọn và mở ra với vẻ dương dương tự đắc.

Bọn họ hành xử như những tên trộm. Tay sĩ quan bình tĩnh, muốn Hadi thêm phần bối rối về việc họ là ai, cảnh cáo Hadi.

“Bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh kia là thứ *cấm kỵ*,” anh ta nói. “Ông có hiểu không? Chúng tôi muốn ông đập vỡ nó ngay bây giờ.”

Anh ta rọi cái đèn công suất lớn vào mặt Hadi và thấy môi gã mấp máy. Anh ta tiến lại gần hơn và nhắc lại mệnh lệnh. Hadi khó nhọc mấp máy môi lần nữa.

“Tôi không thể. Tôi không thể,” gã nói.

“Sao ông không thể? Ý ông là ông không muốn à?”

“Nhìn tôi đi. Tổ cha các anh. Tôi không đứng dậy được.”

Tay sĩ quan giận dữ đá vào bụng Hadi, hạ gục gã hoàn toàn. Một tên trợ lý vào phòng lấy băng súng lục đập vào bức tượng trong hốc tường vài lần, nện cho đầu của tượng rơi ra; phần còn lại vẫn ở nguyên chỗ cũ. Người đàn ông rọi đèn vào bức tượng để xem thành quả. Anh ta rùng mình sợ hãi khi người phụ nữ không đầu vẫn bình thản dang rộng đôi tay.

Nhiệm vụ của đám sĩ quan không dừng lại ở đó. Trước khi rời đi, tay sĩ quan băng bó muốn áp dụng một thử nghiệm cuối cùng với Hadi, cũng là thử nghiệm mà anh ta đã thực hiện với mười một kẻ xấu xí mà bọn họ đã bắt ở Bataween trước đó trong ngày.

Đám trợ lý lột trần Hadi, rồi khám xét gã dưới ánh đèn để xem trên người gã có bất kỳ vết khâu hay dấu hiệu nào của vết thương hay không. Tay sĩ quan giận dữ lấy ra một con dao sắc nhỏ dài bằng đốt ngón tay và rạch tay Hadi, rồi đến hông và đùi gã. Hadi rú lên. Tay sĩ quan dừng lại đợi xem máu chảy ra. Hadi quằn quại dưới đất khi máu tràn ra, đen và nhầy nhụa, đổ xuống mặt sân. Máu chảy ra thành dòng nhỏ, rồi ngừng và đông lại. Đó là máu đen. Tay sĩ quan giận dữ dùng tay khám xét gã. Đồng nghiệp của anh ta không nhúc nhích, bị lấn át bởi cảm giác ghê tởm. Tại sao bọn họ lại làm việc này? Họ đang thu thập thông tin. Tại sao họ lại đâm người để lấy tin thế này?

Giữa những cơn đau đớn, một giọng nói trong đầu Hadi bảo gã rằng mọi chuyện đang diễn biến như trong một bộ phim hành động của Mỹ. Siêu anh hùng của gã sẽ bất ngờ xuất hiện trên mái nhà trong dáng vẻ không lồ đen tối, rồi nhảy xuống và với tốc độ ánh sáng, đánh bại kẻ thù bằng những nắm đấm mạnh mẽ, cứu người bạn và người đã tạo ra mình, kiêm người cha già nua của mình. Nhưng chuyện đó không xảy ra. Một tay trợ lý cần bộ đàm lên nhỏ giọng gọi tài xế. Hai phút sau ai nấy rời khỏi nhà Hadi, cần theo những thứ vừa khoáng được. Tay sĩ quan băng bó không vui, cảm thấy bọn họ chưa hoàn thành cái nhiệm vụ đã khiến họ tới đây.

Trước khi ra tới cửa, anh ta xoay người như thể muốn quay lại nện Hadi, nhưng đờng nghiệp đã kéo anh ta đi.

“Đồ sâu mọt, mày mà không cẩn thận thì có ngày xây xẩm mặt mày nữa đấy,” anh ta hét lên, vào bóng tối nơi cơ thể của Hadi đang nằm thẳng cẳng.

5

Bố Anmar choáng váng vì đề nghị của Faraj. Nó hoàn toàn nằm ngoài dự liệu của ông. Nhưng khi đi trên quăng đường ngắn ngủi từ cửa văn phòng bất động sản Rasoul về khách sạn, sự thật trở nên sáng rõ hơn trong tâm trí ông: Faraj đã nghĩ ra cách khôn ngoan, xảo quyệt nhất có thể để xử đẹp Bố Anmar mãi mãi.

Y đã cho ông một đề nghị tuyệt vời. Họ sẽ là đối tác, Bố Anmar với gạch vữa, tường và mái nhà, còn Faraj lo mọi thứ khác. Phần của Faraj sẽ hơn của Bố Anmar, nhưng Bố Anmar sẽ chịu trách nhiệm đi đầu hành và giám sát khách sạn. Điều khó chịu nhất là Faraj muốn đổi tên khách sạn từ khách sạn Orouba thành khách sạn Đại Tiên Tri.

Họ đã tranh cãi đúng một tiếng đồng hồ, cuối cùng Bố Anmar từ chối lời đề nghị và trở về khách sạn với những bước chân nặng trĩu. Bất chấp cái nóng, ông vẫn đóng chặt cửa kính, như thể muốn cho khuất mắt hình ảnh văn phòng của Faraj.

Ngồi xuống chiếc ghế đằng sau bàn lễ tân, ông bắt đầu uống, bình tĩnh và từ tốn, và lướt qua cuốn sách dày chứa đựng những lời tiên tri về ngày tận thế. Tâm trí ông lang thang, nhớ lại dòng hình ảnh từ sâu trong trí nhớ - về tuổi trẻ và những ngày huy hoàng của ông. Ông nghĩ về quăng thời gian khi ông là một thương gia đi lại giữa Baghdad và Qalat Sukkar, một thị trấn

bên bờ kênh Gharrat ở miền Nam, gây dựng mối quan hệ đối tác với người chủ ban đầu của khách sạn, và thế nào mà, sau khi đối tác mất, ông lại mua nguyên khách sạn. Ông cảm thấy mình đang đứng bên lề một vòng đời trọn vẹn, khi ngẩng đầu nhìn phản chiếu khuôn mặt mình trên cánh cửa khách sạn đóng kín.

Hình phản chiếu của ông trên cửa kính xoay xoay, và cửa mở ra. Là người bạn cũ Hazem Abboud, hớn hã hớn hển, mặt đỏ ửng đỏ mồn mồn, chiếc túi vải lủng lẳng nặng nề trên vai trái. Hazem trượt bờ mớ tìm thấy taxi chở anh ta tới đây. Bị một nhóm vũ trang ở nơi anh ta sống đe dọa, anh ta nghĩ cách tốt nhất là qua đêm ở nơi xa nhà, có lẽ cả mấy đêm nữa, cho đến khi nắm rõ tình hình hơn.

Hazem nhận thấy khách sạn trông gần như không còn đồ đạc. Bố Anmar kể với anh ta tất cả mọi thứ ông đã làm mấy tuần trước, kết lại bằng lời đề nghị mà Faraj đưa ra chiều hôm đó. Hazem cúi đầu một thoáng, rồi bảo ông rằng bất cứ lúc nào ông cũng có thể cầm cố khách sạn hoặc đem khách sạn ra làm tài sản đảm bảo để vay chính phủ, đăng sửa sang lại.

“Thế tức là mang nợ rồi còn gì, mà ai có thể đảm bảo khách sạn sẽ làm ăn tốt để trả lại đây? Rồi cuộc tôi sẽ rơi xuống một cái hố lớn, và rồi chính phủ sẽ tịch thu khách sạn. Tình hình sẽ ngày càng tồi tệ hơn thôi.”

“Thế thì chấp nhận đề nghị của Faraj đi.”

“Không, không thế nào. Tôi sẽ không làm việc cho tên tội phạm đó. Tôi sẽ không để nó làm nhục tôi ở cái tuổi này. Tôi đã từng là vua ở khu này khi nó còn cho gái điếm và ma cô thuê nhà. Tôi đã từng là vua đấy.”

Bố Anmar cúi người lấy cuốn album ảnh đồ sộ trong ngăn kéo to đùng của chiếc bàn gỗ. Đó là những bức ảnh đen trắng chụp Bố Anmar mặc com lê đeo cà vạt, nom gầy và trẻ trung. Trong một tấm, ông đứng kế đội bóng

rõ từ tỉnh Maysan, trong tấm khác ông ng ồi bên mấy cô gái tóc ngắn trong dàn đ ồng ca nhà thờ từ Mosul. Có ảnh chụp những nhân vật danh tiếng và những người từng nổi tiếng nhưng không ai ngoại trừ B ố Anmar là có vẻ biết.

“Thế ông định làm gì? Ông cứ để thế này cho đến khi cạn tiền tiết kiệm à?” Hazem hỏi.

“Không,” B ố Anmar đáp, dốc cạn chút đ ồ uống còn lại, lại rót đầy cốc một cách bình tĩnh và từ tốn, rồi đặt cốc xuống chiếc bàn gỗ nhỏ trước mặt người bằng hữu. “Tôi sẽ không chấp nhận đề nghị của thằng khốn đó, mà sẽ đề nghị lại. Tôi sẽ bán cả khách sạn này cho nó.”

Chương mười ba

ĐỒNG ĐỒ NÁT DO THÁI

1

Elishva đang ng ỡ như thường lệ trong phòng khách với con mèo rụng lông. Qua cặp mắt kính dày cộp bà ngắm bức tranh vị thánh, ánh đèn dầu vàng vọt nhảy nhót trên những vết gợn của bức tranh, trong khi đồng tai nghe ngóng tiếng khóc than rên rỉ đau đớn phát ra từ ngôi nhà bên cạnh. Âm thanh ấy đã kéo dài suốt mười lăm phút.

Lẽ ra bà đã tới lễ tưởng niệm Thánh Samouni và bảy đứa con của Người vào ngày lễ thánh của họ, nhưng bà thích ở nhà hơn. Sau khi Faraj tát người thanh niên tội nghiệp, Mẹ Salim sang gặp bà, bảo rằng Faraj là ác quỷ và dám làm bất cứ việc gì. Y có thể làm giả giấy tờ sở hữu ngôi nhà của bà và ném bà ra ngoài đường. Với cả, đã ai nhìn thấy tờ giấy ấy bao giờ - có khi Elishva còn không có cũng nên.

Tại sao Mẹ Salim lại nói với bà chuyện này? Có phải mẹ đã quay lưng lại với bà? Thế nhưng mẹ lại đưa ra một đề nghị mời gọi: Elishva có thể chuyển tới một phòng trong nhà Mẹ Salim, và rồi con của Mẹ Salim sẽ cải tạo nhà Elishva thành nhà trọ và cho thuê phòng, tiền thuê sẽ đưa cho Elishva. Faraj và những kẻ có mưu đồ với bà lão sẽ cảm thấy bà được bảo vệ.

Nhưng đó có thể là cách để Mẹ Salim chiếm giữ ngôi nhà, bà nghĩ. Không chừng lòng tham đang trỗi dậy bên trong mẹ già béo ú này và mẹ

chỉ là một con sói nữa trong lối cừ, hoặc có khi mù đang làm việc cho Faraj cũng nên.

Bà không đáp lại đề nghị của Mẹ Salim. Mẹ Salim thì cho rằng bà lão tinh thần yếu ớt này cần thời gian suy nghĩ. Nhưng bà không nghĩ về đề nghị của Mẹ Salim. Người thanh niên gầy guộc muốn thay mặt chính phủ mua nhà bà kia? Cậu ta không hiểu rằng không đời nào bà lại bán nhà. Bà sẽ không cảm thấy tự hào khi sống trong ngôi nhà từng thuộc về bà mà nay thuộc về chính phủ, và số tiền bà kiếm được từ việc bán nhà thì lại nhiều hơn bà cần.

Bà nhắm mắt lại một lát, đầu có cảm giác nặng trĩu. Nabu gà gât trong lòng bà, còn bà suýt chút nữa đã thiếp đi trên xô pha thì nghe thấy tiếng động ngoài sân cùng tiếng bước chân nặng nề. Bà quay ra cửa: đứng đó chính là bóng ma của con trai bà, Daniel.

2

Hadi cảm thấy mình sắp chết. Nhưng một đôi tay mạnh mẽ đã dìu gã dậy khỏi những viên đá vỡ nhuộm đầy máu dính nhớp. Gã mở mắt ra nhưng không thể nhìn thấy gì - chỉ toàn một màu đen. Đôi tay nhẹ nhàng đặt gã xuống tấm nệm ở giữa sân. Một chiếc khăn ẩm lau khắp người gã, rồi đôi tay đen sẫm giúp gã mặc quần áo.

“Đừng lo, ông sẽ không chết đâu, nhưng ông đáng bị đánh đấy,” người lạ nói trước khi bỏ đi. Vài phút sau, Hadi nghe thấy tiếng lao xao. Gã cảm thấy tứ chi rã rời và sắp sửa thiếp đi thì ánh đèn pin rọi vào mặt.

“Các người muốn gì ở tôi? Các người muốn gì ở tôi?” gã hét lên, đoán chừng đám người hỏi cung đã quay lại, có lẽ lần này là để kết liễu gã.

“Họ đã làm gì ông vậy?” một người trong số họ hỏi. Họ bắt đầu lật người gã lại xem xét vết thương.

Bố Salim đã để ý thấy đám người khi họ vào nhà Hadi từ đầu nhưng không rõ chuyện gì xảy ra bên trong. Lão theo dõi từ ban công cho đến khi thấy đám người hỏi cung ra ngoài tay xách nách mang, rồi chui vào xe tải lái đi mất hút. Một người trong số họ thò cây đèn bàn có cái chụp bằng kính màu ra khỏi cửa sổ xe mà vung vẩy và ném vào tường. Bố Salim quyết định hành động, gọi mấy đứa con và hò mấy thanh niên sống gần đó. Họ xông vào nhà Hadi, và khi Hadi thoát khỏi cơn mê sảng, cậu con út nhà Bố Salim chạy về nhà lấy bông băng, thuốc sát trùng, gạc y tế và thuốc, do cậu ta có một quầy hàng bán mấy món đó ở chợ Shoqa và nắm khá rõ kỹ thuật sơ cứu. Cậu ta bảo Hadi rằng vết thương trên đùi gã cần khâu lại, mà cậu ta lại không giỏi việc đó lắm, nhưng cậu ta có thể băng bó lại chờ đến sáng, rồi ngày hôm sau gã nên đi khám hoặc tới trạm phát thuốc để người ta khâu cho, và gã không nên di chuyển nhiều trong đêm để tình hình không tệ đi. Họ chăm sóc gã một cách tận tụy và đầy cảm thông, đồng thời cố tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra, nhưng khi họ ép hỏi Hadi, gã bắt đầu chửi thề gã không hơi sức đâu để trải qua hai cuộc hỏi cung trong một buổi tối.

Một làn gió yếu ớt từ trên không lùa vào cái ngách hun hút nơi Hadi sống giữa những ngôi nhà hai tầng tường cao. Thuốc Bố Salim đưa cho đã phát huy tác dụng, và gã thấy hối hận vì đã nặng lời, nhưng họ cứ không ngừng hỏi: Đám người hỏi cung có quay lại không? Tại sao họ đột ngột dừng tay trước khi có câu trả lời mình muốn? Tại sao họ lại cắt xẻo gã như thế? Ai đã chỉ điểm gã cho họ? Có phải tay nhà báo không? Hay một khách hàng ở quán cà phê của Aziz?

Gã vẫn chưa biết số tiền tiết kiệm từ việc nai lưng ra làm suốt tuần qua đã bốc hơi, hay bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh đã bị đập vỡ đầu, hay những chiếc đĩa quý báu cùng mớ tài sản đáng giá nhất của gã đã bị lấy

mất. Tất cả sẽ trở nên rõ ràng hơn vào chiều hôm sau. Trong một thoáng gã cảm thấy những gì mình trải qua có tác động như một cái tát trời giáng, có lẽ là từ một bàn tay nơi thiên đường, để mở mắt cho gã thấy những tội lỗi của gã và cái vực thăm mà gã đang trượt xuống.

Gã sẽ bắt đầu lại. Gã sẽ cần cự cho đến khi vết thương lành hẳn rồi tới nhà tắm hơi Sabunji ở Sheikh Omar. Gã sẽ đắm mình trong làn hơi nóng như một bức tượng suốt ba tiếng đồng hồ rồi cạo râu tóc, mua quần áo mới thơm tất, rời khỏi đông đảo nát Do Thái này và thuê một căn phòng rộng rãi thoáng đảng trong khu nhà trọ mới của Faraj, rồi tính đến việc thuê một cửa hàng để mua bán và sửa đồ cũ, vì gã vốn giỏi món đó. Gã sẽ tìm một người vợ có thể chịu đựng gã và quản việc gã uống rượu chỉ một lần một tuần. Gã sẽ làm tất cả những việc đó và tiếp tục làm nếu gã có thể ngủ yên đêm nay và nếu gã có thể thức dậy bình an vô sự vào sáng hôm sau.

3

Vô Danh không nghĩ trận đánh tồi tệ và những vết dao cắt là đủ để lấy mạng Hadi, nhưng đó nom như một kiểu trừng phạt mà gã đáng nhận cho biết bao tội lỗi và sai lầm đã gây ra. Đó là những gì Vô Danh nghĩ khi leo xuống sân để đỡ người tạo tác ra mình lên giường và giúp gã mặc quần áo. Khi nghe tiếng những người hàng xóm đang tới gần, hắn nhanh chân trèo lên những hòn đá về phía nhà Elishva.

Hắn thấy Elishva đang ngồi trong phòng khách, nhìn vô hồn vào bức tranh Thánh George Tử đạo. Bà thấy hắn nơi ngưỡng cửa, và không một thớ cơ nào trên mặt bà giật giật. Bà nhìn hắn như thể hắn đã sống ở đó một thời gian và mới chỉ từ nhà vệ sinh quay ra.

Hắn cảm thấy cô đơn. Hàng tuần rồi hắn không nói chuyện với ai. Hắn chỉ còn lại hai người quen: tay buôn đồ cũ và bà lão điên. Hắn đã có thể hạ mấy tay sĩ quan áo hồng cùng ba trợ lý mà không cần chớp mắt, nhưng thế chỉ tổ khiến tay buôn đồ cũ phải chuốc thêm tội giết người. Để giúp Hadi quay lại cuộc sống bình thường, tốt hơn hết hắn không nên lộ mặt gặp lại gã nữa.

Giờ Vô Danh không biết phải làm gì. Hắn biết nhiệm vụ của mình là phải giết chóc, giết người mới mỗi ngày, nhưng gã không còn biết rõ ai nên bị giết và tại sao. Thịt của những người vô tội mà từ đó hắn được tạo nên lúc ban đầu đã được thay thế bởi lớp thịt mới từ các nạn nhân của chính hắn và những tên tội phạm. Hắn nghĩ nếu hắn mất quá nhiều thời gian trả thù cho những nạn nhân mà hắn nhân danh, thì các bộ phận cơ thể mà hắn lấy của họ sẽ phân hủy tại chỗ. Đó sẽ là cái kết cho hắn, và hắn sẽ biến mất khỏi thế giới này.

Nhưng hắn lại không chắc đó có phải lựa chọn đúng đắn không. Hắn phải giữ cho mình sống đến khi tìm ra những bước đi kế tiếp. Và bởi hắn là một tên sát nhân dị biệt không chết theo những cách thông thường, hắn nghĩ mình nên tận dụng tài năng đặc biệt này để giúp người vô tội - giúp sự thật và công lý. Cho đến khi gã chắc chắn về những bước đi kế tiếp, hắn sẽ tập trung vào việc đảm bảo sự sống còn của mình. Hắn sẽ tận dụng những phụ tùng hắn cần từ cơ thể của những kẻ đáng chết. Đó không phải lựa chọn lý tưởng, nhưng là lựa chọn tốt nhất có thể lúc này.

Vô Danh giải bày mấy nỗi lo với bà lão. Bà vừa nghe vừa xoa lưng con mèo già đang say ngủ. Có vẻ bà không thể hiểu một chủ đề rối rắm như vậy, nhưng bà là người biết lắng nghe, và đó là những gì Vô Danh cần lúc này.

Hắn kể cho bà nghe chuyện thi thoảng chạm mặt mấy tín đồ trên đường tháo chạy sau khi sống sót khỏi cuộc nội chiến nho nhỏ mà họ đã tham gia

trong các doanh trại được dựng trong tòa nhà còn trơ mỗi khung ở Dora. Cách họ đối xử với hắc phụ thuộc vào cung cách của ba kẻ khủng mà họ từng theo, và xem ra họ không mất nhiều niềm tin vào hắc lắm.

Một đêm hắc gặp Công dân 341 đi dọc con phố ở quận Waziriya. Y cúi chào Vô Danh và hôn tay hắc. Y nói y không biết chuyện xảy ra với những số khác - ai bị giết và ai sống sót khỏi bữa tiệc đạ kinh hoàng đêm hôm đó. Y cũng nói thêm rằng tuy vẫn còn tin tưởng và có khao khát sâu thẳm về việc tái tổ chức, nhưng y không biết Công dân 342, hay Công dân 340 là ai, hay họ sẽ tái lập việc đếm ở đâu nếu thu nạp thêm những người ủng hộ và tín đồ mới, hay những số nào không còn và thực sự hiện giờ còn bao nhiêu công dân.

Một đêm khác hắc gặp vấn đề thối rửa nghiêm trọng và tình cờ chạm mặt một tín đồ mà hắc tin rằng chính là vị cứu tinh. Người đàn ông đưa hắc về căn nhà ở quận Fadhil, tránh những người hàng xóm cùng những cặp mắt săn mồi. Khi họ ở trong sân, tín đồ này vào bếp rồi quay trở ra với một con dao lớn. Anh ta bảo Vô Danh có thể giết mình rồi lấy các bộ phận cơ thể hắc cần. Lời đề nghị khiến Vô Danh ngỡ ngàng. Sau vài phút suy nghĩ, hắc quyết định đây là một ý hay, nhất là khi những lựa chọn khác sẽ gây thêm ồn ào và hắc có thể phải giết nhiều người trước khi thay thế được các bộ phận thối rửa bằng những cái tươi mới.

Hắc cắt động mạch ở cổ tay người đàn ông, để anh ta chết từ từ và chìm dần vào hôn mê trước khi đi chầu ông bà ông vải. Hắc không muốn đâm vào bụng hay cắt cổ họng anh ta vì có vẻ quá bạo lực, và tín đồ này, hay bất kỳ ai khác trong cùng hoàn cảnh, sẽ không thể kiểm soát bản thân và bản năng thú vật trong mình. Anh ta có thể hét lên hoặc đưa ra quyết định bốc đồng chống lại cái chết đang chảy trong cơ thể mình.

Elishva chăm chú lắng nghe thứ mà bà nghĩ là bóng ma của con trai mình vốn mất tích cách đây hai thập kỷ, không bộc lộ bất cứ dấu hiệu nào

cho thấy bà hiểu những gì hắn đang nói.

Bà lão đã thức quá khuya, và bà có cảm giác vị khách của mình sẽ tiếp tục nói cho đến sáng. Nếu có chút gì của con trai bà trong mình, hắn phải hiểu rằng bà đang chống chọi lại thần chết, và bà sẽ không xúi bẩy ai tìm tới bất kỳ con đường chết nào.

“Sao không thư giãn đi, con trai của mẹ,” bà nói, muốn chấm dứt bài nói chuyện dông dài của hắn. “Mẹ dọn giường cho con ngoài sân nhé?” Hắn cảm thấy bà đang nhắc nhở hắn về vai trò bà đang đóng trong việc tạo tác danh tính hắn. Hắn cũng cảm thấy giá ở hoàn cảnh khác thì hắn thực sự muốn chấp nhận lời đề nghị của bà, nằm xuống tấm nệm bông thấp và nhìn mảng trời vuông, đếm những vì sao đến khi chìm vào giấc ngủ. Nhưng đây là cuộc đời không thuộc về hắn.

Bà bỏ kính ra, dụi mắt, hít sâu rồi thở ra thật dài. Khi bà mở mắt ra, vị khách nhiều lời đã biến đi đâu mất. Bà nhìn bức tranh vị thánh treo trước mặt, cây thương giáo cao còn con rồng khom mình bên dưới Người. Bà tự hỏi tại sao nhiều năm trước Người lại không giết con rồng. Tại sao Người lại đóng đinh trong tư thế đó, sẵn sàng tấn công, bà tự hỏi? Mọi thứ vẫn chỉ hoàn thành một nửa, chính xác như lúc này: bà không thực sự là một thực thể sống, nhưng cũng chẳng phải người đã chết.

“Người đang hành hạ con,” bà nói, bế con mèo đang say ngủ lên đặt sang bên cạnh bà trên xô pha. Con mèo mở mắt, ngáp dài, rồi vươn vai duỗi mình.

“Người không giết con rồng, phải không vị chiến binh?” bà nói, rồi kiên nhẫn đợi lời đáp. Bà đứng lên, vẫn chăm chú nhìn khuôn mặt điển trai của vị thánh im lặng.

“Mọi thứ rồi sẽ đi đến hồi kết, Elishva. Sao phải vội chứ?” vị thánh đáp, môi không hề mấp máy. Không có gì trong bức tranh chuyển động,

thế nhưng bà vẫn có thể nghe rõ giọng Người.

4

Hadi nằm thao thức, ngược lên vuông trời xanh thẳm và lũ chim lượn vút qua. Gã nhắm mắt lại một lát, rồi mở mắt ra thấy bóng một chiếc trực thăng Mỹ bay qua, gây ra tiếng ồn rền vang như sấm. Gã muốn dậy, nhưng nghĩ mình không đủ sức. Rồi toàn thân gã bỗng giật tung trước tiếng một vụ nổ lớn, mặt đất rung chuyển bên dưới gã.

Đó là một vụ đánh bom xe ở quận Sadriya, nằm ở trung tâm thủ đô cũ, cách Bataween vài dặm. Nhưng Hadi không biết chút tin tức gì về vụ nổ cho đến cuối ngày. Gã đang ngủ trên giường, người đau buốt, thì nghe thấy tiếng động ở cửa trước nhà. Đó là tay người Ai Cập Aziz cùng hai thanh niên trong khu. Aziz chửi thề khi huých vai đóng cánh cửa dorr dorr ương ương vào, rồi ngoác miệng cười với Hadi và đến chỗ hắt với một bát kem đông, ít bánh mì và trà đựng trong bình giữ nhiệt.

“Cảm ơn Chúa vì ông đã an toàn,” Aziz nói, vỗ vai gã bạn. Chưa đầy một tiếng sau, người thanh niên làm việc cùng Hadi xuất hiện. Cậu ta có hện đến xử lý chỗ đồ còn lại trong khách sạn cũ và ngạc nhiên khi thấy Hadi bị băng bó.

Sau bữa sáng, Aziz thúc Hadi đi kiểm tra ngôi nhà. Hadi sốc khi phát hiện ra khoản tiền tiết kiệm cùng mấy món đồ có giá trị đã biến mất. Ban đầu gã nghi ngờ những người đã băng bó vết thương cho gã, nhưng rồi nổi nghi ngờ chuyển sang đám người hỏi cung. Nhìn thấy bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh bị phá hoại, Aziz tỏ vẻ buồn bã.

“Đó là mẹ của Chúa Jesus. Sao lại có kẻ làm vậy chứ?” anh ta hỏi, chạm vào những mâu thạch cao vỡ vụn, rồi phủi tay như thể không muốn dính

vào bất cứ trò phá hoại ngẫu nhiên nào.

Hadi cảm thấy buồn nôn khi nhớ đến tất cả chỗ tiền gã kiếm được từ việc bán đồ đạc của khách sạn Orouba giờ đã không cánh mà bay. Một tiếng sau gã tỉnh táo trở lại. Gã bảo trợ lý đi mua ít xi, đinh, giấy ráp, bột trét gỗ, và những thứ khác để bảo quản và giữ gìn đồ đạc cũ. Họ sẽ xử lý mấy cái tủ quần áo cũ tả tơi, rồi mang ra chợ bán càng sớm càng tốt.

Khi mọi người về hết, Hadi để ý đến bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh bằng thạch cao. Gã từng bắn khoản liệu có thể lấy nó ra nguyên vẹn mà bán cho nhà thờ không. Gã lôi những mảnh vỡ của bức tượng ra, rồi dòm vào cái lỗ mà bức tượng để lại trên tường, gạt lớp bụi làm lộ ra một miếng ván gỗ sẫm màu cao chừng sáu mươi phân, rộng ba mươi phân. Gã chúi lại lần nữa thì phát hiện ra một bản khắc trong dáng hình một cái cây. Thực ra, đó là một cây chúc đài lớn có chữ viết cả ở trên lẫn dưới mà Hadi nhanh chóng nhận ra là tiếng Do Thái. Hồi còn trẻ hơn, gã từng nhìn thấy những thứ tương tự trên tường mấy ngôi nhà ở Bataween, và ngay lập tức nghĩ rằng, cái này cũng là thứ có thể bán. Nghĩ đến đây, gã cảm thấy nỗi sợ hãi nhen lên, vì nhớ đến đám người hồi cung. Gã nhớ lại những giải pháp đêm hôm trước và quyết định sẽ thay đổi mọi thứ.

Hadi nghe thấy tiếng động ngoài cửa - chắc hẳn trợ lý của gã đi chợ về. Gã lôi tấm thảm gấp gọn từ góc phòng ra phủ lên tường trước cái hốc đặt bức tượng và miếng ván gỗ, giấu kín chúng hoàn toàn.

Nader Shamouni, người trợ tế, gặp rắc rối trong việc tới nhà Elishva. Người Mỹ đã phong tỏa con đường ở quảng trường Tayaran do vụ bom xe xảy ra gần trạm xăng Gilani và một vụ nổ khác ở chợ Sadriya khiến hàng chục chủ cửa hàng và người mua thiệt mạng. Nader muốn ra khỏi xe, nhưng một cảnh sát cảnh báo ông không được đỗ xe ở đó. Ông tính gọi cho cha Josiah để báo rằng ông không thể hoàn thành nhiệm vụ, nhưng một suy nghĩ khôn ngoan hơn mách bảo ông rằng có lẽ đây là chuyện thường ngày.

Ông nên hoàn thành nhiệm vụ bằng mọi cách, nhất là khi sắp tới ông không phải thường xuyên gặp những vấn đề như thế này nữa: ông đã quyết định rời Baghdad cùng gia đình. Ông đã báo với cha Josiah từ lâu nhưng cứ nấn ná mãi chưa đi, nhận ra mình sẽ bỏ lại ngôi nhà, hàng xóm và cuộc đời ở Baghdad để chuyển tới Ankawa theo sự khẩn nài của các con gái và những người họ hàng đã sống ở đó vài năm. Khi chuyện rời đi vẫn còn chưa quyết, một buổi sáng Nader phát hiện ra ổ khóa cửa trước bị đồ keo. Ông cố cạo keo ra nhưng cuối cùng đành phải thay khóa. Chưa đầy một tuần sau, ông lại phát hiện ổ khóa mới bị đồ cùng một chất keo dính ấy. Có kẻ đang quấy rối họ, có lẽ là mấy đứa trẻ con, ông nói với gia đình như vậy và quyết định không sửa khóa nữa mà chốt cửa từ bên trong.

Nhưng rồi ông lại phát hiện ổ khóa của cánh cửa dẫn từ bếp ra vườn cũng bị đồ chất keo dính này. Giận dữ và căng thẳng, ông triệu tập một cuộc họp gia đình khẩn cấp. Ban đầu ông nghi ngờ vợ và các con gái, nhưng nhanh chóng gạt bỏ suy nghĩ đó. Ất hẳn kẻ nào đó đã trèo qua hàng rào và lên vào khi họ đang ngủ.

Nhiều sự cố tương tự đã xảy ra suốt ba năm qua, và xét tình hình an ninh xuống cấp ở Baghdad, thì chẳng thể tin tưởng có nhà chức trách nào giúp ông. Người cha của một gia đình trong giáo đoàn mới bị bắt cóc gần đây. Nhà họ phải chấp nhận trả một khoản tiền chuộc lớn thì mới thuyết phục được bọn bắt cóc thả ông ấy ra. Nader bèn gọi cho các em trai cùng họ hàng ở Ankawa và báo với họ về quyết định của mình.

“Đó chỉ là giải pháp tạm thời thôi. Nhà tôi sẽ đi đến khi nào tình hình ở thủ đô ổn định lại,” ông nói. Ông không thấy trước được rằng trên thực tế khả năng hết sức cao là ông sẽ không bao giờ có thể quay về.

Nader đỗ chiếc Volga nhỏ ở cuối đường rồi đi bộ về phía nhà Elishva. Ông sẽ không gặp lại bà nữa, ông cho là vậy, và điều này là đủ lý do để cuộc gặp cuối cùng giữa họ trở nên thân thiết hơn. Ông đã biết bà cùng

người chồng quá cố và các con bà hàng chục năm trời và có thể thấy nỗi mệt mỏi ở bà lão này - bà có những nếp nhăn mới trên mặt và quanh đôi mắt phía sau cặp kính lớn bà đeo. Có lẽ ông nhận ra tất cả những điều này bởi ông đã không ngủ gần bà một thời gian dài: cả tháng nay bà không tới nhà thờ.

Các con gái của Elishva, Hilda và Matilda, liên tục gọi cho cha Josiah, và cha cứ phải trấn an họ suốt rằng mẹ của họ vẫn khỏe và an toàn, nhưng họ đòi được nghe giọng bà - họ biết bà giận, và họ muốn làm lành với bà. Nader kể cho bà nghe tất cả những chuyện này và nói rằng linh mục bảo bà đến gặp vào Chủ nhật tuần tới sau Thánh lễ. Elishva chỉ tỏ vẻ cau có.

“Matilda sẽ tới Iraq vì bà đấy,” Nader nói tiếp. “Con bé nói nó sẽ tới gặp bà rồi đưa bà đi cùng với nó.”

“Nó sẽ không làm thế đâu. Nó không có gan.”

“Nó sẽ làm đấy. Nó cứ khóc khi nói chuyện với cha Josiah.”

“Tôi sẽ không đi đâu cả. Tôi sẽ không rời khỏi nhà mình đâu.”

“Nhưng nhà để làm gì hả Mẹ Daniel? Nhà để làm gì khi bà chỉ có một mình, như một kẻ ngốc trong lều giữa sa mạc hay sao?”

“Gia đình tôi ở đây và cả hàng xóm của tôi nữa. Cuộc sống của tôi là ở trong ngôi nhà này.”

“Tôi biết, nhưng bà không nhớ các con gái mình sao?”

“Chúng ổn cả. Tại sao chúng lại bắt tôi bỏ nhà cơ chứ?”

“Ừm, bà biết đấy, cuộc sống ở đây ngày càng khó khăn hơn mà. Nhà để làm gì nếu cuộc sống khó khăn cơ chứ? Nỗi sợ, cái chết, sự bất an, tội phạm trên đường phố, mọi người theo dõi khi bà đi qua. Kể cả khi bà ngủ, cũng chỉ toàn là ác mộng và giật mình sợ hãi. Cả đất nước này bắt đầu giống như đồng đồ nát Do Thái bên cạnh rồi.”

” ‘Chớ sợ những kẻ giết được thân xác nhưng không giết được tâm hồn.’ “

“Phải,” Nader đáp, ông không sẵn sàng đáp lại câu trích dẫn từ Kinh Thánh đó. Rồi ông bất ngờ chia sẻ nỗi lo lắng riêng của mình.

“Chủ nhật này bà phải đến, vì tôi, Mẹ Daniel à. Nếu bà muốn, tôi sẽ đến đón bà. Thế có được không?”

Bà đồng ý.

Ba ngày trước Chủ nhật, Nader bận tối mắt tối mũi với việc chuẩn bị. Ông đăng ký ngôi nhà với một đại lý bất động sản và bán đi nhiều đồ đạc, phần còn lại để ở tầng trên. Ông bận đến nỗi không đến dự Thánh lễ vào Chủ nhật. Sáng Thứ hai, ông để lại chìa khóa nhà cho một người bạn, nhờ ông ta thu xếp đồ trong nhà kho sẽ được chuyển tới Erbil bằng xe tải, rồi khởi hành cùng gia đình trong chiếc Volga nhỏ, đi về phía Bắc.

Hoặc là ông đã quên hoặc là ông cố tình lừa bà lão đi. Nhìn bà, ông nghĩ, chưa chắc đã sống được thêm một năm nữa, và ông sẽ không bao giờ gặp lại bà nữa. Về phần mình, Elishva cũng không nghĩ sẽ gặp lại người trợ tế với bộ ria Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng cả hai người đều đã nhàn.

Chương mười bốn

THEO DẤU VÀ TRUY NÃ

1

Chuẩn tướng Majid đang ngồi trong văn phòng xem Farid Shawwaf phát biểu trên ti vi về Tội phạm X, như cách đám nhà báo hiện giờ gọi Kẻ Không Tên. Các kênh truyền hình đưa tin về tên tội phạm này gần như mỗi ngày, trưng những bức vẽ mô phỏng khuôn mặt hắn, với dòng chú thích thông báo số tiền thưởng cho bất kỳ ai cung cấp thông tin để bắt hắn. Nếu ông có thể bắt tên tội phạm không tên không tuổi này, đó sẽ là vinh quang rực rỡ cho bao nỗ lực mấy năm ròng, chuẩn tướng nghĩ. Tên tội phạm giờ là một ngôi sao truyền hình, và khi chuẩn tướng bắt hắn, trong nháy mắt ông cũng sẽ trở thành người nổi tiếng.

“Họ đang treo một một khoản tiền mà họ biết thừa là sẽ không bao giờ phải trả,” chuẩn tướng Majid nói với một nhân viên cấp dưới. Ông lập tức cảm thấy đây là kiểu câu mà cái tay ăn vận đom đống trên ti vi có lẽ đã nói - tay đó luôn mặc những bộ com lê mà chuẩn tướng thèm muốn nhưng biết rằng mình sẽ không bao giờ được mặc chừng nào còn mắc kẹt trong văn phòng ở Cục Theo dấu và Truy nã.

Ông lấy từ trong ngăn kéo bàn làm việc ra một chiếc gương nhỏ, ngắm soi những quầng thâm bên dưới mắt và cách khuôn mặt ông xệ xuống. Ông lấy lòng bàn tay lau mặt - một việc ông đã quen làm nhưng chỉ khi nào ở một mình trong văn phòng. Suốt ba năm qua, công việc của ông tiếp diễn mà không có bất ngờ lớn nào. Với các trợ lý lập dị, ông phác thảo phỏng

đoán về các vụ nổ trên đường phố Baghdad, nghe ngóng những lời đồn và phân tích chúng, cung cấp lời khuyên tối mật cho các chính trị gia đang tìm cách gây dựng liên minh cho các cuộc bầu cử sắp tới hoặc suy tính đến việc cộng tác kinh doanh. Ông bận rộn khi cấp bậc và sự nghiệp quân đội của mình không được màng tới và ai đó từ các trụ sở của chính phủ gọi cho ông sau nửa đêm để hỏi cách giải mã giấc mơ. Ông dành phần lớn thời gian cho những việc vô nghĩa như vậy.

Trong thời kỳ hoàng kim khi cuộc sống còn dễ dàng, trước khi tên tội phạm vô danh xuất hiện, thi thoảng ông cũng được ngạc nhiên vài lần trước sự viếng thăm của một chính trị gia nổi tiếng. Tên tuổi họ với ông đều như nhau cả, và họ sẽ hỏi ông nhiều câu hỏi, như thể ông là người có thể đọc lá trà và tiên đoán tương lai, nhưng ông biết chỉ có một câu hỏi duy nhất dẫn lối họ tới văn phòng của ông:

“Khi nào tôi sẽ chết và chết như thế nào?” Câu này thường xuất hiện vào cuối một tràng câu hỏi xây xẩm mặt mày, tạo ấn tượng rằng đó chỉ là một trong số nhiều câu hỏi mà thôi.

“Tôi có nên đặt một chiếc xe bọc giáp, hay là không cần?” một chính trị gia từng hỏi ông. Khối nghị viện của ông ta chỉ được phân ba chiếc xe bọc giáp, chính trị gia giải thích; ông ta có nên đấu tranh để có một chiếc không?

Bất kỳ ai khác ở vị trí của ông cũng sẽ tận dụng những chính trị gia này để bản thân được cất nhắc, cố giành một vị trí cao hơn và thoát khỏi cảnh mắc kẹt trong Cục Theo dấu và Truy nã, nhưng chuẩn tướng Majid lại muốn thể hiện giá trị của mình qua nỗ lực thực sự, không phải nhờ vận may của các chính trị gia mà nhờ vào việc bắt tội phạm. Tuy nhiên, chuyện đã thay đổi, dấu vậy, với sự xuất hiện của tên tội phạm nguy hiểm này.

Farid Shawwaf đã biến mất khỏi màn hình ti vi, tiếp nối là phần tin tức, khi một sĩ quan khiến chuẩn tướng ngạc nhiên với một ý tưởng kinh hoàng mà Majid chưa bao giờ nghĩ tới trước đó.

“Nếu đạn thực sự không thể giết được hắn và hắn biết chúng ta đang cố theo dấu hắn, vậy ngộ nhỡ hắn theo ngược lại chúng ta, tìm ra cơ quan đầu não của chúng ta, rồi đến đây giết hết tất cả thì sao?”

2

Chiêm tinh gia bậc thầy đang băn khoăn cùng câu hỏi này khi lật những lá bài trong căn phòng dùng chung với chiêm tinh gia tập sự. Lão lại xáo bài lần nữa, như một tay chơi poker thành thạo, rồi rút từng lá bài một và giơ thẳng trước mắt. Lão chăm chăm nhìn nó như thể thấy trong đó một khe nứt sâu hoặc một cánh cửa dẫn tới cả một thế giới mà chỉ mình lão thấy.

Lão biết rằng sẽ có ngày lão mặt đối mặt với tên tội phạm và nhận ra hắn. Nhưng trong lúc này, khuôn mặt ấy vẫn mơ hồ và không chịu thành hình. Lão vuốt chòm râu dài nhọn trắng như cước và nhắm mắt lại. Tên tội phạm đang chạy trên những mái nhà ở một khu nghèo của Baghdad, nhưng có báo với chuẩn tướng Majid cũng vô ích bởi tên tội phạm không bao giờ ở nguyên vị trí, và hắn di chuyển với tốc độ khác thường mà không con người nào có thể bắt kịp.

Chiêm tinh gia tập sự đang chăm chú theo dõi những cử động cần trọng của sư phụ. Chiêm tinh gia bậc thầy cảm thấy khó chịu khi môn đồ trẻ tuổi của mình có vẻ quá thư thái.

“Hắn rất có thể bất thần xông vào đây ngay bây giờ và giết cả hai chúng ta đấy,” chiêm tinh gia bậc thầy nói.

“Nếu cuối cùng chuyện đó cũng xảy ra, vậy tìm cách xoay xở thì có ích gì cơ chứ? Chúng ta có thể làm gì để ngăn hấn đây? Chúng ta là Chúa à?”

“Nếu trò có thể nhìn thấy trước những gì sẽ xảy ra, thì đó chính là món quà của Chúa, và Người đang nói với trò rằng trò có thể thay đổi số phận theo hướng tốt hơn. Ta là vị chúa cho trò thấy những gì sẽ xảy ra vì cái xảy ra phụ thuộc vào cái ta làm. Nếu trò không làm gì cả, thì cái trò nhìn thấy trước sẽ xảy đến. Nếu trò hành động, trò có thể tận dụng sự cho phép của Chúa để thay đổi những gì sẽ xảy ra.”

“Vâng, lúc nào sư phụ cũng nói vậy,” chiêm tinh gia tập sự đáp, ra dấu cuộc nói chuyện đã kết thúc và cậu không muốn nghe thêm bất cứ bài giảng nào từ sư phụ của mình nữa, người xem ra không dạy được thêm cho cậu cái gì mới.

Chiêm tinh gia tập sự đứng lên vươn vai. Cậu c ầm bao cát trên bàn lên, nhét vào túi r ồi leo lên giường.

3

Những hạt cát đỏ mịn vẫn còn vương trên mép chiếc bàn gỗ nơi chiêm tinh gia bậc thầy đang ng ồi. Ông đứng lên và lấy tay lau bàn, r ồi chùi tay vào chiếc áo choàng mền rũ. Ông quyết định ra ngoài hút thuốc, bất chấp cái lạnh. Ông c ần không khí.

Ngay sau khi chiêm tinh gia bậc thầy rời khỏi phòng, sập cửa lại sau lưng, chiêm tinh gia tập sự li ền ng ồi thẳng dậy trên giường. Có một nhiệm vụ cậu muốn tiến hành đêm nay.

Cậu đứng lên ra bàn ng ồi, loại trừ khả năng sư phụ của cậu bất chợt đổi ý mà quay lại. Cậu lấy bao cát đỏ ra khỏi túi, trút hết ra bàn, r ồi bắt đầu nghịch. Cậu tạo thành một vòng tròn cát lớn, r ồi lấy một nắm cát khác, c ần

thận cho cát chảy xuống thành một đường mảnh bên trong vòng. Đó là trò chơi ngớ ngẩn của trẻ con, chuẩn tướng Majid từng tự nhủ khi thấy chiêm tinh gia tập sự nghịch những bao cát. Nhưng chỗ cát này đến từ một nơi đặc biệt ở sa mạc Empty Quarter của Ả Rập Xê út, và nó có sức mạnh thần kỳ mà chỉ những ai biết tận dụng thì mới trân trọng mà thôi. Chuẩn tướng Majid đã đánh giá sai tầm quan trọng của việc mà chiêm tinh gia trẻ tuổi này làm.

Chiêm tinh gia bậc thầy cảm thấy cái lạnh của đêm luồn vào tận xương. Lão quàng đầu mẩu thuốc lá đi và quyết định quay về phòng ngủ. Cùng lúc, môn đồ trẻ tuổi của lão cũng sắp hoàn thành xong thí nghiệm bí mật của mình. Cậu đang cố liên lạc với linh hồn của Kẻ Không Tên. Trong khi cấp trên của cậu hứng thú với việc tìm ra chân dung tên tội phạm thì chiêm tinh gia tập sự lại hứng thú với linh hồn của hắn. Suốt vài tuần qua cậu đã cố liên lạc với gia đình Hasib Mohamed Jaafar, nhân viên bảo vệ thiết mạng ở Sadeer Novotel có linh hồn đang trú ngụ trong cơ thể mà Hadi đã ráp nối trong xương của mình.

Đêm ấy chiêm tinh gia tập sự đã kết nối được với linh hồn của tên quái vật. Có những hồi rung điện thoại di động giữa cậu và quái vật, qua đó cậu truyền tải thứ gì đó vào bộ não của quái vật khiến hắn ngừng di chuyển trong chốc lát. Nếu chiêm tinh gia bậc thầy ở đó, lão đã có thể nhìn thấy trong những lá bài rằng tên quái vật thực sự đã dừng lại. Hắn dựa vào tường một tòa nhà cao tầng trên con phố tối, dọc hai bên là những tiệm sửa ô tô, và nhìn vào bức tường của một trường trung học cơ sở bỏ hoang đầu đó ở ngoại ô phía Nam của Baghdad. Giờ chiêm tinh gia tập sự cảm thấy mình siêu việt hơn chính cấp trên của mình.

Khi chiêm tinh gia bậc thầy quay về phòng, lão đóng cửa lại sau lưng, rồi nhìn vào giường của môn đồ, thấy cậu đang ngủ, mặt quay vào tường như lúc lão đi. Lão bước qua chiếc bàn gỗ và nhận thấy những hạt cát

vương trên đó. Lão chắc chắn rằng mình đã lau sạch chỗ đó một tiếng trước.

4

Vô Danh bỗng dừng lại giữa con đường phụ và quay lại nhìn về hướng nơi hắn đã đến. Có vài chiếc xe lái dọc con đường chính. Như thể thoát khỏi một cơn mộng dài, hắn nhận ra mình không nhớ nổi làm sao đôi chân lại dẫn lối hắn tới đây. Hắn không biết mình đang đi đâu hay sẽ qua đêm ở đâu. Một người đi ngang qua đường khi hắn lang thang trong đêm, hoặc là họ chạy khỏi hắn, hoặc họ là những môn đồ cũ sẵn sàng giúp đỡ hắn.

Trong tâm trí mình hắn vẫn có một danh sách dài những người phải giết, và cho dầu danh sách đó có co lại nhanh bao nhiêu thì nó vẫn được bổ sung những cái tên mới, biến việc trả thù những mạng sống này thành một nhiệm vụ bất tận. Hoặc có lẽ một ngày hắn thức dậy và phát hiện ra rằng chẳng còn một ai để giết, bởi đám tội phạm và các nạn nhân đã lẫn vào nhau theo cách phức tạp chưa từng thấy.

“Không người vô tội nào vô tội hoàn toàn, không tên tội phạm nào là tội phạm hoàn toàn.” Câu nói này xoáy vào đầu hắn như một viên đạn bất ngờ. Hắn đứng giữa đường và ngược lên bầu trời, đợi chờ khoảnh khắc cuối cùng khi hắn phân rã thành những mảnh ban đầu. Đó chính là sự nhận thức làm lung lay nhiệm vụ của hắn - bởi mỗi tên tội phạm hắn giết cũng đồng thời là nạn nhân. Phần nạn nhân ở một số kẻ thậm chí còn nhiều hơn phần tội phạm, vậy nên có thể hắn đã vô tình được tạo nên từ những phần vô tội nhất trong cơ thể đám tội phạm.

“Không người vô tội nào vô tội hoàn toàn, không tên tội phạm nào là tội phạm hoàn toàn.” Câu nói này lại xoáy vào đầu hắn lần nữa, và hắn đứng

đó, rõ ràng trong ánh đèn pha một chiếc xe vừa rẽ vào con đường phụ. Tài xế dừng lại đủ lâu để nhận ra hẳn đang nhìn gì giữa phố, rồi chậm rãi quay lưng, trở lại con đường nơi từ đó mình đã đến.

5

Chiêm tinh gia bậc thầy đi vào văn phòng của chuẩn tướng Majid cùng mấy đồng nghiệp - nhưng không có môn đồ trẻ của mình - trong khi chuẩn tướng đang dùng bữa sáng trên xô pha đối diện chiếc bàn làm việc khổng lồ. Lão đưa cho chuẩn tướng một phong bì màu hồng, song song với những thủ tục quen thuộc.

“Vào lúc mười một giờ trưa nay, một vụ bom xe sẽ xảy ra bên ngoài Bộ Tài chính,” chiêm tinh gia bậc thầy nói trước cả khi chuẩn tướng mở phong bì, bên trong chứa cùng thông tin đó. Chuẩn tướng Majid cho một miếng bánh mì phết kem đông vào miệng, rồi đứng lên. Ông bấm số trên điện thoại di động và đợi có người nghe máy, rồi đề nghị được nối máy với một quan chức cao cấp hơn. Ông truyền đạt lại nội dung lời tiên đoán, rồi ngồi lại xuống bàn ăn nốt bữa sáng.

Hai năm trước, khi chiêm tinh gia bậc thầy mang theo thông tin kiểu này tới đây, chuẩn tướng sẽ coi đó là trường hợp khẩn cấp. Ông sẽ liên lạc với các chỉ huy an ninh, và sẽ suy sụp khi nghe tin vụ nổ xảy ra bất chấp lời cảnh báo của ông.

“Lũ ngốc. Khi họ xác định được vụ bom xe, họ lại thích tháo chạy hơn là dỡ bom,” ông luôn nói vậy. Nhưng giờ ông đã bình tĩnh hơn, nhất là khi ông thấy rằng có những tội ác và sự cố an ninh khác cứ diễn ra mà đội của ông không thể dò ra.

“Chúng ta giảm nhẹ tác động, nhưng chúng ta không thể ngăn được hết các vụ. Nếu họ muốn thiết lập an ninh toàn diện, họ nên để chúng ta chịu trách nhiệm về đất nước này,” thì thoảng ông nói vậy, với lòng tin thái quá vào bản thân và năng lực của đội pháp sư và chiêm tinh gia dưới quyền mình. Nhưng ông đã ảo tưởng.

Chiêm tinh gia bậc thầy phẩy tay, những người khác bèn rời khỏi phòng. Khi họ đóng cửa lại sau lưng, nhà chiêm tinh già ngẩng xuống trước mặt chuẩn tướng lúc này đang đi êm thản nhấp trà.

Chiêm tinh gia bậc thầy lo lắng hỏi chuẩn tướng. “Ngài có nhớ không, thưa ngài, cái hồi chúng ta bắt đầu nhìn thấy bóng ma của Kẻ Không Tên?”

“Đó hẳn là mùa xuân, tầm cuối tháng Tư.”

“Ngài đã bao giờ nghĩ đến chuyện tên tội phạm quái vật đó được tạo ra như thế nào chưa?”

“Tôi không biết. Sao ông lại hỏi vậy? Nếu không phải vì tất cả những lời đồn và lòng tin của tôi vào những gì ông nói, tôi sẽ không tin một sinh vật như vậy lại tồn tại. Chúng ta đang sống ở đâu, vào thời đại nào vậy? Ma quỷ và nữ yêu, trong thời buổi này và thời đại này? Chúng không chỉ là biểu hiện nỗi sợ của con người,” chuẩn tướng tức giận.

“Không, thưa ngài. Hẳn có tồn tại. Ngài có quyền không tin tôi, nhưng khi chúng tôi bắt được hắn, ngài sẽ thấy.”

“Ông đến đây chỉ để nói với tôi điếu này, hay có gì khác mà ông đang giấu?”

“Vâng, tôi nghĩ chúng ta có vai trò trong việc tạo ra sinh vật này, theo cách này hay cách khác. Mọi chuyện vẫn diễn ra như bình thường trước khi hắn xuất hiện. Tôi nghĩ có kẻ trong chúng ta đã tiếp tay tạo ra hắn,” chiêm tinh gia nói. Chuẩn tướng giữ cốc trà giữa lưng chừng. Ông không uống cũng không đặt xuống.

“Ý ông là gì?”

“Có kẻ đã truyền cảm hứng tạo ra sinh vật này để ngăn chặn tội ác trước khi nó xảy ra. Tiên đoán nơi tội ác xảy ra để làm gì khi ta có thể loại trừ kẻ gây án trước khi hắn ra tay.”

“Ý ông là gì?” chuẩn tướng hỏi lại, cốc trà vẫn ở giữa lung chừng. Ông khó chịu và bối rối. Ông sẽ không tin những lời mà chiêm tinh gia được ông tin tưởng nhất nói bởi lão không đưa ra được bất cứ bằng chứng gì, kể cả khi lão bán cho chính phủ và người Mỹ những thông tin thu được từ mớ lá bài, cát, gương, chuỗi tràng hạt làm từ đậu, vân vân. Nhưng chuẩn tướng sẽ không dễ tin những câu chuyện thế này.

Chương mười lăm
TÂM HỒN LẠC LỐI

1

Mahmoud mơ thấy mình đang nắm tay cô, ngón tay anh đan vào ngón tay cô. Họ lững thững dạo qua khách sạn Sheraton về phía đường Abu Nuwas, bàn tay nói lên tất cả, như sợi dây điện truyền tải thông điệp giữa hai tâm hồn.

Không có âm thanh nào ở hậu cảnh - không tiếng còi xe, không xe cảnh sát hay Hummer. Thế giới quanh họ tươi vui hơn, bớt tẻ nhạt và u ám hơn, còn tương lai không có vẻ gì là hoàn toàn vô định. Có một sự đảm bảo rằng tình hình sẽ tốt đẹp hơn, khiến mọi thứ dường như bớt ngọt ngào hơn, hoặc như cú chạm của vua Midas, biến chúng thành vàng.

“Em đã bao giờ nhìn thấy một cục phân vàng chưa?” anh hỏi. “Em thấy nó đẹp hay chỉ đơn giản là một cục phân thôi?”

Anh không biết tại sao mình lại hỏi câu này. Nhưng khi nhìn cô, anh phát hiện ra cô chỉ là một cái cây nứt vỏ, một cây khuynh diệp trên phố Abu Nuwas. Anh cảm thấy cổ họng đắng ngắt và ngửi thấy mùi lố những chiếc xe chạy qua. Trong tay anh là chiếc khăn đấm mồ hôi của chính anh. Không hiểu sao anh siết chặt nó.

Anh tỉnh dậy đẫm đũa mồ hôi và cảm thấy thất vọng tận tâm can. Anh đã trải qua một giấc ngủ dài. Anh không muốn ra khỏi giường. Anh quay lại ngủ tiếp, đến với những hình ảnh yên lòng trong giấc mơ của anh. Đến

khi anh đứng dưới làn nước lạnh từ vòi sen thì đã trưa. Anh gọi cho Raghyib, mượn áo cho anh, và đợi trong phòng. Anh xem ti vi, hút thuốc, ngắm xe cộ và người đi đường trên phố Saadoun từ cửa sổ khách sạn. Anh cứ như vậy cho tới lúc hoàng hôn, khi Zeina xuất hiện.

Bên ngoài trời nóng ẩm. Dù mặt trời đã lặn, hơi nóng vẫn bốc lên từ mặt đường, thế là việc đầu tiên Zeina làm sau khi vào phòng Mahmoud là đứng trần truồng dưới vòi sen suốt mười lăm phút. Tóc cô, cặp lại bằng chiếc kẹp h òng, ướt sũng. Lốp trang điểm của cô trôi sạch, và cô chả buồn quan tâm Mahmoud nghĩ gì khi cô khóa thân ra khỏi buồng tắm, làn da lạnh và ẩm, với một cảm giác thư giãn đơn thuần.

Giống như lần trước, cô bảo anh tên cô là Zeina, nhưng Mahmoud nói tên cô là Nawal al-Wazir. Cô cười ngất và nói rằng cái tên Nawal sao mà xưa cũ, xưa cũ hơn cả câu chào truyền thống Assalam aleekum*. Rồi cô lại cười và nằm xuống giường, giạng chân cho anh thấy chỗ cô đã cạo sạch lông mu. Anh tự nhủ rằng việc dùng câu Asalama aleekum nói về cái cổ xưa là tự thân nó đã xưa cũ rồi, nhưng nghe nó thật hay khi được phát ra từ miệng cô. Tất cả những gì anh muốn là vòng tay quanh người cô và lướt tay dọc cơ thể trần truồng, sạch sẽ của cô. “Đây là khoảnh khắc mà vẫn luôn chờ đợi đấy, anh bạn,” anh tự nhủ. “Sau đêm nay, cuộc sống sẽ không còn chút gì như trước nữa.”

Anh nghe tiếng Zeina bảo anh tắt đèn. Anh cởi quần áo ra và gieo mình xuống giường bên cạnh cô. Ánh sáng từ ti vi quét lấp loáng khắp phòng. Cô bảo anh tắt nốt ti vi đi, nhưng như lần trước, anh muốn cô nhảy theo một bài hát từ Vùng Vịnh.

“Nhảy nhé, Nawal,” anh nói.

Cô cười và kéo anh về phía mình.

“Vẫn Nawal à?” cô nói.

Anh nắm cánh tay tròn lẳn của cô và kéo cô lại gần hơn, quên mất lời rủ rê cô nhảy. Tim anh đập như trống trận. Khi anh vòng tay ôm cô, cô dùng bàn tay đang rảnh với lấy chiếc điếu khiêu từ xa trên gối và tắt ti vi đi. Không đến nỗi tối như hũ nút - vẫn có ánh sáng lò mờ lọt vào từ cửa sổ ban công - nhưng khi anh nhìn cô, anh không thấy gì cả, chỉ có những đường sáng viền quanh người phụ nữ có thể là bất cứ người phụ nữ nào trên thế giới. Ấy nhưng anh vẫn nhìn cô như một người phụ nữ đặc biệt, Nawal al-Wazir, người phụ nữ anh yêu. Cô nằm đây trong vòng tay anh, kể cả khi cô nói tên mình là Zeina.

Anh phủ những nụ hôn lên cơ thể tối sẫm của cô, và cô liền bật cười, việc mà anh chẳng thích chút nào. Anh thúc sâu vào trong cô, khoái cảm tràn qua anh với nhịp độ tăng dần, nhưng rồi cô bắt đầu rên rỉ vẻ không thoải mái, vờ như lên đỉnh. Cô không quyện hòa với anh mà muốn anh đạt cực khoái thật nhanh để cô có thể xong việc.

“Im nào,” anh nạt, và cô bèn thôi. Rồi anh lấy tay che miệng cô khi nhấn cô từ đằng sau. Khi anh làm xong, cô cầu nhàu rời khỏi giường. Cô ngồi trên truồng trên chiếc ghế kế bên cửa sổ ban công và bắt đầu hút thuốc. Mahmoud có thể thấy khuôn mặt nghiêng nghiêng của cô trong ánh sáng khuếch tán. Cô đang điên tiết, nhưng cô vẫn đẹp. Một khắc sau anh hét lên với cô và cô bèn giận dữ đáp trả, “Cái cô Nawal mà anh cứ lải nhải mãi là ai? Em đã bảo tên em là Zeina, chết tiệt, mà sao anh cứ gọi em là Nawal thế?”

2

Mahmoud rút một điếu thuốc ra khỏi bao và bắt đầu hút, trong khi Zeina ngồi kế bên ban công cửa sổ. Anh nhớ lại chuyện đã xảy đến với mình

trong hai tư giờ qua.

Buổi sáng anh tới quán cà phê của Aziz, muốn khơi lại chút không khí xưa cũ và quên đi sự đơn điệu của tòa soạn. Anh thân thiện chào Aziz và mong gặp tay buôn đồ cũ Hadi ở đó.

“Ông ta ở nhà à,” Mahmoud hỏi.

“Đừng tới chỗ ông ta, thưa anh. Hãy để ông ta yên, vì Chúa.” Aziz nói với giọng nghiêm túc mà Mahmoud chưa từng được nghe. Khi không còn khách trong quán, Aziz tới ngồi bên cạnh anh. Mahmoud hỏi về Vô Danh, liệu hắn có đúng là tên tội phạm mọi người đang nói đến hay không. Aziz bảo tất cả chỉ là chuyện bịa rồi kể cho anh nghe về Nahem Abdaki, bạn thân, đối tác và người đồng hành mà Hadi đã mất trong một vụ nổ hồi đầu năm. Hadi đã kinh qua nhiều tai họa, nhưng sau một thời gian gã biến tất cả mọi thứ thành những câu chuyện mua vui.

“Vô Danh mà Hadi nói đến thực ra là Nahem Abdaki, mong cậu ấy yên nghỉ,” anh ta nói thêm.

“Sao lại có thể là cậu ấy được?” Mahmoud hỏi. Aziz giải thích rằng sau vụ nổ, Hadi đã tới nhà quan để nhật xác vì Nahem không còn người thân nào khác ngoài vợ và con gái nhỏ. Hadi sốc khi thấy xác các nạn nhân vụ nổ bị xếp lẫn vào nhau và nghe nhân viên nhà quan bảo gã xếp lại một cái xác hoàn chỉnh rồi mang đi - lấy cái chân này cái tay này vân vân.

Hadi nhật nhanh những gì gã nghĩ là xác của Nahem, rồi đến nghĩa trang Mohamed Sakran cùng vợ góa của Nahem và mấy người hàng xóm. Nhưng sau đó Hadi đã thay đổi. Gã không nói gì suốt hai tuần liền, rồi gã cũng há miệng cười trở lại và tiếp tục kể chuyện, và khi gã kể chuyện về Vô Danh ở quán cà phê của Aziz, Aziz và những người ngồi đó biết rằng Hadi đã rút Nahem ra và thế Vô Danh vào vị trí đó.

“Được rồi, nhưng còn mấy bản ghi âm thì sao? Tôi đã đưa cho ông ta máy ghi âm, và ông ta đã ghi lại cuộc trò chuyện giữa mình và Vô Danh.”

“Hadi là kẻ một tấc lên giờ. Có khi ông ta lấy bạn ra để ghi âm cũng nên. Tay đây có ối bạn mà chúng ta không biết.”

“Tôi không tin đâu. Những gì hắn ta nói trong bản ghi âm rất mạnh mẽ. Ý tôi là, là kẻ thông minh nói ra. Những câu chuyện lớn có chiều sâu.”

“Tôi thực sự không biết. Nhưng Hadi là con quỷ gian xảo; gì ông ta cũng nghĩ ra được.”

Mahmoud tin Aziz, dù có những lỗ hổng trong câu chuyện của anh ta, những câu hỏi không có lời giải đáp. Trên đường về anh dừng lại ở cuối đường 7 và phóng tầm mắt ra xa về bức tường mặt tiền xập xệ của “đồng đồ nát Do Thái”, nơi Hadi sống. Anh tính lờ đi mong cầu của Aziz và gõ lên cánh cửa đó để nghe trực tiếp câu chuyện từ Hadi, nhưng anh lo rằng có lẽ Hadi thực sự khôn ngoan hơn anh, như Aziz tin chắc, và biết đâu gã lại lôi anh vào vòng xoáy của câu chuyện hoang đường ấy. Giờ Mahmoud không có hơi sức đâu cho chuyện này.

3

Ali Baher al-Saidi đi được vài ngày thì một nhóm đàn ông rìa bạc rậm rì và bụng phệ như trống xuất hiện ở tòa soạn *al-Haqiqa* để tra hỏi về ông. Mahmoud tiếp họ với vẻ mặt mệt mỏi. Họ hỏi số điện thoại của Saidi ở Beirut, Mahmoud đáp rằng anh không có. Họ lại hỏi nhà Hadi, họ hàng của ông, công ty của ông, vân vân. Mahmoud đầu bảo rằng không biết gì sất. Khi đã từ bỏ mọi hy vọng moi được chút thông tin gì hữu ích, họ bỏ đi, cầu nhàu tức tối.

Đến chiều, nóng ruột vì lo lắng, Mahmoud cô gọi cho Ali Baher al-Saidi, nhưng ông không bắt máy. Mahmoud cố thử lại lần hai lần ba, cuối cùng Sadi cũng nghe. Như thường lệ ông tỏ ra điềm thản. Mahmoud kể cho ông về mấy người khách, và Saidi khen ngợi cách anh đối phó với họ. Ông bảo Mahmoud hãy cứ xử cứng rắn với những người tương tự nhưng không giải thích những người tương tự là ai và tại sao họ lại tra hỏi. Ông bảo Mahmoud gọi cho thư ký riêng của mình và nhắc cô đến tòa soạn để gặp đến những vị khách như vậy.

“Cô ấy biết cách trả lời họ, và đó không phải việc của cậu,” ông nói. “Cậu chỉ cần tập trung vào tạp chí thôi.”

Saidi nhanh chóng cúp máy, bỏ lại Mahmoud lòng đầy băn khoăn. Anh ngại không dám gọi cho ông hỏi thêm nhiều câu nữa.

Hôm sau Mahmoud gọi cho thư ký của Saidi, nhưng cô bảo anh là đã từ chức rồi. Hôn phu của cô không đồng ý để cô làm việc ở một nơi toàn đàn ông, nói rằng có đầy rẫy nguy hiểm trên đường phố. Mahmoud không biết đáp lại thế nào và cũng chẳng muốn tranh cãi.

Anh đang ở ngay đúng tuyến lửa, tình huống mà anh chưa từng quen. Anh dậy lúc tám giờ sáng, tắm rửa, cạo râu, ăn mặc chỉnh tề cho giống Saidi. Lấy cuốn sổ nhỏ ra, anh xem những việc cần ưu tiên trong ngày. Anh gọi cho Sultan, tài xế riêng của Saidi, bảo anh ta đưa anh đi lấy tin. Nhân viên tòa soạn - tất cả trừ Farid Shawwaf - ngược nhìn anh như “sếp lớn” và là một phiên bản y chang của chính Saidi. Có lẽ họ thấy anh thoải mái và hạnh phúc, như Saidi vẫn luôn tỏ ra. Nhưng thực ra trong lòng anh đầy lo lắng và sợ những sự bất ngờ. Anh còn sợ mất điểm trong mắt Saidi hơn. Anh nóng lòng muốn bước ra khỏi ánh đèn sân khấu và trở lại làm số hai vốn luôn nhận chỉ thị từ sếp.

Mahmoud đang bận tối mắt tối mũi thì Nawal al-Wazir gọi vào số của Saidi. Anh thấy số 666 bèn nhấc máy, nhưng không ai lên tiếng. Anh nghe thấy tiếng thở dài ở đầu dây bên kia, hoặc có lẽ là anh tưởng tượng ra, trước khi người gọi cúp máy.

Hai ngày sau người tạp vụ già, Bô Jouni, vào phòng thả một quả bom: Nawal al-Wazir đang ở tòa soạn. Cô đến trên chiếc Suzuki trắng nhỏ xíu nom không khác gì đồ chơi. Cô tháo cặp kính ôm sát mắt ra và ngẩng xuống chiếc xô pha da đỏ, tỏa ra sức sống, sự khỏe mạnh và mỉm cười với Mahmoud, khiến tim anh đập loạn nhịp. Trông cô xinh đẹp gấp bội phần so với hai tháng trước.

“Té ra là người bạn hài hước của anh để anh mắc kẹt ở đây trong khi rong chơi khắp nơi hả?” cô nói.

“Ông ấy đi dự một hội nghị truyền thông và nhân quyền ở Beirut.”

“Phải, anh nói với tôi rồi, phải. Giờ anh sẽ thấy ông ấy lừa anh như thế nào.”

Cô dúi điều thuốc vào gạt tàn trước khi nó cháy hết, rồi nói tiếp: “Ông ấy tới đó để chơi thôi. Không có hội nghị gì hết.”

“Thật ư? Tôi nào biết.”

“Anh là một chàng trai tử tế thật đấy, Mahmoud. Ngay khi tôi nhìn thấy anh với Saidi, tôi đã nói, ‘Họ khác nhau một trời một vực, hai người bọn họ.’ Và người bạn kia của anh thực sự là kẻ dối trá.”

“Ông ấy là bạn tôi hay bạn cô?” Mahmoud đánh liêu hồi. Anh thấy cô cười, rồi khúc khích.

“Phải, bạn *tôi*,” cô nói. “Nhưng đừng để bị ảnh hưởng chứ. Ông ấy chỉ giúp tôi làm phim thôi. Ông ấy cho tôi cốt truyện ngay từ đầu.”

Cô nhìn đồng hồ, mở chiếc túi hình bầu dục lạ mắt ra, lấy một chiếc chìa khóa nhỏ, rồi nhìn Mahmoud nói, “Anh có phiền không?” Cô tới chỗ

chiếc bàn khổng lồ của Saidi, cúi xuống gần kéo cuối cùng, cái lúc nào cũng đóng chặt. Mahmoud không biết bên trong có gì và cũng không có chìa khóa để mở, nhưng Nawal đã mở ra. Cô lấy ra mấy tập tài liệu và một cái hộp nhỏ chắc là đựng đồng hồ hoặc một chiếc bút máy đắt tiền, rồi đến một hộp giấy loại được các cửa hàng ở Bab al-Sharqi dùng để rửa và in ảnh. Cô cho tất cả vào một túi nilông dày bên trên in quảng cáo thuốc lá Gitanes, rồi cầm lên lắc lắc như để xem có nặng không.

“Đừng lo,” cô nói. “Ông ấy biết mà. Ông ấy đã đưa tôi chìa khóa. Đây là đồ của tôi. Kịch bản phim và mấy thứ khác.”

“Thế tại sao cô lại lấy chúng đi? Ý tôi là, có chuyện gì vậy?”

“Tất cả kết thúc rồi, và tôi khuyên anh hãy cẩn thận. Anh làm tôi nhớ đến em trai tôi đã chuyển tới Thụy Điển mười năm trước, và người chồng quá cố của tôi nữa, cậu mong anh ấy yên nghỉ.”

“Vậy tôi nên làm gì?” Mahmoud hỏi. “Tại sao tôi lại phải cẩn thận?”

Cô quay ra phía cửa, rồi quay lại nhìn Mahmoud. Cô thở dài nói, “Chúng ta không thể nói chuyện ở đây.”

Anh nghĩ cô đang gợi ý họ rời khỏi tòa soạn và đi chỗ khác nói chuyện, nhưng vì một lý do nào đó anh xin thôi, nói mình đang rất bận và hứa sẽ gọi cho cô để sắp xếp thời gian gặp gỡ nói chuyện.

Thực ra thì anh đang nghi ngờ và muốn dành thời gian ngẫm nghĩ những gì cô nói. Anh tiến cô ra cửa trước, hoa mắt trước màu sắc con Suzuki mới cóng của cô. Cô không có vẻ gì là kẻ ăn xin hay gái làng chơi; cô là một phụ nữ đáng tôn trọng. Có lẽ Mahmoud đã phạm sai lầm và lẽ ra nên đi cùng cô tới bất cứ nơi nào cô muốn. Chẳng phải anh đã mơ được gặp cô sao? Chẳng phải anh đã tưởng tượng ra khuôn mặt và cơ thể cô trong những ảo mộng xác thịt rõ đến từng chi tiết sao? Anh thậm chí đã chọn một người đàn bà để ngủ cùng vì ả giống Nawal.

Trước khi cô đi, Mahmoud đứng trên đường xe chạy của cô như một kẻ ngốc. Suýt nữa xe đã đụng trúng anh. Cô phanh gấp lại, và anh giơ tay lên ra hiệu cho cô đợi. Anh vội vã quay vào tòa soạn, tóm lấy chiếc túi da, nhả nhủ BỐ Jouni, rồi lao ra ngoài. Anh mở cửa xe vào ngõ cạnh cô. Khi cô lái đi, anh cảm thấy hạ bộ mình căng cứng nhưng cố tỏ ra đi êm nhiên, ở bên cô thôi là anh đã thấy thỏa mãn, như thể giấc mơ khiến anh thất vọng khi phải thức dậy đã bắt đầu trở thành hiện thực.

Trước khi ra tới đường chính, họ đi qua Sultan đang ngồi trong con xe bốn bánh, cố rẽ vào. Nawal nhường đường cho ông, và khi lái qua, ông cố nhìn ra những khuôn mặt đằng sau kính chắn gió. Trông thấy Mahmoud, ông tỏ vẻ không đồng ý, báo cho họ biết chỉ bằng hai hồi còi ngắn, giống như cách cánh tài xế xe tải chào hỏi lẫn nhau.

4

Nawal nói Saidi là ác quỷ, kẻ quỷ quyết nhất mà cô từng biết. Cô gặp ông thông qua những người bạn và đã đọc một cuốn sách của ông được xuất bản ở London mang tên *Những điều kiện cho nền dân chủ ở nhà nước cho thuê*. Ông thuyết phục cô rằng ông có thể tài trợ cho bộ phim chiếu rạp đầu tay của cô bằng cách giới thiệu cô với những tổ chức có liên hệ với Đại sứ quán Mỹ ở Baghdad sẵn lòng trợ cấp cho những bộ phim từ thế giới Hồi giáo do phụ nữ sản xuất. Họ đã thống nhất ý tưởng, và rồi ông viết kịch bản. Ông bảo cô nội dung là về con quỷ ẩn mình bên trong tất cả chúng ta, nó bám rễ bên trong chúng ta sâu đến thế nào, kể cả khi chúng ta muốn đặt dấu chấm hết cho nó ở thế giới bên ngoài, bởi tất cả chúng ta đều là tội phạm đến một chừng mực nào đó, và bóng tối bên trong chúng ta

là thứ đen tối nhất loài người từng biết đến. Ông nói tất thấy chúng ta đều giúp tạo nên sinh vật xấu xa đó mà giờ đang hủy hoại chính chúng ta.

Nawal nói rằng Saidi đã tìm cách thân mật với cô vài lần. Ông muốn ở cô thứ mà hầu hết đàn ông đều muốn. Khi không thể chịu đựng ông thêm nữa, cô ngừng dự án và lánh mặt cho tới ngày hôm nay, khi cô đến lấy lại đồ để nơi bàn của Saidi trước lúc ông quay về. Nhìn nhận tốt về Mahmoud, cô cảm thấy rốt cuộc cũng có chút hy vọng cho bộ phim, rằng nó có thể thành hình với sự giúp đỡ của một người đàn ông trẻ tuổi tham vọng và có năng lực như anh.

“Tôi đã đọc những bài báo anh viết cho tạp chí. Tuyệt vời. Anh sẽ là một cây viết xuất sắc đấy, Mahmoud.” Đôi mắt Mahmoud lấp lánh tự hào, như thể anh nghe được lời tiên tri từ một bà đồng đáng tin cậy. Nhưng anh muốn nhiều hơn từ Nawal. Anh đã học được vài chiêu hiệu quả từ Saidi. Lời buộc tội mà những người bạn của anh đưa ra, rằng anh đã trở nên giống hệt Saidi, chẳng hề làm anh bận tâm. Nhưng để giống Saidi cho trọn vẹn, Mahmoud phải vượt qua thêm một bài kiểm tra nữa. Anh phải có được Nawal al-Wazir theo cách Saidi đã có được cô. Hoặc giả Saidi chưa thực sự có được cô, như cô một mực khẳng định, thì anh sẽ vượt mặt Saidi, cho ông hít khói.

“Tôi đồng ý,” anh nói. “Tôi sẽ hoàn tất kịch bản cho cô, nhưng chỉ cho cô thôi đấy.”

Cô mỉm cười, như thể anh vừa nói lời khen cô, rồi nhấp một ngụm nước quả và nhìn ra bầu trời chiêu từ quán cà phê nằm trên tầng sáu một khách sạn đắt tiền trên phố Arasat. Mahmoud không biết mình lấy đâu ra can đảm, nhưng anh vươn tay ra đặt lên tay cô. Có lẽ anh nghĩ mình vẫn đang trong giấc mơ đêm qua, nhưng dù tình huống có là gì đi chăng nữa, anh cũng không còn cảm thấy quá rụt rè và cho rằng cô không thể nào phản ứng quá mạnh.

Linh cảm của anh đúng: Nawal không phản ứng. Cô tiếp tục nhìn ánh sáng lọt vào qua khung cửa sổ lớn và lặng lẽ nhấm nháp nước xoài, rồi quay sang anh nói, “Anh có vẻ không khỏe, Mahmoud ạ. Ta nói về chuyện kịch bản đi.”

Mahmoud không bỏ tay ra. Anh siết chặt tay cô một chút, khiến cô cảm thấy phải chần chừ rút tay lại.

“Sao vậy, Mahmoud? Tôi đã nói với anh suốt một tiếng đồng hồ về Saidi và trò chơi của ông ấy. Xem ra anh không hiểu rồi.”

“Không, tôi hiểu mà. Nhưng tôi nghĩ về em.”

“Tại sao anh lại nghĩ về tôi chứ? Ở tòa soạn có nhiều phụ nữ trẻ cho anh mà. Những phụ nữ ở độ tuổi anh. Hãy nghĩ về họ ấy.”

Có gì đó mà Mahmoud không hiểu. Tại sao Nawal không nói tất cả những điều này ở tòa soạn? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu có nhân viên nghe được cô nói xấu Saidi? Mahmoud đã vài lần nghe được các đồng nghiệp ở tòa soạn chế nhạo Saidi và gu thời trang quá đỗi của ông. Rồi cái ý tưởng viết kịch bản cũng chẳng có vẻ hay ho đến thế. Mãi đến giờ Nawal mới nói về chuyện phim ảnh, và nghe cô giống nữ doanh nhân hay bà vợ buồn chán của một doanh nhân, chứ không phải một đạo diễn phim. Nom cô có vẻ dành nhiều thời gian ngồi trước gương hơn là đằng sau máy quay.

Cô đang tìm một người đàn ông để ngủ cùng, Mahmoud nghĩ, và khi Saidi đi quá lâu, cô bèn quăng lưới ra xa hơn. Cô muốn ném mùi người đàn ông trẻ tuổi da ngăm này. Đó là những gì Mahmoud tự nhủ khi anh ngả người về lại ghế, giữ một khoảng cách lịch sự giữa anh và Nawal.

Mahmoud đã ngồi trong quán bar ở quận Zawya lâu đến độ không nhớ nổi. Bầu trời bên ngoài đã tối, và anh đã uống say đến lúc lần khi nhớ lại cuộc gặp của anh với Nawal kết thúc thảm hại như thế nào. Họ đã đồng ý gặp lại để anh có thể đưa cho cô bản tóm tắt sơ bộ kịch bản, rồi họ rời khỏi nhà hàng và đi vào thang máy xuống lầu. Ngay khi cửa đóng lại và chỉ còn mình họ với nhau, Mahmoud quay sang Nawal, ôm cô, và hôn lên đôi môi đỏ của cô. Cô không phản kháng khi anh áp môi anh vào môi cô và ôm chặt cơ thể mềm mại của cô trong vòng tay. Anh đã chờ đợi khoảnh khắc này lâu lắm rồi. Khi thang máy xuống tầng trệt, Nawal lấy tay đẩy Mahmoud ra và ra ngoài ngay khi cửa vừa mở. Mahmoud cố đuổi theo cô. Đến chỗ cửa xe ô tô, cô nói, “Làm thế không hay đâu. Nếu tôi yêu anh, tôi đã chẳng ngại gì mà không phóng khoáng rồi. Cố mà tôn trọng tôi đi.”

Anh muốn xin lỗi, nhưng cô đã sập cửa trước mặt anh và lái xe đi.

Anh ngẫm về những lời cô nói lúc chia tay trong cái đầu say xỉn của mình, cố hiểu ý cô. Tại sao cô lại cự tuyệt anh quyết liệt đến thế? Cô đã dập một ngọn lửa trong anh, rồi lại bỏ anh.

Khi rời quán bar, anh thấy mình khó mà đi vững. Anh nhận ra chưa đầy một tiếng nữa sẽ tới giờ giới nghiêm. Ai sẽ chở anh tới Bataween lúc đêm hôm thế này đây?

Nhìn thấy vài chiếc xe trên đường chính, anh vội chạy đến kế sách khẩn cấp và gọi cho Sultan.

Sau nửa tiếng căng thẳng, xe của Sultan cũng đến. Khi Mahmoud lên xe, anh nhận ra Sultan cũng say. Anh liền mồm xin lỗi vì muộn thế này mà còn gọi ông nhưng lại thấy nhẹ nhõm hơn những gì anh tưởng tượng về chuyện phải chứng kiến bộ mặt nhăn nhó của Sultan bên cạnh.

Bất ngờ thay, Sultan cất tiếng với giọng điệu mà Mahmoud chưa từng nghe thấy trước đó - như một người anh lớn, chứ không phải tài xế của

sếp.

“Nếu cậu không phiền để tôi nói, thưa cậu, hôm nay tôi đã thấy cậu với cô Nawal đó.” Mahmoud chưa kịp phản ứng, Sultan đã nói tiếp. “Xin lỗi nếu tôi tọc mạch, nhưng hôm nay tôi mới có cơ hội nói chuyện với cậu chứ ngày mai hay ngày một chắc không được rồi.”

“Tại sao lại không ạ?”

“Mai tôi đi rồi.”

“Đi ạ?”

“Vâng. Nhưng tôi muốn nói với cậu, thưa cậu. Cậu thấy đấy, cái cô Nawal đó không hay ho gì đâu. Tôi mong cậu đừng tin những gì cô ta nói. Cô ta là bạn gái của ông Ali. Ông ấy từng vui vẻ với cô ta. Ý tôi là, cô ta bám lấy ông ấy như giấy dính ruồi vậy, rồi còn muốn lấy ông ấy nữa, mà ông Ali lại không có thời gian cho mấy chuyện như vậy. Ý tôi là, cậu biết là...”

“Vâng.”

“Mà đấy, vì cô ta mà ông ấy bị kiện. Cô ta bắt đầu chạy theo ông Ali, rồi đe dọa nếu ông ấy không lấy cô ta. Cô ta là một ả đàn bà thô thiển, phóng đảng, cô ta lại còn có các mối quan hệ ở Vùng Xanh và họ hàng ở quốc hội gây rắc rối cho ông chủ. Cậu nghĩ ông ấy tới Beirut để dự hội nghị hả? Không đâu, ông ấy tránh mặt ả gái điếm Nawal đó.”

“Được rồi, thế khi nào ông ấy quay về? Ý chú là có khả năng ông ấy không quay về luôn sao?”

“Không, ông ấy sẽ quay về. Ông ấy đang huy động bạn bè để chặn vụ này lại, nhưng họ khuyên ông ấy rời Baghdad một thời gian.”

“Được rồi, thế sao mai chú lại đi?”

“Tôi phải đưa mẹ và các em gái của ông chủ tới Amman. Mẹ ông ấy ốm nặng lắm, cần phải đi điều trị, giờ ông Ali đang đợi chúng tôi ở Amman.”

Mahmoud ra khỏi xe trước cửa khách sạn Dilshad và cảm ơn Sultan không ngớt. Trước khi vào khách sạn, anh lấy điện thoại ra quay số của Saidi ở Beirut. Anh nhận được tin nhắn tự động báo rằng số anh vừa quay không hoạt động nữa.

Chương mười sáu

DANIEL

1

Hôm sau khi trời vừa rạng sáng, Sultan lái xe đưa mẹ và hai em gái chưa chồng của Saidi từ Baghdad đi Amman. Nhưng chiếc xe không bao giờ đến được Amman. Cánh tài xế trên cùng cung đường nói rằng những băng đảng có vũ trang cướp các xe ô tô, tùy thuộc vào tôn giáo của hành khách, thăm sát một số người ở những vườn quả gần đó. Saidi cố gọi cho Sultan mấy lần, nhưng không ai nghe máy.

Một ngày trước có người đã rời Baghdad, trường hợp này thì không có ý định quay lại. Đó là Bố Anmar, chủ khách sạn Orouba. Ông khởi động chiếc xe tải GMC mới mua từ giao dịch với Faraj, chỉnh lại khăn trùm và dải băng buộc đầu rồi nhìn mặt mình trong gương chiếu hậu: ông thấy vô cùng mãn nguyện. Ông đã chuyển số tiền còn lại cho mấy đứa cháu trai ở quê, thị trấn Qalat Sukkar ở miền Nam, nơi ông đang hướng tới, bỏ lại Baghdad, một thành phố ông chẳng còn nhận ra. Sau hai mươi ba năm, thành phố này đã bỏ rơi ông, trở thành một nơi đầy rẫy cảnh giết người và bạo lực vô cớ.

Mười phút sau khi Bố Anmar rời đi, Faraj dỡ bỏ biển hiệu của khách sạn Orouba. Y ném nó xuống đất và giẫm lên, rồi sai một tay thợ trẻ mang tấm biển đến chỗ người viết biển hiệu, bảo ông ta thay cái tên Orouba, hay bất kỳ cái tên “Ả Rập” nào khác, bằng tên khách sạn Đại Tiên Tri. Y tự tin rằng mình có thể thành công ở nơi Bố Anmar đã thất bại.

Đây là mùa thuận lợi cho kinh doanh, theo như Faraj biết. Y đã thực hiện được hai giao dịch lớn trong tháng này và cảm thấy mình đang tiến gần hơn đến những giao dịch khác. Tình cảnh khốc liệt của đất nước này mang lại cơ hội chỉ cho những kẻ có gan và dám liều, mà Faraj thì không thiếu máu liều. Các băng đảng đang hoành hành trên đường phố Baghdad, người dân thì bỏ lại nhà cửa, hàng quán vì sợ bị bắt cóc hay bị giết. Faraj nắm lấy ngay những cơ hội này. Qua một đêm y đã trở thành một tay chủ đất máu mặt với số nhân viên không ngừng tăng. Có người buộc tội y cần đầu một băng đảng tội phạm, nhưng ngoại trừ mấy cái tát và cú đá mà y giáng xuống bừa phứa cho những kẻ không may ngang đường y, thì y chưa giết hay cướp của bất kỳ ai, ít nhất là không công khai.

Bốn thanh niên làm việc cho Faraj đi tới khách sạn, mở rộng cánh cửa, chuẩn bị kết thúc những gì mà Bố Anmar đã bắt đầu - dọn sạch mọi thứ cũ kỹ bên trong khách sạn.

Một tay cần chiếc bát sứ, tay kia cần chuỗi tràng hạt đen, Faraj quan sát đám thợ với vẻ thỏa mãn. Y đang định tới tiệm bánh mua ít bánh mì và kem đông cho bữa sáng gia đình thì một tiếng nổ lớn vang lên làm tai y ù đặc và cái bát sứ liền tuột khỏi tay. Đó là vụ nổ lớn nhất từng xảy ra ở Batavveen.

2

Faraj không chết trong vụ nổ đó. Y chưa đến lúc. Y còn phải học nhiều. Bởi một lý do, y đã chấp nhận rằng Elishva thực sự có quyền năng bí mật.

Một tuần trước vụ nổ, Faraj đã có thêm một giao dịch thành công. Với Elishva. Rút cuộc bà đã nhượng bộ và đồng ý bán ngôi nhà cũ - vì Daniel cuối cùng đã trở về. Đó là lễ kỷ niệm hai chín năm nhậm chức của Đức

Thượng phụ Mar Dinkha IV với vai trò giáo trưởng Giáo hội phương Đông Assyria. Elishva đã tới dự lễ kỷ niệm này ở Nhà thờ Thánh Qardagh ở quận Camp al-Gilani. Bà cảm thấy tinh thần mãn nguyện và tự hào về bản thân vì đã đi qua quảng trường Tayaran, qua chợ rau quả dựng tạm và bãi đỗ xe chật cứng ở cuối phố Sheikh Omar, rồi quay trở về vẫn con đường ấy mà không cảm thấy chút mệt mỏi hay cơn đau chân thường trực nào. Bà đang tính phun nước sân sau rồi quét tước một chút vì giờ bà đã có chút sức lực. Rồi bà nghe thấy tiếng gõ nhẹ nơi cửa trước.

Những cư dân của đường 7, nhất là Mẹ Salim, ông chồng lùn lì cùng các con của mẹ, và mấy thằng trai trẻ tộc mạch sống gần đó, đã theo dõi Elishva những tháng gần đây, cố bắt gặp con trai bà. Elishva tâm sự rằng con trai bà đã về và hai mẹ con định làm gì, nhưng chẳng ai thấy có gì đáng tin cả. Cuối cùng họ đi đến kết luận rằng mấy tên trộm biết Elishva lắm cầm đang lợi dụng bà để nẫng đi vài món tài sản có giá trị của bà. Nhưng rồi con trai bà thực sự đã xuất hiện. Cậu có mái tóc đen chẻ ngôi giữa và dài xuống hai bên mai, như trong những bức tranh truyền thống về Chúa Jesus. Cậu có nước da trắng tái và vóc dáng mảnh khảnh, với cơ thể của một người hai mươi tuổi. Cậu vận áo sơ mi trắng cổ cao, quần jean rách, giày thể thao trắng, đeo một chiếc túi da đỏ kiểu mà đám thanh niên đến tuổi nhập ngũ hồi đầu thập niên 80 hay đeo. Trông cậu buồn và lãng mạn, như một người tình âu sầu. Cậu bước những bước chậm rãi, rụt rè, vừa đi vừa quan sát xung quanh, tựa một người lạ hay ai đó đi xa đã lâu giờ mới quay về. Cậu dường như đang tìm kiếm những dấu vết của kỷ ức xa xôi về nơi mình từng sống. Đằng sau cậu là người trợ tế già, Nader Shamouni, nhẵn nhụi cho người lạ cơ hội nhìn ngắm xung quanh và tìm kiếm mối liên quan với nó mà không can thiệp gì.

Vậy là bà lão thực sự đã nói thật? Con trai bà thực sự đã sống sót khỏi cuộc tàn sát những năm 80? Suốt ba năm qua, người dân địa phương đã

nghe vô khối câu chuyện không còn đáng tin nữa. Những người chết hiện lên từ ngục tối của cơ quan an ninh và người không tồn tại từ đâu xuất hiện bên ngoài cửa ngôi nhà xoàng xĩnh của người thân. Có những kẻ trở về từ chuyến đi dài với tên họ và lai lịch mới, những phụ nữ trải qua tuổi thơ sau song sắt nhà tù và học được những luật lệ và quy tắc đối phó với đám cai tù, trước bất cứ điều gì khác trên đời. Có những kẻ nhiều lần thoát chết trong thời độc tài chỉ để thấy bản thân mặt đối mặt với cái chết vô nghĩa trong thời “dân chủ” - khi một chiếc xe máy đâm vào họ giữa đường chẳng hạn. Các tín đồ mất niềm tin khi những người cùng chung niềm tin và cuộc tranh đấu với họ lại phản bội họ cùng các nguyên tắc. Những người phi tôn giáo thì trở thành tín đồ khi thấy “giá trị” và lợi ích của đức tin. Những chuyện kỳ lạ được biết đến suốt ba năm qua quá nhiều không thể nào đếm nổi. Vậy nên chuyện Daniel Tadros Moshe, tay guitar lỏng không, trở về ngôi nhà cũ của mẹ cũng chẳng khó tin đến thế.

Khi hai người đàn ông đến trước cánh cửa gỗ cũ nhà Elishva, người gõ gõ cửa, mỗi lần gõ lại nhìn quanh, ý thức được rằng đám người lạ tọc mạch có thể đang chòng chọc quan sát mình. Cửa mở ra, và Elishva xuất hiện - nhỏ xíu, với chiếc khăn đen trên đầu và cặp kính dày cộp trên mũi. Bà ngược lên, rồi nhích những bước chân mệt mỏi cho đến khi ra ngoài đường đứng trước mặt người thanh niên, quan sát cậu trong ánh ngày rạng rỡ. Đích thị là nó - vẫn chính là thằng bé với nụ cười nhẹ rầu rĩ trong bức ảnh cũ nơi phòng khách. Trông nó vẫn thế, vẫn bộ quần áo và khuôn mặt đó, vẫn nụ cười đó tỏa rạng khắp khuôn mặt khi đôi mắt đen của nó chạm mắt bà lão. Vậy là Thánh George Tử đạo rốt cuộc đã thực hiện lời hứa của mình, mang con trai Elishva về với bà y như buổi sáng nó ngập ngừng và buồn bã rời nhà, đôi ủng nặng nề gõ trên vỉa hè cho đến khi nó khuất dạng ở chỗ rẽ nơi đường chính.

Elishva nhìn quanh thì thấy Mẹ Salim đang đứng trên ngưỡng cửa nhà mẹ. Bà thấy cả những người khác nữa - đàn bà trẻ con và đám thanh niên ở đầu kia con đường, về phía đường chính của Bataween, và trên ô cửa sổ tầng cao của những ban công *mashrabiya*. Bà muốn chắc chắn rằng tất cả đều đang chứng kiến phép mầu xảy đến với bà. Đây là con trai thân thương của bà, trở về ôm bà.

Cậu ngấp ngừng cúi xuống, và bà vòng tay quanh người cậu, kéo con trai về phía mình với thứ sức mạnh bà chưa từng sở hữu.

“Đây là Daniel, Elishva à,” Nader Shamouni nói, dù đi đâu này đã rõ như ban ngày với bà lão. Bà ôm cậu trong vòng tay chừng hai phút hoặc hơn. Rồi bà nhận thấy Mẹ Salim cùng những hàng xóm khác tiến đến, vây quanh bà càng lúc càng đông. Mẹ Salim thực sự đã chạm vào tay Daniel để chắc chắn rằng cậu không phải bóng ma. Daniel chu ối ra khỏi vòng tay bà lão, mỉm cười nhìn bà, rồi nói chuyện với bà. Cậu phải đảm bảo rằng bà vẫn đang tỉnh táo và biết những gì xảy ra xung quanh.

“Bà có khỏe không ạ?” cậu hỏi bằng tiếng Assyria, mỉm cười tươi hơn nữa. Bà chăm chú nhìn khuôn mặt cậu và lướt đôi bàn tay gân guốc dọc hai tay cậu, rồi nhẹ nhàng kéo cậu vào trong nhà, đáp, “Ta khỏe. Ta khỏe.”

Trong nhà, nơi phòng khách, Nader Shamouni nói rành rọt, cô đặt dấu chấm hết cho ảo tưởng của bà lão. Ông nói mình không có nhiều thời gian, rằng ông phải quay về với gia đình ở Ankawa, rằng cha Josiah đang đợi câu trả lời của ông, thế nên bà phải quyết định nhanh lên. Các con gái bà, Matilda và Hilda, giờ đang ở Ankawa, đã cùng con cái lặn lội từ Australia về chỉ với một mục đích duy nhất - đưa bà lão tới Australia cùng họ.

“Đây là Daniel, cháu ngoại bà, Elishva à,” người trợ tế nói. “Con trai cả của Hilda. Cô ấy từng gửi ảnh thằng bé qua thư cho bà xem. Bà không nhận ra cháu mình sao?”

Những cuộc điện thoại giữa Matilda và cha Josiah đã giúp vẽ ra một kế sách: rằng Daniel cháu ngoại bà và Daniel con trai quá cố của bà, giống nhau như đúc, đủ giống để khiến bà lão bối rối. Matilda, Hilda và con trai mình là Daniel đã bay về Iraq và ở tại nhà của Nader Shamouni ở Ankawa. Hôm sau người trợ tế và Daniel tới Baghdad. Người thanh niên, nói tiếng Assyria và tiếng Anh nhưng lại không trôi chảy tiếng Ả Rập, cảm thấy lo lắng về nhiệm vụ này. Cậu bị thôi thúc bởi ý thức trách nhiệm với gia đình hơn là bất cứ nỗi niềm hoài cổ riêng tư hay cảm xúc sâu sắc nào với bà ngoại, người mà cậu chỉ còn nhớ mang máng do cậu đã rời đi cùng gia đình khi còn quá nhỏ.

Toàn bộ kế hoạch phụ thuộc vào một yếu tố duy nhất: bà lão xúc động bởi sự xuất hiện của cháu trai và đồng ý với đề nghị của cậu. Daniel nói với bà ngoại rằng bà phải đi với cậu. Bà phải bán nhà và vứt bỏ hết đồ đạc. Bà phải sống cùng cậu. Cậu nói câu cuối cùng với giọng chân thành. Khi nói chuyện với bà, cậu cảm thấy sức ảnh hưởng của nơi này dần dần thấm vào cậu. Một nỗi buồn bí ẩn tràn ngập cõi lòng khi cậu ngược lên nhìn những bức ảnh đen trắng treo trên tường. Cậu có cảm giác mình đã nhận ra ngôi nhà và mơ hồ nhớ lại những lần cậu và mẹ về thăm ông bà ngoại hơn một thập kỷ trước.

Nader để họ cùng nhau ôn lại những kỷ niệm đó và tới quận Garage al-Amana làm mấy việc vặt. Elishva và cháu trai nói chuyện tới tận đêm. Họ càng nói, thì Daniel càng có ấn tượng rằng cậu và bà lão mỏng manh này thực sự có những kỷ niệm chung, và bà ngoại càng tin vào ảo giác rằng cháu trai và con trai quá cố của mình là cùng một người. Khi Elishva đứng trong bếp nấu bữa tối bên ánh đèn dầu, và bắt gặp khuôn mặt nhăn nhó, nhợt nhạt của mình trên kính cửa sổ, bà biết rằng mình đã đi một chặng dài trên đường đời và không còn cậu con trai ở độ tuổi hai mươi sợ ra trận nữa. Nhưng bà được sống lại những cảm xúc mà suốt bao lâu nay chưa trải

qua - hít hà và chạm vào cánh tay con trai, vuốt ve tóc nó và để nó vùi đầu vào lòng mình. Đó là những đi đầu quý giá có ý nghĩa trong đời bà, chứ không chỉ là những ảo tưởng trong tâm trí, và bà sẵn lòng làm bất cứ gì để gìn giữ chúng.

Bà rửa chiếc bồn sứ lớn, dù nó đã sạch bong, và đặt một cái khay nhôm lên để đựng trứng ốp lết cà chua từ chảo rán. Bà thấy con mèo của mình, Nabu, từ căn bếp nhỏ lộ mặt ra, bị thu hút bởi mùi thức ăn, và đứng vào khoảnh khắc đó bà quyết định chấp nhận đề nghị của con trai và cũng là cháu trai bà. Bà sẽ làm bất cứ gì để chắc chắn rằng mình có thể tiếp tục vuốt ve da tóc nó và hít hà thứ mùi thơ trẻ của nó, đi đầu mà bà chưa từng quên.

3

Daniel mở điện thoại di động gọi cho mẹ mình ở Ankawa. Cậu nói với mẹ bằng thứ tiếng Anh rõ ràng, “Giờ đến lúc hành động rồi mẹ, đừng nói sự thật. Mẹ nói chuyện với bà nhé, nhưng nhớ chỉ theo ý bà. Đồng ý với mọi đi đầu bà nói.”

Cậu đưa điện thoại cho bà lão, và hai người phụ nữ nói chuyện hòa nhã với nhau trong mười lăm phút. Elishva đang cảm thấy hạnh phúc và nhìn cuộc đời bằng ánh mắt khác. Bà bảo Daniel quỳ trước bức tranh Thánh George và cảm tạ Người đã thực hiện lời hứa với bà. Khi bà im lặng chấp tay trước bức tranh, bà chờ đợi vị thánh nói vài lời để con trai bà tin rằng phép màu thực sự đã xảy ra, nhưng vị thánh chẳng hé môi.

Ánh đèn dầu lu dần. Elishva cố đứng lên đổ thêm dầu. Daniel đi giúp nhưng phát hiện ra thùng dầu trống không. Dầu đã cạn sạch mà bà lão chẳng

hay biết. Elishva coi đây là một dấu hiệu nữa để bà tin rằng thời gian của bà ở Baghdad đang dần hết.

Bán nhà cùng đồng đồ đạc cũ quả không dễ dàng.

Elishva nghĩ đến đám thanh niên từng ghé thăm bà vài lần và bảo bà bán nhà để tránh nguy cơ bị phá nhà và cải tạo nó thành một trung tâm văn hóa hay gì đó, nhưng lâu lắm rồi chẳng thấy mặt họ đâu. Vậy chỉ còn lại mỗi Faraj tay cò nhà đất.

Faraj nhận được tin lạ rằng con trai của Elishva đã tái xuất. Có lẽ thằng con nay là tù nhân chiến tranh ở Iran mới quay về. Có lẽ hắn đã mất trí nhớ, như trong phim nước ngoài ấy. Nhưng đám người làm thuê trấn an y rằng con trai bà lão trông vẫn còn trẻ, trong khi lẽ ra hắn cỡ bốn mươi rồi.

“Có khi người ta đã cho hắn vào tử đông suốt hai mươi năm, đến giờ thì rã đông và đưa hắn về với mẹ cũng nên,” Hammoudy, con trai út của Faraj nói. Bỗng nó bất ngờ giáng một cái tát vào má nó, khiến tất cả đều im bật.

Như thường lệ, Faraj có xu hướng dè dặt đi đâu thì đi một mình và lên tinh thần đối mặt với nó. Thế rồi, hai mươi tư tiếng đồng hồ sau Daniel tới, người thanh niên xuất hiện ở văn phòng của Faraj cùng Nader Shamouni, đề nghị bán căn nhà của Elishva.

4

Faraj yêu cầu đến xem nhà để kiểm tra cấu trúc trước khi gặt đầu với cái giá cuối cùng. Trong lúc đó, Elishva đã gọi Hadi từ nhà bên sang và bảo gã là bà muốn bán tất cả đồ đạc. Hadi ngơ ngàng đến cứng họng suốt ba mươi giây. Gã đợi bà lão nói nốt những gì đang nói, nhưng bà chỉ tóm gọn mọi thứ trong đúng một câu. Gã đoán chắc bà lão Assyria này ghét gã như mẹ, có sao lại thay đổi bất ngờ đến thế?

Gã xem xét nội thất ngôi nhà cùng bà. Có cả đồng đồ đạc và đồ trang trí - giường làm từ sắt và đồng, những món trang trí hoa mỹ và những chiếc bàn gỗ độc đáo. Thấy đầu là đồ cổ, ngoại trừ cái bếp và mấy vật dụng khác. Làm một phép tính nhanh, Hadi thấy mình không có đủ tiền mua tất cả những món này, nhưng gã có thể mượn bạn bài đây là cơ hội có một không hai.

Hadi muốn bà lão ra giá tổng cho tất cả đồ đồ đạc này, trong khi bà lại muốn mặc cả từng món một. Sau một tiếng trao đổi, gã thuyết phục được bà chấp nhận đề nghị của gã, rồi gã rời ngôi nhà để đi gom số tiền gã cần từ chỗ bạn bè.

Điều kiện duy nhất của bà lão là gã không được mang đồ đạc đi khi bà còn ở đây. Bà không muốn thấy ngôi nhà biến mất trước mắt mình mà muốn nhớ đến nó như vốn thế, ngăn nắp sạch sẽ và có mùi của những người từng sống trong đó và ra đi tại đó.

Đêm trước khi đi, bà lão thức đến khuya trong phòng khách. Bà ngồi trên xô pha đối diện bức tranh Thánh George mà nói chuyện với Người thật lâu, ánh sáng tỏa ra từ chân nến thủy tinh trang trí trong các góc phòng tạo ra không gian của một lễ ban phước. Vị thánh không nói gì. Người đã mang đến phép màu và đến đây vai trò của Người đã hết - đó là điều bà lão cuối cùng cũng hiểu ra. Một chuyện xảy đến với bà. Bà đã gói ghém mọi thứ mang theo ký ức gia đình, kể cả quần áo trẻ con của các con bà. Thứ duy nhất để lại là bức tranh bà trân trọng nhất vẽ vị thánh mà bà cũng trân trọng nhất, nhưng bà cảm thấy không thể mang nó theo với cái khung gỗ nặng nề như vậy.

Bà nhắc mình, trước con mắt theo dõi của con mèo Nabu, đứng lên xô pha dựa vào bức tường chỗ treo tranh, nhắc tranh lên để thả rơi sợi dây dày từ trên móc xuống, rồi dỡ hẳn tranh ra, để lại một khoảng vuông nhột nhột và mấy sợi tơ nhện trên tường. Bà đặt bức tranh úp xuống sàn và gạt mấy

cái chốt nhỏ cố định mặt sau của khung tranh. Khi bà lấy bức tranh ra, nó mỏng và dễ dàng rủ xuống trong tay bà. Nó đã mất ít nhiều vẻ huy hoàng ban đầu, nhưng giờ bà có thể gần hơn khuôn mặt của vị thánh - hàng lông mày mảnh và môi dưới đỏ rạng rỡ. Bà tính cuộn bức tranh lại thành hình trụ và cho nó vào chỗ tài sản quý giá khác của mình, nhưng rồi bà nảy ra một ý khác. Bà về phòng ngủ lấy một cây kéo may cỡ lớn, rồi trở ra quỳ xuống cạnh bức tranh. Bà đẩy Nabu ra khi nó cố nhảy lên lòng bà, và bắt đầu cắt bức tranh, tạo ra một đường thẳng dài cho đến khi đầu hai lưỡi kéo chạm sát đầu vị thánh. Rồi bà cắt theo đường tròn, vẽ nên một vòng hào quang quanh khuôn mặt đẹp của Người. Khi vòng tròn hoàn tất, bà cắt khuôn mặt ra. Đây là phần mà bà yêu thích. Với cái lỗ mà khuôn mặt biến mất để lại, giờ bức tranh nom thật thù địch với bà. Bà bỏ nó lại đó và, với Nabu theo chân, mang hình khuôn mặt về phòng ngủ.

5

Để đánh dấu chuyển lên đường của Elishva, Mẹ Salim đã có một màn khóc lóc ỉ ôi giữa đường. Từ sáng sớm mù đã bắt đầu, và nhiều người hàng xóm lần đầu tiên thấy hai cánh tay trắng phau của mù lúc mù buồn bã giờ tay lên khi xe chở Elishva cùng cháu trai men theo đường rời đi. Lúc mù giờ tay, tay áo rộng của mù tuột xuống, để lộ màu trắng lóa của đôi tay tròn lẳn mịn màng, nước da thường thấy ở một người đàn bà còn trẻ thay vì người ở độ tuổi mù. Vài người bắn khoả thành tiếng rằng tại sao Mẹ Salim lại mặc áo tay rộng như vậy nếu mù không hài lòng về bản thân và tay mù sao mà trắng thế.

Trước khi đóng cửa trước lại, Elishva gọi Nabu, nhưng con mèo đã trốn lên cầu thang. Bà lớn tiếng gọi nó lần nữa, con mèo bèn nhìn về phía bà

cất tiếng meo trầm bỗng, như thể nói rằng nó không phải kẻ hèn nhát và sẽ không rời khỏi ngôi nhà, rồi biến mất ở chỗ rẽ cầu thang. Elishva ngược lên nhìn ngôi nhà rồi đưa chìa khóa cho một thanh niên làm việc cho Faraj.

Mẹ Salim dự đoán tai họa sẽ giáng xuống con đường này vì Elishva đã ra đi. Mẹ thấy tay buôn đồ cũ Hadi cùng mấy kẻ trai tráng khuân đồ đạc từ nhà bà lão về nhà mình và nhớ lại hồi tháng Tư năm 2003, khi người dân hôi của nhà của các quan chức thuộc chế độ cũ. Mẹ hét lên với Hadi và đám người giúp gã, nghĩ rằng họ đang khoắng nhà bà lão, và chửi thề liên tục cho đến khi các bạn mẹ lôi được mẹ vào trong nhà và đóng cửa lại sau lưng.

Hadi khuân hết đồ của Elishva về nhà mình, bỏ lại đằng sau chỉ toàn rác rưởi, bao gồm cả bức chân dung Thánh George với khuôn mặt bị cắt ra. Khi Hadi thấy bức tranh, gã sợ rúm ró, đoán chừng đó là ma thuật hoặc một nghi lễ tôn giáo kỳ lạ nào đó.

Cánh cửa nhà Hadi vẫn mở toang, người người vào ra xem có gì mua được. Đến trưa Hadi đã bán được phân nửa chỗ đồ cho những người sống trong khu và cảm thấy mình sẽ được lãi kha khá. Gã ngược lên bức tường giữa nhà gã và nhà bà lão thì thấy con mèo bản thủ lặng lẽ nhìn xuống gã, bất động như tượng. Trong một thoáng, gã có cảm giác con mèo đang nhìn gã bằng cặp mắt của bà lão. Gã cầm một viên gạch nhỏ lên ném vào con mèo nhưng trượt, mà nó cũng chẳng buồn nhúc nhích.

Đến cuối ngày, Hadi đã quá mệt. Khi gã cố chống mắt lên, một bóng ma sống động đang đi dọc những bức tường của hai ngôi nhà. Hắn nhảy lên bức tường đổ nát nhà Hadi rồi đáp xuống mái nhà Elishva. Hắn đi xuống cầu thang thì thấy Nabu ở trong sân sau. Con mèo cất tiếng gào một hồi.

Sinh vật này, trên đường chạy trốn khỏi các cơ quan an ninh và bị truy nã bởi vô số băng đảng, lê gỏi đi xuống xem xét những gì còn lại của bức

tranh Thánh George. Hắn c ãn nó lên nhìn cái lỗ nơi cái đầu bị cắt ra để lại, rồi cẩn thận gấp bức tranh lại vài l ần cho đến khi nó nhỏ chỉ bằng quyển vở đi học. Hắn nhìn quanh căn phòng và thấy lòng nhói buồn. Hắn sẽ không bao giờ gặp lại bà lão đã góp phần mang hắn đến với cuộc đời và đặt cho hắn cái tên của người con trai mất tích. Hắn cảm thấy gần gũi với bà hơn những người khác và có cảm giác mình đã giúp giữ lại ký ức về con trai bà. Giờ bà đã đi xa, hắn đã mất một trong những lý do để tồn tại. Bà bỏ lại hắn mà không nhận ra rằng bà cũng đã bỏ lại một trong những sợi chỉ cuối cùng kết nối bà với người con trai đã mất.

Sinh vật này ngã xuống dựa lưng vào tường. Nabu lại gần cộ vào đôi ủng của hắn, vương lại mấy sợi lông rụng, rồi cuộn tròn thành quả bóng bên chân hắn, xích lại gần bởi hơi ấm của hắn.

Họ cứ như thế cho đến sáng.

Chương mười bảy

VỤ NỔ

1

Vào năm rưỡi sáng, lúc Vô Danh còn đang ngủ say bên con mèo Nabu trong phòng khách cũ nhà Elishva, thì chuẩn tướng Sorour Majid lại gặp phải những giấc mơ khắc khoải trong văn phòng của mình ở Cục Theo dấu và Truy nã. Chiêm tinh gia bậc thầy sai bước dọc các hành lang, đánh thức người lính gác đang ngủ bên ngoài văn phòng của chuẩn tướng Majid, và gõ mạnh lên cửa.

Chuẩn tướng Majid giật mình tỉnh giấc. Khi thấy chiêm tinh gia bậc thầy đứng trước mặt mình, ông đồ rằng đây hẳn là vấn đề khẩn cấp không thể trì hoãn đến lúc mặt trời mọc. Chiêm tinh gia bậc thầy giơ một mẫu giấy màu hồng ra trước mặt ông, và chưa để chuẩn tướng có cơ hội đọc, nhà chiêm tinh già đã nói, “Hắn ở đây. Trong ngôi nhà này ở Bataween. Ngài phải hành động ngay lập tức, trước khi hắn thức dậy.”

Chuẩn tướng Majid cho triệu tập xe và vội vàng thay trang phục. Cuối cùng ông sẽ bắt được tên tội phạm này, làm những kẻ gièm pha mình phải câm nín. Có thể họ sẽ đưa ông lên làm bộ trưởng nội vụ hoặc bộ trưởng quốc phòng hoặc giám đốc cơ quan tình báo cũng nên, ông tự nhủ. Ông leo vào chiếc xe truyền động bốn bánh với cửa sổ kính màu. Hai chiếc xe cỡ nhỏ khởi hành cùng ông phóng vun vút qua những con phố Baghdad gần như vắng ngắt vào giờ này. Nhà chiêm tinh già ngồi ở ghế sau cùng chuẩn tướng Majid. Lão muốn thấy khuôn mặt của tên tội phạm nguy hiểm này

trước khi nó bị biến dạng bởi những cú đâm và tát từ các trợ lý của chuẩn tướng Majid. Trước đây lão chưa từng gặp khó khăn nào trong việc tìm ra những khuôn mặt người, song những đường nét của Kẻ Không Tên luôn lảng tránh lão. Điều đó khiến hắn trở nên bí ẩn và nguy hiểm hơn tất cả những kẻ khác. Lão cứ miên man nghĩ về chuyện này cho đến khi họ tới phố Saadoun, nơi đang có biến lớn - xe cảnh sát và xe quân đội Mỹ đổ dọc vỉa hè phía nhà thờ Ortali và các hiệu ảnh, và thêm nhiều xe cảnh sát nữa ở bùng binh gần đài tưởng niệm Tự Do. Khi tới quảng trường Tayaran, họ chắc chắn rằng Bataween đang bị phong tỏa.

“Có chuyện gì vậy?” chuẩn tướng Majid hét lớn. Ông ra khỏi xe và nói chuyện với mấy sĩ quan, cho họ xem thẻ căn cước, nhưng họ không để ông qua. Một cuộc lục soát đang được tiến hành để tìm nghi phạm đánh bom xe với công cụ là chiếc Opel trắng đời cũ, hiện đang đỗ gần nhà Elishva.

Chiêm tinh gia bậc thầy không ra khỏi chiếc xe bốn bánh. Sự xuất hiện của lão chỉ tổ làm dấy lên nghi ngờ - trang phục kỳ lạ của lão, chiếc mũ chóp cao có tua rua, mái tóc dài, bộ râu dày chải chuốt cẩn thận, hai đầu nhọn được một chiếc cặp tóc kẹp lại. Lạc quan nhất là họ sẽ cười vào mặt lão hoặc nghĩ lão là một diễn viên trong nhà hát trẻ con. Lão ngó ra ngoài từ cửa sổ ô tô.

Kẻ đánh bom tự sát đang ngửi trong chiếc Opel trắng đậu ven đường, bị bao vây tứ phía. Đó là những gì Bố Salim nhìn thấy từ cửa sổ chỗ ban công *mashrabiya* gỗ. Lẽ ra lão nên xuống nhà cảnh báo người thân ra khỏi nhà, hay ít nhất cũng vào tránh trong căn phòng phía sau. Ngôi nhà này sẽ đổ sập nếu kẻ đánh bom tự sát làm mình nổ tung.

Nhưng Bố Salim không làm gì cả. Lão thức tỉnh khỏi cơn mơ màng bởi tiếng loa ra lệnh cho kẻ đánh bom liều chết ra khỏi xe, giơ tay lên. Lão leo lên thêm tầng nữa, nhìn ra ngoài cửa sổ, và ngã ngửa khi thấy chiếc xe ở

ngay dưới ban công nhà mình, nhưng lão vẫn thấy chưa cần hành động vội. Lão thậm chí còn không để ý là mình đi chân đất.

Trong lúc đó Bố Anmar đã xoay sở rời được khỏi khu nhà trên con xe mới trước khi họ dựng hàng rào an ninh. Faraj tay cò nhà đất ra khỏi nhà nhìn sang khách sạn y mới mua bên kia đường. Y đang định tới hiệu bánh ngay cuối đường để mua bánh mì và một bát kem đông thì bom nổ.

Hadi thấy tấm ván gỗ tối màu khắc hình Chúa Jesus bay trong không trung và mấy cái chúc đài gỗ long ra vỡ thành từng mảnh. Hoặc có lẽ là gã tưởng tượng ra trong thời gian nằm viện dài ngày.

Mọi thứ trong nhà gã bay tung tóe vào cái giây khắc toàn bộ sức công phá của vụ nổ giáng xuống. Không chỉ tên lái xe đeo đai nổ mà cả chiếc xe cũng được cài chất nổ. Vụ nổ làm rung chuyển cả khu dân cư - sau đó người ta phát hiện ra những vết nứt ở đài tưởng niệm Tự Do - nhưng chịu tác động nghiêm trọng nhất là các ngôi nhà cũ ở đường 7, trong đó mấy nhà được xây từ những năm 30.

Nhà Elishva đổ sập. Nhà Hadi cũng vậy. Đồ đạc của Elishva và mấy món đồ gỗ khác bắt lửa trong sân nhà Hadi, rồi lửa lan đến giường Hadi. Việc Hadi sống sót được xem là một phép màu, nhắc mọi người nhớ lại những chuyện ba xạo của gã suốt bao năm về chuyện gã đã sống sót khi rơi xuống núi và bị bắn văng lên không trung sau các vụ nổ. Lần này gã thực sự đã đánh bại tử thần.

Vụ nổ hất tung Faraj khỏi mặt đất vài mét, khiến y bị thương nặng và mặt mũi bầm tím. Mặt ngoài nhà Mẹ Salim bị hư hại, trong khi các bức tường phía trong nứt toác. May mắn là hầu hết cả nhà đều đang ngủ bên trong và sống sót. Còn Bố Salim, lão bị rơi xuống đất cùng cái ban công, chân tay gãy, cùng các vết thương và xước xát, nhưng lão không chết. Lão được đưa tới bệnh viện Kindi gần đó, nơi lão kể lể như điên dại với đám

phóng viên tới chụp ảnh người bị thương và nghe họ thuật lại sự cố. Lão giống như một bản ghi âm bị hỏng, cứ kể đi kể lại mọi thứ mình nhìn thấy từ ban công suốt bao năm - những người tới lui sáu ngôi nhà trong tầng hầm tối tăm, những gã gái điếm vào ra chỗ máy in ép kế bên nhà Elishva, những tên trộm trèo tường. Một tuần sau lão có một vị khách đặc biệt: một người đàn ông ăn mặc chỉnh tề quãng bốn mươi tuổi, mang theo máy ghi âm kỹ thuật số, ngồi trên cái ghế gỗ gần đó, chào lão với vẻ thân thiện, và bảo lão hãy nói đi. BỐ Salim hỏi anh ta là ai, thì anh ta đáp, “Tôi là một cây viết.”

“Viết cái gì?”

“Tôi viết truyện ngắn.”

“Anh muốn tôi kể anh nghe chuyện gì?”

“Hãy kể tôi nghe tất cả mọi chuyện.”

3

Chiêm tinh gia bậc thầy nhìn từ sau cửa sổ chiếc xe bốn bánh đang kéo xuống hè hè, xem chuẩn tướng Majid vượt qua đám lính gác chặn đường 7 như thế nào. Điệu này làm lão lo lắng. Lão mở cửa bước ra, bộ râu dài rậm đứng đưa hai bên trong khi lão vội vã bước đi. Khi tới chỗ lính gác, lão gọi với theo chuẩn tướng.

“Ngài đang làm gì vậy, thưa ngài? Ngài muốn chết hay sao?”

“Tôi phải tự tay bắt tên tội phạm này,” chuẩn tướng nói.

“Ngài sẽ bị giết mất, thưa ngài. Quay lại đi - tôi xin ngài đó. Xin ngài. Hãy để tôi đọc những lá bài.”

Chuẩn tướng thấy chiêm tinh gia bậc thầy khom mình dưới đất rồi ngã xuống khoanh chân, như lão vẫn hay làm trong văn phòng của Cục

Theo dấu và Truy nã. Lão lấy từ trong túi ra một bộ bài cỡ lớn rồi bắt đầu xáo như dân chuyên nghiệp. Rồi lão lia bài lên vỉa hè, lấy ra vài lá, và bỏ đi những lá khác. Lão nhặt một lá bài lên nhìn chăm chú, như thể phát hiện ra điều gì đó. Chuẩn tướng cúi xuống bên cạnh lão. Đám lính gác đứng cuối đường không biết chuyện gì đang diễn ra nhưng cũng tò mò và rời mắt khỏi kẻ đánh bom liều chết trong giây lát.

Chiêm tinh gia rút một lá bài mới, soi xét kỹ lưỡng rồi nói, “Kẻ Không Tên không có trong ngôi nhà đó.”

“Ý ông là gì? Thế sao ông lại đưa chúng ta tới đây? Hắn ở đâu?”

“Cách đây mười lăm phút hắn còn ở đây. Hắn đã leo qua các mái nhà. Tôi không biết chính xác hắn đi khi nào. Có lẽ hắn chưa rời khỏi Bataween đâu. Nhưng hắn đã ra khỏi ngôi nhà rồi - điều này thì chắc chắn.”

“Nhưng tôi thì muốn khẳng định,” chuẩn tướng nói. Ông đứng lên quay bước về phía con đường và chiếc Opel trắng.

“Làm thế ngài sẽ mất mạng đó,” nhà chiêm tinh già nói, vội vã thu bài cho vào túi chiếc áo choàng dài.

“Còn một chuyện nữa,” chiêm tinh gia nói, mong chuẩn tướng Majid quay về phía mình. “Vụ bom xe - chúng ta phải chịu trách nhiệm cho nó.”

Chuẩn tướng quay lại khi nghe thấy điều đó và đi về phía nhà chiêm tinh già. “Như thế nào?” ông hỏi.

“Chúng ta phải quay về cục ngay lập tức. Đó là một trong các trụ lý của tôi - chiêm tinh gia tập sự. Cậu ta đã di chuyển chiếc xe tới chỗ này nhằm mục đích giết chết tên tội phạm Không Tên, nhưng giờ tội phạm đã tẩu thoát, còn kẻ đánh bom liều chết lại không biết tại sao mình được đưa đến đây.”

“Ý ông là gì? Chuyện vô nghĩa gì thế không biết?”

“Chúng ta phải quay về ngay,” chiêm tinh gia kiên quyết, đi về phía chiếc xe bốn bánh. Thế rồi chiếc xe cài bom phát nổ.

Chuẩn tướng Majid và chiêm tinh gia bị nuốt chửng trong đám bụi dày đặc. Họ lên xe quay trở lại văn phòng, nơi chuẩn tướng triệu tập toàn đội và mở cuộc thẩm tra về sự cố. Ông phát hiện ra rằng ban đầu kẻ đánh bom định tới học viện cảnh sát và làm mình nổ tung giữa buổi tụ họp của các sĩ quan mới, nhưng có gì đó đã khiến hắn đổi hướng tới các con phố hẹp ở Bataween. Các chiêm tinh gia nhao nhao lên, mặc kệ chuẩn tướng trong khi buông lời thóa mạ lẫn nhau. Trong vòng một tiếng đồng hồ chuẩn tướng nhận thấy cuộc thẩm tra do ông mở ra chẳng có ích gì - nó thậm chí còn đặt ông và cục của ông vào vị trí tuyến lửa so với các nhánh khác của chính phủ - vì thế ông kết thúc cuộc thẩm tra và tạm thời ngừng hoạt động của các chiêm tinh gia.

Hai tuần sau một ủy ban các sĩ quan cấp cao trong quân đội và lực lượng tình báo đến hỏi cung ông trước sự hiện diện của một sĩ quan liên lạc Mỹ. Trong khi ông từng mơ về việc được cất nhắc lên vị trí giám đốc tình báo, giờ ông phát hiện ra mình đang đối mặt với khả năng về hưu sớm.

4

Mahmoud đang ngủ trong phòng thì một chấn động mạnh phía xa làm rung chuyển khách sạn. Anh mở mắt ra vài giây, rồi quay lại ngủ tiếp. Khoảng tám rưỡi anh nghe một thanh niên làm việc ở khách sạn kể về sự cố kinh hoàng đó.

“Giờ nước từ các ống cống và đường ống nước bị vỡ tràn lênh láng khắp phố Saadoun và đường hầm Bab al-Sharqi. Nghe nói là hàng chục

ngôi nhà đã bị san phẳng. Có một cái hố ở giữa đường 7, một cái hố khổng lồ, và có người nói là họ thấy một bức tường đá ở bên dưới.”

Mahmoud nghĩ đến khách sạn Orouba, vốn ở gần hiện trường vụ nổ. Không chừng có chuyện đã xảy ra với tay bạn nhiếp ảnh gia của anh, Hazem Abboud, hoặc với BỐ Anmar và những người khác trong khu mà anh biết. Anh gọi cho Hazem thì anh ta bảo mình không ở Baghdad mà đang đi tác nghiệp với quân đội Mỹ, chụp ảnh tác chiến cho một hãng tin của Mỹ. Anh ta nói BỐ Anmar đã rời Baghdad sau khi bán khách sạn và trở về quê ở Qalat Sukkar.

Mahmoud ngạc nhiên khi nghe thấy những điều này, nhưng anh nhẹ nhõm vì không người quen nào của anh mất mạng, anh tự nhủ, đoạn ra đường gọi taxi tới tòa soạn.

Trên quãng đường ngắn ngủi, anh điểm qua tình hình ở tòa soạn. Thời hạn cho số tới đang cận kề. Anh chưa trả lương cho một số nhân viên. Saidi không gửi gì cho anh. Nhân viên kế toán có khuôn mặt cau có không nghe điện thoại của Mahmoud suốt hai ngày. Saidi phải trở về để giải thoát anh khỏi sự căng thẳng này. Khi nào gặp ông, anh sẽ nói với ông rằng anh muốn quay về làm công việc cũ với tư cách phó tổng biên tập.

Khi tới tòa soạn, anh thấy mấy chiếc xe công vụ đỗ trên đường. Có lẽ họ đang kiểm tra Ngân hàng Quốc gia Iraq ở gần đó. Nhưng khi đi qua cửa trước đang mở rộng, anh chắc chắn rằng họ đến tìm mình. Những vệ binh có vũ trang vận thường phục chặn anh lại và hỏi thẻ căn cước của anh. Khi biết anh là biên tập viên của tạp chí, họ để anh vào. Người tạp vụ già nhìn anh vẻ bối rối nhưng không nói gì, chỉ tiếp tục lau bàn và đi đi lại lại như thể hôm nay là một ngày bình thường. Ai nấy đều có vẻ tránh né, hoặc giả họ biết điều gì đó mà anh không biết và không muốn dính líu vào.

Khi Mahmoud vào phòng làm việc của Saidi, anh thấy bốn người đàn ông có ria mép, mặc com lê. Họ tầnn tuổi Saidi. Khi anh giới thiệu bản thân, họ mời anh ngầi xuống, rầi bảo anh họ sẽ đóng cửa tòa soạn và tịch biên mọi tài sản.

“Có chuyện gì vậy?” anh hỏi.

Mahmoud cảm thấy bụng mình bắt đầu quặn lên. Một trong những người đàn ông nhìn anh chăm chú, giơ một ngón tay lên trước mặt rầi nói, “Bạn anh đã ăn cấp mười ba triệu đô la tầnn trợ cấp của Mỹ.”

“Mười ba triệu đô la?! Làm sao ông ấy có thể ăn cấp được? Ông ấy là một nhà báo nổi tiếng, một người nổi tiếng mà.”

“Đi mà hỏi ông ta sao lại thế. Giờ thì đưa chúng tôi chìa khóa cái két này đi.”

Mahmoud đưa cho họ chìa khóa, và đám người lạ mau mắn hành động, tịch thu mọi thứ - nhưng Saidi chưa bao giờ để chút tầnn nào ở tòa soạn cả. Họ lật tung các phòng làm việc, di chuyển đồ đạc và thậm chí còn cuộn thảm trong phòng hội nghị lên, tìm kiếm nơi Saidi có thể giấu số tầnn đánh cắp.

“Làm sao Saidi có thể làm việc này? Ông ấy thực sự làm thế với mình sao?” Mahmoud tự hỏi. Mọi chuyện dường như là một sự hiểu lầm lớn, rầi những người đàn ông này sẽ xin lỗi, đưa trả lại anh chìa khóa và xin anh bỏ qua thôi.

Người đàn ông có bộ ria mép xồnn xồnn nhất, có vẻ là người đứng đầu nhóm này, tiến đến chỗ Mahmoud.

“Gọi cho sếp của anh đi, nếu ông ta nghe máy thì đưa điện thoại cho tôi.”

Mahmoud lập cập gọi cho Saidi, dù anh nhận thức rõ là sẽ chẳng có ai nghe máy. Anh gọi lại cho ông bằng điện thoại khác, nhưng kết quả vẫn

thế.

“Số này không hoạt động nữa,” Mahmoud nói về áy náy. Người đàn ông rìa mép dày nhìn anh với ánh mắt hoài nghi.

Mọi chuyện kết thúc trong vòng bốn mươi lăm phút. BỐ Jouni vác cây chổi ướ́t lên vai và cứ thế rời khỏi tòa nhà, thậm chí không liếc Mahmoud lấy một cái khi đi qua. Mahmoud không biết phải làm gì. Anh đang đợi khoản lương trả chậm để trả nợ cho khách sạn. Anh gọi cho kế toán rồi đến các bạn anh và đồng nghiệp ở tòa soạn. Có những số chỉ reo mãi; người thì nhấc máy nói rằng họ rất tiếc nhưng chẳng thể giúp gì. Cuối cùng người đàn ông rìa mép dày quay sang Mahmoud, vỗ vai anh nói, “Đi thôi, bạn tôi. Anh đi với chúng tôi để lấy cung.”

“Lấy cung ư?”

“Phải, anh có nghĩ việc đó dễ dàng không?”

Mahmoud vào một xe. Anh biết, từ cách Saidi đùa với ông bạn chuẩn tướng Majid, rằng bị các cơ quan an ninh Iraq lấy cung đồng nghĩa với “đau đớn về mặt thể xác”, như Saidi miêu tả. Anh cảm thấy choáng váng. Mọi thứ đã sụp đổ. Anh đã đánh mất bản thân mình, và để cứu mình anh quyết định sẽ không giấu giếm đi đâu gì, vì anh vô tội. Mười ba triệu đô la! Anh cố thông nã khi chiếc xe công vụ xé toạc con đường về nơi vô định.

5

Cuộc thẩm vấn chuẩn tướng Majid dường như kéo dài bất tận. Ban hội thẩm, gồm các sĩ quan tình báo Iraq và sĩ quan liên lạc từ cảnh sát quân sự Mỹ, quyết định đợi thêm bằng chứng cần thiết trước khi đưa ra cáo buộc chính thức với chuẩn tướng và văn phòng của ông. Trong lúc đó, nhờ

những người bạn là quan chức cấp cao, chuẩn tướng cũng xoay xở trì hoãn được cuộc thăm vấn và tránh bị bế mặt thêm một thời gian.

Ông gọi chiêm tinh gia bậc thầy, chiêm tinh gia tập sự và những chiêm tinh gia khác ở cấp thấp hơn để họp nhanh. Ông phát hiện ra rằng vào thời điểm nào đó đã có một cuộc đấu tranh âm thầm diễn ra giữa các nhân viên và giờ nó quay ngược lại chính ông, có nguy cơ khiến ông bị sa thải và có thể phải ra hầu tòa.

“Các người bị sa thải,” ông thông báo với họ, chờ xem những nét mặt hoài nghi. Nhưng thay vào đó, bọn họ đứng lên không nói một lời. “Sao các người không nói gì?” ông hét lên với chiêm tinh gia bậc thầy.

“Tôi đã biết rồi,” lão đáp. “Tất cả là do tay trợ lý dốt nát của tôi. Cậu ta là kẻ thù của tôi, và cậu ta đã hủy hoại tôi. Việc này chẳng liên quan gì tới ngài cả. Đó không phải lỗi của ngài.”

Chuẩn tướng Majid bối rối. Tất nhiên bọn họ đã thỉnh thị những lá bài, tấm gương và chuỗi tràng hạt làm từ đậu trước khi đến buổi họp này, vì thế bọn họ đã biết quyết định của ông. Nhưng ông nghĩ họ sẽ phản kháng hoặc cầu xin sự tha thứ hoặc nói rằng họ sẽ giúp ông xử lý tình hình, chứ không phải cứ thế mà bỏ rơi ông thế này. Ông không thể tự làm khó mình bằng cách thay đổi quyết định - họ sẽ xem ông như kẻ yếu đuối. Cục này đã sụp đổ từ bên trong, và giờ chỉ còn lại mình ông.

Chiêm tinh gia bậc thầy quay về phòng. Lão bình tĩnh gói đồ, rồi vào phòng tắm lấy xà phòng và nước xoa lên bộ râu để tẩy sạch lớp gel. Lão lấy một chiếc kéo nhỏ ra, cắt đi nửa bộ râu, và tỉa tóc sao cho phù hợp với diện mạo của một người theo tôn giáo. Đây sẽ là hình ảnh mới của lão.

Lão cởi bộ quần áo lòn lẹt ra ném vào thùng rác lớn trong buồng tắm, rồi mặc chiếc sơ mi cotton trắng sọc xanh dọc cùng chiếc quần cotton sẫm màu vào, xỏ đôi giày mùa hè. Lão cầm túi lên và định rời khỏi cục về nhà

ở quận Zaafaraniya, phía Nam thủ đô, thì để ý thấy những hạt cát đỏ mịn trên sàn nhà, trên giường, khắp mọi nơi. Lão thấy chiêm tinh gia tập sự bước vào, và lão bèn nghĩ, Gan làm sao. Lão muốn hét vào mặt cậu ta, “Mày đã hủy hoại tất cả mọi thứ, đờ ngu,” và có lẽ trong một thoáng lão đã nghĩ đến việc nắm và bóp cổ cậu ta bằng đôi tay già nua này, nhưng giờ làm thế cũng chẳng ích gì. Lão có thể để mắt đến cậu ta và ra tay với cậu ta bằng cách riêng của lão, thậm chí giết ngay tại chỗ, dù lão chưa từng làm thế với bất kỳ ai.

Chiêm tinh gia tập sự cũng thay đồ, nhưng cậu ta mặc bộ pyjama vào. Cậu ta nhìn sự phụ của mình, trong lớp vỏ mới, với ánh mắt nhuộm màu khinh thị, như thể cậu ta muốn găm vào đầu khoảnh khắc này - khoảnh khắc chiêm tinh gia bậc thầy rời khỏi ngai và trở thành một người bình thường.

Họ không nói với nhau một lời, chỉ có ánh mắt giao nhau, và rồi chiêm tinh gia bậc thầy rời khỏi cục, tức giận và cay đắng, vắt chiếc túi nhỏ lên vai.

Lên taxi, chiêm tinh gia bậc thầy nói cho người tài xế già địa chỉ, rồi họ thỏa thuận giá. Chiêm tinh gia quăng chiếc túi ra ghế sau và đuổi mình nơi ghế trước. Nom lão như một giáo sĩ cải trang trong bộ thường phục. Vài phút sau lão nhận thấy họ đang đi dọc con đường không có xe cộ hay khách bộ hành nào. Chiếc taxi đi chậm lại, tài xế hắng giọng nói, “Tôi nghĩ mình lạc đường rồi.”

Tài xế quay lại đường họ đã đi trước đó, nhưng rồi phát hiện ra người Mỹ đã phong tỏa đường. Một người lính rơi đèn pin chói sáng vào những người lái xe và bảo họ đi vào đường phụ. Đến cuối đường tài xế không biết phải đi hướng nào. Ông tạt xe vào vỉa hè nói, “Xin lỗi người anh em. Nhà tôi ở sau những tòa nhà này. Không phải ngại khoản tiền nong đâu, cứ

ra khỏi xe thôi, làm ơn đi, tìm cho mình một chiếc taxi khác. Phố này an toàn.”

Chiêm tinh gia cự lại, nhưng tài xế không thông cảm. Ngay khi khách ra khỏi xe, tài xế bèn vội vã lái đi, để lại chiêm tinh gia đứng đợi trên đường, với chiếc túi, tìm một chiếc xe khác.

Hai phút sau, chiêm tinh gia quyết định tới con phố nào có nhiều xe cộ đi lại hơn. Lão đi dọc con đường phụ, rồi nhận ra nó dài dằng và không có đèn. Lão biết, hoặc cho là mình biết, rằng chuyện gì sẽ xảy ra đêm hôm đó, nên thấy chẳng có lý do gì phải sợ hãi. Cảm thấy kiệt sức, lão nhớ ra mình chưa ăn trưa, mà giờ thì đã qua giờ ăn tối rồi. Và ngoại trừ tất cả những thứ đó ra, lão còn là một ông già yếu ớt - ngay cả chiếc túi nhỏ dường như cũng làm vai lão trĩu nặng. Lão tiếp tục men theo con phố tối tăm, và qua cặp kính tròn lão thấy một dáng hình đàn ông mờ mờ đứng ở giữa phố.

Cỗ họng chiêm tinh gia khô khốc, lão bèn nuốt nước bọt, rồi dừng lại cách gã đàn ông trên phố hai mét. Lão có nên nói chuyện với hắn hay không? Sao không cứ thế bước qua và tiếp tục đi đến cuối phố? Lão không ngại chờ đến mức làm vậy. Lão biết, hoặc có dự cảm, rằng cuộc gặp mà lão mong đợi từ lâu sắp xảy ra, và lão không muốn để lộ ra bất cứ dấu hiệu sợ hãi hay yếu đuối nào. Lão quá già cho việc đó rồi, và lòng tự trọng không cho phép lão cầu xin sự thương hại từ kẻ sắp kết liễu mình.

“Đây là bức tường dài của hai trường nữ sinh - một trường tiểu học và một trường trung học cơ sở,” người lạ cất tiếng, khuôn mặt chìm trong bóng tối. “Còn đây là những cửa hàng và gara sửa xe, bên trên là văn phòng đã được khóa một tiếng trước hoàng hôn. Giờ không có ai khác trên con phố này đâu. Có thể một chiếc xe sẽ chạy qua, hoặc cũng có thể không.”

“Anh nghĩ tôi sợ hoặc muốn kêu cứu sao?” chiêm tinh gia nói, khẽ hạ chiếc túi xuống mặt đường. Có lẽ lão sẽ cần cả hai tay khi nói chuyện với

hồn ma của tên tội phạm nguy hiểm mà lão đã đợi bấy lâu nay. Đó là lý do tại sao lão lại đi đến đường 7 ở Bataween. Lão không biết cuộc nói chuyện sẽ kéo dài bao lâu, nhưng lão muốn thấy khuôn mặt gã đàn ông trước khi khoảnh khắc cuối cùng đến. Tại sao lão lại không thể khắc họa diện mạo hắn, và tại sao gã đàn ông lại đứng ở một vị trí mà ánh đèn đường phía xa không chiếu tới mặt hắn?

“Anh nên biết, trước khi định làm gì, rằng toàn bộ chuyện này là do môn đồ của tôi lên kế hoạch. Cậu ta không thể giết anh vào cái ngày xảy ra vụ bom xe, và giờ cậu ta đang lợi dụng anh để giết tôi. Đó là trận chiến giữa tôi và cậu ta, và cậu ta lợi dụng anh để chống lại tôi,” chiêm tinh gia nói.

“Ý ông là sáng hôm đó ông đã cứu tôi à?”

“Không, tôi sẽ không nói dối anh. Tôi đã muốn bắt anh - để ít nhất cũng được thấy mặt anh. Tôi muốn biết trông anh như thế nào.”

“Còn tôi muốn bộ bài mà ông đã dùng để tìm tôi. Tôi muốn cả đôi bàn tay của ông nữa.”

“Tôi đã vứt bộ bài cùng chỗ rác rưởi r ấ. Tôi không còn tìm anh nữa. Tôi thôi r ấ.”

“Phải, bộ bài không quan trọng. Cái quan trọng là đôi tay đã sử dụng bộ bài đó.”

“Nếu có thể, tôi muốn được thấy mặt anh.”

“Để làm gì cơ chứ? Nó thay đổi suốt. Tôi không có một bộ mặt cố định đâu.”

“Cứ cho tôi xem đi.”

“Được thôi,” tên tội phạm Không Tên đáp, lao bổ vào chiêm tinh gia và túm lấy đôi tay lão. Hắn siết chặt đến nỗi chiêm tinh gia có cảm giác như

sức lực bị rút kiệt. Lão khuyu gối, còn tên tội phạm tiếp tục ấn lão xuống và siết chặt tay lão.

“Đây không phải trận chiến của anh. Anh không hiểu đâu. Đây không phải trận chiến của anh,” chiêm tinh gia nói, giọng run rẩy. Thế rồi, khi lão nhìn thẳng vào khuôn mặt chìm trong bóng tối của tên tội phạm, ánh đèn pha một chiếc xe phía xa đã giúp lão. Nhờ ánh đèn, cuối cùng lão cũng thấy nó. Dẫu rằng lão, với bộ bài và các chiêu ma thuật, từng không tin rằng mình sẽ nhìn thấy nó. Một giọng nói vọng lại từ quá khứ bảo với lão rằng mọi thứ mà lão đã trải qua trong đời đều vô nghĩa và dối trá, và rằng lão đắm chìm trong những lời dối trá ấy đến độ lão đã tin chúng là thật.

Khuôn mặt lão vừa mới thấy lần đầu và cũng là lần cuối đến từ quá khứ của lão. Lão nhận ra nó, nhưng đó là khuôn mặt của ai nhỉ?

Trong khi từ từ giãy chết trên con phố vắng, lão hoàn toàn tin rằng đó là một khuôn mặt ghép, được tạo nên từ những khuôn mặt trong quá khứ xa xôi của lão. Đó là khuôn mặt từ quá khứ của chính bản thân lão, mà lão từng nghĩ là vô diện hoặc không có đường nét nào. Và giờ nó đã xuất hiện trước mặt lão một cách rõ ràng, bị bắt gặp trong khoảnh khắc dưới ánh đèn pha một chiếc xe chạy ngang qua.

Người lái xe đã thấy đi đâu gì đó đáng ngờ khi đi đến nửa đường và đổi ý không rẽ nữa. Cái mà anh ta không thấy đằng xa là ai đó đang cầm rìu bổ vào cánh tay một người đàn ông nằm trên lớp nhựa đường.

Chương mười tám

NHÀ VĂN

1

Tôi gặp Mahmoud Riyadh al-Sawadi ở quán cà phê Baghdadi. Nơi này tập trung đông đảo dân trí thức, nhà văn nhà báo, diễn viên, đạo diễn và nghệ sĩ. Những chiếc ghế băng dài bằng kim loại bên ngoài, trên vỉa hè, không thể đủ cho tất cả mọi người, nhất là lúc sau hoàng hôn, khi cái nóng gay gắt mùa hè dịu lại.

Tôi đang nhấm nháp trà thì nhìn thấy anh ta đang bán chiếc đồng hồ Rolex và máy tính xách tay. Nom anh ta như thể mấy ngày trời chưa tắm gội hoặc thay quần áo.

Anh ta móc từ túi ra một thiết bị nhỏ gắn với một cuộn dây bạc dài mà ta có thể đeo quanh cổ. Tôi phát hiện ra đó là máy ghi âm kỹ thuật số. Anh ta đang nói chuyện với bạn về thiết bị đó, và rồi mấy người bạn họ cười phá lên. Một người bạn của anh ta chỉ vào mấy chiếc ghế kim loại gần bàn tôi đang ngồi. Anh ta tiến lại, và chúng tôi chạm mắt nhau.

Anh ta nói đó là máy ghi âm kỹ thuật số hiệu Panasonic và anh ta muốn bán nó với giá bốn trăm đô la - một trăm cho bản thân cái máy ghi âm còn ba trăm là cho câu chuyện được lưu trong đó. Đó là câu chuyện kỳ lạ nhất anh ta từng được nghe, anh ta nói, mà một nhà văn như tôi có thể tận dụng để viết một tiểu thuyết vĩ đại.

Ngay cả trước khi anh ta mở miệng, tôi đã quyết định mua cái máy ghi âm r ấ, không phải vì tôi cần nó, mà như một hành động từ thiện. Tôi thậm chí còn kiên quyết hơn khi nghe về khoản nợ ch ồng chất mà anh ta phải trả hết trước khi quay về với gia đình ở tỉnh Maysan. Nhưng tôi không trông đợi mình sẽ mua một câu chuyện hoặc trả bốn trăm đô la. Tôi không thể trả một khoản tiền lớn như vậy trong thời gian gấp được.

Tôi thấy tò mò về anh ta. Anh ta không có vẻ gì là bất ổn, một kẻ có vấn đề tâm lý, hay tay lừa đảo. Anh ta thông minh và nói năng gãy gọn. Nhưng anh ta đang gặp khó. Tôi cảm thấy người này xứng đáng được giúp đỡ, vì thế tôi nói, “Tôi sẽ trả ba trăm đô la. Thế là cố hết sức r ấ. Hai trăm đô la trả ngay, một trăm còn lại tôi sẽ phải vay chủ khách sạn tôi đang ở.”

“Nhưng tôi cần ngay. Tôi muốn bốn trăm đô la nếu không sẽ không có tiền trả cho bà thiết kế.”

“Bà nào cơ?”

“Người làm thiết kế ở tạp chí. Bà ấy vẫn đang cố lấy cho bằng được lương của mình.”

Cuối cùng anh ta kể về chuyện xảy ra ở tạp chí. Nhân viên phát hiện ra anh ta đang sống ở khách sạn Dilshad, bèn làm loạn lên ở quầy lễ tân, đòi tiền lương.

Tôi trả tiền trà và đi cùng anh ta tới một quán ăn gần đó. Tôi gọi đồ mang đi, r ấ chúng tôi tới khách sạn Fanar ở phố Abu Nuwas, nơi tôi đang ở. Chúng tôi cùng uống hai ly whisky tôi cất trong phòng r ấ ăn tối.

“Tại sao anh không cứ thế mà rời khỏi thành phố?” tôi hỏi anh ta. “Sao anh không quay về Maysan? Cứ thế mà đi. Anh đâu phải chịu trách nhiệm cho vấn đề đó.”

“Tôi không thể,” anh ta đáp. “Tôi cảm thấy áy náy với họ, mà tôi thì đã kiếm được khối tiền ở cái tạp chí đó r ấ. Ý tôi là lương và trợ cấp ấy. Tôi

cảm thấy mình phải có trách nhiệm. Tôi không muốn họ nói không hay về mình và xếp tôi vào cùng loại với Saidi và kế toán của ông ta.”

Đó là một quan điểm kỳ lạ, với một liều lượng lớn chủ nghĩa lý tưởng. Nhưng đi đâu đó khiến tôi ngơ ngác. Suốt bữa tối, tôi đeo tai nghe để nghe một chút nội dung trong máy ghi âm, mà Mahmoud nói nó dài hơn mười tiếng đồng hồ. Tôi thực sự cảm thấy phẫn khích.

Tôi đưa cho anh ta bốn trăm đô la, và chúng tôi nhất trí sẽ gặp nhau vào hôm sau. Tôi muốn lái xe đưa anh ta về khách sạn, nhưng anh ta bảo mình đi bộ cũng được. Một phần trong tôi biết rằng anh ta sẽ không bao giờ xuất hiện nữa. Anh ta đã đóng tốt vai của mình và cuối cùng đã moi được số tiền mà anh ta muốn từ tôi. Anh ta lừa tôi. Nhưng chẳng phải chúng ta vẫn luôn làm vậy sao? Hôm nay anh ta lừa tôi còn ngày mai tôi sẽ lừa người khác, cũng với ý tốt thôi, và cứ thế cứ thế.

Tôi đang bận viết cuốn tiểu thuyết mang tên *Hành trình bất định và sau cuối* nên không muốn gác lại để theo đuổi câu chuyện đang dở trong máy ghi âm. Nhưng một buổi sáng tôi nhận được email từ một người tự xưng là “trợ lý thứ hai”, bảo rằng anh ta biết tôi qua bạn bè chung và anh ta tin tưởng tôi nhưng đồng thời cũng không muốn tiết lộ danh tính, để bảo vệ cả hai chúng tôi.

Trong mấy ngày liền “trợ lý thứ hai” này gửi cho tôi cả núi tài liệu, nói rằng anh ta nghĩ chúng nên được công khai. Nội dung là về những hoạt động của một cơ quan chính phủ mang tên Cục Theo dấu và Truy nã, và tôi cảm thấy phẫn khích làm sao khi phát hiện ra rằng những tài liệu này liên quan đến các khía cạnh trong câu chuyện mà Mahmoud đã kể với tôi.

Với chai Black Label trên chiếc bàn nhựa ngoài ban công, tôi ngồi xuống thong thả uống đầy khoan khoái. Tôi quên mất cuốn tiểu thuyết và hít hà mùi của cây cối mà làn gió đêm ẩm ướt lùa tới từ phía sông, và nghe

lại, qua loa của chiếc máy ghi âm kỹ thuật số, lời thú tội của Mahmoud và những câu chuyện của tên tội phạm Không Tên.

2

Ngày giam giữ đầu tiên, Mahmoud al-Sawadi bị thẩm vấn suốt nhiều giờ liền. Họ không lấy được nhiều thông tin từ anh lắm.

“Tôi chỉ là một nhân viên bình thường thôi. Saidi trả lương cho tôi,” Mahmoud nhắc đi nhắc lại, và họ có cảm giác anh nói thật. Họ không đánh anh, như anh từng lo - họ chẳng làm gì hại đến anh cả. Anh trải qua một đêm với một người bị giam khác, đến đầu giờ sáng hôm sau thì được gọi đến ký một biên bản. Họ trả lại cho anh ví, điện thoại di động và mấy món đồ cá nhân khác, rồi dẫn anh ra cửa, nói rằng anh cần hợp tác và trình báo với chính quyền bất cứ thông tin mới nào anh có về Saidi.

Tất cả những chuyện này chỉ là khởi đầu cho chuỗi bất hạnh của Mahmoud. Anh đã mất một công việc tuyệt vời. Anh đã đợi được trả lương vào cuối tháng để có thể trả nợ cho khách sạn. Và giờ thì anh không thể nhận công việc của một biên tập viên bình thường ở một tạp chí hay tờ báo khác, vì anh đã quen với quyền lực và sức ảnh hưởng của một trưởng ban biên tập, ấy là còn chưa nói đến phong cách sống mà anh cũng dần quen vì học theo Saidi. Anh đã đặt quá nhiều niềm tin vào Saidi rồi.

Mahmoud bán những món quần áo và giày dép đẹp nhất cho một tay chuyên mua bán quần áo cũ ở Bab al-Sharqi và chấp nhận thanh lý chỗ đồ còn lại cho bạn bè. Trước khi bán nốt điện thoại cho một người bạn, anh gọi ba cuộc cuối cùng. Cuộc đầu tiên là cho anh trai Abdullah, báo rằng anh sẽ quay về Maysan.

“Sao chú lại quay về thế? Chú không hạnh phúc ở Baghdad à?”

“Không, em nhớ nhà. Baghdad nội chiến đến nơi rồi. Em lo có ngày mình chết vì bom xe không chừng.”

“Nhưng công việc của chú ở đó mà. Cố cẩn thận là được.”

“Những người chết mỗi ngày, họ vẫn luôn cẩn thận đấy thôi,” Mahmoud nói.

“Anh không hiểu, Mahmoud à. Chú biết là tay bạn chú giờ là quan chức cấp cao trong tỉnh mà. Nó có thể vẫn nhớ chú và gây phiền hà cho chú đấy.”

“Cậu ta không nhớ ra em đâu. Giờ cậu ta quan trọng quá rồi, làm sao bạn tâm tới em. Bài báo của em thành lịch sử cổ đại rồi.”

“Tùy chú vậy, em trai,” Abdullah nói. “Chú biết là cả nhà nhớ chú mà.”

“Được rồi, em sẽ về. Đừng gọi cho em vào điện thoại này nữa - em sắp bán nó rồi. Khi nào về em sẽ kể cho anh nghe chuyện xảy ra ở đây.”

“Về nhà an toàn.”

Cuộc gọi thứ hai là cho gã bạn Hazem Abboud, tay này bảo anh là tuần sau mới về Baghdad. Anh ta đang bận chụp ảnh với đơn vị quân sự Mỹ và có thể email cho Mahmoud mấy bức ảnh cho tạp chí.

“Tạp chí nào?” Mahmoud nói. “Chẳng còn tạp chí nào nữa đâu. Tôi muốn gặp cậu trước khi quay về Maysan.”

Hazem sững sờ. Họ nói chuyện khoảng ba phút, nhưng khi thấy rõ là không thể gặp được bạn mình, Mahmoud bèn tìm số khác để gọi tiếp. Con số 666 hiện ra trên màn hình, anh liền ấn nút gọi và áp sát điện thoại vào tai. Một giọng nữ mềm mại vang lên: “Số điện thoại quý khách vừa quay không hợp lệ hoặc đã ngừng hoạt động. Xin hãy...”

Anh muốn nghe giọng cô và gặp cô trước khi rời Baghdad. Anh không tin những gì Saidi hoặc Sultan đã nói - họ nói dối và cô làm hoen ố hình

ảnh cô mà thôi. Anh biết mình có cơ hội với cô. Nếu anh nghe thấy giọng cô bây giờ, thay vì cái giọng tự động kia, anh sẽ tìm một cái cớ hợp lý để ở lại Baghdad, cho dù anh có phải quay lại sống trong khách sạn Orouba, với những căn phòng ngột ngạt, ẩm ướt, dầu phải làm việc ở bất kỳ tờ báo hay tạp chí nào, bất chấp đồng lương họ trả bao nhiêu. Cô là người duy nhất có thể mang lại cho anh hy vọng và khiến anh hành động hơi điên một chút - sự điên rồ và hy vọng mà anh thật sự cần lúc này.

Anh gọi lại cho cô, và lần nữa lại nghe thấy giọng tự động. Anh cảm thấy cay đắng xiết bao, như thể màn đêm đã phủ xuống anh, một màn đêm chẳng bao giờ kết thúc. Anh mở mặt sau của điện thoại và tháo pin ra để lấy thẻ SIM. Anh lắp pin vào chỗ cũ rồi sập lưng điện thoại lại. Rồi anh mang điện thoại đến cho người bạn nhận mua. Anh nhét thẻ SIM vào túi, lấy cái máy ghi âm kỹ thuật số ra để tìm cách bán đi.

Mahmoud đã kể cho tôi nghe mọi chi tiết trong suốt hai ngày qua, tôi cũng đã nghe bản ghi âm trong thiết bị kỹ thuật số đó. Tôi ngỡ ngàng trước việc giọng nói trong bản ghi âm, được cho là của người đàn ông mà Mahmoud gọi là Frankenstein, lại trầm sâu, như của một phát thanh viên nổi tiếng. Tôi nghi ngờ rằng toàn bộ câu chuyện này là bịa đặt, nhưng một tuần sau, trong một phòng bệnh ở bệnh viện Kindi, tôi lại nghe thấy giọng nói đó, khi tôi ngồi kế bên giường của một ông già gọi là Bố Salim. Lão kể thêm cho tôi những chi tiết thú vị liên quan tới câu chuyện của gã Frankenstein này. Tôi không dám chắc trăm phần trăm những giọng nói đó là của cùng một người, nhưng câu chuyện thì hoàn toàn thu hút tôi, và tôi bắt đầu tìm kiếm thêm những ngu ồn khác để chứng thực nó.

Mahmoud đã bán toàn bộ tài sản và trả lương cho nhân viên tạp chí *al-Haqiqa*. Anh gói ghém một túi nhỏ, cái mà từ đầu anh đã mang theo từ Maysan, và thanh toán nợ ở khách sạn Dilshad.

Đất nước này sắp không thể chống chọi thêm những làn sóng bạo lực nữa rồi. Rồi đi cũng là đi đâu dễ hiểu, và đó là việc nhiều người bạn của Mahmoud cũng làm. Farid Shawwaf sẽ quay về ngôi làng nhỏ gần Ishaqi, phía Bắc Baghdad; cậu ta sẽ từ bỏ, ít nhất là tạm thời, vòng hào quang của truyền hình vệ tinh và những bộ com lê bảnh chọe. Zaid Murshid đi Hilla. Adnan al-Anwar thì đến Najaf, nơi có gia đình mình cùng mấy ông cậu sinh sống. Do đặc thù công việc của một nhiếp ảnh gia báo chí gắn với các đơn vị quân sự Mỹ, Hazem Abboud không thể quay về thành phố Sadr ở Baghdad, và anh ta cũng không thể tìm thấy khách sạn Orouba còn đứng đó, hoặc Bờ Anmar, cuối cùng đành phải thuê chung phòng với một tay bạn nhiếp ảnh gia trong một khách sạn rẻ tiền khác.

Bố Salim rời khỏi bệnh viện Kindi trên đôi nạng. Các con lão đến để đưa lão xuất viện. Họ không đưa lão về căn nhà trên đường 7 mà tới nhà của một trong mấy đứa con rể, cho đến khi xây sửa lại xong xuôi mặt trước nhà lão.

Các tổ chức phi chính phủ và chuyên gia khảo cổ đã yêu cầu tạm ngưng việc lấp cái hố mà vụ nổ để lại, do bức tường xuất hiện giữa cái hồ được tạo ra từ đường ống nước uống và nước thải bị vỡ. Một số người cho rằng đó là một phần bức tường của Nhà Abbas* và là khám phá quan trọng nhất của ngành khảo cổ Hồi giáo tại Baghdad trong nhiều thập kỷ. Những người khác thì mạnh mẽ nói, khá là táo tợn, về “những ưu điểm của chủ nghĩa khủng bố”, nhờ đó mới có khám phá quan trọng này. Nhưng chính quyền thành phố Baghdad đã mặc kệ hết thảy và khiến tất cả ngạc nhiên bằng cách cho xúc đất lấp đầy cái hố lớn. Người phát ngôn chính quyền thành phố phát biểu, “Chúng tôi không làm nửa vời. Chúng tôi sẽ bảo tồn những gì còn lại này cho các thế hệ tương lai, và các thế hệ ấy có thể tự mình đánh giá cách xử lý của chúng tôi. Nếu họ quyết định phá hủy toàn bộ quận

Batavveen thì đó là việc của họ, còn giờ thì chúng tôi phải lát lại đường đã.”

Bố Salim có thể đã được xuất viện, nhưng còn một người khác ở đường 7 phải nằm lại lâu hơn - tay buôn đồ cũ Hadi. Những vết băng trên tay và mặt gã đã được tháo, nhưng gã chưa thể nhấc mình ra khỏi giường. Gã nằm đó, tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với gã và ngôi nhà của gã, thứ có lẽ đã sập vụn và trở thành một đống đổ nát thực sự. Nhưng đó có thực là nhà gã không? Đến khi ra viện, có lẽ gã sẽ phát hiện ra rằng Faraj tay cò nhà đất đã san phẳng nó, xây lại và đăng ký dưới tên y.

Nhưng trước tiên gã phải khỏe lại đã; rồi giải quyết các vấn đề khác sau. Đó là những gì Hadi cứ tự nhủ với bản thân, để xoa dịu mình, cho dù gã không thể chịu nổi việc phải nằm suốt như thế này và cố gắng ngẩng dậy ra khỏi giường trong tuyệt vọng.

Một buổi tối, buồn đi tiêu, gã lại cố ra khỏi giường thêm lần nữa. Các bệnh nhân gần đó đã ngủ cả, y tá trực thì ở đâu không biết. Gã rướn mình ngẩng dậy và nhúc nhích bàn chân vẫn đang bị băng bó. Rồi gã chần chập đặt chân xuống sàn, chạm vào lớp gạch lạnh lẽo bằng mũi ngón chân. Trong vài phút, gã đã xoay sở đứng lên được. Gã bắt đầu đi về phía trước, bám vào mấy giường gần đó cho khỏi ngã. Rồi gã đặt tay lên tường và men chần chập về phía nhà vệ sinh.

Ngay khi vào nhà vệ sinh, gã liền chú ý đến hình phản chiếu của mình trong chiếc gương trên bồn rửa. Ngọn lửa đã làm gã biến dạng hoàn toàn. Gã đã nhận ra ‘điều này từ những ngày trước, khi gã tỉnh lại khỏi cơn hôn mê và thấy vết nham nhở trên da sau khi được tháo băng, nhưng gã đã hy vọng khuôn mặt mình sẽ đỡ hơn. Gã là một sinh vật đáng sợ, và dù cho có hồi phục hoàn toàn, gã cũng không bao giờ trông như trước được nữa. Trong cơn choáng váng, gã chùi tay dọc theo bề mặt gương để chắc chắn đó là gương thật rồi rướn người để ngắm soi sự biến dạng của mình. Gã

muốn khóc, nhưng tất cả những gì gã có thể làm là nhìn trừng trừng. Nhìn gần hơn, gã phát hiện ra một điều sâu sắc hơn: đó không phải khuôn mặt của tay buôn đồ cũ Hadi; đó là khuôn mặt của kẻ mà gã thuyết phục mình tin rằng chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú mà thôi. Đó là khuôn mặt của Vô Danh.

Hadi bật ra một tiếng thét kinh hoàng, làm giật mình những bệnh nhân đang ngủ trong phòng bệnh. Chân bị bó bột, gã trượt xuống lớp gạch nhà vệ sinh và ngã ngửa ra phía sau, đập đầu vào cạnh của bệ toilet và bất tỉnh.

4

“Khuôn mặt ta cứ thay đổi suốt,” đêm đó Vô Danh nói với nhà chiêm tinh già. “Chẳng có gì ở ta kéo dài lâu, ngoại trừ khao khát được tiến lên. Ta giết chóc để mà tiến lên.” Đó chỉ là sự biện hộ của hắn mà thôi. Hắn không muốn mất mạng mà không hiểu tại sao mình lại chết và rồi hắn sẽ đi đâu sau cái chết, vì thế hắn níu lấy cuộc sống, có lẽ còn hơn cả những người khác, hơn những người đã cho hắn mạng sống và những bộ phận cơ thể - vì sợ hãi, chỉ thế thôi. Họ không đấu tranh để giữ mạng, vì thế hắn xứng đáng được sống hơn họ. Cho dù biết rằng mình không thể thắng được hắn, nhưng ít nhất họ cũng nên chống trả chứ. Chẳng vinh dự gì khi đầu hàng trong một cuộc chiến, và đó là một cuộc chiến oanh liệt! Đó là cuộc chiến bảo vệ mạng sống của mình, cuộc chiến duy nhất đáng để chiến đấu trong cuộc đời này.

Nỗi sợ Vô Danh tiếp tục lan nhanh. Ở thành phố Sadr người ta nói về hắn như về một Wahhabi, tại Adamiya thì như về một người Shiite cực đoan. Chính phủ Iraq miêu tả hắn như một đặc vụ nước ngoài, trong khi

người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ nói rằng hắn là một kẻ gian xảo có âm mưu làm suy yếu dự án của Mỹ ở Iraq.

Nhưng dự án nào có thể đến mức đó cơ chứ? Theo chuẩn tướng Majid được biết, bản thân con quái vật là dự án của họ. Chính những người Mỹ đứng đằng sau con quái vật đó.

Người ở các quán cà phê nói rằng trong ngày đã gặp hắn và đua nhau tả xem hắn trông đáng sợ thế nào. Hắn ngồi cùng chúng tôi trong tiệm ăn, vào cửa hàng quần áo, hoặc lên buýt cùng chúng tôi, họ nói. Hắn ở khắp mọi nơi và có tốc độ đáng ngạc nhiên, nhảy từ mái nhà này sang mái nhà khác, từ bức tường này sang bức tường khác lúc nửa đêm, họ nói thêm. Không ai biết kẻ nào sẽ là nạn nhân kế tiếp, và bất chấp mọi sự trấn an từ chính phủ, mọi người ngày càng tin rằng hắn sẽ không bao giờ chết. Họ nắm rõ chuyện đạn xuyên qua người hắn ra sao. Họ biết hắn không chảy máu và không để bất kỳ ai nhìn thấy khuôn mặt hắn dù chỉ thoáng qua. Hình ảnh chung quyết về hắn là bất cứ thứ gì ẩn khuất trong đầu họ, được nuôi bằng nỗi sợ hãi và tuyệt vọng. Đó là một hình ảnh mà có bao nhiêu người khơi gọi lên thì có bấy nhiêu dạng thể.

Dù cho đắm chìm trong câu chuyện này suốt một thời gian dài, ngay cả tôi cũng bắt đầu cảm thấy sợ hãi.

5

Chuẩn tướng Sorour Majid bị buộc phải về hưu. Đó là điếu cuối cùng tôi nghe được. Nhưng có vẻ như ông ta không chịu buông tay: ông ta đã tìm việc mới nhờ các mối quan hệ và cuối cùng đã đặt chân trở lại một cơ quan chính phủ, không phải Cục Theo dấu và Truy nã, nó bị giải thể rồi, mà là ở một nơi khi họ còn gầy bên ngoài thủ đô, như một nhân viên bảo vệ

bình thường ở trụ sở cảnh sát địa phương. Tuy nhiên, ông ta được miễn trừ khỏi sắc lệnh xóa bỏ sự ảnh hưởng của đảng Ba'ath.

Tôi dành nhiều tháng trời đến Bataween để lấp đầy những phần khác của câu chuyện. Tôi ngồi trong quán cà phê của tay người Ai Cập Aziz, anh ta nói đã đến bệnh viện thăm Hadi ba lần. Lần đầu tiên, Hadi hôn mê. Lần thứ hai, Hadi nói chuyện với anh ta qua lớp băng bó. Lần thứ ba, bác sĩ bảo rằng Hadi đã bỏ đi không ai hay biết.

Tôi không tìm cách nói chuyện được với Faraj tay cò nhà đất. Phần lớn thời gian y ru rú ở nhà, việc quản lý văn phòng do một trong mấy thằng con trai y đảm trách. Mẹ Salim thì ngăn không cho tôi gặp lại chồng mẹ, sau cuộc gặp đầu tiên đầy thú vị của chúng tôi ở bệnh viện Kindi. Nhưng tôi đã liên lạc được với cha Josiah. Tôi đến gặp ông ở nhà thờ và nghe ông kể những phần của câu chuyện về Elishva, người con trai thất lạc của bà, những cô con gái ở Australia, và người trợ tế Nader Shamouni.

Trong những tin nhắn từ Maysan, Mahmoud al-Sawadi cho tôi biết tin mới nhất liên quan đến Ali Baher al-Saidi, kẻ đang chạy trốn công lý. Khi tôi thấy một bức ảnh của Saidi trên một tạp chí *al-Haqiqa* số cũ, tôi nhớ ra mình đã gặp ông ta trước đó - tại một hội nghị dành cho giới trí thức ở Nhà hát Quốc gia vài năm trước. Ông ta là người thông minh và có khả năng hùng biện. Hồi đó tôi cảm thấy mình hy vọng những người như Saidi sẽ xông vào chính trường, thay vì để nó cho đám học hành nửa vời và mù chữ.

“Trợ lý thứ hai” tiếp tục gửi qua email cho tôi những tài liệu từ Cục Theo dấu và Truy nã, đặc biệt là tài liệu về những cuộc đi đầu tra vẫn đang được tiến hành. Tài liệu cuối cùng anh ta gửi cho tôi là về lời thú tội của một chiêm tinh gia tập sự, rằng cậu ta đã hại chết tiền bối của mình trên một con phố Baghdad bằng cách đi đầu khiến tên tội phạm Không Tên qua gọi ý từ xa và khiến tên tội phạm cất lìa đôi bàn tay của nhà chiêm tinh già

để lấp vào cơ thể hắn. Nhưng chiêm tinh gia tập sự kiên quyết phủ nhận chuyện cậu đã tạo ra tên tội phạm này từ đầu. Cậu ta chỉ lợi dụng được hắn mà thôi. Cậu ta muốn diệt trừ tên tội phạm, nhưng tiền bối của cậu đã can thiệp. Rằng đó là lý do then chốt cho bất đồng giữa họ.

Tôi vừa viết câu chuyện này vừa lo lắng không yên, sợ rằng nhờ đầu cửa phòng khách sạn bỗng mở ra và tôi sẽ bị bắt. Cuối cùng, chuyện đó cũng đến. Tôi đang viết dang dở phiên bản chương mười bảy của câu chuyện thì bị bắt và đưa đi thẩm vấn trước một nhóm sĩ quan Mỹ và Iraq. Họ tỏ ra lịch sự và dễ chịu. Họ cho tôi nước và một cốc trà và cho phép tôi hút thuốc. Họ không gây khó chịu gì cho tôi cả. Họ hỏi tôi về những tài liệu tôi nhận được, tôi đã làm gì với chúng, và trợ lý thứ hai này là ai. Nếu anh ta là thứ hai, vậy thì suy ra phải có người thứ nhất, và hai kẻ bọn họ ắt hẳn là trợ lý cho ai đó. Có phải họ là trợ lý của tôi không? Có phải tôi đang đi đầu hành mạng lưới nào đó không? Tôi có những mối liên hệ trong nước hay ngoài nước nào? Quan điểm chính trị của tôi là gì?

Tôi bị giam giữ vài ngày trong khi các chuyên gia của họ đọc bản thảo tiểu thuyết dang dở của tôi. Rồi một sáng họ triệu tập tôi. Họ không nói nhiều lắm. Tôi thấy một bản cam kết được viết sẵn trên bàn thẩm vấn. Họ bảo tôi không cần đọc mà cứ ký đi. Tôi cảm thấy bất an và muốn kháng cự, nhưng sợ rằng họ sẽ đưa tôi trở lại phòng giam. Tôi lẳng lặng ký bản cam kết. Họ trả lại cho tôi đồ đạc cá nhân nhưng không kèm theo bản thảo tiểu thuyết. Có vẻ như tôi không được phép viết lại nó.

Họ trả tự do cho tôi mà thậm chí không buồn nhìn kỹ tấm thẻ căn cước mà tôi trình ra. Đó là thẻ giả, một trong vài món đồ giả tôi luôn sẵn trong mình để có thể qua được nhanh hơn các điểm kiểm tra an ninh mà những bè phái dân quân đang đánh nhau tại Baghdad đôi khi dựng lên.

Đội thẩm vấn không nghiêm túc lắm, tôi nghĩ trên đường về khách sạn. Nom như hình thức mà thôi. Tôi nghĩ trước máy tính và viết lại từ đầu. Tôi

viết luôn tay suốt mấy ngày liền, cho đến khi nhận được một email khác từ trợ lý thứ hai - thông điệp cuối cùng tôi nhận được từ anh ta. Nó bao gồm bản báo cáo cuối cùng từ hội đồng thẩm vấn.

Tôi đọc nhanh và liền đâm sợ hãi. Họ đang chuẩn bị bắt tôi lại lần nữa. Tôi có cảm giác rằng lần này họ sẽ đối xử khác với tôi.

Tôi vội vã thu dọn đồ, trả hóa đơn khách sạn, rồi chuồn về nhà. Trên đường đi tôi nhớ ra tấm thẻ căn cước giả của mình. Tôi lấy nó ra khỏi túi và ném ra ngoài cửa xe taxi. Tôi cho rằng, như trong trường hợp Frankenstein mà họ đang cố bắt giữ, những người truy đuổi tôi sẽ không bao giờ gặp lại tôi nữa.

Chương mười chín

TỘI PHẠM

1

Abdullah lao vào phòng của em trai Mahmoud. “Bọ Ngựa bị giết rồi,” anh thông báo. Mahmoud ngái ngủ trên giường, cho mắt nghỉ ngơi sau khi đọc liên tục suốt từ khi quay về nhà ở Jidayda tại Maysan. Anh phát hiện ra rằng mình có quá nhiều cuốn sách đã mua mà chưa bao giờ đọc và cả những cuốn khác anh muốn đọc lại, và anh đã có quá đủ những ồn ào náo nhiệt của thế giới bên ngoài rồi, giờ cần một khoảng thời gian bình yên và tĩnh lặng. Lại còn mẹ anh cứ lo rằng Bọ Ngựa không chừng sẽ thực hiện lời thề giết Mahmoud mà gã từng đưa ra một năm trước đó nếu tình cờ chạm mặt anh trên đường phố Amara, mà anh thì không muốn làm mẹ lo lắng hay gây phiền nhiễu cho bất kỳ ai.

Chuyện này kéo dài chừng hai tháng rưỡi, nhưng giờ thời gian ẩn mình để phòng của anh đã kết thúc: một nhóm người đã tập kích Bọ Ngựa trên đường cao tốc trong khi gã di chuyển cùng đoàn xe mô tô hộ tống từ tỉnh Wasit. Chúng nã một loạt đạn, giết chết gã, tài xế và mấy người phụ tá, trước khi tẩu thoát.

Mahmoud nghĩ lại cái thuyết của mình về ba loại công lý, nhưng anh không tin rằng nó còn hiệu lực. Ngoài kia là tình trạng hỗn loạn; không có logic nào đằng sau những chuyện xảy ra. Anh hít sâu rồi buông một tiếng thở dài. Điều quan trọng bây giờ là anh đã được giải phóng khỏi nỗi lo lắng luôn đè nặng anh bấy lâu nay.

Cuối cùng anh cũng ra khỏi nhà, chẳng rõ mình sẽ đi đâu. Mẹ anh còn chẳng buồn ngẩng mặt lên. Khi ra tới phố chính, anh mới nhớ ra lâu lắm rồi mình chưa kiểm tra email.

Anh lên một chiếc xe buýt hướng về phía chợ. Anh tình cờ gặp mấy người bạn, họ không hiểu tại sao anh lại vui đến vậy. Rồi anh đến quán cà phê Internet, ở đó anh ngồi trước một chiếc máy tính và mở email. Có một trăm tám mươi tin nhắn, phần lớn là thư rác, nhưng anh nhận thấy có một tin nhắn từ tay bạn Hazem Abboud. Anh mở ra thì thấy mười bức ảnh. Chúng được chụp ở nhiều nơi khác nhau, ở vùng quê và các ngôi làng, những địa điểm xưa cũ và những tòa nhà cổ. Trong lời nhắn kèm theo, Hazem giải thích tình hình của mình - rằng anh ta có thể sẽ có được thẻ xanh nhờ làm việc với quân đội Mỹ đồng thời không thể quay về nhà vì sợ dân quân ám sát. Mahmoud cảm thấy Hazem đang nói quá lên và muốn bào chữa cho mong muốn từ lâu của mình là nhập cư vào Mỹ.

Có một email mời Mahmoud vào vị trí phóng viên thường trú tại May san cho một tờ báo lớn ở Baghdad. Rồi anh tìm thấy một tin nhắn từ một cái tên mà anh không nhận ra; anh mở ra và ngạc nhiên khi thấy nó được gửi từ Nawal al-Wazir, nói rằng cô đã cố gọi anh mấy lần nhưng không được, và gửi cho anh số điện thoại mới của cô.

“Anh phải gọi cho tôi đấy nhé, Mahmoud,” cô viết. Anh muốn gọi cho cô ngay lập tức, nhưng tin nhắn tiếp theo anh mở ra đã khiến anh quên hết mọi thứ khác. Đó là tin nhắn từ Ali Baher al-Saidi. Ông rõ ràng đã dành nhiều thời gian và công sức để thảo ra nó. Mahmoud thấy bị cuốn theo hoàn toàn.

Mahmoud thân mến,

Cậu có khỏe không?

Tôi đã gọi cho cậu hàng chục cuộc nhưng có vẻ như điện thoại của cậu đã tắt vĩnh viễn. Tôi lo cho cậu lắm, bạn tôi à. Tôi có nghe mấy người bạn nói về cuộc thăm vấn cậu trải qua. Điều đó làm tôi đau lòng. Bọn họ đích thị là lũ khốn. Tôi sợ rằng bọn họ có lẽ đã bóp méo sâu sắc cách nhìn của cậu về tôi và tôi không thể sửa chữa nổi những thiệt hại đó, nhưng cậu là người mà tôi rất trân quý. Tôi xin thề trên tính mạng mẹ tôi, người đã bị khủng bố sát hại ở Ramadi trên đường cao tốc đi Jordan, và trên sinh mạng các em gái thân yêu của tôi, rằng tôi không biến thủ một đồng nào từ chính phủ tã tẹ này hay đám người Mỹ chiếm cứ. Đó là âm mưu chống lại tôi, và giờ tôi đang chạy trốn khỏi cái hệ thống pháp luật mục nát ấy. Họ muốn đẩy tôi ra khỏi đất nước vì họ biết tôi có một kế hoạch chính trực dành cho đất nước này và rằng đã đến thời khắc xung đột giữa những người yêu nước chân thành và những kẻ làm việc vì lợi ích nước ngoài. Họ muốn làm thịt tôi cho bữa trưa trước khi tôi có thể xơi tái họ cho bữa tối.

Cậu không phải tin những gì tôi nói. Nhưng nói thật với tôi đi, đã bao giờ tôi nói dối cậu chưa? Chẳng phải chính tôi đã đề bạt cậu, cho cậu cơ hội cậu xứng đáng sao? Tôi có ngược đãi cậu hay bất kỳ ai khác không? Tôi không giúp ích và hợp tác với mọi người à? Hãy nghĩ lại một chút và cố nhớ ra đi.

Cậu có thể tự hỏi tại sao tôi lại bỏ thời gian công sức để viết cho cậu và tại sao tôi lại tha thiết thuyết phục cậu về quan điểm của tôi đến thế. Tôi không quan tâm tất cả những gì người ta nói về tôi, hay những vết nhơ bị trưng ra trên báo, hay cách họ khắc họa tôi như một tên tội phạm quốc tế, hay lệnh truy nã mà họ yêu cầu Interpol đưa ra. Tôi có thể chịu hết những chuyện đó. Tôi có một tinh thần vững vàng, và tôi có sức chống lại những tên khốn đó. Sẽ có ngày tôi đánh bại chúng, rồi cậu sẽ thấy. Nhưng tôi

không chịu nổi việc cậu có thể nghĩ xấu về tôi, nhất là cậu. Điều này quan trọng với tôi vì tôi thấy chính bản thân tôi trong cậu. Chúng ta giống nhau lắm, dẫu cho cậu không nhìn thấy sự tương đồng ấy. Tôi nghĩ chúng ta giống nhau và cậu là người thanh sạch và cao quý, những gì cậu nghĩ về tôi quan trọng hơn bất kỳ điều gì khác.

Cậu hãy nhớ đến chuẩn tướng Majid và cái lần chúng ta đến gặp ông ấy. Sau bữa trưa, ông ấy nói lại với tôi những gì mà chiêm tinh gia bậc thầy làm việc cùng ông ấy báo cáo. Chúng ta không tới đó để mua máy in hay phỏng vấn ông ấy hay bất kỳ việc gì khác. Thời điểm ấy tôi không thể cho cậu biết sự thật, ngộ nhỡ cậu hiểu nhầm. Tôi muốn giữ chuyện đó cho riêng mình hơn, nhưng giờ tôi cảm thấy mình phải tiết lộ: chuyến thám ấy là vì một mục đích cụ thể - để các chiêm tinh gia của ông ấy cho cậu biết tương lai của cậu. Tương lai của Mahmoud al-Sawadi. Và tôi thực sự sợ sệt và ngớ ngàng trước những gì được nghe. Chiêm tinh gia bậc thầy bảo rằng “người thanh niên này”, ám chỉ cậu, có một tương lai xán lạn. Cậu ấy sẽ vươn lên trở thành một trong những người quan trọng nhất ở Iraq, nhưng cậu ấy cần được đào tạo. Cậu ấy cần được thử thách để học cách đương đầu. Tôi không biết giờ cậu đánh giá điều này thế nào, nhưng trong đúng mười lăm năm nữa, Mahmoud à, cậu sẽ trở thành thủ tướng Iraq. Phải, cậu sẽ trở thành thủ tướng Mahmoud al-Sawadi. Và tôi, kể từ lúc nghe được điều này và tin vào nó, đã quyết định biến cậu thành dự án của mình, và tôi đã giao cho mình một vai cụ thể trong dự án này. Tôi sẽ là Thánh John*, còn cậu sẽ là Chúa Jesus. Tôi sẽ giúp một cây non yếu ớt trở thành một cái cây vững chãi.

Tôi sẽ sớm trở lại Baghdad thôi, Mahmoud à. Tôi sẽ bác bỏ mọi cáo buộc chống lại mình, và cậu sẽ thấy người ta ra tòa vì những lời buộc tội hiểm ác họ dành cho tôi. Khi ấy tôi sẽ liên lạc với cậu để chúng ta có thể bắt đầu lại và làm việc cùng nhau.

Hãy chắc chắn là cậu nhớ lấy lời tiên tri của chiêm tinh gia bậc thầy, hoặc là cố quên nó đi. Chẳng khác biệt gì đâu, bởi đi đâu không tránh khỏi sẽ trở thành sự thực một ngày nào đó.

3

Đó thực sự là một quả bom. Nó làm Mahmoud nhớ lại cách Saidi nói, nhớ lại ông đầy sức thuyết phục đến thế nào. Mahmoud không thể kìm được dòng cảm xúc dâng trào đối với Saidi, người đã giúp đỡ anh rất nhiều và mang lại cho anh những trải nghiệm mới. Anh đã trở nên trưởng thành và hiểu biết hơn là nhờ có ông. Anh cảm thấy hiếu kỳ về cuộc trò chuyện của các chiêm tinh gia và lời giải thích mới của Saidi về chuyến thăm của họ tới Cục Theo dấu và Truy nã. Hóa ra Mahmoud nằm ở vị trí trung tâm sự kiện trong khi anh cứ nghĩ mình ở ngoài rìa.

Mahmoud đặt tay lên bàn phím, hăm hở hồi đáp email của Saidi. Anh đang định xin lỗi vì đã nghĩ xấu về ông, nhưng rồi chợt nhớ ra nhiều chuyện khó chịu khác. Anh nhớ, trong cuộc thăm vấn, anh gần như đã van vãn thế nào để bảo vệ mình khỏi cáo buộc rằng anh đã tiếp tay cho việc biến thủ mười ba triệu đô la. Anh nghĩ lại bao nhiêu lần Saidi đã phủ nhận bản thân anh. Ngay trong quán cà phê Internet, anh cố vẽ ra một bức tranh rõ ràng, đáng tin về những nguyên tắc và niềm tin của Saidi, nhưng không thể.

Mahmoud gõ nhẹ lên phím, nhưng không viết gì cả. Anh đã vượt qua được lòng cảm xúc hỗn loạn, và nhận ra rằng mình đang nghiến răng. Sau tất cả những gì Mahmoud đã trải qua, Saidi còn cố lừa anh và lôi kéo anh phục vụ cho mục đích của mình. Ông ta lại ghi một bàn thắng nữa rồi.

“Đồ khốn,” Mahmoud gõ nhanh bằng tiếng Anh. Anh phóng to và bôi đỏ mấy chữ đó. Anh đang định nhấn nút Gửi thì ngăn mình lại. Anh ngập

ngừng độ mười giây, rồi xóa hai chữ đó đi. Anh gộp cả tin nhắn của Saidi và Hazem Abboud vào làm một rồi gửi cho nhà văn. Anh đăng xuất khỏi tài khoản email rồi rời quán cà phê.

Lát nữa Mahmoud sẽ gửi cho nhà văn một tin nhắn khác, giải thích tại sao anh lại quyết định không trả lời email của Saidi. Anh ra ngoài phố và tiếp tục đi. Anh châm một điếu thuốc và ngược nhìn những đám mây như mang theo điềm báo. Đó là một ngày như những ngày anh đã trải qua ở Baghdad một năm trước, khi anh gặp Ali Baher al-Saidi, Nawal al-Wazir, và những người khác.

Anh vừa bước về phía chợ vừa nghĩ, “Ngộ nhớ Saidi nói thật thì sao?” Nhưng anh cảm thấy tất cả chỉ là hoang tưởng và giả dối mà thôi. Saidi đang chuẩn bị đổ một thảm họa khác lên đầu Mahmoud khờ khạo. Nhưng ngộ nhớ một phần trăm trong câu chuyện đó là thật thì sao? Chẳng phải cuộc đời là sự pha trộn của những thứ đáng tin và những thứ khó tin hay sao? Chẳng phải việc Saidi có thể liên lạc với Mahmoud là một trong những điềm khó tin ư?

Đó là lý do vì sao Mahmoud không phản hồi tin nhắn của Saidi bằng một lời đáp hằn học, hay bất kỳ lời đáp nào khác. Anh đặt tình huống vào vùng xám, như bầu trời hôm đó, cố dùng phong cách của Saidi để chống lại ông ta, để mặc ông ta hoang mang.

4

Vào ngày 21 tháng Hai năm 2006, các tư lệnh an ninh tối cao tại Baghdad thông báo rằng cuối cùng họ đã bắt được tên tội phạm nguy hiểm mà các báo cáo chính thức gọi là Tội phạm X, còn công chúng gọi là Vô Danh, cùng nhiều cái tên khác.

Họ chiếu một bức ảnh lớn của hắn lên màn hình cỡ đại và thông báo tên hắn: Hadi Hassani Aidros, cư dân Bataween và thường được gọi là Hadi al-Attag, kẻ buôn đồ cũ.

Bị cáo đã thú nhận mọi tội danh bị cáo buộc, bao gồm cầm đầu băng đảng giết người, chặt xác các nạn nhân, rồi đem vứt ra các con phố hẹp quanh Baghdad nhằm làm lây lan nỗi hoang mang sợ hãi. Hắn đã lên kế hoạch cho vụ nổ ở Sadeer Novotel bằng phương tiện là chiếc xe rác cài chất nổ và được cầm lái bởi một kẻ đánh bom liều chết vốn là một trong các môn đồ của hắn. Hắn đã sát hại một số nhà thầu an ninh nước ngoài và là kẻ gây ra vụ nổ kinh hoàng ở Bataween, khiến nhiều người chết, phá hủy nhà cửa, và gây ra thiệt hại không thể đo đếm nổi với di sản kiến trúc của Iraq. Trên hết, tên tội phạm này dính líu tới hành vi bạo lực giáo phái và giết thuê cho các băng đảng và các nhóm giáo phái.

Tay người Ai Cập Aziz nhìn thấy ảnh người bạn thân của mình trên ti vi và không nhận ra nổi. Đó không phải Hadi gã buôn đồ cũ. Đó cũng là đi đầu mà mọi người trong quán cà phê nói. Nhưng khi người ta phát bản ghi âm lời thú tội của tên tội phạm, giọng nói này lại rất giống giọng của Hadi. Sao gã có thể là kẻ giết người chứ?

Nhìn khuôn mặt biến dạng của Hadi trên ti vi, trong khi đang ngồi cùng gia đình ở nhà, Mahmoud al-Sawadi nghĩ rằng đây đơn giản là một sai lầm lớn nữa. Họ muốn khép lại vụ án bằng mọi cách. Không thể tin nổi ông già này lại là một tên tội phạm nguy hiểm. Anh đã ngồi bên gã hàng tiếng đồng hồ gã chỉ là một kẻ nát rượu có cuộc sống riêng bấp bênh và trí tưởng tượng mạnh mẽ, nhưng câu chuyện của gã về Vô Danh vẫn đặt ra nhiều câu hỏi cho Mahmoud. Hadi là kẻ đáng trí kinh niên. Gã không có tí nào cái khả năng hùng biện hay sự điềm tĩnh được thể hiện rõ ràng trong bản ghi âm kỹ thuật số bài độc thoại dài dằng dặc của Vô Danh. Không thể nào Hadi lại là Vô Danh được.

5

Khi người dân nghe tin tức, bầu trời Baghdad ã ðùng tiếng đạn pháo. Ai nấy ðều trong trạng thái hân hoan ðiên cùøng, ðặc biệt ở Bataween. Không ai tin nổi tên tội phạm đáng sợ này lại từng sống giữa bọn họ, nhưng những gì chính phủ nói ắt hẳn là thật.

Mẹ Salim ra ngoài nhảy trên phố, leng keng đám vòng vàng trên đôi tay trắng ngần. Chờng mù ngại ngừng hé nhìn qua khe cửa, tay đút vào túi áo pyjama. Veronica, bà già người Armenia, ra ngoài ném kẹo cao su và mấy món của ngọt vào đầu lũ trẻ con trên đường, và bất chấp những đám mây đen đang kéo tới, mọi người vẫn tiếp tục nhảy múa trên phố và trên sân thượng các tòa nhà suốt hơn một tiếng liền. Họ đang thưởng thức thú vui niềm vui mà họ đã lãng quên trong hàng thập kỷ thảm họa đất nước này phải gánh chịu. Ai nấy đều hạnh phúc, kể cả tay cò nhà đất Faraj, kẻ đã chìm trong bi quan và thất vọng từ sau vụ nổ kinh thiên động địa ở đường 7. Aziz thấy những màn ăn mừng diễn ra nhất loạt nhưng vẫn không thể tin nổi Hadi là tên tội phạm đó. Không thể nào. Nhưng rồi cuộc anh ta cũng nhảy múa bên ngoài quán cà phê.

Trở về trạng thái hân hoan trẻ dại, không ai có thể thấy, hoặc buồn thấy, những con mắt rụt rè ấy nhìn ra từ sau những ban công và cửa sổ của khách sạn Orouba bỏ hoang.

Kể từ sau khi Faraj hạ biển hiệu bên ngoài xuống, khách sạn chẳng còn tên. Nó không còn là khách sạn Orouba, và cũng chưa trở thành khách sạn Đại Tiên Tri, như Faraj từng dự kiến đặt. Y đã mất một phần lớn gia tài vào hai món bất động sản, một cái đã bị phá hủy hoàn toàn, cái kia thì bị hư hại nặng. Để sửa lại, y phải chi ra cả một gia tài, vì thế y kê thân nó trong tình trạng hiện tại - hoang phế, một đống đổ nát. Y chẳng để tâm đến nó nữa. Mèo làm ổ ở đó, còn đám thanh niên thì dùng nó làm nơi hẹn hò yêu

đương chóng vánh. Bóng ma của một gã đàn ông vô danh cũng lẫn quân nơi đó, đứng suốt một giờ qua bên khung cửa sổ không kính của một căn phòng trên tầng ba, vừa lặng lẽ quan sát đám người ăn mừng, vừa hút thuốc, thì thoảng lại ngược nhìn những đám mây đen trên đầu.

Nabu leo lên cầu thang, lên thăm thăm đã rách nát từ lâu. Con mèo già nhảy qua chân những chiếc ghế gãy, rồi tới chỗ kẻ đứng bên cửa sổ. Nó đi vòng quanh chân trái của hắn, rồi nom dòm và khẽ kêu meo meo. Người đàn ông quảng điệu thuốc ra ngoài cửa sổ và dỏng tai nghe khi một gánh hát địa phương xuất hiện trên con phố bên dưới, theo sau là một đàn trẻ con reo hò và vỗ tay. Sấm làm rung chuyển bầu trời, và mưa bắt đầu trút xuống. Mọi người chạy về nhà, tiếng nhạc và những màn ăn mừng ngừng lại. Chỉ còn tiếng mưa.

Người đàn ông khom mình vượt ve con mèo già, đã rụng lông còn nhiều hơn trước. Giờ đây họ là bạn thân của nhau.

Baghdad Tháng 12/2008

Một sắc tộc tôn giáo.

Ngôi sao David, hay Tăm khiên David, được công nhận rộng rãi là biểu tượng cho nhân dạng Do Thái và Do Thái giáo.

Yếu tố kiến trúc đặc trưng của các khu dân cư Ả Rập. Nó là một loại cửa sổ có lưới gỗ chạm khắc, thường được lót bằng kính màu.

Luật của người Hồi giáo.

Một dạng sinh thể siêu nhiên trong Hồi giáo, không hẳn thiện, không hẳn ác. Djinn không phải là thiên thần, cũng không phải là quỷ. Tùy trường hợp, djinn có thể ác hoặc thiện, gây tai họa hoặc phù hộ cho con người.

Áo dài nam truyền thống của các quốc gia Ả Rập.

Một loại rượu hồi và một loại cocktail.

Một tộc người cổ đại nói một ngôn ngữ Nam Ả Rập cổ đại, sinh sống ở khu vực miền Nam bán đảo Ả Rập.

Thủ tướng Iraq từ năm 1958-1963.

Chúc bạn bình an.

Triều đại Hồi giáo thứ ba của người Ả Rập.

John Tẩy Già: nhà tiên tri, người thông báo sự xuất hiện của Chúa Jesus.